

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐẠI TẶNG KINH VIỆT NAM**

**KINH
TRƯỜNG BỘ
TẬP I**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - 2005**

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
THỰC HIỆN

**HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH, CHỈ ĐẠO,
PHIÊN DỊCH VÀ ÁN HÀNH
ĐẠI TẶNG KINH VIỆT NAM**

CHỨNG MINH: *Hoà thượng* THÍCH TRÍ TỊNH

- Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH MINH CHÂU
- Phó Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH THANH TỪ
- Phó Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Phó Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH ĐỒNG MINH
- Phó Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH TRÍ QUẢNG
- Phó Chủ tịch : *Thượng toạ* THÍCH GIÁC TOÀN
(kiêm TB. In ấn)
- Phó Chủ tịch : *Giáo sư* MINH CHI
- Phó Chủ tịch : *Giáo sư* LÊ MẠNH THẮT
(kiêm TB. Thư ký)
- TB. Tài chánh : *Thượng toạ* THÍCH TỪ GIANG
- Phó Thư ký : *Đại đức* THÍCH TÂM ĐỨC
- Phó Thư ký : *Đại đức* THÍCH NHẬT TỪ
- Thủ quỹ : *Sư cô* TN HUỆ HẠNH

Nguyên bản : PĀLI
Việt dịch : Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

LỜI GIỚI THIỆU

Các thập kỷ qua đã hình thành nhiều bản dịch Việt văn về Kinh, Luật, Luận thuộc Nam tạng và Bắc tạng. Đây là các công trình cá nhân và là công trình của vài trường Cao đẳng Phật học. Mãi đến năm 1990, ngót mười năm sau ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất các hệ phái Phật giáo trên ba miền đất nước, Hội đồng Phiên dịch và Ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam mới chính thức được thành lập. Năm 1991, được sự ủng hộ của Ban Tôn giáo Chính phủ và sự chấp thuận của Cục Xuất bản, Hà Nội, Giáo hội khởi đầu ấn hành bộ Trường A-hàm và bộ Trường Bộ Kinh mở đầu Đại Tạng Kinh Việt văn đầu tiên. Phật sự phiên dịch và ấn hành này là Phật sự quan trọng bậc nhất hiện nay của Giáo hội đáp ứng được lòng mong mỏi thiết tha của nhiều thế hệ Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam.

Bộ Kinh Trường Bộ do Hòa thượng Thích Minh Châu, Tiến sĩ Phật học tại Viện Phật học Nalanda, Ấn Độ, hiện là Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật

giáo Việt Nam, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam, dịch. Năm 1991, Hòa thượng thân hành hiệu đính bản dịch trước khi đưa ra ấn hành. Chúng tôi đặt nhiều tin tưởng vào sự trung thành của bản dịch đối với nguyên bản Pàli.

Thay mặt Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Phiên dịch và Ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam, chúng tôi cầu nguyện cho Phật sự phiên dịch và ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam trọng đại này sớm thành tựu viên mãn.

TM. HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH GHPGVN
TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN DỊCH và ẤN HÀNH
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM

Pháp Chủ GHPGVN,
Hòa thượng THÍCH ĐỨC NHUẬN

ĐÁNH LỄ ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÙNG, CHÁNH BIẾN TRI

KINH TRƯỜNG BỘ

KINH PHẠM VÔNG

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ràjagaha (Vương Xá) và Nalandà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya du sĩ ngoại đạo cũng đi trên con đường giữa Ràjagaha và Nalandà cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadata. Suppiya, du sĩ ngoại đạo dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ-kheo.

2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo cũng đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadata. Tại đây, du sĩ ngoại đạo Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn người đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

3. Và khi đêm vừa mới tàn, một số lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng:

— Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay ! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay ! Thế Tôn, đáng Toàn Tri, Toàn Kiến, đáng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu sự xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng. Còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya,

thanh niên Brahmadata lại dùng vô số phương tiện, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

4. Lúc bấy giờ Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăng, liền đến tại gian nhà hình tròn và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các người ngồi họp tại chỗ này ? Vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong ?

Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn ! Tại đây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: “Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay !... (xem số 3)... Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo”. Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến !

5. — Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người

chớ có vì vậy sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các người. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người công phần và phiền muộn, thời các người có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không thể được !

— Nay các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: — “Nhu thể này, điểm này không đúng sự thật; như thể này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi”.

6. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp, hay tán thán Tăng, thời các người không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các người hoan hỷ, vui mừng và thích thú thời

sẽ có hại cho các người. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các người hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: “Như thế này, điểm này đúng sự thật, như thế này, điểm này chính xác, việc này có giữa chúng tôi, việc này đã xảy ra giữa chúng tôi”.

7. Nay các Tỷ-kheo, thật chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phư tán thán Như Lai. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phư tán thán Như Lai ?

8. Sa-môn Gotama từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. — Nay các Tỷ-kheo, đó là lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Sa-môn Gotama từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sự sống thanh tịnh không có trộm cướp. — Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phu.

9. Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phân lại lời hứa đối với đời. — Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phu.

Sa-môn Gotama từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Sa-môn Gotama sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phu.

Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác; những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Nay

các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phu.

Này các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. — Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phu.

10. Sa-môn Gotama không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ; Sa-môn Gotama dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời. Sa-môn Gotama từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch. Sa-môn Gotama từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Sa-môn Gotama từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn. Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận vàng và bạc. Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận các hạt giống. Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận thịt sống. Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận đàn bà, con gái. Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai. Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận cừu và dê. Sa-

môn Gotama từ bỏ không nhận gia cầm và heo. Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai. Sa-môn Gotama từ bỏ không phải người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Sa-môn Gotama từ bỏ không buôn bán. Sa-môn Gotama từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường. Sa-môn Gotama từ bỏ các tà hạnh, như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Sa-môn Gotama từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. — Đây các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phu.

Xong Tiểu giới.

11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối. Như các hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ ngành cây sanh, hạt giống từ đất sanh, hạt giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh. Còn Sa-môn Gotama thì không làm hại hột giống hay cây cối nào. — Đây các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn

sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật. Như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cất chứa các vật trên. — Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

13. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chân chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mĩ võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao lược, diễn binh. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ các loại du hí không chân chánh như trên. — Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền

bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đổ thẻ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. — Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khâm với lâu che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên. — Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

16. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm. Như thoa dầu, đắp bốp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gương, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phát trần, vải trắng có viền tua dài. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

17. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tâm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lê

đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Còn Sa-môn Gotama từ bỏ không nói những câu chuyện vô ích, tầm thường kể trên. — Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: “Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này ? Người đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của người không tương ưng; những điều đáng nói trước người lại nói sau, những điều đáng nói sau người lại nói trước; chủ kiến của người đã bị bài bác; câu nói của người đã bị thách đấu; người đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy; nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí”. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên. — Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

19. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới, như cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: “Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia”. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cho đưa các tin tức và tự đứng làm môi giới. Như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

20. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, lấy lợi câu lợi. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không lừa đảo và siểm nịnh như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

Xong Trung giới.

21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế ruộng, dùng miệng phun hột cải v.v... vào lửa, tế vô lúa, tế tằm,

tế gạo, tế thực tô, tế dầu, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bồ cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngựa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa những tà hạnh kể trên. — Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

22. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống mình bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gương kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng vũ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng dây tó nam, tướng dây tó nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con các kẻ, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. — Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

23. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu

đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước: Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thoái; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. — Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng; sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời, mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo

sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có những kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng, sẽ có kết quả như thế này. Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa, không tự nuôi sống bằng những tà mạng kể trên. — Đây các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

25. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thể tình. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà hạnh kể trên. — Đây các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

26. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng. Như sắp đặt

ngày lành để rước dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm công lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phúc, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà mạng kể trên. — Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phúc cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho

mắt, chữa bệnh đau mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho uống thuốc làm bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà mạng kể trên. — Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, đây là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phu dùng để tán thán Như Lai.

Xong Đại giới.

28. Này các Tỷ-kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấu, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị chỉ những người trí mới nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không thể nhận hiểu bởi luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai

như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến ?

29. Nay các Tỷ-kheo có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, với mười tám luận chấp. Và y chỉ theo gì, căn cứ theo gì, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp ?

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: “Bản ngã và thế giới là thường còn” với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp ?

31. Nay các Tỷ-kheo, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh úc niệm, nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời, nhớ rằng: Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế

này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ, khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói rằng: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy ? Vì rằng tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo đó là lập trường thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những vị Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn.

32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường

trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn ?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh úc niệm, nên tâm nhập định, khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp nhớ rằng: “Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú”.

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận và chấp rằng, bản ngã và thế giới là thường còn.

33. Trường hợp thứ ba, những Sa-môn hay Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và cho rằng bản ngã và thế giới là thường còn ?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh úc niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, năm mươi thành kiếp hoại kiếp; nhớ rằng: “Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này”. Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: “Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy, chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy ? Vì rằng tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm tôi nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp, hoại

kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp”. Nhớ rằng: “Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ này”. Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: “Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú”.

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới thường còn.

34. Trường hợp thứ tư, những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới thường còn ?

Này các Tỷ-kheo, ô đời có Sa-môn hay Bà-la-môn, là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận, và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: “Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường còn”.

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với bốn luận chấp. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: “Bản ngã và thế giới là thường còn”, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai biết như vậy, Ngài lại biết hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chúng được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

37. Những pháp pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

1. Này các Tỷ-kheo, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác, với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác, với bốn luận chấp ?

2. Này các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại

hữu tình phần lớn sanh qua cõi Àbhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đấy, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

3. Đây các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra, nhưng trống không. Lúc bấy giờ, một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy. Vị ấy ở tại đấy, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

4. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: “ Mong sao có các loài hữu tình khác, cũng đến tại chỗ này !” Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia. Những loại hữu tình ở đấy cũng do ý sanh,

nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy, trong một thời gian khá dài.

5. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, vị hữu tình đầu tiên sanh qua nghĩ rằng: “Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhân, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra. Tại sao vậy ? Vì chính do ta khởi niệm : Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này — Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này”. Các loài hữu tình đến sau cũng nghĩ như thế này: “Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhân, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì sao vậy ? Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi. Còn chúng ta thì sanh sau”.

6. Này các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình

sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn và được ít quyền hơn. Nay các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: “Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự Tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ và chịu sự biến dịch”.

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận,

một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

7. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác ?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Khiddàpadosikà (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, các chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể chúng.

8. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ

đến đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy.

9. Vị ấy nói rằng: “Những chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, chúng sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên những chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này”.

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

10. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn,

Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác ?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Manopadosikà (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Chúng sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân chúng mệt mỏi, tâm chúng mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh từ bỏ thân thể này của chúng.

11. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các vị hữu tình kia, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, nhưng không nhớ xa hơn đời sống ấy.

12. Vị ấy nói rằng: “Những vị chư Thiên

không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, chúng sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng không oán ghét nhau. Vì tâm trí chúng không oán ghét nhau, nên thân chúng không mệt mỏi, tâm chúng không mệt mỏi. Những hàng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi”. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này”.

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

13. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần

Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn, hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: “Cái gọi là mắt, là tai, là mũi, là lưỡi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường, không kiên cố, không thường trú, bị chuyển biến. Cái gọi là tâm, là ý, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn, bất biến, thường trú, không bị chuyển biến, thường hằng như vậy mãi mãi”.

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

14. Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương Thường trú

luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

15. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai biết rằng: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tâm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

16. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên, chấp thế giới là Hữu biên Vô biên với bốn luận chấp. Và những

Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp ?

17. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh úc niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên. Vị ấy nói rằng: “Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh. Vì sao vậy ? Vì tôi, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh úc niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó tôi biết rằng thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh”.

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên.

18. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên ?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn,

nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là vô biên. Vị ấy nói: “Thế giới này là vô biên, không có giới hạn”. Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: “Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh”, những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn. Tại sao vậy ? Vì tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là vô biên. Do đó tôi biết: “Thế giới này là vô biên, không có giới hạn”.

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

19. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên ?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm

nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Vị ấy nói: “Thế giới này là hữu biên và vô biên”. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: “Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh, thì những vị ấy nói không đúng sự thật”. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: “Thế giới này là vô biên không có giới hạn thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy ? Vì rằng, tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng, thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Do vậy tôi biết: Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên”.

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

20. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên ?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như sau: “Thế giới này không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: “Thế giới này là hữu biên có giới hạn xung quanh”, những vị ấy nói không đúng sự thật. Lại những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: “Thế giới này là vô biên không có giới hạn” những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Lại những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: “Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên”, những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên.

21. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương Hữu biên Vô biên luận với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

22. Này các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp

thủ như vậy, sẽ đưa đến những côi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

23. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp ?

24. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết “Đây là thiện” không như thật biết “Đây là bất thiện”. Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: “Đây là thiện”, không như thật biết: “Đây là bất thiện” và nếu tôi trả lời: “Đây là thiện” hoặc tôi trả lời: “Đây là bất thiện”, thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể bị sai lầm. Nếu tôi sai lầm thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn sẽ thành một chướng ngại cho tôi — Như vậy, vì sợ sai lầm, vì chán ghét sai lầm, nên vị ấy không trả lời: “Đây là thiện”, cũng không trả lời: “Đây là bất thiện”. Khi hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: “Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế”.

Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

25. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn ?⁽¹⁾

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, không như thật biết “Đây là thiện”, không như thật biết “Đây là bất thiện”. Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: “Đây là thiện”, không như thật biết: “Đây là bất thiện”. Vì tôi không như thật biết: “Đây là thiện”, không như thật biết “Đây là bất thiện”. Và nếu tôi trả lời: “Đây là thiện” hoặc tôi trả lời: “Đây là bất thiện”, thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể chấp thủ. Nếu tôi chấp thủ, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn, thời thành một chướng ngại cho tôi — Như vậy, vì sợ chấp thủ, vì chán ghét chấp thủ, nên vị ấy không trả lời: “Đây là thiện”, cũng không trả lời: “Đây là bất thiện”. Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: “Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là

(1) Hỏi một đường đáp một ngã “trườn uốn như con lươn”.

khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời Ngụy biện trườn uốn như con lươn.

26. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn ?

— Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc trả lời: "Đây là bất thiện", có những Sa-môn, Bà-la-môn, bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của chúng, chúng có thể đo tài, chất vấn và cật nạn tôi.

Nếu chúng đo tài, chất vấn, cật nạn tôi, tôi có thể không giải đáp được cho chúng. Nếu tôi không giải đáp được cho chúng, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thời thành một chương ngại cho tôi — Như vậy, vì sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách, nên vị ấy không trả lời: “Đây là thiện”, cũng không trả lời: “Đây là bất thiện”. Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời nguy biện trườn uốn như con lươn: “Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế”. — Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

27. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương Nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn ?

— Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn dân dộn ngu si. Vị này, vì dân dộn ngu si, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, liền dùng

những lời nguy biến trườn uốn như con lươn: “Anh hỏi tôi có một thế giới khác hay không ?” Nếu tôi nghĩ “Có một thế giới khác”, tôi có thể trả lời với anh: “Có một thế giới khác”. Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: “Không có một thế giới khác phải không ?” Nếu tôi nghĩ: “Không có một thế giới khác”, tôi có thể trả lời với anh: “Không có một thế giới khác”. Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi “Không có một thế giới khác phải không ?” (... như trên...) “Cũng có và cũng không có một thế giới khác ?” “Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác ?”, “Có loại hữu tình hóa sanh ?”, “Không có loại hữu tình hóa sanh ?”, “Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh ?” “Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh ?”, “Có kết quả dị thực của các nghiệp thiện và ác ?”, “Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác ?”, “Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những

ngiệp thiện và ác?”, “Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?”, “Như Lai có tồn tại sau khi chết?”, “Như Lai không có tồn tại sau khi chết?”, “Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?”, “Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?”. Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: “Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết”. Tôi có thể trả lời: “Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết”. Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

28. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Ngụy

biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

29. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh ?

31. Nay các Tỷ-kheo, có những chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình. Nay các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: “Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy ? Vì rằng tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình”.

Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-

la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

32. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh ?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà biện luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị ấy tuyên bố: “Bản ngã và thế giới vô nhân sanh”.

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

33. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, chúng sẽ chấp cả hai luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

34. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

35. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, để xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên. Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ

tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, để xướng nhiều ý kiến sai khác, chúng sẽ chấp cả mười tám luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến côi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

37. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương

lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Và những vị Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp ?

38. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, với mười sáu luận chấp ?

Những vị này chủ trương: “Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tướng”. Chúng chủ trương: “Bản ngã có sắc và cũng không có sắc...”, “Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc...”, “Bản ngã là hữu biên...”, “Bản ngã là vô biên...”, “Bản ngã là hữu biên và vô biên...”, “Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên...”, “Bản ngã là nhất tướng...”, “Bản ngã là dị tướng...”. “Bản ngã là thiếu tướng...”, “Bản ngã là vô lượng tướng...”, “Bản ngã là thuận lạc...”, “Bản ngã là thuận khổ...”, “Bản ngã là khổ lạc”. Chúng

chủ trương: “Bản ngã là không khổ không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tướng”.

39. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chúng sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

40. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến côi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở chi ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những

pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ HAI

1. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp ?

2. Những vị này chủ trương: “Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tướng”, “Bản ngã không có sắc...”, “Bản ngã có sắc và cũng không có sắc...”, “Bản ngã không có sắc và cũng không không có sắc...”, “Là hữu biên...”, “Là vô biên...”, “Là hữu biên và vô biên...”. Các vị này chấp bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tướng.

3. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận

chấp. — Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

4. Nay các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những côi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tâm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

5. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng với tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng với tám luận chấp ?

6. Những vị này chấp: “Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng...”, “Bản ngã là vô sắc...”, “Bản ngã có sắc và cũng không có sắc...”, “Bản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc...”, “Bản ngã là hữu biên...”, “Bản ngã là vô biên...”, “Bản ngã là hữu biên và vô biên...”.

7. Những vị này chấp rằng: Bản ngã là phi hữu biên và cũng phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng, với tám luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, chủ trương phi hữu tướng phi vô tướng, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

8. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

9. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp ?

10. Nay các Tỷ-kheo, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý kiến: “Vì bản ngã này có sắc, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diệt”. Như vậy một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu thất và sự hủy hoại của loài hữu tình.

11. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt”. Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

12. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay

chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt”. Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

13. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tướng, diệt trừ các tướng chống đối, không ức niệm các dị tướng, nhận hiểu hư không là vô biên — Đạt đến không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt”. Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

14. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác

vượt ngoài tất cả không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên — Đạt đến Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt”. Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

15. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ, nhận hiểu: không có sở hữu — Đạt đến Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt”. Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

16. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác

vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiểu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu — Đạt đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt”. Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

17. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình, chúng chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

18. Nay các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm

được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết: và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

19. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp ?

20. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: “Khi nào bản ngã này tận hưởng, sung mãn năm món dục lạc, như thể bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết-bàn của loài hữu tình”.

21. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niết-bàn. Vì có sao ? Vì rằng tính của dục lạc và vô thường, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa, nên ưu, bi, khổ, muộn, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp, đạt đến và an trú vào đệ nhất thiên; thiên định này có tâm, có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn”. Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

22. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì có sao ? Vì ở đây thiên định ấy có tâm, có tứ nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy có tâm và tứ, đạt đến và an trú đệ nhị thiên. Thiên định này nội tâm yên tĩnh, trí chuyên nhất cảnh, không tâm, không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn”. Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

23. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì có sao ? Vì ở đây tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ, trú xả, chánh niệm, chánh trí, thân hưởng lạc mà các bậc thánh gọi là Hỷ niệm lạc trú — đạt đến và an trú đệ tam thiên”. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

24. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì có sao ? Vì ở đây tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc và xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an trú vào đệ tứ thiên. Thiên này không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn”. Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

25. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình, những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên, ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa.

26. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ. Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri,

giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

27. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Chúng sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

28. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những côi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

29. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

30. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những côi thú như vậy, sẽ tác thành những định mệnh như vậy”. Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

31. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

32. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

33. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

34. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

35. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện truân uồn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

36. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

37. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến

về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, để xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

38. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

39. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

40. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô

tương sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

41. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

42. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

43. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương

ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

44. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, để xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

45. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

46. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn

luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

47. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

48. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi là do sự xúc chạm (của các căn).

49. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

50. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, để xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

51. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

52. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

53. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

54. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn biệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

55. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với

năm luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

56. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

57. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

58. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

59. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn

luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

60. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

61. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

62. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

63. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

64. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

65. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

66. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

67. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

68. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp

trước hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

69. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, để xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

70. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, để xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

71. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân

luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai; những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, để xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Tất cả những vị này có những cảm thọ (những chủ trương trên) do sự xúc chạm qua sáu xúc xú. Do duyên với những cảm thọ mà tham ái phát khởi; do duyên tham ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi, do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Nay các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu chỗ xuất xú, vị ấy sẽ có một sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên.

72. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-

môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, để xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

Này các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành nghề hay người học đánh cá vung lưới trên mặt hồ nước nhỏ có mắt sít sao. Người ấy nghĩ: “Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây”. Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, để xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này; dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

73. Này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, những cái khiến đưa đến đời sống khác đã

bị chấm dứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người còn có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.

Này các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm, xoài bị chặt đứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến một đời sống khác đã bị chặt đứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.

74. Khi nghe nói vậy, đại đức Ânanda bạch đức Thế Tôn:

— Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn ! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn ! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn ?

— Này Ânanda, pháp môn này gọi là “Lợi Vong”, hãy như vậy mà phụng trì; gọi là “Pháp Vong”, hãy như vậy mà phụng trì; gọi là “Phạm Vong”, hãy như vậy mà phụng trì; gọi là “Kiếm Vong”, hãy như vậy mà phụng trì; gọi là “Vô thượng Chiến thắng”, hãy như vậy mà phụng trì;

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được truyền thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.

KINH SA MÔN QUẢ

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá) nơi vườn xoài của Jīvaka (Kỳ-bà) Komàrabhacca, cùng với đại chúng Tỷ-kheo một nghìn hai trăm năm mươi vị. Lúc bấy giờ Ajàtasattu (A-xà-thế) con bà Videhi (Vi-đề-hi) vua xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) nhân lễ Bố-tát vào ngày rằm tháng tư Komudi (cây sừng) đang ngồi trên lầu cao trang nghiêm, chung quanh có nhiều đại thần hầu hạ. Lúc bấy giờ Ajàtasattu con bà Videhi, vua xứ Magadha, nhân ngày Bố-tát cảm hứng nói rằng: “Thật khâm ái thay, này các khanh, đêm rằm sáng trắng ! Thật diễm lệ thay, này các khanh, đêm rằm sáng trắng ! Thật mỹ miều thay, này các

khanh, đêm rằm sáng trăng ! Thật êm dịu thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng ! Thật diêm lành thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng ! Nay chúng ta nên đến chiêm bái vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, nhờ sự chiêm bái này tâm chúng ta được tịnh tín ?”. Khi nghe nói vậy, một đại thân tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Pùrana Kassapa (Phú-la-ca-diếp) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dôi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Pùrana Kassapa này. Chiêm bái Pùrana Kassapa có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín”. Khi nghe nói vậy Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

3. Lại một đại thân khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Makkhali Gosala (Mặt-già-lê Cù-xá-lợi) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dôi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương chiêm bái Makkhali Gosala này.

Chiêm bái vị Makkhali Gosala có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín”. Khi nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

4. Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Ajita Kesakambali (A-kỳ-đa Kỳ-xá-khâm-bà-la) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dôi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Ajita Kesakambali này. Chiêm bái Ajita Kesakambali có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín”. Khi nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

5. Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Pakudha Kaccàyana (Bà-phù-đa Ca-chiên-nê) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dôi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Pakudha

Kaccâyana này. Chiêm bái Pakudha Kaccayana này có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín”. Khi nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

6. Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Sanjaya Belathiputta (Tán-nhã-di Tỳ-la-phê-phát) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dõ dáo kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Sanjaya Belathiputta này. Chiêm bái Sanjaya Belathiputta này có thể khiến tâm Đại vương tịnh tín”. Khi nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

7. Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Nigantha Nàtaputta (Ni-kiêu-tử) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dõ dáo kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Nigantha Nàtaputta này.

Chiêm bái Nigantha Nàtaputta có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín”. Khi nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

8. Lúc bấy giờ Jivaka Komàrabhacca ngồi yên lặng cách Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha không xa bao nhiêu. Khi ấy Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, nói với Jivaka Komàrabhacca:

— Này khanh Jivaka, sao ngươi lại yên lặng như vậy ?

— Tâu Đại vương, chính tại vườn xoài này của chúng con, có Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang trú ngụ với đại chúng Tỷ-kheo một nghìn hai trăm năm mươi vị. Thế Tôn Gotama có tiếng đồn tốt đẹp sau đây lan rộng: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Đại vương hãy đến chiêm bái Thế Tôn này. Rất có thể, nhờ chiêm bái Thế Tôn, tâm của Đại vương được tịnh tín.

— Vậy khanh Jivaka, hãy cho thắng kiệu voi.

— Vâng, tâu Đại vương.

9. Jivaka Komàrabhacca vâng theo lời dạy của Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, sai người thắt năm trăm con voi cái, và con vương tượng vua thường cỡi, rồi tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, các kiểu voi đã sẵn sàng. Ngài hãy làm những gì Ngài xem là phải thời”. Khi bấy giờ Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha biểu các cung phi leo lên năm trăm con voi cái mỗi người một con, còn mình thì leo lên vương tượng vua thường cỡi, xuất hành ra khỏi Ràjagaha, dưới ánh sáng của các ngọn đuốc được cắm cao, với oai nghi của bậc đại vương, thẳng tiến đến vườn xoài của Jivaka Komàrabhacca.

10. Khi Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha đi đến không xa vườn xoài, ngài bỗng sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên. Lúc bấy giờ Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên, nói với Jivaka Komàrabhacca:

— Này khanh Jivaka, người phân ta chăng ? Này khanh Jivaka, người lường gạt ta chăng ? Này khanh Jivaka, người nạp ta cho kẻ thù chăng ? Tại sao trong một đại chúng lớn như thế này gần một

nghìn hai trăm năm mươi vị, mà không có một tiếng đảnh hăng, không có một tiếng ho, không một tiếng ôn ?

— Tâu Đại vương, thần không phản lại Ngài, thần không lường gạt Ngài; tâu Đại vương, thần không nạp Ngài cho kẻ thù; tâu Đại vương, hãy đi thẳng tới; tâu Đại vương hãy đi thẳng tới. Tại chỗ kia trong căn nhà tròn chỗ có những ngọn đèn đang thấp sáng.

11. Lúc bấy giờ, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha đi cho đến chỗ voi có thể đi được, rồi xuống voi đi đến cửa căn nhà tròn. Khi đến nơi, liền nói với Jivaka Komàrabhacca:

— Này khanh Jivaka, Thế Tôn ở tại đâu ?

— Tâu Đại vương, vị ấy là Thế Tôn. Tâu Đại vương, Thế Tôn ngồi dựa vào cột chính giữa, mặt hướng phía Nam, ngồi trước mặt chúng Tỷ-kheo.

12. Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha liền tiến đến chỗ Thế Tôn. Khi đến rồi, vua đứng một bên. Sau đi đứng một bên, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha nhìn khắp chúng Tỷ-kheo đang yên lặng an tịnh như một hồ nước trong, cảm hứng nói rằng: “Mong

hoàng tử Udàibhadda (Ưu-đà-di-bạt-đà) cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của các vị Tỷ-kheo này vậy”.

— Đại vương, hình như tâm trí của Đại vương nặng nhiều về tình thương thì phải ?

— Bạch Thế Tôn, con thương hoàng tử Udàibhadda rất nhiều. Mong rằng hoàng tử Udàibhadda cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của chúng Tỷ-kheo này vậy.

13. Lúc bấy giờ Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đánh lễ Thế Tôn, chấp tay vái chào chúng Tỷ-kheo, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề này, nếu Ngài cho phép con hỏi.

— Đại vương cứ hỏi tùy theo ý muốn của Đại vương.

14. — Cũng như các công nghệ chức nghiệp này, như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, quân thuật sư, quân kỳ binh, nguyên súy, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, đồng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân,

hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chúc nghiệp khác, chúng hưởng được kết quả thiết thực hiện tại công nghiệp chúc nghiệp của chúng. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho vợ con được sống an lạc hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Đại đức, Ngài có thể chỉ cho rõ ràng kết quả thiết thực, hiện tại của hạnh Sa-môn chăng ?

15. — Nay Đại vương, Đại vương có nhớ đã hỏi câu hỏi ấy với các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác chăng ?

— Bạch Ngài, con nhớ đã hỏi câu hỏi ấy với Sa-môn, Bà-la-môn khác.

— Nay Đại vương, hãy nói lại cho nghe, các vị ấy đã trả lời với Đại vương như thế nào, nếu Đại vương không thấy gì trở ngại.

— Bạch Đại đức, con không thấy gì trở ngại đối với đức Thế Tôn và các bậc như đức Thế Tôn.

— Vậy Đại vương hãy nói đi.

16. Bạch Đại đức, một thời con đến Pùrana Kassapa, khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pùrana Kassapa và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Pùrana Kassapa: “Ngài Kassapa, cũng như các công nghệ, chức nghiệp này, như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên súy, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, đông sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hót tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, chúng hường được kết quả thiết thực, hiện tại công nghệ chức nghiệp của chúng. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường

này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng ?”

17. Bạch Đại đức, khi nghe nói vậy, Pùrana Kassapa đã nói với con: “Này Đại vương, tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng chặt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo”. Bạch Đại đức, khi

được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn, Pùrana Kassapa đã trả lời với thuyết vô nghiệp. Bạch Đại đức, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn, Pùrana Kassapa đã trả lời với thuyết vô nghiệp. bạch Đại đức, con nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng ?” Vì vậy, bạch Đại đức, con không tán thán, cũng không cất nạn lời nói của Pùrana Kassapa. Không tán thán, không cất nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng như không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

19. Bạch Đại đức, một thời con đến Makkhali Gosàla (Mạt-già-lê Cù-xá-lợi). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào chúc tụng thân hữu và xã giao với Makkhali Gosàla và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Makkhali Gosàla: “Ngài Gosàla, cũng như các công kỹ nghệ chúc nghiệp như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng ?”

20. Bạch Đại đức, khi nghe nói vậy, Makkhali Gosàla đã nói với con: “Này Đại vương, không có nhơn, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhơn, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhơn, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhơn, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có tự tác, không có tha tác, không có nhơn tác, không có lực, không có tinh tấn, không có nhơn lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả sanh vật, tất cả sinh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Chúng bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của chúng, bởi cá tánh của chúng. Chúng hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu loại thác sanh của chúng. Có tất cả là một triệu bốn trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thể sáu ngàn và có thêm sáu trăm nữa. Có năm trăm loại nghiệp và có năm nghiệp (theo năm căn), lại có ba nghiệp (về thân, khẩu, ý) lại có toàn nghiệp (thân và khẩu) và bán nghiệp (ý), có sáu mươi hai đạo, sáu mươi hai trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa; bốn ngàn chín trăm sanh nghiệp, bốn ngàn chín trăm kẻ du hành, bốn ngàn chín trăm chỗ ở của loài Nàga, hai nghìn căn, ba nghìn cảnh địa ngục, ba mươi sáu trần giới, bảy

tướng thai, bảy vô tướng thai, bảy tiết thai (sinh từ đốt), bảy loài thiên, bảy loài người, bảy loài quý, bảy hồ nước, bảy pavutas (rừng hay hồ nhỏ) bảy trăm pavutas, bảy vực thăm, bảy trăm papàtas (vực thăm), bảy mộng, bảy trăm mộng, có tám trăm bốn mươi vạn đại kiếp, trong thời gian ấy kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thực, hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thực bởi những nhần thọ liên tục, không thể đo lường khổ và lạc với những vật đo lường, trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn. Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau”.

21. Bạch Đại đức, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosàla đã trả lời với thuyết luân hồi tịnh hóa. Bạch Đại đức, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả

thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosàla đã trả lời với thuyết luân hồi tịnh hóa. Bạch Đại đức, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con, lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng ?” Vì vậy, bạch Đại đức, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Makkhali Gosàla; không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

22. Bạch Đại đức, một thời con đến Ajita Kesakambàli (A-kỳ-đa Xí-xá-khâm-bà-la) khi đến nơi con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Ajita Kesakambàli, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Ajita Kesakambàli: “Ngài Ajita Kesakambàli, cũng như các công nghệ chúc nghiệp như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể chỉ cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng ?”

23. Bạch Đại đức, khi được nói vậy, Ajita Kesakambàli đã nói với con: “Này Đại vương, không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ,

không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới, thủy đại trở về trả lại cho thủy giới, hỏa đại trở về trả lại cho hỏa giới, phong đại trở về trả lại cho phong giới, các căn nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi đến chỗ hỏa táng, thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cứng dường trở thành tro bụi, chỉ có người ngu mới tán dương sự bố thí, lời nói của chúng trống không, giả dối, khi chúng chấp thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người hiền, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết”.

24. Bạch Đại đức, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Ajita Kesakambali đã trả lời với thuyết đoạn diệt. Bạch Đại đức, cũng như hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài, hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít. Cũng vậy, bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Ajita Kesakambali

đã trả lời với thuyết đoạn diệt. Bạch Đại đức, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng”. Vì vậy bạch Đại đức, con không tán thán, cũng không cất nạn lời nói của Ajita Kesakambali. Không tán thán, không cất nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

25. Bạch Đại đức, một thời con đến Pakudha Kaccàyana (Bà-phù-đa Ca-chiên-diên). Khi đến nơi con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pakudha Kaccàyana và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Pakudha Kaccàyana: “Ngài Pakudha Kaccàyana, cũng như các công nghệ chúc nghiệp, như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng ?”.

26. Bạch Đại đức, khi được nói vậy, Pakudha Kaccàyana nói với con: “Này Đại vương, có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất

động không chuyển biến, không xâm lăng nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau hoặc cả khổ và lạc. Bảy thân ấy là gì ? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động không chuyển biến, không xâm lăng, chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Ở đây không có người giết hại, hoặc có người bị giết hại, người nghe hoặc người nói, người biết hoặc người khiến cho biết. Khi một ai dùng lưới kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưới kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi”.

27. Bạch Đại đức, khi được con hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Pakudha Kaccâyana đã trả lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Đại đức, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Pakudha Kaccâyana đã trả lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Đại đức, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể làm

một vị Sa-môn, hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng”. Vì vậy, bạch Đại đức, con không tán thán, cũng không cất nạn lời nói của Pakudha Kaccàyana. Không tán thán, không cất nạn, dầu không mãn nguyện, cũng không thoát ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi và đứng dậy ra về.

28. Bạch Đại đức, một thời con đến Nigantha Nàtaputta (Ni-kiên-tử). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Nigantha Nàtaputta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Nigantha Nàtaputta: “Ngài Aggivessana, các công nghệ chúc nghiệp như điều tượng sư, ... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn ?”.

29. Bạch Đại đức, khi được hỏi vậy, Nigantha Nàtaputta nói với con: “Này Đại vương, một người Nigantha (Ni-kiên-tử) sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Này Đại vương, thế nào là một người Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới ? Này Đại vương, một Nigantha sống gìn giữ đối với tất cả loại nước, gìn giữ đối với mọi ác pháp, sống tẩy sạch tất cả ác pháp và sống với ý chí gìn giữ đối

với tất cả ác pháp. Nay Đại vương, như vậy một Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Nay Đại vương, vì một Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới, nên vị ấy được gọi là Gatatto (một vị đã đi đến đích), Yatatto (một vị đã điều phục tự tâm) và Thitatto (một vị đã an trú được tự tâm)".

30. Bạch Đại đức, khi được con hỏi đến kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigantha Nàtaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Bạch Đại đức, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigantha Nàtaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn cấm giới. Bạch Đại đức, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng". Vì vậy, bạch Đại đức, con không tán thán, cũng không cất nạn lời nói của Nigantha Nàtaputta. Không tán thán không cất nạn, dù không mãn nguyện, cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

31. Bạch Đại đức, một hôm con đến Sanjaya Belatthiputta (Tán-nhã-di Tỳ-la-lê-phất). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào chúc tụng thân hữu và xã giao với Sanjaya Belatthiputta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Sanjaya Belatthiputta: “Ngài Sanjaya, các công nghệ chúc nghiệp như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng ?”

32. Bạch Đại đức, khi được nói vậy, Sanjaya Belatthiputta đã trả lời với con: “Nếu anh hỏi: «Có một thế giới khác hay không ?» Nếu tôi nghĩ: «Có một thế giới khác», tôi có thể trả lời với anh: «Có một thế giới khác». Nhưng tôi không nói là như vậy, tôi không nói là như kia, tôi không nói là khác như thế, tôi không nói là không phải thế, tôi không nói là không không phải thế. Nếu anh hỏi tôi: «Không có một thế giới khác phải không ?...» (như trên)... (trang 27, đoạn 27)... Cũng có và cũng không có một thế giới khác... Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác... Có loài hữu tình hóa sanh... Không có loài hữu tình hóa sanh... Cũng có và cũng không có loài hữu tình hóa sanh... Cũng không có và cũng không không có loài hữu tình hóa sanh... Có kết quả dị thực của những

ngiệp thiện và ác... Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện ác... Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện ác... Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của các nghiệp thiện ác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có và không không có tồn tại sau khi chết. Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết. Tôi có thể trả lời: Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết. Nhưng tôi không nói là như vậy, tôi không nói là như kia, tôi không nói là khác như thế, tôi không nói là không phải thế, tôi không nói là không không phải thế”.

33. Bạch Đại đức, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Sanjaya Belatthiputta đã trả lời với Ngụy biện luận. Bạch Đại đức, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Sanjaya Belatthiputta đã trả lời với Ngụy biện luận. Bạch Đại đức, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con, lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở

trong nước con không được vui lòng”. Vì vậy, bạch Đại đức, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Sanjaya Belatthiputta. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện, cũng không thốt ra lời bất mãn. Không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

34. Vậy nên bạch Đại đức, con cũng hỏi Thế Tôn. bạch Đại đức, cũng như các công nghệ chúc nghiệp. Như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hòa đầu quân, thợ hót tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thùng rỗng, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản, các công nghệ chúc nghiệp khác. Chúng hưởng được kết quả thiết thực hiện tại công nghệ chúc nghiệp của chúng. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác

sanh lên cõi trời. Bạch Đại đức, Đại đức có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chẳng ?

— Đại vương có thể được. Này Đại vương, ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này. Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương.

35. Đại vương nghĩ sao ? Nếu Đại vương có một người nô bộc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của Đại vương). Người ấy nghĩ: “Thật hy hữu thay ! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thực của các công đức. Đức vua Ajàtasattu, con của bà Videhi của nước Màgadha, là người, tôi đây là người. Vị vua Ajàtasattu con bà Videhi, của nước Màgadha, sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thân, còn tôi là người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của vua). Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia, ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình xuất gia tu đạo”. Và người nô lệ ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ

gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, sống chế ngự lời nói, sống chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh. Nếu những người của Đại vương đến tâu với Đại vương: “Đại vương có biết chăng ? Có người nô bộc của Đại vương, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của Đại vương). Tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống trong an tịnh”. Nay Đại vương, Đại vương có nói như vậy chăng ? “Người ấy hãy lại với ta, hãy làm lại người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái chú ý từng nét mặt”.

36. Bạch Đại đức, không như vậy. Trái lại chúng con kính lễ người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng cụ như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa,

thuốc men trị bệnh và chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

— Này Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu quả như vậy, thì đó có phải chăng là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn ?

— Bạch Đại đức, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn.

— Này Đại vương đó là kết quả thiết thực hiện tại thứ nhất của hạnh Sa-môn mà Ta đã trình bày.

37. Bạch Đại đức, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác hơn nữa của hạnh Sa-môn ?

— Này Đại vương, có thể được. Này Đại vương. Ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này. Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương. Đại vương nghĩ sao ? Nếu Đại vương có một người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ. Người ấy nghĩ: “Thật hy hữu thay ! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả vị thực của các công đức. Vị vua Ajātasattu, con của bà Videhi, nước Magadha, là người, tôi cũng là người. Vị vua Ajātasattu, con bà Videhi nước

Magadha, sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thần. Còn tôi là người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ. Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo". Và người nông phu ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh. Nếu những người của Đại vương đến tâu với Đại vương: "Đại vương có biết chăng ? Có người nông phu của Đại vương, người gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ. Tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh". Nay Đại vương, Đại vương có nói: "Người hãy đến lại với ta, hãy làm lại người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ" ?

38. — Bạch Đại đức, không như vậy. Trái lại chúng con kính nể người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng cụ như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh. Và chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

— Nay Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu quả như vậy thời đó có phải là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng ?

— Bạch Đại đức, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn.

— Nay Đại vương, đó là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, mà Ta trình bày.

39. — Bạch Đại đức, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác nữa của hạnh Sa-môn, vi diệu hơn, thù thắng hơn những kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn vừa kể trên ?

— Nay Đại vương có thể được. Nay Đại vương, hãy lắng tai nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

— Vâng, Đại đức. Vua Ajātasattu con bà Videhi vua xứ Magadha trả lời Thế Tôn. Thế Tôn nói:

40. — Nay Đại vương, nay ở đời, Như Lai xuất

hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi riêng tự chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với thiên giới, ma giới, phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhơn, lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

41. Người gia trưởng, hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: “Đời sống gia đình đầy những triển phục, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình”. Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

42. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh. Sanh hoạt trong sạch giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác, và biết tri túc.

43. Đại Vương ! Thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc ? Ở đây, này Đại vương, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp, như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

44. Tỷ-kheo từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, ý chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại đối với đời. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi,

nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Tỷ-kheo ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

45. Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn

ban đêm. Từ bỏ ăn phi thời. Từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch. Từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Từ bỏ dùng giường cao và giường lớn. Từ bỏ nhận vàng và bạc. Từ bỏ nhận các hạt sống. Từ bỏ nhận thịt sống. Từ bỏ nhận đàn bà con gái. Từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai. Từ bỏ nhận cừu và dê. Từ bỏ nhận gia cầm và heo. Từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai. Từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Từ bỏ buôn bán. Từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường. Từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Từ bỏ làm thương tổn, sát hại câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

46. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ nhánh cây sanh, hạt giống từ đốt cây sanh, hạt giống từ chiết cây sanh, và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh. Còn vị ấy thì không làm hại hạt giống hay cây cỏ nào. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

47. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu

đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị. Còn vị ấy thì từ bỏ cất chứa các vật trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

48. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chon chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tượng thần tiên, mai võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao lược, diễn binh. Còn vị ấy thì từ bỏ các loại du hí không chon chánh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

49. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí. Như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thê rồi chụp nhưng không cho

súp đồng thẻ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả, nhây lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiết trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. Còn vị ấy thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

50. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế trường kỷ, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm khăn lớn có thể chứa mười sáu người múa, mền voi, mền ngựa, mền xe, mền bằng da sơn dương khâu lại với nhau, mền bằng da con sơn dương khâu lại gọi là Kadali, tấm thảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ. Còn vị ấy thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

51. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt và sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gương, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phất trần, vải trắng có viền tua dài. Còn vị ấy thì không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

52. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống nói những câu chuyện vô ích tầm thường như câu chuyện nói về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thân, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lê

đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tâm thường kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

53. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp như nói: “Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này ? Người đã phạm vào tà kiến, tôi nói mới thật đúng chánh kiến. Lời tôi nói mới tương ứng, lời nói của người không tương ứng. Những điều đáng nói trước, người lại nói sau. Những điều đáng nói sau, người lại nói trước. Chủ kiến của người đã bị bài bác, câu nói của người đã bị thách đấu. Người đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy. Nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bị”. Còn vị ấy thì từ bỏ những cuộc biện luận, tranh chấp kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

54. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn

sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới như cho các vua, các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ cho các thanh niên và nói rằng: “Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia, mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia”. Còn vị ấy thì từ bỏ đưa các tin tức và tự đứng làm môi giới. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

55. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, câu lợi. Còn vị ấy thì từ bỏ nói lời lừa đảo và siểm nịnh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

56. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế ruộng, dùng miệng phun hạt cải v.v... vào lửa, tế vô lúa, tế tấm, tế gạo, tế thực đồ, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa câu thần ban phước, khoa câu quỷ ma, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa

thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngựa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. Còn vị ấy thì tránh xa những tà hạnh kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

57. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gương kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng vũ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. Còn vị ấy thì tránh xa những tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

58. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như đoán trước: “Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lùi quân, vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái, vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua

bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự bại trận cho phe bên kia”. Còn vị ấy thì từ bỏ những tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

59. Trong khi có một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như đoán trước: “Sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực, mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động, sẽ có sấm trời, mặt trăng mặt trời các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời các sao mọc lặn sáng

mở sẽ có kết quả như thế này”. Còn vị ấy thì tránh xa không tự nuôi sống bằng tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

60. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng tà mạng, như đoán trước: “Sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ bị hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình”. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

61. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể về nhà, sắp đặt ngày lành để đưa dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cồng lười, dùng

bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phúc, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

62. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phúc cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xổ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc, mổ xẻ chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

63. Và như vậy, Đại vương, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Đại vương, như một vị Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật, nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không vấn đục. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

64. Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn ? Này Đại vương, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thiết hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết hành sự hộ trì ý căn.

Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ nội tâm, không vẩn đục. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo hộ trì các căn.

65. Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác ? Đại vương, ở đây, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác.

66. Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo biết đủ ? Ở đây Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát). Đại vương, cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Đại vương, vị Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo biết đủ.

67. Vị ấy, với giới uẩn cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác

cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đóng rom. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

68. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm, thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm và thụy miên; với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm, thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

69. Nay Đại vương, như một người mắc nợ, liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp.

Những nghề này được phát đạt, ta không những trả được những nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

70. Đây Đại vương, như một người bị bệnh, đau đớn, trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

71. Đây Đại vương, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy sau một thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

72. Đây Đại vương, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người được giải thoát, được tự do

đi lại. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Nay ta thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người được giải thoát, được tự do đi lại”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

73. Nay Đại vương, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian đã đi khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

74. Như vậy, nay Đại vương, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc. Nay Đại vương, cũng như không mắc nợ, như không bị bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, nay Đại vương, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng.

75. Khi quán tự thân đã xả ly năm triển cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, thấm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

76. Đây Đại vương, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, trào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, đây Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, thấm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân hình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

77. Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo ấy diệt tâm và tứ, chứng và trú thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tắm ướt làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

78. Này Đại vương, ví như một hồ nước, nước tự trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân, không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

79. Lại nữa, này Đại vương Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “Xả niệm lạc trú”, chúng và an trú thiền thứ ba. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân, không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

80. Này Đại vương, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tắm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này Đại vương Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

81. Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo, xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú vào thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

82. Này Đại vương, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu, thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

83. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vì ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường,

biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.

84. Nay Đại vương, ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và một sợi giây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi giây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cảm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy: Hòn lưu ly bảo châu này, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và sợi giây này được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi giây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy. Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt. Trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực, hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu và thù thắng

hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Samôn trước.

85. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

86. Nay Đại vương, ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ. Người ấy nghĩ: Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra. Nay Đại vương, ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Nay Đại vương, ví như một người lột xác một con rắn. Người ấy nghĩ: Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra. Cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến sự hiện hóa một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành,

đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

87. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thân như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

88. Này Đại vương, ví như một người thợ gốm khéo tay, hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyến, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Này Đại vương, ví như một người thợ ngà khéo tay, hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo dũa có thể làm các loại đồ ngà tùy theo

sở thích. Nay Đại vương, ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn có thể làm cho các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm hướng tâm đến các thân thông. Vị ấy chứng được các thân thông một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trôi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và sờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Nay Đại vương đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

89. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với thiên

nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần.

90. Nay Đại vương, ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xòa và tiếng kiểng. Người ấy nghĩ: “Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xòa, tiếng kiểng”. Cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

91. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

Tâm có tham, biết là tâm có tham. Tâm không có tham, biết là tâm không có tham.

Tâm có sân, biết là tâm có sân. Tâm không có sân, biết là tâm không có sân.

Tâm có si, biết là tâm có si. Tâm không có si, biết là tâm không có si.

Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn.

Đại hành tâm, biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm, biết không phải là đại hành tâm.

Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng.

Tâm thiên định, biết là tâm thiên định. Tâm không thiên định, biết là tâm không thiên định.

Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát.

92. Nay Đại vương, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không

có tỳ vết. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

Tâm có tham, biết tâm có tham. Tâm không có tham, biết tâm không có tham.

Tâm có sân biết tâm có sân. Tâm không có sân, biết tâm không có sân.

Tâm có si, biết tâm có si. Tâm không có si, biết tâm không có si.

Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn.

Đại hành tâm, biết là đại hành tâm; không phải là đại hành tâm, biết không phải là đại hành tâm.

Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng.

Tâm thiên định, biết là tâm thiên định. Tâm không thiên định, biết là tâm không thiên định.

Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát.

93. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thân như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây”. Như vậy Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

94. Nay Đại vương, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của

mình. Người ấy nghĩ: “Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta”. Như vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ: “Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra chỗ nọ; tại đây, ta có tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây”. Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

— Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện

tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu, thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

95. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thân như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí huệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng: “Này các Hiền giả, những Tôn giả này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh,

người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

96. — Nay Đại vương, ví như một tòa lầu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: “Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng”. Cũng vậy, nay Đại vương với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh.

Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng: Nay các Hiền giả, những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này sau khi thân hoại mạng chung,

phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nay các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng. Nay Đại vương, đó là quả thiết thực, hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

97. “Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật “đây là khổ”, biết như thật “đây là nguyên nhân của khổ”, biết như thật “đây là khổ diệt”, biết như thật “đây là con đường đưa đến khổ diệt”, biết như thật “đây là những lậu hoặc”, biết như thật “đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật “đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật “đây là

con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc”. Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: Ta đã giải thoát. Vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

98. — Nay Đại vương, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt, đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: “Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ”. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thân như vậy. Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: “đây là khổ”, biết như thật “đây là nguyên nhân của khổ”, biết như thật “đây là khổ diệt”, biết như thật “đây là con đường đưa đến khổ diệt”, biết như thật “đây là những lậu hoặc”, biết như thật “đây là nguyên

nhân của lậu hoặc”, biết như thật “đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật “đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc”. Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. Này Đại vương, không có một quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn nào vi diệu và thù thắng hơn quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn này.

99. Được nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha bạch Thế Tôn: “Thật là vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thế

Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Bạch Thế Tôn, con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã hại mạng phụ vương con, một vị vua chơn chánh, để đạt vương quyền. Mong Thế Tôn nhận cho con tội ấy là một tội để con ngăn chặn về tương lai”.

100. Đại vương, thật là một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, Đại vương đã hại mạng phụ vương, một vị vua chơn chánh, để đoạt vương quyền. Vì Đại vương đã thấy tội ấy là một tội, đã thú tội đúng với Chánh pháp, Ta nhận tội ấy cho Đại vương. Đó là một sự tiến bộ, này Đại vương, trong luật pháp của bậc Thánh, những ai thấy tội là tội, thú tội đúng với Chánh pháp, và ngăn chặn ở tương lai.

101. Được nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha bạch Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải cáo từ, chúng con có nhiều bốn phận, nhiều việc phải làm”.

Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ ra là phải thời.

Lúc bấy giờ, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua

nước Magadha hoan hỷ tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

102. Lúc bấy giờ, Khi Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha đi chưa bao lâu, Thế Tôn liền bảo các Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, tâm vua ấy rất ăn năn, này các Tỷ-kheo, tâm vua ấy rất hối lỗi. Nếu vua ấy không hại mạng vua cha, một vị vua rất chân chánh, thì tại ngay chỗ ngồi này, vua ấy đã chứng được pháp nhãn, không trần cấu, không ô uế.

Thế Tôn thuyết pháp như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

KINH AMBATTHA

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn đang du hành tại nước Kosala (Câu-tát-la), cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đến tại một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Icchànakala. Tại đây, Thế Tôn ở tại Icchànakala trong khu rừng tên là Icchànakala.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi ở tại Ukkattha, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, ngũ cốc phong phú, vốn là đất đai của vua, sau vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) cấp cho để hưởng một phần lợi tức.

2. Bà-la-môn Pokkharasàdi nghe đồn: Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay đang du hành tại nước Kosala, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến Icchānankala, ở tại Icchānankala trong khu rừng tên là Icchānankala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: “Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý”.

3. Lúc bấy giờ, thanh niên Ambattha là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasàdi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Vệ-dà với tự vựng, lễ nghi, giữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Vị này độc đáo

về ba mình và được công nhận như vậy khiến các thân giáo sư phải nói: “Điều gì ta biết, người cũng biết; điều gì người biết, ta cũng biết”.

4. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với thanh niên Ambattha: “Này Ambattha thân yêu, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay đang du hành tại nước Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến tại Icchànankala trú tại Icchànankala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: “Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Phật, Thế Tôn. Ngài đã chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý”. Này Ambattha thân yêu, hãy đi đến gặp Sa-môn Gotama, và tìm hiểu lời đồn về Tôn giả Gotama là như vậy hay không phải như vậy. Nhờ vậy, chúng ta sẽ được biết về Tôn giả Gotama”.

5. — Làm thế nào con được biết về Tôn giả Gotama, được biết lời đồn về Tôn giả Gotama như

vậy là đúng hay không, có phải Tôn giả Gotama là như vậy, hay không phải như vậy ?

— Ambattha thân yêu, theo truyền thống của chúng ta về ba mươi hai tướng của vị đại nhân, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn trong hai con đường, không có đường nào khác. Nếu là tại gia, sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy châu báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, ma-ni báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai, là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống, thống lãnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với chánh pháp, không dùng gậy, không dùng dao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quét sạch mê lầm ở đời. Nay Ambattha thân yêu, ta đã cho con chú thuật. Con đã nhận những chú thuật ấy.

6. Thừa vâng.

Thanh niên Ambattha vâng theo lời của Bà-la-môn Pokkharasàdi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Bà-la-môn Pokkharasàdi, hướng thân về phía hữu, cỡi xe ngựa cái và cùng một số đông thanh niên

khác đi đến khu rừng Icchànakala. Đi xe đến chỗ còn đi được xe, Ambattha liền xuống xe đi bộ và đến tại tịnh xá.

7. Lúc bấy giờ một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Thanh niên Ambattha liền đến các Tỷ-kheo ấy và hỏi: “Các Hiền giả, nay Tôn giả Gotama ở tại chỗ nào ? Chúng tôi đến đây để yết kiến Tôn giả Gotama”.

8. Các Tỷ-kheo liền nghĩ: “Thanh niên Ambattha này thuộc một gia đình có danh tiếng, là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasàdi, một vị cũng có danh tiếng. Một cuộc đối thoại như vậy giữa Thế Tôn và con một quý tộc như kia, không có khó khăn gì”. Những Tỷ-kheo ấy nói với thanh niên Ambattha: “Này Ambattha, tịnh xá đóng cửa kia là chỗ ở của Ngài. Hãy đến đó một cách yên lặng, không vượt qua hành lang, đừng hắng và gõ vào thanh cửa, Thế Tôn sẽ mở cửa cho ông”.

9. Thanh niên Ambattha liền đi đến tịnh xá đóng cửa ấy một cách yên lặng, không vượt quá hành lang, đừng hắng và gõ vào thanh cửa. Thế Tôn mở cửa và thanh niên Ambattha bước vào. Các thanh niên khác cũng bước theo, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi

xuống một bên, còn thanh niên Ambattha thời đi qua đi lại, thốt ra những lời hỏi thăm nhất gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhất gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi.

10. Lúc bấy giờ Thế Tôn nói với Thanh niên Ambattha:

— Có phải, đối với các bậc Bà-la-môn trưởng lão, đứng tuổi, các bậc giáo sư và tổ sư, người cũng nói chuyện như vậy, như người đã đi qua lại thốt ra những lời hỏi thăm nhất gừng trong khi Ta đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhất gừng trong khi Ta đang ngồi ?

— Không phải vậy, này Gotama. Phải đi mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đi. Phải đứng mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đứng. Phải ngồi mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang ngồi. Phải nằm mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang nằm. Chỉ với những vị Sa-môn hèn hạ, trọc đầu, dê tiện, đen đui, sanh từ nơi chân của bà con ta, thì ta mới nói chuyện như vậy, như với người, Gotama”.

11. — Này Ambattha, hình như ngươi đến đây với một ý định gì ? Ngươi hãy khéo tác ý đến mục đích đã đưa ngươi đến đây. Thanh niên Ambattha này thật vô giáo dục, dầu nó tự cho là có giáo dục. Như vậy là vô giáo dục, có gì khác nữa !

12. Thanh niên Ambattha bị Thế Tôn gọi là vô giáo dục như vậy, liền phẫn nộ, tức tối, muốn nhục mạ Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn, công kích Thế Tôn, và nghĩ: “Sa-môn Gotama có ác ý đối với ta”, liền nói với Thế Tôn:

— Này Gotama, thô bạo là dòng họ Thích-ca; này Gotama, ác độc là dòng họ Thích-ca; này Gotama, khinh suất là dòng họ Thích-ca; này Gotama hung dữ là dòng họ Thích-ca. Là đệ tiện, thuộc thành phần đệ tiện, dòng họ Thích-ca không kính nhường Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn. Này Gotama, như vậy thật không lễ, thật không đúng pháp, khi dòng họ Thích-ca này, những hạng đệ tiện, thuộc thành phần đệ tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn.

Như vậy, thanh niên Ambattha lần đầu tiên đã buộc tội dòng họ Thích-ca là đê tiện.

13. — Nay Ambattha, dòng họ Thích-ca đã làm gì phật lòng người ?

— Nay Gotama, một thời ta đi đến Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) có việc phải làm cho thấy ta là Bà-la-môn Pokkharasàdi, và đến tại công hội trường của dòng họ Thích-ca. Lúc bấy giờ một số đông dòng họ Thích-ca và thanh niên Thích-ca đang ngồi trên ghế cao tại công hội trường. Chúng cười với nhau, dùng ngón tay thọc cù nôn với nhau, ta nghĩ chắc chắn ta là mục tiêu cho chúng đùa giỡn với nhau, lại không ai mời ta ngồi. Nay Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng pháp, khi chúng Thích-ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn.

Như vậy thanh niên Ambattha lần thứ hai đã buộc tội dòng họ Thích-ca là đê tiện.

14. — Nay Ambattha, cũng như con chim cây, con chim cây con có thể tự hát thỏa thích trong tổ của nó. Nay Ambattha, Kapilavatthu thuộc dòng họ

Thích-ca. Thật không xứng để cho Ambattha phải phật lòng vì một vấn đề nhỏ mọn này.

15. — Này Gotama, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà-la. Này Gotama, trong bốn giai cấp này, ba giai cấp Sát-đế-ly, Phệ-xá và Thủ-đà-la là để hầu hạ hạng Bà-la-môn. Này Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng pháp khi chúng Thích-ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện, lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn.

Như vậy, thanh niên Ambattha lần thứ ba đã buộc tội dòng họ Thích-ca là đê tiện.

16. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ: “Thanh niên Ambattha này đã phỉ báng dòng họ Thích-ca đê tiện một cách quá đáng. Nay ta phải hỏi dòng họ của nó”. Rồi Thế Tôn hỏi thanh niên Ambattha:

— Dòng họ ngươi là gì ?

— Này Gotama, dòng họ ta là Kanhàyana.

— Này Ambattha, nếu theo phụ mẫu hệ của ngươi về quá khứ, thời dòng họ Thích-ca là thầy của ngươi. Và ngươi là con của một nữ tỳ của dòng họ Thích-ca. Này thanh niên Ambattha, tổ tiên của

Thích-ca là vua Okkàka. Thuở xưa, này Ambattha, vua Okkàka muốn trao vương vị cho hoàng tử con bà hoàng hậu chính mà vua thương yêu, bèn đuổi ra khỏi nước những người con dâu của mình là Okkàmukha, Karandu, Hatthiniya, Sinipura. Bị tẩn xuất khỏi nước, những hoàng tử này đến sống tại một khu rừng lớn bên một hồ nước, trên sườn núi Hy-mã-lạp sơn. Vì sợ huyết thống của mình bị lẫn lộn với huyết thống khác, các vị hoàng tử này ăn nằm với những người chị của mình.

— Này Ambattha, một hôm vua Okkàka nói với vị đại thần tùy tùng: “Này các khanh, các hoàng tử hiện nay ở đâu ?” — “Bạch Đại vương, có một khu rừng lớn, bên một hồ nước trên sườn núi Hy-mã-lạp sơn. Nay các hoàng tử ở tại chỗ ấy. Các hoàng tử, vì sợ huyết thống của mình lẫn lộn huyết thống khác nên ăn nằm với những người chị của mình”.

— Này Ambattha, vua Okkàka liền cảm hứng thốt lời tụng hân hoan: “Các hoàng tử thật là những Sakya (cứng như lõi cây sồi), các hoàng tử thật là những Sakya xuất chúng”. Này Ambattha, từ đó trở đi, các hoàng tử được gọi là Sakya và vua Okkàka là vua tổ của dòng họ Thích-ca. Này Am-

battha, vua ấy có một nữ tỳ tên là Disà. Nữ tỳ này sinh hạ một người con da đen. Vừa mới sinh, Kanha liền nói: “Này mẹ, hãy rửa cho con; này mẹ, hãy tắm cho con; này mẹ hãy gội sạch đồ bất tịnh này. Và con sẽ giúp ích cho mẹ”. Này Ambattha, vì người ta gọi những ác quỷ là ác quỷ nên người ta cũng gọi Kanha là ác quỷ. Chúng nói như thế này: “Đứa trẻ này, vừa mới sanh đã nói. Một *Kanha* vừa mới sinh”. Này Ambattha, từ đó trở đi chữ Kanhàyanà được biết đến. Và *Kanha* là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà. Này Ambattha, nếu theo phụ mẫu hệ của người về quá khứ, thời dòng họ Thích-ca là thầy của người, và người là con một nữ tỳ của dòng họ Thích-ca.

17. Khi Thế Tôn nói vậy, những thanh niên nói với Thế Tôn:

— Này Gotama, chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ. Này Gotama, thanh niên Ambattha sinh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này.

18. Thế Tôn liền nói với những thanh niên ấy.

— Nếu những thanh niên các người nghĩ: “Thanh niên Ambattha không được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha không thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha không phải là bậc đa văn, thanh niên Ambattha không phải là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha không phải là nhà bác học, thanh niên Ambattha không thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này”, thì thanh niên Ambattha hãy đứng ra một bên và để các thanh niên biện luận với Ta về vấn đề này. Nếu các người nghĩ: “Thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Gotama về vấn đề này”, thì các người hãy đứng ra một bên và để thanh niên Ambattha biện luận với ta về vấn đề này.

19. — Nay Gotama, thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên

Ambattha có thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này. Chúng tôi sẽ đứng im lặng. Thanh niên Ambattha sẽ cùng với Gotama biện luận về vấn đề này.

20. Thế Tôn liền nói với thanh niên Ambattha:

— Nay Ambattha, câu hỏi hợp lý này được đem ra hỏi người dẫu không muốn, người cũng phải trả lời. Nếu người không trả lời, hoặc trả lời tránh qua một vấn đề khác, hoặc giữ im lặng, hoặc bỏ đi, thời ngay tại chỗ, dẫu người sẽ bị bẻ ra làm bảy mảnh. Nay Ambattha, người nghĩ thế nào ? Người có nghe các Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, giáo sư và tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không ? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà ?

Nghe nói vậy thanh niên Ambattha giữ im lặng. Lần thứ hai Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha:

— Nay Ambattha, nhà người nghĩ thế nào ? Người có nghe các nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không ? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà ?

Lần thứ hai thanh niên Ambattha giữ im lặng. Thế Tôn lại nói với thanh niên Ambattha:

— Ambattha, nay ngươi phải trả lời, nay không phải thời ngươi giữ im lặng nữa. Nay Ambattha ai được Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bể ra làm bảy mảnh tại chỗ.

21. Lúc bảy giờ, thân Dạ-xoa Vajirapàni đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng chói đứng trên đầu của thanh niên Ambattha với ý định: “Nếu Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba, một câu hỏi hợp lý mà thanh niên Ambattha không trả lời, thời ta sẽ đánh bể đầu nó ra làm bảy mảnh”. Chỉ có Thế Tôn và thanh niên Ambattha mới thấy thân Dạ-xoa Vajirapàni. Thanh niên Ambattha thấy vị thần ấy liên sợ hãi, hoảng hốt, lông dựng ngược, chỉ tìm sự che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm sự hộ trợ nơi Thế Tôn, liên cúi rạp mình xuống và bạch Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama đã nói gì ? Mong Tôn giả Gotama nói lại cho.

— Ambattha, ngươi nghĩ thế nào ? Ngươi có nghe các vị Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, giáo sư và tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không ? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà ?

— Tôn giả Gotama, con đã có nghe, đúng như Tôn giả Gotama đã nói. Chính từ đó là nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà. Vị ấy là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà.

22. Khi nghe nói vậy, các thanh niên liền la hét lớn:

— Người ta nói thanh niên Ambattha là tiện sanh, người ta nói thanh niên Ambattha là con dòng không phải quý phái; người ta nói thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ của dòng họ Thích-ca; người ta nói dòng họ Thích-ca là chủ của thanh niên Ambattha. Chúng tôi không nghĩ rằng Sa-môn Gotama mà lời nói bao giờ cũng chân thực, lại không phải là người có thể tin được.

23. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: “Các thanh niên đã phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ rồi. Nay Ta hãy giải tỏa cho Ambattha”. Rồi Thế Tôn nói với các thanh niên:

— Các thanh niên, các người chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ. Kanha ấy trở thành một tu sĩ vĩ đại. Vị này đi về miền Nam, học các chú thuật Phạm thiên, rồi về yết kiến vua Okkàka và yêu cầu gả công chúa

Khuddarùpi cho mình. Vua Okkàka vừa giận, vừa tức, mắng rằng: “Người là ai, con đứa nữ tỳ của ta mà dám xin con gái Khuddarùpi của ta”, và vua liền lấp tên vào cung. Nhưng vua không thể bắn tên đi, cũng không thể cất mũi tên xuống. Khi bấy giờ, các thanh niên thị giả, các đại thần và tùy tùng đến thưa với ả sĩ Kanhà: — “Đại đức, hãy để cho vua an toàn ! Đại đức, hãy để cho vua được an toàn !” — “Nhà vua sẽ được an toàn, và nếu nhà vua bắn mũi tên xuống đất, thời toàn thể quốc độ nhà vua sẽ bị hạn, khô héo !” — “Đại đức, hãy để cho vua được an toàn ! Hãy để cho quốc độ được an toàn !” — “Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được an toàn ! Nhưng nếu nhà vua bắn tên lên trời, thời toàn thể quốc độ sẽ không mưa trong bảy năm !” - “Đại đức, hãy để cho nhà vua được an toàn, hãy để cho quốc độ được an toàn ! Và hãy để cho trời mưa !” — “Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được an toàn và trời sẽ mưa. Nhưng vua hãy nhắm cây cung đến phía thái tử. Một sợi lông của thái tử cũng sẽ được an toàn !”.

Khi bấy giờ, các thị giả trẻ tuổi, các đại thần nói với Okkàka: “Okkàka hãy nhắm cây cung đến phía thái tử. Một sợi lông của thái tử sẽ được an toàn”.

Vua Okkàka nhấm cây cung đến phía thái tử và một sợi lông của thái tử cũng được an toàn. Vua Okkàka hoảng sợ, khiếp đảm sự trừng phạt, thuận cho con gái Khuddàrùpi. Nay các thanh niên, chớ có phỉ báng thanh niên Ambattha một cách quá đáng là con của một nữ tỳ. Kanha là một vị ẩn sĩ vĩ đại.

24. Khi bấy giờ, Như Lai nói với thanh niên Ambattha:

— “Ambattha, nhà người nghĩ thế nào ? Một thanh niên Sát-đế-ly cưới một thiếu nữ Bà-la-môn. Do sự sum họp ấy, một người con trai được sinh. Một người sanh từ một thanh niên Sát-đế-ly và một thiếu nữ Bà-la-môn có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa những người Bà-la-môn không ?”

— Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh.

— Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng món đồ ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không ?

— Tôn giả Gotama, có mời.

— Và những người Bà-la-môn có dạy các chú thuật hay không ?

— Tôn giả Gotama, có dạy.

— Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng hay mở cửa ?

— Tôn giả Gotama, mở cửa.

— Và những người Sát-đế-ly có quán dành cho người ấy để thành một Sát-đế-ly không ?

— Tôn giả Gotama, thưa không.

— Tại sao không ?

— Vì nó không được sinh (là Sát-đế-ly) từ mẫu hệ.

25. — Ambattha, nhà người nghĩ thế nào ? Ở đây một thanh niên Bà-la-môn cưới một thiếu nữ Sát-đế-ly. Do sự sum họp này, một người con trai được sanh. Một người sanh từ một thanh niên Bà-la-môn và một thiếu nữ Sát-đế-ly có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa những Bà-la-môn hay không ?

— Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh.

— Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không ?

— Tôn giả Gotama, có mời.

— Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không ?

— Tôn giả Gotama, có dạy.

— Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa ?

— Tôn giả Gotama, chúng mở cửa.

— Và những người Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh cho người ấy để thành một Sát-đế-ly không ?

— Tôn giả Gotama, thưa không.

— Tại sao vậy ?

— Tôn giả Gotama, vì không được sinh (là Sát-đế-ly) từ phụ hệ.

26. — Nay Ambattha, nếu so sánh đàn bà với đàn bà, đàn ông với đàn ông, thì giai cấp Sát-đế-ly là ưu, Bà-la-môn là liệt. Nay Ambattha, nhà người nghĩ thế nào ? Ở đây, giả sử do một nguyên nhân gì những người Bà-la-môn cạo đầu một người Bà-la-môn, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố. Người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước giữa những người Bà-la-môn không ?

— Tôn giả, không được.

— Và những người Bà-la-môn, có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không ?

— Tôn giả Gotama, không có mời.

— Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không ?

— Tôn giả Gotama, không dạy.

— Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa ?

— Tôn giả Gotama, đóng cửa.

27. — Ambattha, nhà người nghĩ thế nào ? Ở đây giả sử do một nguyên nhân gì, những người Sát-đế-ly cạo đầu một người Sát-đế-ly, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước uống giữa những người Bà-la-môn không ?

— Tôn giả Gotama, được thọ lãnh.

— Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết, hay dùng những món

ăn cúng dường, hoặc đồ ăn cúng cho thiên thần, hay đồ ăn gửi đến như những tặng phẩm không ?

— Tôn giả Gotama, có mời.

— Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không ?

— Tôn giả Gotama, có dạy:

— Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa ?

— Tôn giả Gotama, mở cửa.

— Nay Ambattha, đến như vậy là sự đọa lạc tột cùng của người Sát-đế-ly, đã bị những người Sát-đế-ly cạo đầu, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, như vậy, nay Ambattha, khi người Sát-đế-ly bị đọa lạc tột cùng, các Sát-đế-ly vẫn giữ phân ưu thắng và các Bà-la-môn vẫn ở địa vị hạ liệt.

28. — Nay Ambattha, bài kệ này do Phạm thiên Sanam-Kumàra thuyết:

“Đối với chúng sanh tin tưởng ở giai cấp, Sát-đế-ly chiếm địa vị tối thắng ở nhân gian.

Những vị nào giới hạnh và trí tuệ đầy đủ, vị

này chiếm địa vị tối thắng giữa Người và chư Thiên”.

(Xong tụng phẩm thứ nhất).

1. — Tôn giả Gotama, nghĩa chữ Giới hạnh trong bài kệ ấy là gì ? Nghĩa chữ Tuệ trong bài kệ ấy là gì ?

— Này Ambattha, một vị đã thành tựu vô thượng trí đức không có luận nghị đến sự thọ sanh, không có luận nghị đến giai cấp hay không có luận nghị đến ngã mạn với lời nói: “Người bằng ta hay người không bằng ta”. Chỗ nào nói đến cưới hỏi hay rước dâu đi, hay cả hai, chỗ đó mới có luận nghị đến sự thọ sanh, luận nghị đến giai cấp hay luận nghị đến ngã mạn với lời nói: “Người bằng ta hay không bằng ta”.

Này Ambattha, những ai còn chấp trước lý thuyết thọ sanh, còn chấp trước lý thuyết giai cấp, còn chấp trước lý thuyết kiêu mạn, hoặc còn chấp trước cưới hỏi rước dâu, những người ấy còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức. Này Ambattha, không chấp trước lý thuyết thọ sanh, không chấp trước lý thuyết giai cấp, không chấp trước lý

thuyết kiêu mạn, không chấp trước cười hời, đưa dẫu, người ấy tức chúng ngộ vô thượng trí đức.

2. — Tôn giả Gotama, thế nào là Giới đức trong bài kệ ấy ? Thế nào là Trí tuệ trong bài kệ ấy ?

— Ở đây, này Ambattha, Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc:

... (xin xem Kinh Sa-môn quả, từ số 40 đến số 98 tới câu: “Không có đời sống nào khác nữa” chỉ khác danh từ xưng hô và câu kết từng đoạn. Như đoạn này, câu kết là “Như vậy, này Ambattha, là vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh”.)

— Này Ambattha, như vậy gọi là Tỷ-kheo thành tựu trí tuệ, thành tựu giới đức, thành tựu giới đức và trí tuệ. Này Ambattha, không có sự thành tựu trí đức nào khác siêu việt hơn, cao thượng hơn sự thành tựu trí đức này.

3. Này Ambattha, có bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này. Thế nào là bốn ? Này Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, lại mang dụng cụ của nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyên: “Ta chỉ ăn trái cây

rụng mà sống”. Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức. Đây Ambattha, đó là nguyên nhân thứ nhất đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

Lại nữa, đây Ambattha ở đây có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, và chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, lại mang theo cuốc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyện: “Ta chỉ ăn củ, rễ và trái cây để sống”. Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức. Đây Ambattha, đó là nguyên nhân thứ hai đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

Lại nữa, đây Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây để sống và chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, lại nhen lửa tại cuối làng hay sống thờ lửa ấy. Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức. Đây Ambattha đó là nguyên nhân thứ ba đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

Lại nữa Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí

đức này, chưa thấu đạt được pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, chưa thấu đạt pháp tôn thờ lửa, lại xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường, sống và nguyện: “Từ bốn phương nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại, thì ta sẽ cúng dường, tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta”. Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức. Nay Ambattha, đó là nguyên nhân thứ tư đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

Này Ambattha đó là bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

4. Nay Ambattha, người nghĩ thế nào ? Người và thầy người có được xem là đã thành tựu vô thượng trí đức này không ? — Bạch không, Tôn giả Gotama. Con và thầy con là gì, Tôn giả Gotama, để có thể so sánh với sự thành tựu vô thượng trí đức. Tôn giả Gotama, con và thầy con còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức.

Này Ambattha, người nghĩ thế nào ? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, nhà người có đem theo dụng cụ của nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyện: “Ta và thầy ta chỉ ăn trái cây rừng mà sống ?”

— Bạch không, Tôn giả Gotama.

— Này Ambattha, người nghĩ thế nào ? Tuy người và thấy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rụng để sống, người có mang theo cốc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyện: “Ta và thấy ta chỉ ăn rễ và trái cây để sống không ?”

— Bạch không, Tôn giả Gotama.

— Này Ambattha, người nghĩ thế nào ? Tuy người và thấy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rụng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, người có nhen lửa tại cuối làng hay cuối xóm và sống thờ lửa ấy với thấy người không ?”

— Bạch không, Tôn giả Gotama.

— Này Ambattha, người nghĩ thế nào ? Tuy người và thấy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rụng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống và chưa thấu đạt sự thờ lửa, người và thấy người có xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường với lời nguyện: “Từ bốn phương, nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại — thì ta

sẽ cúng dường tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta không ?”

— Bạch không, Tôn giả Gotama.

— Này Ambattha, như vậy người và thấy người còn khiếm khuyết sự thành tựu vô thượng trí đức này, còn khiếm khuyết bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này, Ambattha, thế mà những lời này lại do thấy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi thốt ra: “Những hạng Sa-môn giả hiệu, đầu trọc, dê tiện, đen đui, sanh từ nơi chân bà con ta là ai mà có thể đàm luận với những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ đà”. Một vị tự mình chưa thành tựu được những pháp đưa đến sự thất bại (cho những pháp cao thượng hơn). Này Ambattha, người xem, thấy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi đã lỗi lầm như thế nào ?

6. Này Ambattha, Bà-la-môn Pokkharasàdi hưởng thọ sự cung cấp của vua Pasenadi nước Kosala. Vua pasenadi nước Kosala cũng không cho phép thấy người diện kiến. Nếu vua hội nghị với thấy người thời chỉ nói thấy người ngang qua một tấm màn. Này Ambattha, tại sao vua Pasenadi nước Kosala lại không cho phép thấy người diện

kiến, người mà vua cung cấp thực phẩm thuần tịnh chân chánh. Nay Ambattha, người xem thấy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi đã lỗi lầm như thế nào ?

7. Nay Ambattha, người nghĩ thế nào ? Như vua Pasenadi nước Kosala hoặc ngồi trên cổ voi, hoặc ngồi trên lưng ngựa, hoặc đứng trên lưng ngựa, hoặc đứng trên tám tầng xe cùng các vị đại thần hay vương tử, luận bàn quốc sự. Nếu vua rời khỏi chỗ ấy hay đứng qua bên, một người Thủ đà hay đầy tớ của một người Thủ đà đến. Người này cũng đứng tại chỗ ấy, cũng luận bàn quốc sự và nói: “Vua Pasenadi nước Kosala đã nói như vậy.” Dẫu người ấy nói như lời nói của vua, luận bàn như lời luận bàn của vua, người ấy có thể là vua hay là vị phó vương không ?

— “Không thể được, Tôn giả Gotama”.

8. Nay Ambattha, nhà người cũng vậy. Thuở xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã suy tâm, những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka (A-sá-ca), Vàmaka

(Bà-ma), Vàmadeva (Bà-ma-đê-bà), Vessàmitta (Tì-bà-thấm-sá), Yamataggi (Gia-bà-đê-già), Angirasa (Ương-kỳ-la). Bhàradvàja (Bạt-la-đà-thấm-xà), Vàsettha (Bà-ma-sá) Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cử). Dầu người có thể nói “Ta, một đệ tử, học thuộc lòng những chú thuật của các vị ấy”, chỉ với điều kiện này, người có thể được xem là một vị ẩn sĩ hay đã chứng địa vị của một ẩn sĩ không ? Việc này không thể có được.

9. Ambattha, người nghĩ thế nào ? Người có được nghe những vị Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, những vị giáo sư và tổ sư nói đến không ? thuở xưa những vị ẩn sĩ, giữa các Bà-la-môn, những tác giả của chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn, cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvàja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu. Những vị ấy có khéo tắm, khéo chải chuốt, tóc và râu khéo sửa soạn, trang điểm với vòng hoa và ngọc, mặc toàn đồ trắng, tận hưởng và tham đắm năm món dục lạc, như người và thầy của người hiện nay không ?

— Không có vậy. Tôn giả Gotama.

10. — Các vị ẩn sĩ ấy có dùng cơm nấu từ gạo trắng thượng hạng mà các hạt đen được gạn bỏ ra, dùng các món canh, các món đồ ăn nhiều loại không, như người và thấy người hiện nay không ?

— Không có vậy, Tôn giả Gotama.

— Hay các vị ấy được những thiếu nữ có đường eo và thắt lưng có tua hâu hạ như người và thấy người hiện nay không ?

— Không có vậy, Tôn giả Gotama.

— Hay những vị ấy đi trên những xe do những con ngựa cái có bờm, đuôi được bện và dùng những dây roi và gậy dài như người và thấy người hiện nay không ?

— Không có vậy, Tôn giả Gotama.

— Hay những vị ấy sống được che chở trong những thành lũy có những chiến hào bao bọc, có những cửa thành hạ xuống, có những chiến sĩ mang gươm dài hộ vệ như người và thấy người hiện nay không ?

— Không có vậy, Tôn giả Gotama.

— Như vậy, này Ambattha, người và thầy người không phải là một ẩn sĩ, không giống đời sống của nhà ẩn sĩ. Này Ambattha, nếu có gì nghi ngờ, có gì phân vân về Ta, hãy hỏi Ta và Ta sẽ trả lời.

11. Lúc bảy giờ, Thế Tôn ra khỏi tịnh xá và bắt đầu đi kinh hành Thanh niên Ambattha đi theo sau Thế Tôn đang đi kinh hành và tìm đếm ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưới rộng dài.

12. Khi bảy giờ, Thế Tôn nghĩ rằng: “Thanh niên Ambattha này thấy ở nơi ta gần đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của vị đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưới rộng dài”.

Thế Tôn liền dùng thân thông khiến thanh niên Ambattha thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưới, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai, rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưới che khắp cả vầng trán. Lúc bảy giờ, thanh niên Ambat-

tha liền nghĩ rằng: “Sa-môn Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, không phải không đầy đủ”. Và nói với Thế Tôn: “Tôn giả Gotama, nay chúng tôi xin đi, chúng tôi rất bận, có nhiều việc cần phải làm”.

— Nay Ambattha, hãy làm những gì người nghĩ là phải thời.

Rồi thanh niên Ambattha leo lên xe do ngựa cái kéo và ra đi.

13. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Pokkharasàdi ra khỏi Ukkattha với một đại chúng Bà-la-môn, ngồi tại hoa viên của mình và chờ đợi thanh niên Ambattha. Khi ấy thanh niên Ambattha đi đến hoa viên, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Bà-la-môn Pokkharasàdi đang ngồi. Đến xong, thanh niên Ambattha đánh lễ Bà-la-môn Pokkharasàdi và ngồi xuống một bên. Sau khi thanh niên Ambattha ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói :

14. — Nay Ambattha thân mến, người đã thấy Sa-môn Gotama chưa ?

— Chúng con thấy Tôn giả Gotama rồi.

— Nay Ambattha thân mến, có phải Tôn giả

Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chứ không phải khác ?

— Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chứ không phải khác. Tôn giả Gotama là như vậy, chứ không phải khác. Tôn giả Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, chứ không phải thiếu.

— Nay Ambattha thân mến, con có cùng với Tôn giả Gotama đàm luận không ?

— Con có đàm luận với Tôn giả Gotama.

— Nay Ambattha thân mến, cuộc đàm luận ấy như thế nào ?

Thanh niên Ambattha liền thuật cho Bà-la-môn Pokkharasàdi rõ tất cả cuộc hội đàm với Tôn giả Gotama.

15. Nghe nói như vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với thanh niên Ambattha:

— Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta ! Người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta ! Người thật là nhà tinh thông ba quyển Vệ đà đốn mạt của chúng ta. Người ta nói những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung,

sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục. Nay Ambattha, người càng công kích Tôn giả Gotama bao nhiêu, lại càng bị Tôn giả Gotama lật tẩy chúng ta bấy nhiêu. Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta ! Người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta ! Người thật là nhà tinh thông ba quyển Vệ đà đốn mạt của chúng ta ! Người ta nói, những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục.

Bà-la-môn Pokkharasàdi tức giận, bực bội, dùng chân đá thanh niên Ambattha bổ lộn nhào rồi lập tức muốn đi đến gặp Thế Tôn.

16. Khi ấy, những người Bà-la-môn này thưa với Bà-la-môn Pokkharasàdi: “Hôm nay thì giờ đã quá trễ để đi thăm Sa-môn Gotama. Ngày mai Tôn giả Pokkharasàdi hãy đi thăm Sa-môn Gotama”.

Tuy vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi vẫn cho làm các món ăn thượng vị, loại cúng loại mêm tại nhà riêng, chở trên các xe, và dưới ánh sáng của những ngọn đuốc từ Ukkattha đi ra và đi đến khóm rừng Icchànakala. Vị này đi xe cho đến chỗ còn đi xe được rồi xuống xe đi bộ đến Thế Tôn. Khi đi đến, liền nói với Thế Tôn những lời hỏi thăm xã giao,

rồi ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với Thế Tôn:

17. Tôn giả Gotama, đệ tử của chúng tôi, thanh niên Ambattha có đến đây không ?

— Này Bà-la-môn, đệ tử người, thanh niên Ambattha có đến đây.

— Tôn giả Gotama, Ngài có cùng với thanh niên Ambattha đàm luận không ?

— Này Bà-la-môn, ta có đàm luận với thanh niên Ambattha.

— Tôn giả Gotama, cuộc đàm luận của Ngài với thanh niên Ambattha như thế nào ?

Cuộc đàm luận với thanh niên Ambattha như thế nào, Thế Tôn kể lại tất cả cho Bà-la-môn Pokkharasàdi.

Nghe nói vậy, Bà-la-môn nói với Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama, thanh niên Ambattha thật là ngu si ! Tôn giả Gotama, hãy tha thứ cho thanh niên Ambattha !

— Này Bà-la-môn, cầu cho thanh niên Ambattha được hạnh phúc.

18. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi tìm đếm ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân trên thân Thế Tôn. Bà-la-môn thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của bậc đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, hai tướng là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

19. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: “Bà-la-môn Pokkharasàdi thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân ở nơi Ta, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của bậc đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài”. Thế Tôn liền dùng thân thông khiến Bà-la-môn Pokkharasàdi thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rò đến, liếm đến hai lỗ tai, rò đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vầng trán.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi nghĩ rằng: “Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân, không phải không đầy đủ”, liền nói với Thế Tôn: “Hôm nay xin mời Tôn

giả Gotama cùng chúng Tỷ-kheo đến dùng cơm với con. Thế Tôn nhận lời với sự im lặng.

20. Khi Bà-la-môn Pokkharasàdi được biết Thế Tôn đã nhận lời liền báo thì giờ cho Thế Tôn: Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sàng. Khi ấy Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, và cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Pokkharasàdi. Khi đi đến, liền ngồi trên chỗ soạn sẵn. Bà-la-môn Pokkharasàdi tự tay làm cho Thế Tôn thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, còn các thanh niên Bà-la-môn thì tiếp đãi chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi, sau khi biết Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên.

21. Thế Tôn liền thứ lớp giảng pháp cho Bà-la-môn Pokkharasàdi đang ngồi một bên nghe, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Pokkharasàdi đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là khổ, tập, diệt,

đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, chính chỗ ngôi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Pokkharasàdi: “Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt”.

22. Khi ấy Bà-la-môn Pokkharasàdi, thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người đối với đạo pháp của đức Bốn sư. Bà-la-môn Pokkharasàdi liên bạch Phật:

— Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Tôn giả Gotama, con, con của con, vợ của con, tùy tùng của con, bạn hữu của con, xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Như Tôn giả Gotama đến thăm các gia đình cư sĩ khác ở Ukkattha, mong

Tôn giả Gotama cũng đến thăm các gia đình Pokkharasàdi. Tại đây, các thanh nam hay thanh nữ Bà-la-môn sẽ đánh lễ Thế Tôn Gotama, hoặc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi, hoặc mời nước, hoặc khiến tâm hoan hỷ. Như vậy chúng sẽ hưởng hạnh phúc, lợi ích trong một thời gian lâu dài.

— Nay Bà-la-môn lời người nói thật là chí thiện.

KINH SONADANDA

(KINH CHÙNG ĐÚC)

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn du hành trong xứ Anga (Ương-già) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đến tại thành Campà (Chiêm-bà) và tại Campà, Thế Tôn ở trên bờ hồ Gaggara (Già-già Liên trì). Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sonadanda (Chùng Đức) trú tại Campà, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do vua Bimbisara (Tần-bà-ta-la), vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà) cấp, một ân tứ của vua, một tịnh ấp.

2. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Campà được nghe tiếng đồn như sau: “Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Anga với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị đã đến tại thành Campà, và tại Campà. Sa-môn Gotama ở trên bờ hồ Gaggara. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: “Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và Người — Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ, Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa có văn. Ngài truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy””.

Rồi các Bà-la-môn và gia chủ ở Campà, từng đoàn từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Campà và đến tại hồ nước Gaggara.

3. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Sonadanda đi lên trên lầu để nghỉ trưa, Bà-la-môn Sonadanda thấy

các Bà-la-môn và gia chủ ở Campà từng đoàn từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Campà và đến tại hồ nước Gaggara. Thấy vậy, Bà-la-môn Sonadanda bèn gọi người gác cửa:

— Này người gác cửa, vì sao các Bà-la-môn và gia chủ ở Campà từng đoàn từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Campà và đến tại hồ Gaggara như vậy ?

— Thưa Tôn giả, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Anga với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đến tại thành Campà, và tại Campà Sa-môn Gotama ở trên bờ hồ Gaggara. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Nay những người ấy đi đến để yết kiến Tôn giả Gotama.

— Này người giữ cửa, hãy đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Campà, khi đến nơi, hãy nói với những Bà-la-môn và gia chủ: “Bà-la-môn Sonadanda có nói: “Này các Hiền giả, hãy chờ đợi ! Bà-la-môn Sonadanda sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama””.

— Dạ vâng !

Người giữ cửa ấy vâng theo lời của Bà-la-môn Sonadanda, đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Campà. Khi đến xong, liền nói với các Bà-la-môn và gia chủ ở Campà:

— Bà-la-môn Sonadanda có nói: “Này các Hiền giả, hãy chờ đợi ! Bà-la-môn Sonadanda sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama”.

4. Lúc bấy giờ, có khoảng năm trăm Bà-la-môn từ nhiều địa phương khác nhau, đến ở tại Campà vì công vụ. Những Bà-la-môn nghe: “Bà-la-môn Sonadanda sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama”. Những Bà-la-môn này đến Bà-la-môn Sonadanda, khi đến xong, liền thưa với Bà-la-môn Sonadanda:

— Có phải Tôn giả Sonadanda sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama ?

— Này các Hiền giả, đó là ý định của ta. Ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.

— Tôn giả Canke, chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama. Thật không xứng đáng cho Tôn giả Sonadanda đến yết kiến Sa-môn Gotama. Nếu Tôn giả Sonadanda đến yết kiến Sa-môn Gotama, thì danh tiếng của Tôn giả Sonadanda bị hao tổn, danh tiếng

của Sa-môn Gotama được tăng trưởng. Vì danh tiếng của Tôn giả Sonadanda bị hao tổn và danh tiếng của Sa-môn Gotama được tăng trưởng, do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Sonadanda đến yết kiến Sa-môn Gotama, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama yết kiến Tôn giả Sonadanda.

Lại Tôn giả Sonadanda thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì Tôn giả Sonadanda thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh, do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Sonadanda đến yết kiến Sa-môn Gotama, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Bà-la-môn Sonadanda. Lại Tôn giả Sonadanda là nhà giàu có, đại phú, sung túc... Lại Tôn giả Sonadanda là nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Vedà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biện tài về Thuận thế (tự nhiên học) và tướng của vị đại nhân. Tôn giả Sonadanda đẹp trai,

khả ái, làm đẹp lòng người, với màu da thù thắng khôî ngô tuần tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng. Tôn giả Sonadanda thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ phêu phào, giải thích nghĩa lý minh xác. Tôn giả Sonadanda là bậc tôn sư của hàng tôn sư nhiều người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật, thanh niên Bà-la-môn từ nhiều phương, từ nhiều nước, tha thiết với chú thuật đến với Tôn giả Sonadanda để học thuộc lòng các chú thuật. Tôn giả Sonadanda niên cao, lập lớn, bậc lão thành, đến tuổi trưởng thượng; còn Sa-môn Gotama thì tuổi trẻ, xuất gia chưa được nhiều năm. Tôn giả Sonadanda được vua Seniya Bimbisara (Tân-bà-ta-la) xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Tôn giả Sonadanda được Bà-la-môn Pokkharasàdi kính trọng tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Tôn giả Sonadanda sống ở Campà, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Sonadanda đến yết

kiến Sa-môn Gotama, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama yết kiến Tôn giả Sonadanda.

6. Nghe nói vậy, Bà-la-môn Sonadanda nói với những Bà-la-môn ấy:

— Các Hiền giả, hãy nghe ta giải thích vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama, trái lại thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến thăm chúng ta. Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; vì điểm này thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta, trái lại thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama.

Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ bỏ đại gia đình quyền thuộc.

Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ bỏ rất nhiều vàng bạc, bỏ cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất.

Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên, tóc còn đen nhánh, trong

tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama dầu song thân không đồng ý, khóc than, nước mắt thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khô ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, đáng diệu cao thượng.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đức hạnh, gìn giữ giới hạnh của bậc Thánh, có thiện đức, đầy đủ thiện đức.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, phê phán, giải thích nghĩa lý minh xác.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là bậc tôn sư trong các hàng tôn sư của nhiều người.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã diệt trừ tham dục, đã diệt được mọi xao động của tâm.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama chủ trương về nghiệp, chủ trương về hành động, đặt trọng tâm vào chí thiện khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ dòng họ Sát-đế-ly thanh tịnh.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả, đại phú, tài sản sung mãn.

Này các Hiền giả, thật vậy, dân chúng băng ngàn vượt biển (băng qua nhiều địa phương, băng qua nhiều quốc độ) đến hỏi đạo Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn Thiên, Nhân đến quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: “Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama nói lời chào đón, thân thiện, tao nhã, trang trọng, chân trực thẳng thắn, lời nói có dẫn chứng.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được bốn chúng kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính nể, trọng vọng.

Này các Hiền giả, thật vậy, rất nhiều Thiên, Nhân tín ngưỡng Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, ở tại làng nào, thôn ấp nào, Sa-môn Gotama cư trú, tại làng ấy, tại thôn ấp ấy, các loài phi nhân không làm hại loài người.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là giáo hội chủ, giáo phái chủ, giáo phái sư, được tôn là tối thượng trong các giáo tổ.

Này các Hiền giả, danh tiếng của một số Sa-môn, Bà-la-môn dựa trên những bằng chứng không đâu, danh tiếng của Sa-môn Gotama không phải vậy. Danh tiếng của Sa-môn Gotama dựa trên trí đức vô thượng của Ngài.

Này các Hiền giả, thật vậy, vua Seniya Bimbisàra nước Magadha, cùng với vương tử, cung phi, thị tòng đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, vua Pasenadi nước Kosala, cùng với vương tử, cung phi, thị tòng đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi cùng với các con, vợ, thị giả, đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được vua Seniya Bimbisàra nước Magadha kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được vua Pasenadi nước Kosala kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Bà-la-môn Pokkharasàdi kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đến Campà, nay đang ở tại Campà, trên bờ ao Gaggara. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta. Đối với khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đã đến Campà, hiện ở tại Campà trên bờ hồ Gaggara, như vậy Sa-môn Gotama là

khách của chúng ta. Và đã là khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama. Nay các Hiền giả, đó là những ưu điểm mà ta được biết về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chừng ấy ưu điểm mà thôi. Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm.

7. Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn ấy nói với Bà-la-môn Sonadanda:

— Tôn giả Sonadanda đã tán thán Sa-môn Gotama như vậy dấu cho một ai ở xa Tôn giả Gotama đến một trăm do tuần cũng đủ cho con người của gia tộc đi đến yết kiến Sa-môn Gotama, dấu phải đem theo lương thực. Do vậy, tất cả chúng tôi sẽ đi đến yết kiến Sa-môn Gotama.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sonadanda cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến bờ hồ Gaggara.

8. Sự lo lắng sau đây khởi lên trong tâm trí của Bà-la-môn Sonadanda, khi đi ngang qua khu rừng: "Nếu ta hỏi Sa-môn Gotama một câu và nếu Sa-môn Gotama trả lời với ta như sau: "Này Bà-la-môn, không nên đặt câu hỏi như thế này". Thời

như vậy, hội chúng này sẽ khinh miệt ta: "Bà-la-môn Sonadanda là ngu si, bất tài, không thể hỏi một câu cho chín chắn". Nếu hội chúng này khinh miệt ta thì danh tiếng ta bị giảm bớt. Và ai bị danh tiếng giảm bớt thì thân nhận cúng dường bị giảm thiểu. Vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh dự chúng ta được có. Nếu Sa-môn Gotama hỏi ta một câu, câu trả lời của ta về câu hỏi ấy có thể không làm cho tâm trí được thỏa mãn; và nếu Sa-môn Gotama nói với ta như sau: "Này Bà-la-môn, câu hỏi ấy nên trả lời như thế này", thì như vậy, hội chúng này sẽ khinh miệt ta: "Bà-la-môn Sonadanda là ngu si bất tài không thể làm cho tâm trí Sa-môn Gotama thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi ấy". Nếu hội chúng này khinh miệt ta thì danh tiếng ta bị giảm bớt và ai bị danh tiếng giảm bớt, thì thân nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh dự chúng ta được có. Nếu ta đi đến gần như thế này mà ta trở về không gặp Sa-môn Gotama, thì hội chúng này sẽ khinh miệt ta: "Bà-la-môn Sonadanda là người ngu si bất tài, kiêu mạn, cứng đầu, sợ hãi, không dám đến yết kiến Sa-môn Gotama, làm sao đã đi đến gần như thế này mà lại trở về không gặp Sa-môn Gotama". Nếu hội chúng khinh miệt ta, thì

danh tự ta bị giảm bớt, và ai bị danh dự giảm bớt thời thân nhận cúng dường bị giảm thiểu. Vì cúng dường của ta tùy thuộc với danh dự chúng ta được có”.

9. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Sonadanda đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi đến bèn nói lời thân ái, chào đón, chúc tụng rồi ngồi xuống một bên. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Campà, có người đánh lễ Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người nói lời thân ái chào đón chúc tụng với Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người chấp tay vái chào Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người nói tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên, có người yên lặng ngồi xuống một bên.

10. Lúc ấy Bà-la-môn Sonadanda đang ngồi, tâm trí lo lắng: “Nếu ta hỏi Sa-môn Gotama một câu và nếu Sa-môn Gotama trả lời với ta như sau: “Này Bà-la-môn, không nên đặt câu hỏi như vậy, nên đặt câu hỏi như thế này”. Thời như vậy hội chúng sẽ khinh miệt ta: “Bà-la-môn Sonadanda là ngu si, bất tài, không thể hỏi một câu cho chín chắn”. Nếu hội chúng này khinh miệt ta thì danh tiếng ta bị giảm bớt. Và ai bị danh tiếng giảm bớt thời thân nhận cúng dường bị giảm thiểu. Vì cúng

đường của chúng ta tùy thuộc với danh tiếng chúng ta được có. Nếu Sa-môn Gotama hỏi ta một câu và câu trả lời của ta về câu hỏi ấy có thể không làm cho tâm trí được thỏa mãn, và nếu Sa-môn Gotama nói với ta như thế này; "Này Bà-la-môn, câu hỏi ấy không nên trả lời như vậy. Này Bà-la-môn, câu hỏi ấy nên trả lời như thế này", thời như vậy hội chúng này sẽ khinh miệt ta: "Bà-la-môn Sonadanda là người ngu si, bất tài, không làm cho tâm trí Sa-môn Gotama thỏa mãn với câu trả lời (ấy)". Nếu hội chúng này khinh miệt ta thời danh tiếng ta bị giảm bớt. Và ai danh tiếng bị giảm bớt thì thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu. Vì cúng dường của chúng ta tùy theo với danh tiếng chúng ta được có. Mong rằng Sa-môn Gotama hãy hỏi ta câu hỏi thuộc sự truyền bá về ba quyển Vedà. Như vậy chắc chắn ta có thể làm tâm trí của Ngài được thỏa mãn với câu trả lời của ta cho câu hỏi ấy".

11. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn được biết sự phân vân lo lắng của Bà-la-môn Sonadanda với tri giác của mình, liền tự nghĩ: "Bà-la-môn Sonadanda này đang phân vân lo lắng. Ta hãy hỏi Bà-la-môn Sonadanda với câu hỏi thuộc sự truyền về ba quyển Vedà".

Rồi đức Thế Tôn hỏi Bà-la-môn Sonadanda:

— Này Bà-la-môn, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ bao nhiêu đức tính mới được gọi là Bà-la-môn, và để có thể khi nói “tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối ?

12. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Sonadanda suy nghĩ: “Thật vậy, điều mà chúng ta mong ước, hy vọng, yêu cầu, mong đợi. Mong Sa-môn Gotama hãy hỏi ta câu hỏi thuộc sự truyền về ba quyển Vedà. Như vậy chắc chắn ta có thể làm tâm trí của Ngài được thỏa mãn với câu trả lời cho câu hỏi ấy, và nay Sa-môn Gotama hỏi ta câu hỏi thuộc sự truyền về ba quyển Vedà. Chắc chắn ta có thể làm cho tâm trí của Ngài được thỏa mãn với câu trả lời cho câu hỏi ấy”.

13. Rồi Bà-la-môn Sonadanda ngồi thẳng lưng, nhìn xung quanh hội chúng và bạch đức Thế Tôn:

— Có năm đức tánh, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy chơn chánh, không phải là lời nói dối. Thế nào là năm ? Ở đây, này Tôn giả, người Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy

đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy là nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Vedà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thế (tự nhiên học) và tướng của vị đại nhân. Vị ấy đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng. Vị ấy có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày. Và vị ấy là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm đuống (để đổ bơ làm lễ tế thần). Nay Tôn giả Gotama, đó là năm đức tánh, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể, khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

14. — Nay Bà-la-môn, trong năm đức tánh này, có thể bỏ qua một đức tánh nào, chỉ có bốn đức tánh thôi, mà vẫn có thể gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là lời nói chơn chánh, không phải là lời nói dối.

— Tôn giả Gotama, có thể được. Tôn giả Gotama, trong năm đức tánh này, chúng tôi có thể

bồ dung sắc. Thật vậy, dung sắc làm được gì ? Khi một Tôn giả Bà-la-môn thiện sanh từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy lại là nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Vedà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thế (tự nhiên học) và tướng của vị đại nhân. Vị ấy có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày. Và vị ấy là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm đuống. Nay Tôn giả Gotama, những đức tánh này, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể, khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

15. — Nay Bà-la-môn, trong bốn đức tánh này, có thể bỏ qua một đức tánh nào, chỉ có ba đức tánh thôi, mà vẫn có thể gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là lời nói chơn chánh, không phải là lời nói dối.

— Tôn giả Gotama, có thể được. Tôn giả Gotama, trong bốn đức tánh này, chúng tôi có thể

bỏ chú thuật. Thật vậy, chú thuật làm được gì ? Khi một Tôn giả Bà-la-môn thiện sanh từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy lại là nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Vedà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thế (tự nhiên học) và tướng của vị đại nhân, vị ấy lại có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày, vị ấy là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm đuống. — Nay Tôn giả Gotama, những đức tính này, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể, khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

16. — Nay Bà-la-môn, trong ba đức tánh này, có thể bỏ qua một đức tánh nào, chỉ có hai đức tánh thôi, mà vẫn có thể gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

— Tôn giả Gotama, có thể được. Tôn giả Gotama, trong ba đức tánh này, chúng tôi có thể

bỏ thọ sanh. Thật vậy, thọ sanh làm được gì ? Khi một Tôn giả Bà-la-môn có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày, vị ấy là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm đuống. Những đức tánh này, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể, khi nói: “Tôi là Bà-la-môn” lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

17. Khi nghe nói vậy, những vị Bà-la-môn kia nói với Bà-la-môn Sonadanda:

— Này Tôn giả Sonadanda, chớ có nói như vậy ! Này Tôn giả Sonadanda, chớ có nói như vậy ! Tôn giả Sonadanda khinh bác dung sắc, khinh bác chú thuật, khinh bác thọ sanh. Thật sự Tôn giả Sonadanda đã ngã theo quan niệm của Sa-môn Gotama.

18. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nói với những vị Bà-la-môn ấy:

— Nếu các người Bà-la-môn nghĩ: “Bà-la-môn Sonadanda không phải là bậc đa văn, Bà-la-môn Sonadanda không phải là nhà hùng biện giỏi, Bà-la-môn Sonadanda không phải là nhà bác học, và Bà-la-môn Sonadanda không có thể biện luận với

Sa-môn Gotama về vấn đề này”, thời Bà-la-môn Sonadanda hãy đứng yên và để các người biện luận với Ta. Nếu các người Bà-la-môn nghĩ: “Bà-la-môn Sonadanda là bậc đa văn, Bà-la-môn Sonadanda là nhà hùng biện giỏi, Bà-la-môn Sonadanda là nhà bác học, và Bà-la-môn Sonadanda có thể biện luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này”, thời các người đứng yên và để Bà-la-môn Sonadanda biện luận với Ta.

19. Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Sonadanda bạch với đức Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama hãy đứng yên. Tôn giả Gotama hãy giữ im lặng. Tôi sẽ trả lời cho các vị Bà-la-môn ấy đúng với chánh pháp.

Rồi Bà-la-môn Sonadanda nói với những vị Bà-la-môn ấy:

— Nay các Hiền giả, chớ có nói như vậy: “Tôn giả Sonadanda khinh bác dung sắc, khinh bác chú thuật, khinh bác thọ sanh. Thật sự Tôn giả Sonadanda đã ngã theo quan niệm của Sa-môn Gotama”. Nay các Hiền giả, tôi không có phỉ báng dung sắc hoặc chú thuật hoặc thọ sanh.

20. Lúc bảy giờ thanh niên Angaka là người

cháu của Bà-la-môn Sonadanda đang ngồi trong hội chúng ấy. Bà-la-môn Sonadanda nói với những vị Bà-la-môn kia:

— Này các Hiền giả, các Hiền giả có thấy người cháu tôi, thanh niên Angaka không ?

— Thưa Tôn giả, có thấy.

— Các Hiền giả, thanh niên Angaka là đẹp trai khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng, không một ai trong chúng này có thể bằng được về dung sắc, trừ Sa-môn Gotama. Này các Hiền giả, thanh niên Angaka là nhà tri chú, thông hiểu ba tập Vedà, với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thể (tự nhiên học) và tướng của vị đại nhân. Chính ta dạy cho nó chú thuật. Này các Hiền giả, thanh niên Angaka thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Ta biết cha và mẹ nó. Này các Hiền giả nếu thanh niên Angaka giết hại các loại hữu tình, lấy của không cho, đi tư thông với vợ người, nói láo, uống rượu, như vậy này các Hiền giả, nay dung sắc

làm được cái gì, thọ sanh làm được cái gì ? Nay các Hiền giả, khi một Bà-la-môn nào có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày, lại là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm đuống. Nay các Hiền giả, những Bà-la-môn nào đầy đủ hai đức tánh ấy mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể, khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối.

21. — Nay Bà-la-môn trong hai đức tánh ấy, có thể bỏ qua một đức tánh, và những người Bà-la-môn đầy đủ một đức tánh nào, để có thể khi nói: “Tôi là Bà-la-môn”, lời nói ấy là lời nói chơn chánh, không phải là lời nói dối.

— Tôn giả Gotama, không thể được. Tôn giả Gotama, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh; người có giới hạnh nhất định có trí tuệ; người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời. Tôn giả Gotama, cũng như lấy bàn tay rửa bàn tay, lấy bàn chân để rửa bàn chân; cũng vậy, Tôn giả Gotama, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh

tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ; người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời.

22. — Thật như vậy, này Bà-la-môn. Này Bà-la-môn, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ; người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời. Nhưng này Bà-la-môn, thế nào là giới hạnh, thế nào là trí tuệ ?

— Tôn giả Gotama, chúng tôi chỉ biết có vậy là tốt bậc về vấn đề này. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama giải thích ý nghĩa của câu nói ấy !

23. — Này Bà-la-môn, vậy hãy nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ nói.

— Tôn giả, xin vâng. Bà-la-môn Sonadanda trả lời đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn thuyết như sau:

— Đây Bà-la-môn, ở đây đức Thế Tôn ra đời, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (giống như kinh Sa-môn Quả, chương 40)... Đây Bà-la-môn, như vậy vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Đây Bà-la-môn, đó là giới hạnh.

... vị ấy chứng và trú sơ thiên... chứng và trú đệ nhị thiên... đệ tam thiên... chứng và trú đệ tứ thiên... tâm hướng đến tri kiến... Đây Bà-la-môn như vậy là trí huệ [như kinh Sàmannaphala (Sa-môn Quả), từ chương 40 đến 63, và từ chương 75 đến chương 98].

24. Khi nghe nói như vậy, Bà-la-môn Sona-danda nói với đức Thế Tôn:

— Thật là vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật là vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời

quy ngưỡng. Và mong Tôn già Gotama, ngày mai cùng chúng Tỷ-kheo nhận lời mời đến dùng cơm do con mời.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Lúc bảy giờ Bà-la-môn Sonadanda được biết đức Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, thân phía hữu hướng về đức Phật và từ biệt. Rồi Bà-la-môn Sonadanda khi đêm đã mãn liền làm cho sẵn sàng tại nhà các món thượng vị, loại cứng và loại mềm, rồi báo thì giờ cho đức Thế Tôn: “Giờ đã đến, Tôn già Gotama, cơm đã sẵn sàng”.

25. Khi ấy đức Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo bình bát, và cùng chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Sonadanda, đi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Bà-la-môn Sonadanda tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Lúc bảy giờ Bà-la-môn Sonadanda, sau khi được biết đức Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lấy một ghế thấp khác ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Sonadanda bạch đức Thế Tôn:

26. — Tôn già Gotama, khi con ở trong hội chúng nếu con từ chỗ ngồi đứng dậy và đánh lễ

Thế Tôn Gotama thời hội chúng này sẽ phỉ báng con. Ai bị hội chúng này phỉ báng, thời danh tiếng sẽ bị tổn giảm, và ai danh tiếng bị tổn giảm, thời thân nhận cúng dường bị giảm thiểu. Vì cúng dường tùy thuộc vào danh tiếng chúng con có. Tôn giả Gotama, nếu ở trong hội chúng mà con chấp tay vái chào, mong Tôn giả Gotama nhận đây là con đứng dậy. Tôn giả Gotama, nếu trong hội chúng mà con tháo khăn đầu, mong Tôn giả Gotama nhận đây là con vái chào với đầu của con. Tôn giả Gotama, khi con đi trên xe, nếu con xuống xe và đánh lễ Thế Tôn Gotama, thời hội chúng sẽ phỉ báng con. Ai bị hội chúng này phỉ báng, thời danh tiếng bị tổn giảm, và ai bị danh tiếng tổn giảm, thời thân nhận cúng dường bị giảm thiểu. Vì sự cúng dường tùy thuộc vào danh tiếng chúng con có. Tôn giả Gotama, nếu trong khi con đi xe, con hạ cán roi xuống, mong Tôn giả Gotama nhận đây là con xuống xe. Tôn giả Gotama, nếu trong khi con đi xe, con vẫy tay, mong Tôn giả Gotama nhận đây là con vái chào với đầu của con.

27. Rồi đức Thế Tôn với một thời thuyết pháp, giảng dạy, khích lệ, kích thích và làm cho Bà-la-môn Sonadanda hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

KINH KUTADANTA

(KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU)

1. Như vậy tôi nghe. Một thời đức Thế Tôn đang du hành trong xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đến tại một làng Bà-la-môn ở Magadha tên là Khànumata (Khứ-nậu-bà-đế). Và tại đây, đức Thế Tôn trú tại vườn Ambalatthika ở Khànumata. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Kùtadanta ở tại Khànumata, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do vua Bimbisàra (Tần-bà-ta-la) vua nước Magadha cấp, một ân tứ của vua, một tịnh ấp. Lúc

bảy giờ, một đàn tế lớn đang được thiết lập cho Bà-la-môn Kùtadanta, bảy trăm con trâu đực, bảy trăm con nghé đực lớn, và bảy trăm con nghé cái lớn, bảy trăm con dê và bảy trăm con cừu đã được dắt đến trụ tế lễ, cho đàn tế.

2. Bà-la-môn và gia chủ ở Khànumata được nghe: "Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Magadha với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến tại Khànumata và trú tại vườn Ambalatthika ở Khànumata. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: "Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Cháng Đăng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư,... Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên bố sự chứng ngộ ấy cho người khác. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, và giới thiệu đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy". Rồi các Bà-la-môn và gia chủ ở Khànumata, từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Khànumata và đến tại Ambalatthika.

3. Lúc bảy giờ, Bà-la-môn Kùtadanta đi lên

trên lầu để nghỉ trưa. Bà-la-môn Kùtadanta thấy các Bà-la-môn và gia chủ ở Khànumata từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Khànumata và đến tại Ambalatthika. Thấy vậy (Bà-la-môn Kùtadanta) liền gọi người gác cửa:

— Này người gác cửa, vì sao các Bà-la-môn và gia chủ ở Khànumata, từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Khànumata và đến tại Ambalatthika ?

— Tôn giả, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Magadha với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đến tại Khànumata, và tại đây trú ở Ambalatthika. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: “Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Nay những người ấy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

4. Bà-la-môn Kùtadanta liền suy nghĩ như sau: “Ta nghe nói: “Sa-môn Gotama am hiểu ba cách thức tế tự và mười sáu tế pháp”. Ta không biết ba cách thức tế tự và mười sáu pháp, và ta

muốn cử hành lễ đại tế. Vậy ta hãy đến hỏi Sa-môn Gotama ba cách thức tế tự và mười sáu tế pháp”.

Rồi Bà-la-môn Kùtadanta gọi người giữ cửa kia:

— Này người giữ cửa, hãy đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Khànumata, khi đến nơi, hãy nói với những Bà-la-môn và gia chủ ở Khànumata như sau: “Bà-la-môn Kùtadanta có nói: “Này các Hiền giả, hãy chờ đợi, Bà-la-môn Kùtadanta sẽ thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama””.

— Dạ vâng.

Người gác cửa ấy vâng theo lời bảo của Bà-la-môn Kùtadanta, đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Khànumata, khi đến xong liền nói với Bà-la-môn và gia chủ ở Khànumata: “Bà-la-môn Kùtadanta có nói như vậy: “Này các Hiền giả, hãy chờ đợi. Bà-la-môn Kùtadanta sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama””.

5. Lúc bảy giờ có khoảng vài trăm Bà-la-môn ở Khànumata với ý định: “Chúng tôi sẽ dự lễ Đại tế đàn của Bà-la-môn Kùtadanta”. Khi các vị Bà-la-môn này nghe: “Bà-la-môn Kùtadanta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama”, những Bà-la-môn này đến

Bà-la-môn Kùtadanta, khi đến nơi liền nói với Bà-la-môn Kùtadanta:

— Có phải Tôn giả Kùtadanta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama ?

— Này các Hiền giả, đó là ý định của ta, ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.

6. — Tôn giả Kùtadanta chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama. Thật không xứng đáng cho Tôn giả Kùtadanta đến yết kiến Sa-môn Gotama. Nếu Tôn giả Kùtadanta đến yết kiến Sa-môn Gotama, thì danh tiếng của Tôn giả Kùtadanta bị hao tổn, danh tiếng của Sa-môn Gotama được tăng trưởng. Vì danh tiếng của Tôn giả Kùtadanta bị hao tổn và danh tiếng của Sa-môn Gotama được tăng trưởng, do điểm này thật không xứng đáng cho Tôn giả Kùtadanta đến yết kiến Sa-môn Gotama. Trái lại thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Kùtadanta.

— Lại Tôn giả Kùtadanta thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì Tôn giả Kùtadanta thiện sanh cả từ mẫu

hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sinh; do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Kùtadanta đến yết kiến Sa-môn Gotama, trái lại thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Kùtadanta.

Lại Tôn giả Kùtadanta là nhà giàu có, đại phú, sung túc...

Lại Tôn giả Kùtadanta là nhà phúng tụng, là nhà trì chú, thông hiểu ba tập Vedà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thế (tự nhiên học) và tướng của vị đại nhân.

Lại Tôn giả Kùtadanta đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô, tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng.

Lại Tôn giả Kùtadanta có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày.

Lại Tôn giả Kùtadanta thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch,

giọng nói không bập bẹ phêu phào, giải thích nghĩa lý minh xác.

Lại Tôn giả Kùtadanta là bậc tôn sư trong các hàng tôn sư của nhiều người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật, thanh niên Bà-la-môn từ nhiều phương, từ nhiều nước, thiết tha với chú thuật, đến với Tôn giả Kùtadanta để học thuộc lòng các chú thuật.

Tôn giả Kùtadanta niên cao lập lớn, bậc lão thành, đến tuổi trưởng thượng, còn Sa-môn Gota-ma thì trẻ tuổi, xuất gia chưa được nhiều năm.

Tôn giả Kùtadanta được vua Seniya Bimbisàra (Tần-bà-ta-la) xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Tôn giả Kùtadanta được Bà-la-môn Pokkhatasàdi kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Tôn giả Kùtadanta sống ở Khànumata, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha. Vì Tôn giả Kùtadanta sống ở Khànumata, một địa phương dân chúng đông đúc,

cỏ cây ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha, do điểm này thật không xứng đáng cho Tôn giả Kùtadanta đến yết kiến Sa-môn Gotama, trái lại thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Kùtadanta.

7. Nghe nói vậy, Bà-la-môn Kùtadanta nói với những vị Bà-la-môn ấy:

— Các Hiền giả, hãy nghe ta giải thích vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama, trái lại thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta. Nay các Hiền giả, thật vậy Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Nay các Hiền giả, vì Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì điểm này, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta, trái lại thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, Sa-môn Gotama xuất gia từ bỏ rất nhiều vàng bạc cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất.

Này các Hiền giả, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama, dẫu song thân không đồng ý, khóc than nước mắt thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, đáng diệu cao thượng.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đức hạnh, gìn giữ giới của bậc thánh, có thiện đức, dạy đủ thiện đức.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ phêu phào, giải thích nghĩa lý minh xác.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là bậc tôn sư các hàng tôn sư của nhiều người.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã diệt trừ tham dục, đã dứt bỏ mọi xao động của tâm.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama chủ trương về nghiệp, chủ trương về hành động, đặt trọng tâm vào chí thiện khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ giòng họ Sát-đế-ly thanh tịnh.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả, đại phú, tài sản sung mãn.

Này các Hiền giả, thật vậy, dân chúng băng ngàn vượt biển (băng qua nhiều địa phương, băng qua nhiều quốc độ) đến hỏi đạo Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn thiên nhân đến quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền bá đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác,

Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama nói lời chào đón, thân thiện, tao nhã, trang trọng, chân thực, thẳng thắn, lời nói có dẫn chứng (?)

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được bốn chúng kính trọng tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ trọng vọng.

Này các Hiền giả, rất nhiều thiên nhân tín ngưỡng Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy ở tại làng nào, thôn ấp nào, Sa-môn Gotama cư trú, tại làng ấy, tại thôn ấp ấy, các loài phi nhân không làm hại loài người.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là giáo hội chủ, giáo phái chủ, giáo phái sư, được tôn là tối thượng trong các giáo tổ.

Này các Hiền giả, danh tiếng của một số Sa-môn, Bà-la-môn dựa trên những bằng chứng không

dầu, danh tiếng của Sa-môn Gotama dựa trên trí đức vô thượng của Ngài.

Này các Hiền giả, thật vậy, vua Seniya Bimbisàra nước Magadha, cùng với vương tử, cung phi, thị tòng, đại thần đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, vua Pasenadi nước Kosala cùng với vương tử, cung phi, thị tòng, cận thần đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi cùng với vương tử, cung phi, thị tòng, cận thần đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được vua Seniya Bimbisàra nước Magadha kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được vua Pasenadi nước Kosala kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Bà-la-môn Pokkharasàdi kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đến Khànumata và đang ở tại Ambalatthika.

Những Sa-môn, những Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta. Đối với khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Này các Hiền giả, nay Gotama đã đến Khànumata đang ở tại Ambalatthika, như vậy Sa-môn Gotama là khách của chúng ta. Và đã là khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama. Này các Hiền giả, đó là những ưu điểm, mà ta được biết về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chùng ấy ưu điểm mà thôi. Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm.

8. Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn ấy nói với Bà-la-môn Kùtadanta:

— Tôn giả Kùtadanta đã tán thán Sa-môn Gotama như vậy, dầu cho ai ở xa Tôn giả Gotama đến một trăm do tuần cũng đủ cho người con của gia tộc đi đến yết kiến Sa-môn Gotama, dầu phải đem theo lương thực. Vì vậy tất cả chúng tôi sẽ đi đến yết kiến Sa-môn Gotama.

Lúc bấy giờ Bà-la-môn Kùtadanta cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến Ambalatthika, đến tại chỗ đức Thế Tôn ở, khi đi đến, liền nói lời thân ái, chào đón, chúc tụng rồi ngồi xuống một bên. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Khànumata, có người đánh lễ Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người nói lời thân ái chào đón, chúc tụng với Sa-môn Gotama, rồi ngồi xuống một bên, có người chấp tay vái chào Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người nói tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên, có người yên lặng ngồi xuống một bên.

9. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Kùtadanta bạch đức Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama, tôi được nghe như sau: “Sa-môn am hiểu ba cách thức tế tự và mười sáu tế vật”. Tôi không biết đến ba tế tự và mười sáu tế vật và tôi muốn cử hành đại tế tự. Tốt đẹp thay nếu Tôn giả Gotama giảng cho tôi ba cách thức tế tự và mười sáu tế vật.

— Này Bà-la-môn, vậy người hãy nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ nói.

— Dạ vâng.

Bà-la-môn Kùtadanta trả lời đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thuyết như sau:

10. — Này Bà-la-môn, thuở xưa có vị vua tên là Mahāvijita, giàu có, đại phú, tài sản sung mãn, có nhiều vàng bạc, có nhiều vật dụng, có nhiều tài vật ngũ cốc, kho tàng sung mãn. Này Bà-la-môn, một hôm trong khi vua Mahāvijita đang ngồi yên lặng tại một tịnh xứ, sự suy tư sau đây được khởi lên: “Ta nay đang vô lượng tài bảo thuộc nhân gian, chinh phục đại địa cầu và sống an trú như vậy. Ta hãy tổ chức đại tế đàn, và nhờ vậy ta sẽ hưởng được hạnh phúc an lạc lâu ngày”. Này Bà-la-môn, vua Mahāvijita liền cho mời vị Bà-la-môn chủ tế và nói: “Này Bà-la-môn, trong khi ta đang ngồi yên lặng tại một tịnh xứ, sự suy tư sau đây khởi lên: “Ta nay đang vô lượng tài bảo thuộc nhân gian, chinh phục đại địa cầu và sống an trú như vậy. Ta hãy tổ chức đại tế đàn, và nhờ vậy ta sẽ được hưởng hạnh phúc an lạc lâu ngày”. Này Bà-la-môn, ta muốn tổ chức đại tế đàn, Khanh hãy khuyên ta như thế nào để ta được hưởng hạnh phúc an lạc lâu ngày ?”

11. Này Bà-la-môn, khi nghe nói vậy, vị Bà-la-môn chủ tế tâu với vua Mahāvijita như sau: “Đại vương, vương quốc (này) chịu tai ương, chịu ách nạn, đây rầy bọn cướp làng, đây rầy bọn cướp ấp,

đây rầy bọn cướp đô thị, đây rầy bọn cướp đường. Trong quốc độ chịu tai ương, chịu ách nạn như vậy, nếu Tôn vương đánh thuế má mới, như vậy Tôn vương có ý nghĩ: "Ta hãy trừ diệt bọn giặc cỏ này, hoặc bằng tử hình, hoặc bằng cấm cố, hoặc bằng phạt vạ, hoặc bằng khiển trách, hoặc bằng tẩn xuất". Nhưng bọn giặc cỏ này sẽ không được trừ diệt một cách hoàn toàn. Những bọn còn lại không bị hình phạt sau lại tiếp tục hoành hành vương quốc này. Nhưng nếu theo phương pháp sau đây, bọn giặc cỏ ấy sẽ được trừ diệt một cách hoàn toàn. Những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về nông nghiệp và mục súc, Tôn vương hãy cấp cho những vị ấy hột giống và thực vật; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về thương nghiệp, Tôn vương hãy cấp cho những vị ấy vốn đầu tư; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về quan chức, Tôn vương hãy cấp cho những vị ấy vật thực và lương bổng. Và những người này chuyên tâm vào nghề riêng của mình sẽ không nhiều hại quốc độ nhà vua. Và ngân quỹ nhà vua sẽ được dồi dào, quốc độ sẽ được an cư lạc nghiệp, không có tai ương, ách nạn và dân chúng hoan hỷ vui vẻ, cho con nhảy trên ngực, sống chẳng khác gì với nhà của mở rộng". — "Vâng, Tôn giả".

— Nay Bà-la-môn, vua Mahāvijita vâng theo lời khuyên của vị Bà-la-môn chủ tế; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về nông nghiệp và mục súc, tôn vương Mahāvijita cấp cho những vị ấy hột giống và thực vật; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về thương nghiệp, Tôn vương Mahāvijita cấp cho những vị ấy với đầu tư; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về quan chức, Tôn vương Mahāvijita cấp cho những vị ấy vật thực và lương bổng. Và những người này chuyên tâm về nghề của mình không còn nhiều hại quốc độ nhà vua; ngân quỹ nhà vua được dồi dào, quốc độ được an cư lạc nghiệp không có tai ương ách nạn và dân chúng hoan hỷ vui vẻ, cho con nhảy trên ngực, sống chẳng khác gì với nhà cửa mở rộng.

12. Rồi này Bà-la-môn, vua Mahāvijita cho mời vị Bà-la-môn chủ tế và nói: "Này khanh, ta đã trừ diệt bọn giặc cô nhờ áp dụng phương pháp này, ngân quỹ của ta được dồi dào, quốc độ được an cư lạc nghiệp, không có tai ương ách nạn, và dân chúng hoan hỷ, vui vẻ, cho con nhảy trên ngực, sống chẳng khác gì với nhà cửa mở rộng. Nay Bà-la-môn, ta muốn tổ chức đại tế dân, khanh hãy khuyên ta như thế nào để ta được hưởng hạnh phúc an lạc lâu ngày ?" — "Vây Tôn vương hãy

cho mời tất cả những vị Sát-đế-ly trong quốc độ nhà vua cùng với các chư hầu cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành và nói: "Này các khanh, ta muốn tổ chức đại tế đàn. Các khanh hãy tán thành để ta được hưởng hạnh phúc an lạc lâu ngày". Đối với tất cả những đại thần trong quốc độ nhà vua, cùng với quyền thuộc cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành... tất cả những gia chủ phú hào cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, Tôn vương hãy mời những vị ấy và nói: "Này các khanh, Ta muốn tổ chức đại tế đàn. Các khanh hãy tán thành để ta được hưởng an lạc hạnh phúc lâu dài".

Này Bà-la-môn, vua Mahāvijita nghe theo vị Bà-la-môn chủ tế cho mời tất cả những vị Sát-đế-ly trong quốc độ nhà vua cùng với các chư hầu cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành và nói: "Này các khanh, ta muốn tổ chức đại tế đàn. Các khanh hãy tán thành để ta được hưởng hạnh phúc an lạc lâu ngày". — "Tôn vương hãy tổ chức tế đàn. Đại vương, tế đàn này là hợp thời".

Đối với tất cả những đại thần trong quốc độ nhà vua cùng với quyền thuộc cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành... tất cả những vị Bà-la-môn và đại gia chủ cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành... tất cả những gia chủ phú hào cả tại tỉnh thành và

ngoài tỉnh thành, vua Mahāvijita mời những vị ấy và nói: “Này các khanh ta muốn tổ chức đại tế đàn. Các khanh hãy tán thành để ta được hưởng hạnh phúc an lạc lâu ngày”. — “Đại vương hãy tổ chức tế đàn. Đại vương, tế đàn này là hợp thời”.

Như vậy bốn đại chúng đã thừa nhận tế đàn trở thành những yếu kiện cho lễ tế đàn này.

13. Vua Mahāvijita có tám đức tánh sau đây: Thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không một vết nhơ nào, một đêm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, đáng diệu cao thượng. Là nhà giàu có, đại phú, sung túc tài sản, đầy rẫy vàng và bạc, đầy rẫy tài bảo, đầy rẫy sản nghiệp, ngũ cốc, thương khố sung mãn. Có uy lực, đầy đủ bốn loại quân chủng, chinh phục địch quân như với oai danh (của mình). Một vị có tín tâm, có từ tâm, một thí chủ, cửa nhà mở rộng, một giếng khơi cho Sa-môn, Bà-la-môn bản cùng nghèo khó, khát sĩ, một vị làm các công đức. Một vị bác học trong mọi vấn đề. Thông hiểu ý nghĩa của lời nói: “Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩ của lời nói này”. Một nhà bác học, tinh luyện, sáng suốt và có thể suy tư về

những vấn đề quá khứ, vị lai, hiện tại. Vua Mahāvijita có đầy đủ tám đặc tánh này. Chính tám đặc tánh này làm những yếu kiện cho tế đàn ấy.

14. Vị Bà-la-môn chủ tế có đầy đủ bốn đức tánh: Thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, một dèm pha nào, về vấn đề huyết thống thọ sanh — là nhà phúng tụng, là nhà trì chú, thông hiểu ba tập Vedā với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thể (tự nhiên học) và tướng của vị đại nhân, có đức hạnh, đức độ cao đầy, đầy đủ giới hạnh cao đầy — một vị bác học, tinh luyện, sáng suốt, là nhà chiêm ngưỡng thứ nhất hay thứ hai. Vị Bà-la-môn chủ tế có đầy đủ bốn đức tánh này, chính bốn đức tánh này làm những yếu kiện cho tế đàn ấy.

15. Đây Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế trước khi lễ đàn có giảng ba pháp cho vua Mahāvijita: "Trước khi muốn làm lễ đại tế đàn, nếu Tôn vương có sự hối tiếc: "Thật vậy, một phần lớn tài sản của ta sẽ bị tiêu hao", Tôn vương không nên có sự hối tiếc này. Trong khi đang làm lễ đại tế đàn, nếu Tôn vương có sự hối tiếc: "Thật vậy, một phần lớn

tài sản của ta bị tiêu hao". Tôn vương không nên có sự hối tiếc này. Khi đã làm lễ đại tế đàn, nếu Tôn vương có sự hối tiếc: "Thật vậy, một phần lớn tài sản của Ta bị tiêu hao". Tôn vương không nên có sự hối tiếc này".

Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế trước khi lễ đàn có giảng ba pháp cho vua Mahàvijita.

16. Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế trước lễ tế đàn để ngăn chặn sự hối tiếc theo mười cách có thể khởi lên đối với người tham dự (lễ tế đàn) đã nói với vua Mahàvijita: "Tôn vương, có những người sát sanh đến tại lễ tế đàn và có những người không sát sanh. Ở đây, đối với những người sát sanh, hãy để cho chúng yên. Ở đây đối với những người không sát sanh, hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm của chúng được an vui hoan hỷ. Tôn vương, có những người lấy của không cho đến tại lễ tế đàn và có những người không lấy của không cho... có những người tà dâm và có những người không tà dâm, có những người nói láo và có những người không nói láo, có những người nói hai lưỡi, và có những người không nói hai lưỡi, có những người nói lời độc ác và có những người không nói lời độc ác, có những người nói lời phù phiếm và có những người không nói lời phù phiếm, có những

người có lòng tham và có những người không có lòng tham, có những người có lòng sân và có những người không có lòng sân, có những người có tà kiến và có những người có chánh kiến. Ở đây, đối với những người có tà kiến hãy để chúng yên. Đối với những người có chánh kiến, hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm của chúng được an vui, hoan hỷ”.

Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế trước lễ tế đàn đã ngăn chặn sự hối tiếc theo mười cách có thể khởi lên đối với những người tham dự (lễ tế đàn).

17. Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế khi vua đang làm lễ tế đàn, đã khuyên giáo, tường lệ, ... kích thích và làm tâm (của vua) hoan hỷ với mười sáu phương pháp: “Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn, nếu có người nói: “Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn nhưng không mời các vị Sát-đế-ly, thân tộc ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành; Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy”. Lời nói về Tôn vương như vậy không đúng sự thật; Tôn vương đã có mời các vị Sát-đế-ly thân tộc ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành. Do vậy, Tôn vương nên biết: “Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui hoan hỷ”. Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn, nếu có người nói:

"Vua Mahàvijita tổ chức đại tế đàn, nhưng không mời các vị đại thần quyền thuộc ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành... Bà-la-môn đại gia ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành... cư sĩ phú hào ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành. Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy". Lời nói về Tôn vương như vậy không đúng sự thật; Tôn vương đã có mời các vị cư sĩ phú hào ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành; Do vậy Tôn vương nên biết: "Hãy tổ chức lễ tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ". Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn nếu có người nói: "Vua Mahàvijita tổ chức đại tế đàn, nhưng không thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh". Do vậy Tôn vương nên biết: "Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ". Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn, nếu có người nói: "Vua Mahàvijita tổ chức đại tế đàn, nhưng không đẹp trai khả ái, làm đẹp lòng mọi người với màu da thù thắng, khôi ngô, tuấn tú, cử chỉ trang nhã, đáng diệu cao thượng... không phải là nhà giàu có,

dại phú, sung túc tài sản, đầy rẫy vàng và bạc, đầy rẫy tài bảo, đầy rẫy sản nghiệp ngũ cốc, thương khó sung mãn... không có uy lực, đầy đủ bốn loại quân chủng, chinh phục địch quân như với oai danh của mình... không có tín tâm, không có từ tâm, không phải một thí chủ, của nhà mở rộng, một giếng khơi cho Sa-môn, Bà-la-môn, bán cùng, nghèo khó, khát sĩ, một vị làm các công đức... không phải là vị bác học trong mọi vấn đề... không thông hiểu ý nghĩa của lời nói: "Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói này... không phải là nhà bác học tinh luyện, sáng suốt và có thể suy tư về những vấn đề quá khứ, vị lai, hiện tại... Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy". Lời nói về Tôn vương như vậy không đúng sự thật. Tôn vương là nhà bác học, tinh luyện, sáng suốt, và có thể suy tư về những vấn đề quá khứ, vị lai, hiện tại... Do vậy, Tôn vương nên biết: "Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ". Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn, nếu có người nói: "Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn, nhưng vị Bà-la-môn chủ tế của vua không thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ,

huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy. "Lời nói về Tôn vương như vậy không đúng sự thật. Vị Bà-la-môn chủ tế của vua thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh". Do vậy, Tôn vương nên biết: "Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui hoan hỷ"... Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn... Nhưng vị Bà-la-môn chủ tế của vua không phải là nhà phúng tụng, là nhà trì chú, thông hiểu ba tập Vedà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thế (tự nhiên học) và tướng của vị đại nhân... Nhưng vị Bà-la-môn chủ tế của vua không có đức hạnh, không có đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày... Nhưng vị Bà-la-môn chủ tế của vua không phải vị bác học, tinh luyện, sáng suốt, là nhà cầm muống thứ nhất hay thứ hai, Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy". Lời nói về

Tôn vương như vậy không đúng sự thật. Vị Bà-la-môn chủ tế của vua là nhà bác học, tinh luyện, sáng suốt, là nhà cầm đuống thứ nhất hay thứ hai. Do vậy Tôn vương nên biết: "Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui hoan hỷ".

Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế, khi vua đang làm lễ tế đàn đã khuyến giáo, tường lệ, kích thích và làm tâm (của vua) được hoan hỷ bằng mười sáu phương pháp.

18. Này Bà-la-môn, trong lễ tế đàn này, không có trâu bò bị giết, không có dê cừu bị giết, không có gà heo bị giết, không có loại sinh vật nào khác bị sát thương, không có cây cối bị chặt để làm trụ cột tế lễ, không có loại cỏ dabbha (cỏ cát tường) bị cắt để rải xung quanh đàn tế. Và những người gia tộc hay... người đem tin hay những người làm thuê không bị dọa nạt bởi hình phạt, không bị dọa nạt bởi sợ hãi và không làm việc trong than khóc với nước mắt tràn đầy mặt mày. Chúng muốn thì chúng làm, chúng làm những gì chúng muốn. Tế đàn nay được hoàn tất chỉ với dầu, sanh tô, thực tô, mật và đường miếng.

19. Này Bà-la-môn, các Sát-đế-ly thân tộc ở tỉnh thành và ngoài thành, các đại thần quyến

thuộc ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành, các Bà-la-môn đại gia ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, các cư sĩ phú hào ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đem theo nhiều tiền bạc của cải đến Mahāvijita và thưa: “Đại vương, tiền bạc của cải rất nhiều này được đem đến để Đại vương dùng, Đại vương hãy lấy dùng”. — “Này các khanh, tiền bạc của cải rất nhiều được súc tích một cách chính đáng này đối với ta đã vừa đủ. Các khanh hãy giữ các của cải ấy cho các khanh; các khanh có thể đem theo nhiều hơn như thế nữa !”.

Các vị bị vua từ khước như vậy đứng qua một bên và bàn luận như sau: “Tài sản này của chúng ta, nếu chúng ta đem về nhà lại, thật không phải. Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn. Chúng ta hãy tổ chức một hậu tế đàn”.

20. Này Bà-la-môn, khi ấy các vị Sát-đế-ly thân tộc ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đặt các thí vật phía Đông hồ tế đàn; các đại thân quyền thuộc ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đặt các thí vật phía Nam hồ tế đàn; các Bà-la-môn đại gia ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đặt các thí vật phía Tây hồ tế đàn; các cư sĩ phú hào ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đặt các thí vật phía Bắc hồ

tế đàn. Nay Bà-la-môn, trong tế đàn của những vị này cũng vậy, không có trâu bò bị giết, không có dê cừu bị giết, không có loại sinh vật nào khác bị sát thương, không có cây cối bị chặt để làm cột trụ tế lễ, không có loại cô dabbha (cô cát tường) bị cắt để rải xung quanh đàn tế. Và những người gia tộc hay những người đưa tin, hay những người làm thuê không bị dọa nạt bởi hình phạt, không bị dọa nạt bởi sợ hãi và không làm việc trong than khóc với nước mắt tràn đầy mặt mày. Chúng muốn thì chúng làm, chúng không muốn thì chúng không làm, chúng làm những gì chúng muốn, chúng không làm những gì chúng không muốn. Những tế đàn này được hoàn tất chỉ với dầu, sanh tô, thực tô, mật và đường miến.

Như vậy là bốn sự chấp thuận, vua Mahāvijita thành tựu tám pháp, Bà-la-môn chủ tế thành tựu bốn pháp và cả ba tế pháp. Nay Bà-la-môn như vậy gọi là ba tế pháp và mười sáu tế vật.

21. Khi nghe nói như vậy những Bà-la-môn ấy la to hét lớn: “Cao quý thay lễ tế đàn, vẻ vang thay sự thành tựu của lễ tế đàn !”. Nhưng Bà-la-môn Kùtadanta ngồi yên lặng. Các vị Bà-la-môn ấy hỏi

Bà-la-môn Kùtadanta: "Vì sao Tôn giả Kùtadanta không tán thán là thiện thuyết lời thiện thuyết của Sa-môn Gotama ?" — "Không phải ta không tán thán là thiện thuyết lời thiện thuyết của Sa-môn Gotama. Nếu ai không tán thán là thiện thuyết lời thiện thuyết của Sa-môn Gotama thì đầu người ấy sẽ bị tan nát. Nhưng ta hiện đang suy nghĩ: Sa-môn Gotama không nói: "Nhu vậy ta nghe" hay "Nhu vậy đáng phải là thế". Nhưng ngài chỉ nói: "Khi sự việc xảy ra như vậy ?", "Khi ấy sự việc xảy ra như thế". Và ta nghĩ: Chắc chắn lúc bấy giờ, Sa-môn Gotama là vua Mahàvijita chủ nhân của lễ tế đàn, hay là vị Bà-la-môn chủ tế lễ tế đàn". Tôn giả Gotama có công nhận là mình đứng ra tổ chức lễ tế đàn hay khiến người tổ chức lễ tế đàn và sau khi thân hoại mạng chung được sanh ở thiện thú cõi trời, ở đời này ?"

Này Bà-la-môn, ta công nhận tự mình đứng ra tổ chức lễ tế đàn hay khiến người tổ chức lễ tế đàn, và sau khi thân hoại mạng chung được sanh ở thiện thú, cõi trời ở đời này. Lúc bấy giờ ta là vị Bà-la-môn chủ tế đã đứng ra chủ lễ tế đàn này.

22. — Này Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều quả

báo hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này ?

— Này Bà-la-môn, có một tế đàn khác ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều quả báo hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này.

— Tôn giả Gotama, tế đàn khác ấy là gì mà ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều quả báo, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này ?

— Này Bà-la-môn, chính là những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, cúng dường cho những vị xuất gia có giới đức. Tế đàn ấy, này Bà-la-môn ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này.

23. Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì mà những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi cúng dường cho những vị xuất gia có giới đức, tế đàn ấy lại ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn, tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này ?

— Này Bà-la-môn, các vị A-la-hán hay những

vị đã bước vào con đường A-la-hán không đi đến tế đàn như vậy. Vì có sao ?

Này Bà-la-môn, vì tại đây có thấy những sự đánh đập bằng roi gậy, có những sự tóm cổ lôi kéo. Do vậy các vị A-la-hán hay những vị đã bước vào con đường A-la-hán không đi đến tế đàn như vậy. Những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, cúng dường cho những vị xuất gia có giới đức, này Bà-la-môn, các vị A-la-hán hay những vị đã bước vào con đường A-la-hán đi đến những tế đàn như vậy. Vì có sao ? Này Bà-la-môn vì tại đây không thấy những sự đánh đập bằng roi gậy, không có những sự tóm cổ lôi kéo. Do vậy các vị A-la-hán hay những vị đã bước vào đường A-la-hán đi đến tế đàn như vậy. Này Bà-la-môn, do nhân ấy, do duyên ấy, những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi cúng dường cho những vị xuất gia có giới đức, tế đàn ấy ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này.

24. — Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười

sáu tế vật và những bố thí thường xuyên những tế đàn thuận lợi này ?

— Nay Bà-la-môn có một tế đàn khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật và những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi này.

— Nay Tôn giả Gotama, tế đàn khác ấy là gì, mà ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật và những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi này ?

— Nay Bà-la-môn, chính là sự xây dựng tinh xá cho bốn phương Tăng. Tế đàn ấy ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, và những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi này.

25. Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp mười sáu tế vật, những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi và sự cúng dường tinh xá này ?

— Nay Bà-la-môn, có một tế đàn khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi và sự cúng dường tinh xá này.

— Tôn giả Gotama, tế đàn khác ấy là gì, mà ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều quả báo hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi và sự cúng dường tinh xá này ?

— Nay Bà-la-môn, một ai với tâm thành quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nay Bà-la-môn, tế đàn ấy ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều quả báo hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, đàn thí thuận lợi và sự cúng dường tinh xá này.

26. — Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá và những sự quy y này ?

— Nay Bà-la-môn, có một tế đàn khác, ít

phiên tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá và những sự quy y này.

— Tôn giả Gotama, tế đàn khác ấy là gì, mà ít phiên tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều quả báo hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật ấy, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá và những sự quy y ấy ?

— Đây Bà-la-môn, một ai với tâm thành thọ trì những giới luật không sát sanh, không thâu đoạt, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu.

Này Bà-la-môn tế đàn ấy ít phiên tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá và những sự quy y này.

27. — Đây Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác, ít phiên tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp,

mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá, những sự quy y và những giới luật này ?

— Nay Bà-la-môn, có một tế đàn khác ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá, những sự quy y, những giới luật này.

— Tôn giả Gotama, tế đàn ấy là gì mà ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá, những sự quy y và những giới luật này ?

— Nay Bà-la-môn, ở đây đức Như Lai sanh ra đời, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác... (như kinh Sàmnaphala, Sa-môn Quả). Như vậy, nay Bà-la-môn vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh.

... chúng và an trú sơ thiên. Nay Bà-la-môn tế đàn này ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn những tế đàn trước.

... nhị thiên... tam thiên... chúng và an trú tứ

thiên. Nay Bà-la-môn, tế đàn này ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn những tế đàn trước... không còn một đời sống khác. Vị ấy biết như vậy. Nay Bà-la-môn, tế đàn này ít phiền tạp hơn, ít nhiều hại, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn những tế đàn trước. Nay Bà-la-môn, không có một lễ tế đàn nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn lễ tế đàn này.

28. Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Kùtadanta thưa với đức Thế Tôn:

— Thật vi diệu thay Tôn giả gotama ! Thật vi diệu thay Tôn giả gotama ! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng phương tiện trình bày giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng Tôn giả Gotama, con xin trả tự do và sự sống cho bảy trăm con bò đực, bảy trăm con bò cái, bảy trăm con dê và bảy trăm con cừu. Mong chúng

được ăn cỏ xanh và uống nước mát, mong chúng được hưởng gió mát.

29. Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn liền thứ lớp giảng pháp cho Bà-la-môn Kùtadanta như là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Kùtadanta đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phần khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng như tắm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy chính chỗ ngồi này pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Kùtadanta: “Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt”.

30. Khi ấy Bà-la-môn Kùtadanta thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người đối với đạo pháp của đức Bốn Su, liền bạch đức Thế Tôn: “Mong Tôn giả Gotama ngày mai cùng chúng Tỷ-kheo nhận lời mời đến dùng cơm do con mời”.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Lúc bảy giờ

Bà-la-môn Kùtadanta được biết đức Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, dành lễ đức Thế Tôn, thân phía hữu hướng về đức Phật và từ biệt... Rồi Bà-la-môn Kùtadanta khi đêm vừa tàn, liền làm cho sẵn sàng tại nhà các món thượng vị loại cứng và loại mềm, rồi báo thì giờ cho đức Thế Tôn: “Giờ đã đến, Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sàng”.

Khi ấy đức Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát và cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Kùtadanta, khi đi đến liền ngồi trên chỗ đã được soạn sẵn. Bà-la-môn Kùtadanta tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, thỏa mãn với những món thượng vị, loại cứng và loại mềm. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Kùtadanta, sau khi được biết đức Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi Bà-la-môn Kùtadanta ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn với một thời thuyết pháp giảng dạy, khích lệ, kích thích và làm cho Bà-la-môn Kùtadanta hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

KINH MAHALI

1. Như vậy tôi nghe. Một thời đức Thế Tôn trú tại Vesali (Tỳ-xá-ly), ở giảng đường Trùng Các, rừng Đại Lâm. Lúc bấy giờ, một số đông sứ giả Bà-la-môn nước Kosala (Câu-tát-la) và nước Magadha (Ma-kiệt-đà), đang ở tại Vesali vì một vài công việc. Những vị sứ giả ấy được nghe như sau: “Này các Tôn giả, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca hiện nay đang trú tại Vesali, ở giảng đường Trùng Các, rừng Đại Lâm. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: “Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên

Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa có văn, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh". Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý".

2. Những vị sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và ở Magadha ấy đi đến giảng đường tại rừng Đại Lâm. Lúc bấy giờ, đại đức Nàgita là thị giả đức Thế Tôn. Những vị sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và ở Magadha ấy đi đến chỗ đại đức Nàgita ở và thưa:

— Tôn giả Nàgita, hiện nay Tôn giả Gotama ở tại đâu, chúng tôi muốn yết kiến Tôn giả Gotama.

— Các Hiền giả, nay không phải thời yết kiến đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đang chỉ tịnh. Những sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha liền ngồi xuống tại một bên và nói: "Sau khi được yết kiến Tôn giả Gotama, chúng tôi mới đi".

3. Otthadda (môi thô) người Licchavi cùng với một số đông dân chúng Licchavi cũng đi đến Trùng Các giảng đường, rừng Đại Lâm gặp đại đức

Nàgita, đánh lễ vị này rồi đứng một bên. Otthadda người Licchavi thưa với đại đức Nàgita:

— Hiện nay đức Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở tại đâu, chúng con muốn yết kiến đức Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

— Mànhàli, nay không phải thời yết kiến đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn đang chỉ tịnh.

Otthadda người Licchavi liền ngồi xuống một bên tại chỗ ấy và nói:

— Sau khi được yết kiến đức Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác con mới đi.

4. Khi ấy Sa-di Siha đến đại đức Nàgita, đánh lễ đại đức và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Sa-di Siha nói với đại đức Nàgita:

— Bạch Đại đức Kassapa (Ca-diếp) một số đông sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha đã đến đây để yết kiến đức Thế Tôn; Otthadda người Licchavi cũng đến đây với số đông dân chúng Licchavi để yết kiến đức Thế Tôn. Đại đức Kassapa, lành thay, nếu những vị này được yết kiến đức Thế Tôn.

— Vậy Siha hãy thưa với đức Thế Tôn.

— Thưa vâng, bạch Đại đức !

Sa-di Sìha vâng theo lời dạy của đại đức Nàgita, đến tại chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ Ngài rồi đứng một bên. Sa-di Sìha sau khi đứng một bên liền bạch đức Thế Tôn:

— Bạch đức Thế Tôn, một số đông sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha đến đây để yết kiến đức Thế Tôn. Otthadda, người Licchavi cùng một số đông dân chúng Licchavi đã đến đây để yết kiến đức Thế Tôn. Lành thay nếu những vị này được yết kiến đức Thế Tôn !

— Này Sìha, hãy dọn chỗ ngồi trong bóng mát, trước mặt ngôi tịnh xá.

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn !

Sa-di Sìha vâng theo lời dạy đức Thế Tôn, sắp đặt một chỗ ngồi trong bóng mát trước mặt ngôi tịnh xá, và đức Thế Tôn đi ra khỏi tịnh xá và ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn trong bóng mát, trước mặt ngôi tịnh xá.

5. Rồi các sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha đến tại chỗ đức Phật, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Otthadda người Licchavi cùng với một số lớn dân Licchavi cũng đến tại chỗ đức

Phật, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Otthadda người Licchavi thưa với Thế Tôn:

— Bạch Đại đức, hai ba ngày về trước, Sunakkhatta, dòng họ Licchavi đến chỗ con ở và nói với con: “Này Mahàli, từ khi tôi sống gần đức Phật, không lâu quá ba năm, tôi được thấy những thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không được nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi”. Bạch Thế Tôn, những thiên âm mà Sunakkhatta dòng họ Licchavi không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, không hiểu những thiên âm ấy có thật hay không có thật ?

— Này Mahàli, những thiên âm mà Sunakkhatta dòng họ Licchavi không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, những thiên âm ấy có thật, không phải không có.

6. — Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, những thiên âm mà Sunakkhatta, dòng họ Licchavi không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, những thiên âm ấy có thật, không phải là không có.

— Này Mahàli, có Tỷ-kheo tu định nhất

hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhứt hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nên vị này thấy được về phía Đông các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy ? Đây Mahàli vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhứt hướng, hướng về phía Đông, chỉ với mục đích thấy các thiên sắc, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

7. Lại nữa, này Mahàli, có vị Tỷ-kheo tu định nhứt hướng, hướng về phía Nam... về phía Tây... về phía Bắc... phía Trên, Dưới, Ngang, với mục đích thấy các thiên sắc, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích nghe các thiên âm, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vị này tu định nhứt hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang, với mục đích thấy các thiên sắc, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích nghe các thiên âm, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nên vị này thấy được

về phía Trên, Dưới, Ngang, các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy ? Đây Mahàli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhút hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang, chỉ với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

8. Đây Mahàli, có vị Tỷ-kheo tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nên vị này nghe được về phía Đông các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy ? Đây Mahàli, vì vị Tỷ-kheo này trong khi tu định nhút hướng, hướng về phía Đông, chỉ với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

9. Lại nữa, đây Mahàli, có Tỷ-kheo tu định

nhút hướng, hướng về phía Nam... hướng về phía Tây... hướng về phía Bắc... phía Trên, Dưới, Ngang với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú phân khởi. Vì vị này tu định nhút hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nên vị này nghe được, phía Trên, Dưới, Ngang, các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không thấy được các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy ? Nay Mahàli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhút hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang chỉ với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

10. Nay Mahàli, có Tỷ-kheo tu định nhị hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhị hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này hướng về phía Đông thấy được các thiên sắc mỹ

diệu, thích thú, phấn khởi và nghe được các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy ? Đây Mahàli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhị hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

11. Đây Mahàli, có vị Tỷ-kheo tu định nhị hướng, hướng về phía Nam... hướng Tây... hướng về phía Bắc... về phía Trên, Dưới, Ngang, với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhị hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nên vị này hướng về phía Trên, Dưới, Ngang, thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì có sao ? Đây Mahàli vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhị hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú phấn khởi, và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

Này Mahàli, do nhân này, do duyên này, những thiên âm ấy có thật, không phải là không có.

12. — Bạch Thế Tôn, như vậy có phải muốn chúng được các pháp định thiên định ấy mà các Tỷ-kheo sống đời phạm hạnh, dưới (sự chỉ dạy của) Thế Tôn ?

— Này Mahàli, không phải muốn chúng được các pháp thiên định ấy mà các Tỷ-kheo sống đời phạm hạnh, dưới (sự chỉ dạy của) Ta. Này Mahàli, có những pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn. Vì muốn chúng được những pháp ấy, các vị Tỷ-kheo sống đời phạm hạnh, dưới (sự chỉ dạy của) Ta.

13. Bạch Thế Tôn, những pháp ấy, cao thượng hơn, thù thắng hơn là gì mà các vị Tỷ-kheo vì muốn chúng được những pháp ấy sống đời phạm hạnh, dưới sự (chỉ dạy của) Thế Tôn ?

— Này Mahàli, ở đây Tỷ-kheo đoạn dứt ba kiết sử, thành bậc Dự lưu, không dọa ác thú, chắc chắn đạt quả Bồ-đề. Này Mahàli, pháp này cao thượng và thù thắng hơn, Vì muốn chúng được pháp này, các Tỷ-kheo sống phạm hạnh dưới (sự chỉ dạy của) Ta.

Lại nữa, này Mahàli, Tỷ-kheo đoạn dứt ba

kiết sử làm nhẹ bớt tham, sân, si, thành bậc Nhứt lai, còn phải sanh lại trong đời này một lần nữa trước khi diệt hẳn khổ đau. Nay Mahàli, pháp này cao thượng hơn và thù thắng hơn. Vì muốn chúng được pháp này, các Tỷ-kheo sống phạm hạnh, dưới (sự chỉ dẫn của) Ta.

Lại nữa, nay Mahàli, vị Tỷ-kheo đã đoạn dứt năm hạ phần kiết sử, thành vị hóa sanh, nhập Niết-bàn tại đây, không còn phải trở lại thế giới này nữa. Nay Mahàli, pháp này cao thượng và thù thắng hơn. Vì muốn chúng được pháp này, các Tỷ-kheo sống phạm hạnh dưới (sự chỉ dẫn của) Ta.

Nay Mahàli, những pháp cao thượng và thù thắng này, vì muốn chúng được pháp ấy, các Tỷ-kheo sống phạm hạnh dưới (sự chỉ dẫn của) Ta.

14. — Bạch Thế Tôn, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy ?

— Nay Mahàli, có con đường, có đạo lộ đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy.

— Bạch Thế Tôn, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy ?

— Đó là con đường Thánh có tám ngành: Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh

ngiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay Mahàli, con đường này, đạo lộ này đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy.

15. Nay Mahàli, một thời Ta ở Kosambi vườn Ghositàrama. Lúc bấy giờ có hai người xuất gia. Mandissa một vị du sĩ và jaliya đệ tử của Dàrupattika, đến tại chỗ Ta ở, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Ta rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, hai vị xuất gia nói với Ta như sau:

— Nay Hiền giả, mạng căn và thân thể là một hay là khác ?

— Nay Hiền giả, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

— Vâng, Hiền giả !

Hai vị xuất gia trả lời Ta như thế và Ta nói như sau:

16. — Nay Hiền giả, ở đây Như Lai sanh ra đời, vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (như kinh Samôn Quả)... Nay Hiền giả, như vậy vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh... chứng và an trú Sơ thiền. Nay Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như

vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay khác không ?

Này Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, nhưng Ta không nói: "Mạng Căn và thân thể là một hay là khác".

17. Chúng và an trú đệ nhị thiên... đệ tam thiên... đệ tứ thiên. Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay khác không ?"

Này Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

18. ... Vị ấy hướng tâm, dẫn tâm đến tri kiến. Này Hiền giả, khi vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác không ?"

Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

19. Vị ấy biết: "Sau đời này sẽ không có đời khác nữa". Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay là khác" không ?

Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay là khác". Này Hiền giả, tuy ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

Đức Thế Tôn thuyết như vậy. Otthadda người Licchavi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

KINH JALIYA

(Kinh này giống kinh Mahàli số VI
từ số 15 đến số 19 vừa nói đến trước).

KINH KASSAPA

1. Như vậy tôi nghe. Một thời đức Thế Tôn ở tại Ujunnà (Uy-nhã-quốc), tại vườn nai Kannakat-thala. Lúc bấy giờ, lỏa thể Kassapa (Ca-diếp) đến chỗ đức Phật, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với đức Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, lỏa thể Kassapa thưa với Thế Tôn:

2.— Tôn giả Gotama, tôi nghe như vậy: “Sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, tuyệt đối phi báng, mặt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ”, có phải những vị ấy nói đúng lời của Tôn giả Gotama ? Có phải những vị ấy đã vu oan không

xác thật cho Tôn giả Gotama ? Có phải những vị ấy đã tuyên bố như pháp, thuận pháp không ? Có những chủ trương nào chính và phụ gặp phải cật nạn không ? Thật sự chúng tôi không muốn chỉ trích sai lạc Tôn giả Gotama.

3. — Này Kassapa, những ai nói: “Sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, tuyệt đối phủ báng, mặt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ”, những vị ấy nói không đúng lời của Ta, đã vu oan không xác thật cho Ta. Này Kassapa, ở đời này, với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh, sống khắc khổ... Sau khi thân hoại mạng chung, phải sinh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này Kassapa, ở đời này, với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh, sống khắc khổ... Sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này Kassapa, ở đời này, với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh nhưng sống ít khắc khổ hơn... Sau khi thân hoại mạng chung, phải sinh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này Kassapa, ở đời này, với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh nhưng sống ít khắc khổ hơn... Sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào thiện thú,

thiên giới, cõi đời này. Nay Kassapa, khi đã biết đúng với sự thật sự lai, khứ, sanh, diệt của những người tu khổ hạnh như vậy, làm sao Ta lại chỉ trích mọi khổ hạnh và tuyệt đối phỉ báng mặt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ ?

4. Nay Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn là những nhà bác học, tế nhị, biệt tài trong tranh luận, (nhà thiện xạ) bắn chẻ hai sợi tóc, đi chỗ này chỗ kia như đã phá mọi tà kiến với trí tuệ của mình. Giữa Ta và những vị này, có những điểm tương đồng và có những điểm không tương đồng. Có điểm những vị này công nhận là phải, chúng tôi cũng công nhận là phải. Có điểm những vị này công nhận là không phải, chúng tôi cũng công nhận là không phải. Có điểm những vị này công nhận là phải, chúng tôi không công nhận là phải. Có điểm những vị này không công nhận là phải, chúng tôi công nhận là phải. Có điểm chúng tôi công nhận là phải, các vị này cũng công nhận là phải. Có điểm chúng tôi không công nhận là phải, các vị này cũng không công nhận là phải. Có điểm chúng tôi công nhận là phải, các vị này không công nhận là phải. Có điểm chúng tôi không công nhận là phải, các vị này công nhận là phải.

5. Ta đến các vị ấy và nói: "Này các Hiền giả, những điểm bất đồng ý, hãy để chúng yên như vậy. Những điểm đồng ý, các vị có trí hãy hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, giáo sư với giáo sư, hay chúng đệ tử với chúng đệ tử: "Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, giữa những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm, giữa quý vị hiền giả này, ai đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, Sa-môn Gotama hay những vị Tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia ?"

6. Này Kassapa, và sự tình này xảy ra. Khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau. Các vị này nói: "Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm, giữa những vị hiền giả này, Sa-môn Gotama đã hoàn toàn xả ly những

pháp ấy, còn những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia chỉ xả ly một phần thôi.” Như vậy, này Kassapa, những vị có trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

7. Này Kassapa, lại nữa các vị có trí lại hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: “Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh, giữa quý vị hiền giả này ai đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, Sa-môn Gotama hay những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia ?”.

8. Này Kassapa, và sự tình này xảy ra. Khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, các vị này nói: “Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh,

những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh, Sa-môn Gotama đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, còn những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia chỉ thành tựu một phần.” Như vậy này Kassapa, những vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

9. Nay Kassapa, lại nữa, các vị có trí lại hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: “Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm, giữa những vị hiền giả này ai đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, chúng đệ tử của Gotama hay chúng đệ tử của những tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia ?”.

10. Nay Kassapa, và sự tình này xảy ra khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau. Các vị này nói: “Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay

được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm, giữa những vị hiền giả này, chúng đệ tử của Gotama đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, còn chúng đệ tử của những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia chỉ xả ly một phần thôi.” Như vậy, này Kassapa, những vị có trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

11. Này Kassapa, lại nữa, các vị có trí lại hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: “Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh, giữa những vị hiền giả này ai đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, chúng đệ tử của Gotama hay chúng đệ tử của những tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia ?”.

12. Này Kassapa, sự tình này xảy ra khi các

vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau. Các vị này nói: “Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh, giữa những vị hiền giả này, chúng đệ tử của Gotama đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, còn chúng đệ tử của những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia chỉ thành tựu một phần thôi.” Như vậy này Kassapa, những vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

13. Này Kassapa, có con đường, có phương pháp khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: “Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói chân thật, nói lợi ích, nói hợp pháp, nói đúng luật”. Này Kassapa, con đường ấy là gì, phương pháp ấy là gì khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: “Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói chân thật, nói lợi ích, nói hợp pháp, nói đúng luật” ? Chính là con đường Thánh tám ngành tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Kassapa, chính

con đường này, chính phương pháp này khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: “Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói lời chân thật, nói lợi ích, nói hợp pháp, nói đúng luật”.

14. Nghe nói vậy, lỏa thể Kassapa bạch đức Thế Tôn:

— Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được những Sa-môn và Bà-la-môn công nhận là đưa đến Sa-môn quả và Bà-la-môn quả: Sống lỏa thể, — Sống phóng túng không theo lễ nghi (như đứng mà đi đại tiểu tiện, đứng ăn, không chịu ngồi theo lễ nghi), — Liếm tay cho sạch (sau khi ăn, không chịu rửa), — Đi khát thực không chịu bước tới (theo yêu cầu để thí chủ bỏ đồ ăn vào bát), — Không nhận đồ ăn mang đến (cho mình, trước khi đi khát thực), — Không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình. — Không nhận mời đi ăn. — Không nhận đồ ăn từ nơi nồi chảo (sợ nồi chảo bị nạo, bị cạy để cúng dường đồ ăn), — Không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa (sợ dành riêng cho mình), — Không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy (sợ dành riêng cho mình), — Không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo (sợ dành riêng cho mình), — Không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn (sợ đồ ăn chỉ do

một người cho), — Không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai (sợ đứa con trong bụng mẹ bị thiệt thòi), — Không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú (sợ sữa đàn bà sẽ bớt đi), — Không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu (sợ làm trở ngại sự giao cấu), — Không nhận đồ ăn di quyền (bởi tín đồ khi có nạn đói), — Không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng (sợ chó mất phần ăn), — Không nhận đồ ăn tại chỗ ruồi bu (sợ ruồi mất phần ăn), — Không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men. — Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy chỉ nuôi sống với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần.

Này Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được chúng Sa-môn, Bà-la-môn công nhận là đưa đến Sa-môn quả và Bà-la-môn quả. Vị này chỉ ăn cỏ lúa để sống, lúa tặc, gạo lức, ăn hột cải nivara, ăn da vụn, ăn trấu, ăn nước bột gạo, ăn bột

vùng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống.

Này Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được công nhận bởi những Sa-môn, Bà-la-môn là đưa đến Sa-môn và Bà-la-môn quả. Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm rồi quăng đi, mặc vải phẩn tảo y, mặc vỏ cây tititaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện bằng từng mảnh da của con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường (kusa), mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người theo tập tục sống nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng, không dùng chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhóp che dấp thân mình, sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh bả dẫu nằm đấy, sống ăn các uế vật, theo hạnh ăn các uế vật (phân bò, nước tiểu bò, tro và đất), sống không uống nước lạnh, theo hạnh không uống nước

lạnh, sống một đêm tám ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi).

15. — Nay Kassapa, nếu một người sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần, nhưng nếu vị này không tu và không chứng được giới cụ túc, tâm cụ túc, tuệ cụ túc, thời vị ấy cách rất xa Sa-môn vị, cách rất xa Bà-la-môn vị. Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Nay Kassapa, nếu một người chỉ ăn cỏ lúa để sống, này Kassapa nếu người ấy chỉ ăn lúa tắc, gạo lúc, ăn hột cải nivāra... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống, nhưng nếu vị này không tu và không chứng được giới cụ túc, tâm cụ túc, tuệ cụ túc thời vị ấy cách rất xa Sa-môn vị, cách rất xa Bà-la-môn vị. Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ

giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Này Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn với các vải khác, ... sống một đêm tám ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi), nhưng nếu vị này không tu và không chứng được giới cụ túc, tâm cụ túc, tuệ cụ túc, thời vị ấy cách rất xa Sa-môn vị, cách rất xa Bà-la-môn vị. Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

16. Khi nghe nói đến đây, loa thể Kassapa bạch Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama, khó hành thay Sa-môn hạnh ! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh !

— Này Kassapa, đó là lời nói thường tình ở đời: “Khó hành thay Sa-môn hạnh ! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh ! Này Kassapa, như một người sống loa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn

uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần. Nay Kassapa, nếu sự khó hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thiết hạnh khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: “Khó hành thay Sa-môn hạnh ! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh !” Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: “Tôi sống lơa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... .. như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng ăn một lần”.

Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thiết hạnh khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì, do vậy thật xứng đáng mà nói: “Khó hành thay Sa-môn hạnh ! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh !” Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự tận diệt các lậu hoặc tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Này Kassapa, nếu một người chỉ ăn cỏ lúa để sống, ăn lúa tặc, gạo lúc... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống, nếu sự khó hành,

sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này thôi thật không xứng mà nói: “Khó hành thay Sa-môn hạnh ! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh”. Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: “Tôi chỉ ăn cỏ lúa để sống, ăn lúa tặc, gạo lúc... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rừng để sống”. Nay Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì, do vậy thật xứng đáng mà nói: “Khó hành thay Sa-môn hạnh ! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh !” Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn !

Nay Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn lẫn với các vải khác... sống một đêm tám ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi), nếu có sự khó hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thi

hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: “Khó hành thay Sa-môn hạnh ! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh !” Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: “Tôi chỉ mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn lẫn với các vải khác... sống một đêm tám ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gội sạch tội lỗi)”, này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì, do vậy thật xứng đáng mà nói: “Khó hành thay Sa-môn hạnh ! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh !” Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

17. Khi nghe nói vậy, lỏa thể Kassapa bạch đức Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama, khó biết thay một vị Sa-môn ! Khó biết thay một Bà-la-môn !

— Này Kassapa, đó là lời nói thường tình ở đời: “Khó biết thay một Sa-môn ! Khó biết thay

một Bà-la-môn !" Này Kassapa, nếu một người sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần. Này Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, nếu trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thi hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn ! Khó biết thay một Bà-la-môn !" Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần". Này Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, nếu trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, chỉ tùy thuộc sự thi hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn ! Khó biết thay một Bà-la-môn !" Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh này: "Tôi sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần". Này Kassapa, vì ngoài

khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, vẫn khó biết vẫn thật khó biết một người Sa-môn hay một người Bà-la-môn, do vậy thật xứng đáng mà nói: “Khó biết thay, một Sa-môn ! Khó biết thay một Bà-la-môn !” Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Nay Kassapa, nếu một người chỉ ăn cỏ lúa để sống, ăn lúa tặc, gạo lúc... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Nay Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng đáng mà nói: “Khó biết thay một Sa-môn ! Khó biết thay một Bà-la-môn !” Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: “Tôi chỉ ăn lúa để sống, ăn lúa tặc, gạo lúc... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống”. Nay Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực khổ hạnh này, vẫn khó biết một người Sa-môn hay một

người Bà-la-môn. Do vậy thật xứng đáng mà nói: “Khó biết thay, một Sa-môn ! Khó biết thay, một Bà-la-môn !”

Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Này Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn lẫn với các vải khác... sống một đêm tám ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gội sạch tội lỗi). Này Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này thôi thật không xứng mà nói: “Khó biết thay một Sa-môn ! Khó biết thay một Bà-la-môn !”

Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: “Tôi mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn lẫn với các vải gai... sống một đêm tám ba lần”. Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này vẫn rất khó biết một người Sa-môn hay một người

Bà-la-môn. Do vậy thật xứng đáng mà nói: “Khó biết thay một Sa-môn ! Khó biết thay một Bà-la-môn !” Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

18. Khi nghe nói vậy, lỏa thể Kassapa bạch đức Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama, thế nào là giới cụ túc ? Thế nào là tâm cụ túc ? Thế nào là tuệ cụ túc ?

— Nay Kassapa, nay ở đời, Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (xem kinh Sa-môn Quả, từ số 40-42)... thấy nguy hiểm trong những lỗi nhô nhật, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, sanh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, đầy đủ chánh niệm, chánh trí và biết tri túc.

Nay Kassapa, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc ? Ở đây, này Kassapa, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc

của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. (Như Kinh Sa-môn Quả, số 43-61,...) Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường vẫn vòn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như dùng các ảo thuật để được an ổn, để khỏi làm các điều đã hứa... (như Kinh Sa-môn Quả, số 62)... ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới cụ túc của vị ấy. Và như vậy, này Kassapa, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ giới luật cụ túc nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về sự hộ trì giới luật. Này Kassapa, như một Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi chỗ nào về sự thù địch. Cũng vậy, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy nhờ giới luật cụ túc, nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về sự hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ cụ túc giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ, nội tâm thanh tịnh. Như vậy, này Kassapa, Tỷ-kheo giới luật cụ túc.

19. Này Kassapa, thế nào là vị Tỷ-kheo bảo hộ các căn ? Này Kassapa, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung... (như Kinh Sa-môn Quả, số 64)... những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên

nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm thanh tịnh... Như vậy, này Kassapa Tỷ-kheo hộ trì các căn... (như kinh Sa-môn Quả, số 64-75)... khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không do hỷ lạc từ ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này Kassapa, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, trào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Kassapa, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Như vậy là tâm cụ túc của vị ấy.

Lại nữa, này Kassapa, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ,

chúng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm... (như Kinh Sa-môn Quả số 77-79)... đệ tam thiền (như Kinh Sa-môn Quả số 79-81)... chúng và trú vào thiền thứ tư... (số 81-82)... đó là tâm cụ túc của vị ấy. Nay Kassapa, đó là tâm cụ túc.

20. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc bình thản như vậy, Tỷ kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: “Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.”

Nay Kassapa, ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt khéo giữa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và một sợi dây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy ở trên tay sẽ thấy: “Hòn ngọc lưu ly bảo châu này, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giữa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và sợi dây này được xâu qua hòn ngọc ấy,

sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, hay màu vàng nhạt.” Cũng vậy, này Kassapa, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: “Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt. Trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói buộc”. Đó là tuệ cụ túc của vị ấy... (như Kinh Sa-môn Quả , số 85-98)... Vị ấy biết: “... không có đời sống nào khác nữa”. Đó là tuệ cụ túc của vị ấy. Này Kassapa, đó là tuệ cụ túc.

Này Kassapa, và không có một giới cụ túc, tâm cụ túc, tuệ cụ túc nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn giới cụ túc, tâm cụ túc và tuệ cụ túc này.

21. Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương giới luật. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán giới luật. Này Kassapa, nói về giới luật tôn kính cao thượng nhất, Ta nhận thấy không có một ai bằng giới luật của Ta, làm sao có ai hơn được. Như vậy Ta hơn trên tất cả về giới luật, tức là tăng thượng giới.

Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương khổ hạnh, yếm ly. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán khổ hạnh, yếm ly. Này Kassapa, nói về khổ hạnh yếm ly tôn kính cao thượng nhất, Ta nhận thấy không có một ai bằng được khổ hạnh yếm ly của Ta, làm sao có ai hơn được. Như vậy Ta hơn trên tất cả về khổ hạnh yếm ly, tức là tăng thượng yếm ly.

Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương trí tuệ. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán trí tuệ. Này Kassapa, nói về trí tuệ tôn kính cao thượng nhất, Ta nhận thấy không có một ai bằng được trí tuệ của Ta, làm sao có ai hơn được. Như vậy Ta hơn trên tất cả về trí tuệ, tức là tăng thượng trí tuệ.

Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương giải thoát. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán giải thoát. Này Kassapa, nói về giải thoát tôn kính cao thượng nhất, Ta nhận thấy không có một ai bằng được giải thoát của Ta, làm sao có ai hơn được. Như vậy, Ta hơn trên tất cả về giải thoát, tức là tăng thượng giải thoát.

22. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama

ống tiếng rống con sư tử nhưng chỉ tại chỗ vắng người, không ở giữa đại chúng". Nên nói với chúng: "Chớ có nói như vậy. Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử tại chỗ vắng người và cả giữa đại chúng". Nay Kassapa, nên nói với chúng như vậy.

Nay Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể hỏi: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng, nhưng rống không với tinh thần vô úy... với tinh thần vô úy... và "Không có ai hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi gì... và "Có người hỏi Sa-môn Gotama"... "Khi có người hỏi, Sa-môn Gotama không thể trả lời"... và "Khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho chúng"... và "Dẫu cho có trả lời, câu trả lời không làm tâm người ta thỏa mãn"... và "Câu trả lời làm tâm người ta thỏa mãn"... "Nhưng người ta không xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe"... "Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe"... "Dẫu cho có được nghe, người ta cũng không tin tưởng"... "Người ta nghe có lòng tin tưởng"... "Dẫu cho người ta có lòng tin tưởng, người ta không biểu lộ lòng tin tưởng"... "Người ta có lòng tin tưởng và biểu lộ lòng tin tưởng"... "Dẫu cho có biểu lộ lòng tin tưởng, người ta không đạt đến chỗ như thực"... "Người ta đạt đến chỗ như

thực"... "Dầu cho đạt đến chỗ như thực, người ta không đem ra thực hành được". Nên nói với chúng: "Chớ có nói như vậy. Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử, rống ở giữa đại chúng, rống với tinh thần vô úy, có người hỏi Sa-môn Gotama, Sa-môn Gotama trả lời khi được hỏi, câu trả lời làm tâm người ta được thỏa mãn, người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama đáng được nghe, sau khi được nghe người ta tin tưởng, khi có lòng tin tưởng người ta biểu lộ lòng tin tưởng, người ta đạt đến chỗ như thực, đạt đến chỗ như thực, người ta đem ra thực hành". Nay Kassapa, nên nói với chúng như vậy.

23. Nay Kassapa, một thời Ta ở tại Vương Xá trên núi Linh Thứu. Lúc bấy giờ, có người Phạm chí tu khổ hạnh tên là Nigrodha đến hỏi về tối thắng khổ hạnh yếm ly. Khi được hỏi về tối thắng khổ hạnh yếm ly, Ta đã trả lời. Và khi được Ta trả lời, vị ấy phát tâm hoan hỷ như với một hoan lạc tối thượng.

— Bạch Đại đức, ai có thể sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, lại không hoan hỷ như với một hoan lạc tối thượng ? Thật vi diệu thay, bạch Đại đức ! Thật vi diệu thay, bạch Đại đức ! Bạch Đại

đức, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y Tỷ-kheo Tăng. Bạch Đại đức, con xin xuất gia với Thế Tôn, con xin thọ đại giới.

24. — Nay Kassapa, ai trước kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

— Bạch Đại đức, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu chúng Tăng đồng ý, mong chúng Tăng xuất gia cho con, thọ đại giới cho con để thành vị Tỷ-kheo.

Và lão thể Kassapa được xuất gia với Thế Tôn và được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, đại đức Kassapa ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình hướng đến... Đó là vô thượng cứu cánh phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng, ngộ và an trú: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa”. Đại đức Kassapa liễu tri như vậy.

Và đại đức Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa.

KINH POTTHAPADA

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Sàvatthi (Xá-vệ), rừng Jetavana (Kỳ viên), vườn Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Potthapàda (Bố-sá-bà-lâu) cùng với đại chúng du sĩ ngoại đạo khoảng ba trăm vị, ở tại vườn của hoàng hậu Mallika (Mạt-lê-viên) tên là Ekasàlaka có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận bàn về chánh kiến, tà kiến.

2. Lúc bấy giờ Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y cầm bát vào Sàvatthi khát thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: “Nay còn quá sớm để đi khát thực tại

Sàvatthi, Ta hãy đi đến vườn của hoàng hậu Mallika tên là Ekasàlaka, có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận bàn chánh kiến, tà kiến, để gặp du sĩ ngoại đạo Potthapàda". Và Thế Tôn đi đến vườn của hoàng hậu Mallika, tên là Ekasàlaka, có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận về chánh kiến, tà kiến.

3. Lúc bấy giờ du sĩ ngoại đạo Potthapàda ngồi với đại chúng du sĩ ngoại đạo, đang ôn ào, la lối, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm như câu chuyện về vua chúa; câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thân; câu chuyện về binh lính; các câu chuyện về hải hùng; câu chuyện về chiến tranh; câu chuyện về đồ ăn; câu chuyện về đồ uống; câu chuyện về đồ mặc; câu chuyện về giường nằm; câu chuyện về vòng hoa; câu chuyện về hương liệu; câu chuyện về bà con; câu chuyện về xe cộ; câu chuyện về làng xóm; câu chuyện về thị trấn; câu chuyện về thành phố; câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà; câu chuyện về đàn ông; câu chuyện về vị anh hùng; câu chuyện bên lề đường; câu chuyện tại chỗ lấy nước; câu chuyện về người đã chết; các câu chuyện tạp thoại; câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của

đại dương; câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu.

4. Du sĩ ngoại đạo Potthapàda thấy Thế Tôn từ xa đến, liền khuyến cáo chúng của mình: “Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng, các Tôn giả hãy đừng làm ồn. Nay Sa-môn Gotama đang đến, Ngài ưa mến sự trầm lặng, vị Đại đức này tán thán sự trầm lặng. Nếu biết chúng này yên tịnh, Ngài có thể ghé đến đây”. Nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo liền im lặng.

5. Rồi Thế Tôn đến du sĩ ngoại đạo Potthapàda. Và du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn: “Thiện tai Thế Tôn ! Hoan nghênh Thế Tôn ! Đã lâu Thế Tôn không quá bộ đến đây. Mời Thế Tôn ngồi. Đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn”.

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ ngoại đạo Potthapàda lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Potthapàda đã ngồi một bên: “Này Potthapàda, vấn đề gì các vị đang ngồi thảo luận ? Vấn đề gì đang nói mà bị gián đoạn ?”

6. Khi nghe nói vậy du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, hãy gác một bên câu chuyện chúng tôi đang ngồi bàn luận, bạch Thế Tôn, lát nữa Thế Tôn nghe lại cũng không khó khăn gì. Bạch Thế Tôn, thuở xưa xưa lắm, nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo tụ họp, ngồi hội thảo trong giảng đường nêu lên vấn đề sự diệt tận các tầng thượng tướng.

“Này Tôn giả, tầng thượng tướng diệt tận như thế nào ?” Một vài vị trả lời: “Không nhân, không duyên, các tướng của con người sinh và diệt ! Khi tướng sanh con người có tướng, khi tướng diệt con người không có tướng”. Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tầng thượng tướng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau: “Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, tướng là tự ngã của con người, chính tướng ấy đến và đi. Khi tướng ấy đến thì con người có tướng, khi tướng ấy đi thì con người không có tướng”. Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tầng thượng tướng.

Vấn đề này, người khác lại nói như sau: “Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, có những Sa-môn, Bà-la-môn có đại thần thông và đại oai lực. Chính những vị này khiến tướng nhập

vào trong người và cũng kéo tướng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tướng nhập vào trong người, người ấy có tướng, khi kéo tướng ra ngoài, người ấy không có tướng”. Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tầng thượng tướng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau: “Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Đây Tôn giả, có những vị thiên thân có đại thân thông, có đại oai lực, chính những vị này khiến tướng nhập vào trong người và kéo tướng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tướng nhập vào trong người, người ấy có tướng, khi kéo tướng ra ngoài, người ấy không có tướng”. Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tầng thượng tướng. Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ con tướng niệm đến Thế Tôn: “Mong Thế Tôn có mặt ở đây ! Mong Thiện thệ có mặt ở đây ! Ngài rất tinh thông những pháp này. Chắc chắn Thế Tôn biết rõ sự diệt tận các tầng thượng tướng”. Bạch Thế Tôn, sự diệt tận các tầng thượng tướng như thế nào ?

7. Đây Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: “Không nhân, không duyên, các tướng của con người sinh và diệt”. Những vị này đã sai lạc ngay từ ban đầu. Vì sao vậy ? Đây Potthapàda,

chính vì có nhân, có duyên, các tướng của con người sinh và diệt. Chính do sự học tập, một loại tướng sanh, chính do sự học tập, một loại tướng diệt.

Và Thế Tôn nói:

— Sự học tập ấy là gì ? Nay Potthapàda, nay ở đời Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (như kinh Sa-môn Quả số 40 - 43 trừ đoạn kết của mỗi đoạn) thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, hộ trì các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc. Nay Potthapàda, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh đầy đủ ? Ở đây này Potthapàda, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật... .. (như kinh Sa-môn Quả số 43 - 62)... như dùng ảo thuật để yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa... ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên... như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

8. Nay Potthapàda, và như vậy Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Nay

Potthapàda, như một Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này Potthapàda, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vì ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ nội tâm không lỗi lầm. Như vậy, này Potthapàda, Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

9. Này Potthapàda, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn ? Này Potthapàda, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vì ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết hành sự hộ trì ý căn. Vì ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng

lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm. Như vậy, này Potthapàda, Tỷ-kheo hộ trì các căn... (Như kinh Sa-môn Quả số 65 - 74)...

10. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan, nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo, ly dục, ly bất thiện pháp, chúng và trú thiện thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tâm, với tứ. Dục tưởng xưa kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tưởng hỷ lạc vi diệu chân thật do ly dục sanh khởi lên, vị ấy có tưởng hỷ lạc vi diệu chân thật, do ly dục sanh. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: “Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến”.

11. Lại nữa, này Potthapàda, Tỷ-kheo diệt tâm, diệt tứ, chúng và trú thiện thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tưởng hỷ lạc vi diệu chơn thật do ly dục sanh xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi tưởng hỷ lạc vi diệu chơn thật do định sanh khởi lên, vị ấy có tưởng hỷ lạc vi diệu chơn thật do định sanh. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên,

cũng do học tập một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: “Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến”.

12. “Lại nữa này Potthapàda, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “Xả niệm lạc trú”, chúng và trú thiền thứ ba. Tướng hỷ lạc chơn thật vi diệu do định sanh xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi tướng xả lạc vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng xả lạc vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tướng khởi lên và cũng do học tập một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: “Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến”.

13. Lại nữa này Potthapàda, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ, ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú thiền thứ tư không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy xả lạc chơn thật vi diệu xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi tướng xả lạc, xả khổ vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng xả lạc, xả khổ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập một tướng khởi lên, cũng do học tập một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: “Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến”.

14. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi sắc tướng, với sự diệt trừ mọi chương ngại

tưởng, với sự không tác ý đối với dị tướng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: “Hu không là vô biên”, chúng và trú Không vô biên xứ. Như vậy sắc tướng xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi tướng Không vô biên xứ vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng Không vô biên xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do sự học tập, một tướng khởi lên, cũng do học tập một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: “Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến”.

15. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi Không vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: “Thức là vô biên” chúng và trú Thức vô biên xứ. Như vậy tướng Không vô biên xứ vi diệu chơn thật xưa kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tướng Thức vô biên xứ vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng Thức vô biên xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tướng khởi lên, cũng do học tập, một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: “Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến”.

16. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi Thức vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: “Không có vật gì” chúng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy tướng Thức vô biên xứ vi diệu chơn thật xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi tướng Vô sở hữu xứ

vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng Vô sở hữu xú vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tướng khởi lên, cũng do học tập, một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: “Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến”.

17. Lại nữa này Potthapàda, khi Tỷ-kheo ở nơi đây tự mình khởi tướng, vị này tiếp tục đi từ tướng này đến tướng khác cho đến tướng tột đỉnh. Và vị này khi đứng tại tướng tột đỉnh có thể nghĩ: “Tâm còn suy tướng có hại cho ta, tâm không suy tướng mới tốt cho ta. Nếu ta cứ tiếp tục suy tướng, khi những tướng này của ta diệt đi, các thô tướng khác lại khởi lên, ta hãy đừng có suy tướng”. Do không có suy tướng, các tướng kia diệt tận và các thô tướng khác không khởi lên, vị ấy cảm thọ sự diệt tận. Như vậy, này Potthapàda, là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tầng thượng tướng.

18. Này Potthapàda, người nghĩ thế nào ? Trước đây người đã nghe sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tầng thượng tướng này không ?

— Bạch Thế Tôn, con không có nghe. Bạch Thế Tôn, nhưng nay con hiểu lời nói của Thế Tôn.

— Này Potthapàda, khi Tỷ-kheo ở đây tự

mình khởi tướng, vị này tiếp tục đi từ tướng này đến tướng khác cho đến tướng tột đỉnh. Và vị này, khi đứng lại tướng tột đỉnh có thể nghĩ: “Tâm còn suy tướng, có hại cho ta, tâm không suy tướng mới tốt cho ta. Nếu ta cứ tiếp tục suy tướng khi những tướng này của ta diệt đi, các thô tướng khác lại khởi lên. Vậy ta hãy đừng có suy tướng”. Và vị này không có suy tướng. Do không có suy tướng, các tướng kia diệt tận và các thô tướng khác cũng không khởi lên. Vị ấy cảm thọ sự diệt tận. Như vậy này Potthapàda là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tầng thượng tướng.

— Như vậy là phải, này Potthapàda !

19. — Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chỉ nói đến một tướng tuyệt đỉnh hay nhiều tướng tuyệt đỉnh ?

— Này Potthapàda, Ta nói đến một tướng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tướng tuyệt đỉnh.

— Bạch Thế Tôn, làm sao Thế Tôn nói đến một tướng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tướng tuyệt đỉnh ?

— Này Potthapàda, tùy theo vị ấy cảm thọ sự diệt tận (của một tướng) sau một tướng khác, vị ấy đạt tới nhiều tuyệt đỉnh sai khác, cái này tiếp theo

cái kia cho đến tuyệt đỉnh cuối cùng mà Ta nói đến nhiều tướng tuyệt đỉnh. Nay Potthapàda như vậy Ta nói đến một tướng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tướng tuyệt đỉnh.

20. — Bạch Thế Tôn, tướng khởi trước, trí khởi sau; hay trí khởi trước tướng khởi sau; hay tướng và trí cùng khởi một lần không trước không sau ?

— Nay Potthapàda, tướng khởi trước trí mới khởi sau, do tướng sanh, trí mới sanh. Vị ấy tuệ trí: “Do duyên tướng, trí sanh ra nơi ta”. Nay Potthapàda, với lời dạy này cần phải hiểu tướng sanh trước trí sanh sau, tướng sanh trí mới sanh.

21. — Bạch Thế Tôn, tướng có phải là tự ngã của con người hay tướng khác, tự ngã khác ?

— Nay Potthapàda, người hiểu tự ngã như thế nào ?

— Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành, và do đoàn thực nuôi dưỡng.

— Nay Potthapàda, nếu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, như vậy này Potthapàda, tướng khác và tự

ngã khác. Nay Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu, tướng khác và tự ngã khác. Nay Potthapàda, giả sử tự ngã ấy là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, tuy vậy một vài tướng khác của người ấy khởi lên, một vài tướng khác diệt xuống. Nay Potthapàda, với sự nhận thức này cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác.

22. — Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn.

— Nay Potthapàda, nếu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, như vậy này Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác. Nay Potthapàda, giả sử tự ngã ấy là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, tuy vậy một vài tướng khác của người ấy khởi lên, một vài tướng khác diệt xuống. Nay Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác.

— Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là vô sắc, do tướng sở thành.

23. — Nay Potthapàda, nếu tự ngã là vô sắc,

do tướng sở thành, với sự nhận thức này, Potthapàda, cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác. Nay Potthapàda, giả sử tự ngã là vô sắc, do tướng sở thành, tuy vậy, một vài tướng khác của người ấy khởi lên, một vài tướng khác diệt xuống. Nay Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác.

24. — Bạch Thế Tôn, con có thể hiểu được chăng “tướng là tự ngã của con người” hay “tướng khác, tự ngã khác” ?

— Nay Potthapàda, thật khó cho người biết được “tướng là tự ngã của con người” hay “tướng khác, tự ngã khác”, vì người có dị kiến, có tin tướng khác, có lý tướng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác.

25. — Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con biết được “tướng là tự ngã của con người”, hay “tướng khác, tự ngã khác” vì con có dị kiến khác, có tin tướng khác, có lý tướng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác, thời bạch Thế Tôn, thế giới có phải là thường còn không ? Chỉ có quan niệm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không ?

— Nay Potthapàda, Ta không trả lời: “Thế giới là thường còn, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội”.

— Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không ?

— Nay Potthapàda, Ta không trả lời: “Thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội”.

— Bạch Thế Tôn, có phải thế giới này là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không ?

— Nay Potthapàda, Ta không trả lời: “Thế giới là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội”.

— Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không ?

— Nay Potthapàda, Ta không trả lời: Thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội”.

26. — Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng và

thân thể là một, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không ?

— Này Potthapàda, Ta không trả lời: “Thân thể và sinh mạng là một, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội”.

— Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng khác, thân thể khác ? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không ?

— Này Potthapàda, Ta không trả lời: “Sinh mạng khác, thân thể khác. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội”.

27. — Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại sau khi chết ? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không ?

— Này Potthapàda, Ta không trả lời: “Như Lai tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội”.

— Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết không ? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không ?

— Này Potthapàda, Ta không trả lời: “Như

Lai không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội”.

— Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không ?

— Nay Potthapàda, Ta không trả lời: “Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội”.

— Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không ?

— Nay Potthapàda, Ta không trả lời: “Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội”.

28. — Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn không trả lời ?

— Nay Nay Potthapàda, câu hỏi này không thuộc về đích giải thoát, không thuộc về Pháp, không thuộc căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến tịch

tỉnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn. Vì vậy, Ta không trả lời.

29.— Bạch Thế Tôn, vậy Thế Tôn trả lời những gì ?

— Này Potthapàda, Ta trả lời: “Đây là khổ”. Ta trả lời: “Đây là khổ tập”. Ta trả lời: “Đây là khổ diệt”. Ta trả lời: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”.

30. — Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn trả lời ?

— Này Potthapàda, câu hỏi này thuộc về đích giải thoát, thuộc về Pháp, thuộc căn bản của phạm hạnh, đưa đến yếm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn. Vì vậy Ta trả lời.

— Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ, như vậy là phải. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Ngài làm gì Ngài xem là phải làm.

Và Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

31. Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu, những du sĩ ngoại đạo ấy liền bao vây xung quanh du sĩ ngoại đạo Potthapàda và tuôn ra những lời nói mỉa mai gay gắt: “Potthapàda này là như vậy, những gì

Sa-môn Gotama nói đều được Potthapàda tán thành: "Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ, như vậy là phải". Chúng tôi không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", hay "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Nhu Lai không tồn tại sau khi chết" hay "Nhu Lai tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Nhu Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết".

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Potthapàda nói với các du sĩ ngoại đạo kia:

— Nay các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", hay "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết", hay "Nhu Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay

“Như Lai không có tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết”. Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc. Và khi một vị tuyên bố một phương pháp như thực, chân chánh, chân thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại không tán thành ?

32. Hai ba ngày sau, Citta Hatthisàriputta và du sĩ ngoại đạo Potthapàda đi đến chỗ Thế Tôn. Khi đi đến nơi, Citta Hatthisàriputta đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên, còn du sĩ ngoại đạo Potthapàda nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu những du sĩ ngoại đạo liền bao vây xung quanh con và tuôn ra những lời nói mỉa mai gay gắt: “Potthapàda này là như vậy. Những gì Sa-môn Gotama nói đều được Potthapàda tán thành: “Bạch Thế Tôn, như vậy là phải, Bạch Thiện Thệ như vậy là phải”. Chúng tôi không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: “Thế giới là thường còn”, hay “Thế giới là vô

thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". Khi được nói vậy, con nói với các du sĩ ngoại đạo kia: "Này các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và cũng không có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc. Và khi một vị đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại có thể không tán thành ?"

33. — Nay Potthapàda, những du sĩ ngoại đạo ấy là mù, không có mắt, chỉ có người là người có mắt độc nhất giữa chúng. Nay Potthapàda, có những pháp được Ta truyền thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. Nay Potthapàda, có những pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. Nay Potthapàda, những pháp gì được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát ? “Thế giới là thường còn”, Nay Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát. “Thế giới là vô thường”, nay Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát. “Thế giới là hữu biên”, nay Potthapàda... “Thế giới là vô biên”, nay Potthapàda... “Sinh mạng và thân thể là một”, nay Potthapàda... “Sinh mạng khác, thân thể khác”, nay Potthapàda... “Nhu Lai có tồn tại sau khi chết”, nay Potthapàda... “Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết”, nay Potthapàda... “Nhu Lai có tồn tại và cũng không có tồn tại sau khi chết”, nay Potthapàda... “Nhu Lai không có tồn tại và cũng không không có tồn tại sau khi chết”, nay Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát.

Nay Potthapàda, vì sao những pháp ấy lại

được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát ? Nay Potthapàda, những pháp này không thuộc về đích giải thoát, không thuộc về pháp, không thuộc căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn. Vì vậy những pháp ấy được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. Nay Potthapàda, những pháp gì được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát ? “Đây là khổ”, nay Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. “Đây là khổ tập”, nay Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. “Đây là khổ diệt”, nay Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, nay Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát.

Nay Potthapàda, vì sao những pháp ấy được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát ? Nay Potthapàda, những pháp ấy thuộc về đích giải thoát, thuộc về Pháp, thuộc căn bản phạm hạnh, đưa đến yếm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn. Vì

vậy những pháp ấy được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát.

34. Nay Potthapàda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: “Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh”. Ta đến những vị ấy và hỏi: “Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: “Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh”. Khi được Ta hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là phải. Ta nói: “Chư Đại đức có sống và đã biết đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?”. Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: “Vậy chư Đại đức có tự thân cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?”. Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: “Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?”. Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không.

Ta nói với các vị ấy: “Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên, đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. “Này các vị, hãy cố gắng

khéo thực hành. Nay các vị hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. Nay các vị, chúng tôi đã thiết hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc" không ? Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời không. Nay Potthapàda, người nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chánh xác hợp lý ?

35. Như có một người nói: "Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này". Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà ?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết tên gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung ? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào ? Ở tại làng nào, hay thành phố nào ?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải Ông đã yêu và ái luyến một người Ông không biết, Ông không thấy ?" Được hỏi vậy vị ấy trả lời phải. Nay Potthapàda, người nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác hợp lý ?

— Vàng phải, bạch Thế Tôn ! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

36. — Như vậy này Potthapàda, những Samôn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: “Sau khi chết tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh”, Ta đến những vị ấy và hỏi: “Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: “Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh””. Khi được hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là phải. Ta nói: “Chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?”. Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: “Vậy chư Đại đức có tự nhận cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?”. Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: “Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?”. Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: “Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc: “Này các vị, hãy cố gắng khéo thực

hạnh ! Này các vị, hãy trực chúng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc ! Này các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc" không ?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Này Potthapàda, Người nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chánh xác, hợp lý ?

— Vâng phải, bạch Thế Tôn sự kiện là như vậy, theo lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

37. — Này Potthapàda, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có người hỏi: "Này bạn, Ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy Ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam ? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình ?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải, Ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà Ông không biết, không thấy ?". Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Potthapàda người nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý ?

— Vâng phải, bạch Thế Tôn ! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

38. — Như vậy này Potthapàda, những Samôn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Ta đến những vị ấy và hỏi: "Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Khi được hỏi vậy, những vị ấy công nhận là phải. Ta nói: "Chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không ?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự tâm cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không ?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không ?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc: "Này các vị, hãy cố gắng thực hành !

Này các vị, hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. Này các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc" không ?" Khi được nói vậy, các vị ấy trả lời là không. Này Potthapàda, người nghĩ như thế nào ? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chánh xác, hợp lý.

— Vâng phải, bạch Thế Tôn ! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chánh đáng, hợp lý.

39. — Này Potthapàda, có ba loại ngã chấp: thô phù ngã chấp, ý sở thành ngã chấp, vô sắc ngã chấp. Này Potthapàda, thế nào là thô phù ngã chấp ? Có sắc, do bốn đại hình thành, do đoàn thực nuôi dưỡng là thô phù ngã chấp. Thế nào ý sở thành ngã chấp ? Có sắc, do ý sở thành, đầy đủ chi tiết lớn nhỏ, các căn đầy đủ, là ý sở thành ngã chấp. Thế nào là vô sắc ngã chấp ? Không có sắc, do tưởng sở thành là vô sắc ngã chấp.

40. Này Potthapàda, Ta thuyết pháp để diệt thô phù ngã chấp. Nếu các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ, với thắng trí, chúng đạt và an trú trí tuệ sung

mãn, quảng đại. Nay Potthapàda, rất có thể các người nghĩ: “Các nhiệm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí, chúng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại”. Nay Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí, chúng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm, tỉnh giác và lạc trú sanh.

41. Nay Potthapàda, Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ ý sở thành ngã chấp. Nếu các người thiết hành theo pháp này thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại. Nay Potthapàda, rất có thể các người nghĩ: “Các nhiệm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chúng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại”. Nay Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, khi ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chúng đạt

và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm tỉnh giác là lạc trú sanh.

42. Nay Potthapàda, Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ vô sắc ngã chấp. Nếu các người thực hành theo pháp này, thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại. Nay Potthapàda, rất có thể các người nghĩ: “Các nhiệm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại”. Nay Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, chánh niệm, tỉnh giác và lạc trú sanh.

43. Nay Potthapàda, có những người ngoài hỏi chúng tôi: “Này Hiền giả, thô phù ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay

hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chúng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại ?”.

Khi được chúng hỏi như vậy, chúng tôi trả lời: “Này Hiền giả, chính thọ phù ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này, thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chúng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại”.

44. Này Potthapàda, có những người ngoài hỏi: “Này Hiền giả, ý sở thành ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chúng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại ?”

Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: “Này Hiền giả, chính ý sở thành ngã chấp ấy chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thiết hành theo pháp này thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chúng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại”.

45. Nay Potthapàda, có những người ngoài hỏi chúng tôi: “Này Hiền giả, vô sắc ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thiết hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chúng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?”. Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: “Này Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chúng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại”.

Này Potthapàda, người nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chánh xác, hợp lý ?

46. Nay Potthapàda, ví như một người xây một cái thang để leo lên lầu, từ dưới chân lầu ấy. Người ấy được hỏi: “Này bạn, Ông xây cái thang để leo lên lầu, cái lầu ấy về hướng Đông hay hướng Nam, hay hướng Tây hay hướng Bắc ? Nhà lầu ấy cao, hay thấp, hay trung bình ? Nếu người ấy trả lời: “Này Hiền giả, cái lầu mà tôi xây thang để leo

lên chính tại dưới chân lầu này”. Nay Potthapàda, người nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói ấy là chính xác, hợp lý chăng ?

— Vâng phải, bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy thời lời nói của người kia là chánh xác, hợp lý !

47. — Như vậy, nay Potthapàda, và có những người ngoài hỏi chúng tôi: “Này Hiền giả, thô phù ngã chấp là gì ? ... Này Hiền giả, ý sô thành ngã chấp là gì ?... Này Hiền giả, vô sắc ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chúng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại ?” Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: “Này Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy mà chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chúng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại”.

— Nay Potthapàda, người nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chánh xác, hợp lý ?

— Vàng phải, bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là chánh xác, hợp lý !

48. Khi nghe nói vậy, Citta Hatthisàriputta bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, trong khi có thô phù ngã chấp, phải chăng không có ý sở thành ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp ? Thô phù ngã chấp khi ấy thật có tồn tại. Bạch Thế Tôn, trong khi có ý sở thành ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp ? Ý sở thành ngã chấp khi ấy thật có tồn tại. Bạch Thế Tôn, trong khi có vô sắc ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chấp, không có ý sở thành ngã chấp ? Vô sắc ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.

49. — Nay Citta, trong khi có thô phù ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp. Nay Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã chấp. Nay Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy

không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp. Nay Citta, nếu có người hỏi Người: “Người đã có tồn tại ở quá khứ hay không ? Người sẽ tồn tại ở tương lai hay không ? Người có tồn tại ở hiện tại không ?” Nay Citta, được hỏi vậy, người trả lời như thế nào ?

— Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: “Người đã có tồn tại ở quá khứ hay không ? Người sẽ tồn tại ở tương lai hay không ? Người có tồn tại ở hiện tại hay không ?” Bạch Thế Tôn được hỏi vậy, con sẽ trả lời: “Tôi đã có tồn tại ở quá khứ, không phải không tồn tại; tôi sẽ tồn tại ở tương lai, không phải không tồn tại; tôi tồn tại ở hiện tại, không phải không tồn tại”. Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy.

50. — Nay Citta, nếu có người hỏi lại người: “Quá khứ ngã chấp mà Người đã có, có phải ngã chấp ấy đối với Người là thật có, ngã chấp tương lai, không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại ? Tương lai ngã chấp mà Người sẽ có, có phải ngã chấp ấy đối với Người là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn

tại ? Hiện tại ngã chấp mà Người hiện có, có phải ngã chấp ấy đối với Người là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại ?” Nay Citta, được hỏi vậy, Người trả lời thế nào ?

— Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: “Quá khứ ngã chấp mà Người đã có, có phải ngã chấp ấy đối với Người là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại ? Tương lai ngã chấp mà Người sẽ có, có phải ngã chấp ấy đối với Người là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại ? Hiện tại ngã chấp mà Người hiện có, có phải ngã chấp ấy đối với Người là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại ?” Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi vậy, con sẽ trả lời: “Quá khứ ngã chấp mà tôi đã có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại ? Tương lai ngã chấp mà tôi sẽ có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại. Hiện tại ngã chấp mà tôi hiện có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp quá

khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại”. Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con sẽ trả lời như vậy.

51. — Như vậy này Citta, trong khi có thô phù ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp. Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã chấp. Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp.

52. Này Citta, ví như từ bò cái sanh ra sữa, từ sữa sinh ra lạc, từ lạc sanh ra sanh tô, từ sanh tô sanh ra thực tô, từ thực tô sanh ra đề hồ. Khi thành sữa thời sữa ấy không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thực tô, không thuộc đề hồ, chính khi ấy thuộc sữa; khi thành lạc... khi thành sanh tô... khi thành thực tô... khi thành đề hồ thời đề hồ không thuộc sữa, không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thực tô, chính khi ấy thuộc đề hồ.

53. Như vậy này Citta trong khi có thô phù ngã chấp... Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp... Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp. Này Citta, chúng chỉ là danh tự thể gian, ngôn ngữ thể gian, danh xưng thể gian, ký pháp thể gian. Như Lai dùng chúng nhưng không chấp trước chúng.

54. Được nghe nói vậy du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

— Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Như người dựng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

55. Và Citta Hatthisàriputta cũng bạch Thế Tôn:

— Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tăng. Mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, mong cho con thọ đại giới.

56. Citta Hatthisàriputta được xuất gia với Thế Tôn và được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Đại đức Citta Hatthisàriputta ở một mình, an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú: sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa. Đại đức Citta Hatthisàriputta hiểu biết như vậy.

Và đại đức Citta Hatthisàriputta trở thành một vị A-la-hán nữa.

KINH SUBHA

(KINH TU-BÀ)

I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Đại đức Ànanda ở tại Sàvatthi (Xá-vệ), tại rừng Jetavana (Kỳ-đà), vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), sau khi đức Thế Tôn nhập diệt không bao lâu. Lúc bấy giờ thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta ở tại Sàvatthi vì một vài công việc.

2. Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta gọi một thanh niên Bà-la-môn khác:

— Này thanh niên Bà-la-môn, hãy đi đến chỗ Sa-môn Ànanda ở, thay mặt ta hỏi thăm Sa-môn Ànanda có ít bệnh ít não, khinh an, khí lực an ổn: “Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Tôn giả Ànanda có ít bệnh ít não, khinh an, khí lực an ổn”, và nói thêm: “Hân hạnh thay, nếu Tôn giả Ànanda có lòng từ mẫn đến tại trú xứ của thanh niên Subha Todeyyaputta”.

3. — Tôn giả, xin vâng.

Thanh niên Bà-la-môn vâng lời thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta đến tại chỗ của Tôn giả Ànanda, sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng thân hữu xã giao với Tôn giả Ànanda rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn ấy nói với Tôn giả Ànanda: “Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Tôn giả Ànanda ít bệnh ít não, khinh an, khí lực an ổn. Hân hạnh thay, nếu Tôn giả Ànanda có lòng từ mẫn đến tại trú xá của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta.”

4. Khi được nói vậy Tôn giả Ànanda nói với thanh niên Bà-la-môn ấy:

— Nay thanh niên Bà-la-môn, nay không phải thời, vì hôm nay tôi vừa mới uống thuốc. Ngày mai tôi sẽ đến, vừa hợp thời, hợp nghi.

Rồi thanh niên Bà-la-môn ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đến tại chỗ của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta; khi đến xong, liền thưa với thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta:

— Chúng tôi đã thay mặt Tôn giả thưa với Tôn giả Ānanda: “Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Đại đức Ānanda có ít bệnh ít náo, khinh an, khí lực an ổn. Hân hạnh thay, nếu Tôn giả Ānanda có lòng từ mẫn đến tại trú xá của thanh niên Bà-la-môn, Subha Todeyyaputta”. Nay Tôn giả, khi được nói vậy Sa-môn Ānanda nói với tôi: “Nay thanh niên Bà-la-môn, nay không phải thời, vì hôm nay tôi vừa mới uống thuốc. Ngày mai, tôi sẽ đến, vừa hợp thời hợp nghi.” Nay Tôn giả, sự việc đã như vậy, khiến Tôn giả Ānanda đã có cơ hội ngày mai đến.

5. Và Tôn giả Ānanda, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, với vị Tỷ-kheo người xứ Cetiya làm vị Sa-môn tùy hành, đến tại chỗ ở của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta, sau khi đến, liền ngồi tại chỗ đã soạn sẵn. Rồi

thanh niên Subha Todeyyaputta đến trước Tôn giả Ānanda, sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Tôn giả Ānanda, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta nói với Tôn giả Ānanda:

— Tôn giả Ānanda đã lâu ngày là thị giả của Tôn giả Gotama, sống gần và ở một bên Ngài. Tôn giả Ānanda chắc biết Tôn giả Gotama đã tán thán những pháp nào và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy. Tôn giả Ānanda, những pháp Tôn giả Gotama tán thán là những pháp gì và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy ?

6. — Nay thanh niên Bà-la-môn, Thế Tôn tán thán ba pháp uẩn và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy. Ba pháp ấy là gì ? Chính là Thánh giới uẩn, Thánh định uẩn, Thánh tuệ uẩn. Thế Tôn tán thán ba pháp uẩn ấy. Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy.

— Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh giới uẩn, Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy ?

7. — Đây thanh niên Bà-la-môn, ở đây Như Lai sanh ra đời, vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... như vậy, đây thanh niên Bà-la-môn là Tỷ-kheo đầy đủ giới đức. (Xem kinh Sa-môn Quả số 40-63).

8. Đây thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh giới uẩn Thế Tôn tán thán và Ngài đã khích lệ khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy. Và còn pháp uẩn khác cao thượng hơn cần phải hành trì ?

— Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda, thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda, Thánh giới uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn; Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh giới uẩn viên mãn này ở những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này. Tôn giả Ānanda, và nếu những Sa-môn, Bà-la-môn khác có thấy Thánh uẩn này tự nơi mình, các vị này cũng đã thỏa mãn với pháp ấy: “Hành trì như vậy là đầy đủ, chúng đạt như vậy là đầy đủ. Đó là mục đích Sa-môn hạnh của chúng tôi, không có gì cao thượng hơn cần phải hành trì nữa !” Nhưng Tôn giả Ānanda còn nói: “Còn pháp uẩn cao thượng hơn cần phải hành trì”.

II

1. Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh định uẩn, Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo y chỉ mọi người theo pháp ấy ?

— Nay thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn ?... Không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

(xem kinh Sa-môn Quả, số 64-76).

13. Nay thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Đó là thiền định của vị ấy.

14. Nay thanh niên Bà-la-môn, lại nữa Tỷ-kheo ấy diệt tâm diệt tứ... không thấm nhuần.

(xem kinh Sa-môn Quả, số 77-78)...

Đó là thiền định của vị ấy.

16. Lại nữa, này thanh niên Bà-la-môn, ly hỷ trú xả... không thấm nhuần. (Xem kinh Sa-môn Quả, số 79-82)... Đó là thiên định của vị ấy.

19. Này thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh định uẩn Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy và còn pháp uẩn khác cao thượng hơn cần phải hành trì.

— Thật vi diệu thay, Tôn giả Ànanda ! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ànanda ! Thánh định uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn; Tôn giả Ànanda, tôi không thấy Thánh định uẩn viên mãn này ở những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này. Tôn giả Ànanda, và nếu những Sa-môn khác có thấy Thánh định uẩn này tự nơi mình, các vị này cũng đã thỏa mãn với pháp ấy: “Hành trì như vậy là đầy đủ. Đó là mục đích Sa-môn hạnh của chúng tôi. Không còn gì cao thượng hơn cần phải hành trì nữa”. Nhưng Tôn giả Ànanda còn nói: “Còn pháp uẩn cao thượng hơn cần phải hành trì”.

20. Tôn giả Ànanda, thế nào là Thánh tuệ uẩn, Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy ?

— Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm... và bị trói buộc (xem kinh Sa-môn Quả, số 83-84).

22. Đây thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến, vị ấy biết: “Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta nương tựa và bị trói buộc”. Đó là trí tuệ của vị ấy.

23. Với tâm định tĩnh... không thiếu một căn nào (xem kinh Sa-môn Quả, số 85-86). Đó là trí tuệ của vị ấy.

25. Với tâm định tĩnh... Sau đời sống hiện tại, không có đời sống nào khác nữa (xem kinh Sa-môn Quả, số 87-98).

36. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đưa đến lậu tận trí. Vị ấy tuệ tri như thật: “Đây là khổ”, tuệ tri như thật: “Đây là

nguyên nhân của khổ”, tuệ tri như thật: “Đây là sự diệt khổ”, tuệ tri như thật: “Đây là con đường đưa đến diệt khổ”, tuệ tri như thật: “Đây là những lậu hoặc”, tuệ tri như thật: “Đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, tuệ tri như thật: “Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, tuệ tri như thật: “Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc”, nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự biết: “Ta đã giải thoát”. Vị ấy biết: “Sanh đã diệt, phàm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa”. Đó là trí tuệ của vị ấy.

37. Nay thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh tuệ uẩn, Thế Tôn tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy. Không còn pháp nào cao thượng hơn cần phải hành trì.

— Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda, thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda ! Tôn giả Ānanda, Thánh tuệ uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn. Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh tuệ uẩn viên mãn này ở những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này. Không còn pháp nào cao thượng

hơn cần phải hành trì. Thật vi diệu thay, Tôn giả Ànanda ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Ànanda ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Tôn giả Ànanda, con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp, và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Ànanda nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

KINH KEVADDHA

(KINH KIÊN CỐ)

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Nalanda trong vườn Pavàrikampa. Lúc bấy giờ cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, Nalanda này có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tín kính Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn chỉ giáo cho một Tỷ-kheo hiện thượng nhân pháp, thân

thông biến hóa. Nhờ vậy Nalandà này sẽ được nhiều người tín kính Thế Tôn hơn nữa.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha:

— Kevaddha, Ta không dạy cho các Tỷ-kheo pháp này: “Này các Tỷ-kheo các Ngươi hãy hiện thượng nhân pháp, thần thông biến hóa cho các cư sĩ áo trắng”.

2. lần thứ hai, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, con không muốn phiền nhiễu Thế Tôn. Con chỉ nói: “Bạch Thế Tôn, Nalandà này có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tín kính Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn chỉ giáo cho một Tỷ-kheo hiện thượng nhân pháp, thần thông biến hóa. Nhờ vậy Nalandà này sẽ được nhiều người tín kính Thế Tôn hơn nữa.”

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha:

— Này Kevaddha, Ta không dạy cho các Tỷ-kheo pháp này: “Này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy

hiện thượng nhân pháp, thần thông biến hóa cho các cư sĩ áo trắng”.

3. Lần thứ ba, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha Bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, con không muốn phiền nhiễu Thế Tôn. Con chỉ nói: “Bạch Thế Tôn, Nalanda này có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tín kính Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn chỉ giáo cho một Tỷ-kheo hiện thượng nhân pháp, thần thông biến hóa. Nhờ vậy Nalanda này sẽ được nhiều người tín kính Thế Tôn hơn nữa”.

— Đây Kevaddha, có ba pháp thần thông này Ta đã tự mình giác ngộ và tuyên thuyết. Thế nào là ba ? Tức là biến hóa thần thông, tha tâm thần thông, giáo hóa thần thông.

4. Đây Kevaddha, thế nào là biến hóa thần thông ? Đây Kevaddha, ở đời có Tỷ-kheo chứng được các thần thông: một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trôi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm

như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với hai bàn tay chạm và sờ mặt trời và mặt trăng; những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Có người tín thành thấy Tỳ-kheo ấy chứng hiện các thần thông: một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không; độn thổ trỗi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trời và mặt trăng; những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

5. Người có lòng tín thành ấy nói với một người không có lòng tín thành: “Này Tôn giả, thật vi diệu thay ! Này Tôn giả, thật hy hữu thay, đại thần thông, đại oai đức của vị Sa-môn ! Chính tôi đã thấy vị Tỳ-kheo chứng các thần thông, “một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, ... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên”. Người không có lòng tín thành có thể nói với người có lòng tín thành: “Này Tôn giả, có một chú thuật gọi là Gandhàrì. Nhờ chú thuật hiện ra nhiều thân,

nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên”. Nay Kevaddha, người nghĩ thế nào ? Người không có lòng tin thành có thể nói với người có lòng tin thành như vậy không ?

— Bạch Thế Tôn, có thể nói như vậy.

— Nay Kevaddha, chính vì ta thấy sự nguy hiểm trong sự biến hóa thân thông mà ta nhàm chán, hổ thẹn, ghê sợ biến hóa thân thông.

6. Nay Kevaddha, thế nào là tha tâm thân thông ? Nay Kevaddha, ở đời có Tỷ-kheo nói lên tâm, nói lên tâm sở, nói lên sự suy tâm, nói lên sự suy tư của các loài hữu tình khác, của các người khác: “Như vậy là ý của Người”. Có người có lòng tin thành thấy Tỷ-kheo nói lên tâm sở, nói lên sự suy tâm và nói lên sự suy tư của các loài hữu tình khác, của các người khác: “Như vậy là ý của Người, thế này là ý của Người, như vậy là tâm của Người”.

7. Người có lòng tin thành ấy nói với một người không có lòng tin thành: “Này Tôn giả, thật vi diệu thay ! Này Tôn giả, thật hy hữu thay đại thân thông, đại oai đức của vị Sa-môn ! Chính tôi đã thấy Tỷ-kheo nói lên tâm, nói lên tâm sở, nói lên sự suy tâm và nói lên sự suy tư của các loài

hữu tình khác, của các người khác: "Nhu vậy là ý của người, thế này là ý của người, như vậy là tâm của người"". Người không có lòng tín thành có thể nói với người có lòng tín thành: "Này Tôn giả, có một chú thuật gọi là Maniko, nhờ chú thuật này, Tỷ-kheo nói lên tâm, nói lên tâm sở, nói lên sự suy tâm, và nói lên sự suy tư của các loài hữu tình khác, của các người khác... "Thế này là ý của Người, như vậy là tâm của Người". Này Kevaddha, Người nghĩ thế nào ? Người không có lòng tín thành có thể nói với Người có lòng tín thành như vậy không ?

— Bạch Thế Tôn, có thể nói như vậy ?

— Này Kevaddha chính Ta thấy sự nguy hiểm trong sự tha tâm thân thông mà Ta nhàm chán, hổ thẹn, ghê sợ tha tâm thân thông.

8. Này Kevaddha, thế nào là giáo hóa thân thông ? Ở đời có Tỷ-kheo giáo hóa như sau: "Hãy suy tư như thế này, chớ có suy tư như thế kia; hãy tác ý như thế này, chớ có tác ý như thế kia; hãy trừ bỏ điều này, hãy chứng đạt và an trú điều kia".

Này Kevaddha, như vậy gọi là giáo hóa thân thông.

9. Nay Kevaddha, nay ở đời đức Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán Chánh Biến Tri... (như kinh Sa-môn Quả số 40 - 74).

44. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Vị Tỷ-kheo, ly dục, ly ác bất thiện pháp, chúng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tâm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, thấm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

45. Nay Kevaddha, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, trào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, nay Kevaddha, Tỷ-kheo thấm nhuần, thấm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân hình với hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Nay Kevaddha, như vậy gọi là giáo hóa thân thông.

50. ... chúng và trú thiên thứ tư... (như kinh Sa-môn Quả, số 77 - 81 (trừ câu kết sau chót mỗi chương). Đây Kevaddha như vậy gọi là giáo hóa thân thông.

52. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ xử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến... (như kinh Sa-môn Quả, số 83)... Đây Kevaddha, như vậy gọi là giáo hóa thân thông.

53. ... sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa... (xem kinh Sa-môn Quả, số 84 - 98, trừ câu kết sau chót của mỗi chương). Đây Kevaddha, như vậy là giáo hóa thân thông.

67. Đây Kevaddha, ba pháp thân thông này, Ta đã tự mình giác ngộ và tuyên thuyết. Đây Kevaddha thuở xưa, chính một Tỷ-kheo có khởi nghi vấn như sau: “Trong Tỷ-kheo chúng này — địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn ?” Đây Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy nhập định, và trong định tâm, con đường đưa đến Thiên giới hiện ra.

68. Nay Kevaddha, lúc bấy giờ vị Tỷ-kheo ấy đi đến Bốn Thiên vương thiên, khi đến xong, liền nói với các vị Bốn Thiên vương thiên: “Này các Hiền giả, bốn đại chúng này: địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Nay Kevaddha, được nghe nói vậy Bốn Thiên vương thiên nói với vị Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chúng ấy — địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn”. Nay Tỷ-kheo, có bốn Đại vương ưu thế hơn và thù thắng hơn chúng tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chúng này, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn.

69. Nay Kevaddha, vị Tỷ-kheo đi đến bốn vị Đại vương, khi đến xong liền hỏi bốn vị Đại Thiên vương: “Này các Hiền giả, bốn đại chúng này — địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Nay Kevaddha, được nghe nói vậy, cả bốn vị Đại vương nói với vị Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chúng ấy — địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Nay vị Tỷ-kheo, có Ba mươi ba

thiên ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này — địa đại... phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn”.

70. Nay Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến các vị Ba mươi ba thiên, khi đến xong, liền hỏi các vị Ba mươi ba thiên, “Này các Hiền giả, bốn đại chủng này — địa... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, các vị Ba mươi ba thiên nói với vị Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn. Nay Tỷ-kheo, có vị Đế Thích chư thiên tên là Sakka ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này — địa đại... phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn”.

71. Nay Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến Đế Thích chư thiên tên là Sakka, khi đến xong, liền hỏi Đế Thích chư thiên tên là Sakka: “Này Hiền giả, bốn đại chủng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Đế Thích chư Thiên tên là Sakka nói với Tỷ-kheo ấy: “Nay

Tỳ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng ấy — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn. Nay Tỳ-kheo, có chư Thiên tên là Yàma (Dạ-ma) ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn”.

72. Nay Kevaddha, Tỳ-kheo ấy đi đến chư Thiên tên là Yàma (Dạ-ma) xong, liền hỏi chư Thiên Dạ-ma: “Này các Hiền giả, bốn đại chủng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Nay Kevaddha, được nghe nói vậy, chư Thiên Yàma (Dạ-ma) nói với Tỳ-kheo. “Chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn. Nay Tỳ-kheo, có Thiên tử tên là Suyàma ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

73. Nay Kevaddha, Tỳ-kheo ấy đi đến Thiên tử Suyàma, sau khi đến liền hỏi Thiên tử Suyàma: “Này Hiền giả, bốn đại chủng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?

Này Kevaddha, được nghe nói vậy Thiên tử Suyàma nói với Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

74. Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến chư Thiên Tusitā. Khi đến xong, liền hỏi chư Thiên Tusitā: “Này các Hiền giả, bốn đại chủng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Này Kevaddha, được nói vậy chư Thiên Tusitā nói với Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có Thiên tử tên là Santusita ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn”.

75. Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến Thiên tử Santusita. Khi đến xong, liền hỏi Thiên tử Santusita: “Này Hiền giả, bốn đại chủng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Thiên tử Santusita nói với Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, tôi

không được biết bốn đại chúng ấy — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn. Nay vị Tỷ-kheo có chư Thiên tên là Nimmànarati (Hóa lạc thiên) ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chúng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn”.

76. Nay Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến chư Thiên Nimmànarati. Khi đến xong, liền hỏi chư Thiên Nimmànarati; “Nay các Hiền giả, bốn đại chúng này — địa đại... phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Nay Kevaddha, được nghe nói vậy, chư Thiên Nimmànarati nói với Tỷ-kheo ấy: “Nay Tỷ-kheo chúng tôi không được biết bốn đại chúng ấy — địa đại... phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Nay Tỷ-kheo có Thiên tử tên là Sunimmita ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chúng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn”.

77. Nay Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến Thiên tử Sunimmita. Khi đến xong, liền hỏi Thiên tử Sunimmita: “Nay Hiền giả, bốn đại chúng này —

địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Thiên tử Sunimmita nói với Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, tôi không được biết bốn đại chúng ấy — địa đại... phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo có chư thiên gọi là Paranimmitavasavatti (Tha hóa tự tại thiên) ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chúng này — địa đại... phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn”.

78. Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến chư Thiên Paranimmitavasavatti, khi đến xong, liền hỏi chư Thiên Paranimmitavasavatti (Tha hóa tự tại thiên): “Này các Hiền giả, bốn đại chúng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?”.

Này Kevaddha, được nghe nói vậy chư Thiên Paranimmitavasavatti nói với Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, tôi không được biết — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo có Thiên tử tên là Vasavatti ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại

chúng này — địa đại... phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn”.

79. Nay Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến Thiên tử Vasavatti. Khi đến xong, liền hỏi Thiên tử Vasavatti: “Này Hiền giả, bốn đại chúng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Thiên tử Vasavatti nói với Tỷ-kheo ấy. “Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chúng ấy — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn. Nay Tỷ-kheo, có chư Thiên gọi là Brahmà Kàyikà ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chúng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn”.

80. Nay Kevaddha, lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy nhập định, và trong định tâm, con đường đưa đến Phạm thiên giới hiện ra.

Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến chư Thiên Brahmà Kàyikà. Khi đến xong, liền hỏi chư Thiên Brahmà Kàyikà: “Này các Hiền giả, bốn đại chúng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, chư Thiên Brahmà Kayikà nói với Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có vị Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhân, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Vị này ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn”.

— Này Hiền giả, hiện nay Đại Phạm thiên ấy ở đâu ?

— Này Tỷ-kheo, chúng tôi không biết Phạm thiên ở đâu, vì sao có Phạm thiên và Phạm thiên từ đâu đến. Nhưng này Tỷ-kheo, khi nào triệu tướng hiện, khi nào ánh sáng sanh, khi nào hào quang hiển, thời Phạm thiên xuất hiện. Ánh sáng sanh, hào quang hiển là tướng Phạm thiên xuất hiện từ trước là như vậy.

81. Này Kevaddha, không bao lâu, Đại Phạm thiên xuất hiện. Lúc bấy giờ, này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đến Đại Phạm thiên. Khi đến xong, liền

hỏi Phạm thiên: “Này Hiền giả, bốn đại chúng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?” — Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Đại Phạm thiên nói với Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh”.

82. Này Kevaddha, lần thứ hai Tỷ-kheo ấy nói với Phạm thiên: “Này Hiền giả, tôi không hỏi: “Ngài có phải là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh”. Này Hiền giả, tôi hỏi: “Này Hiền giả, bốn đại chúng này — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Này Kevaddha, lần thứ hai, Đại Phạm thiên ấy nói với Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh”.

83. Nay Kevaddha, lần thứ ba, Tỷ-kheo ấy nói với Phạm thiên: “Này Hiền giả, tôi không hỏi: “Ngài có phải là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhân, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh”. Này Hiền giả, tôi hỏi: “Này Hiền giả, bốn đại chủng ấy, — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

Này Kevaddha, khi bấy giờ Đại Phạm thiên cầm tay Tỷ-kheo ấy, kéo ra một bên rồi nói với Tỷ-kheo: “Này Tỷ-kheo, chư Thiên Brahmà Kayikà xem rằng không có gì Phạm thiên không thấy, không có gì Phạm thiên không hiểu, không có gì Phạm thiên không chứng. Do vậy, trước mặt chúng, ta không có trả lời: “Này Tỷ-kheo, ta không được biết bốn đại chủng ấy — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn”. Do vậy, này Tỷ-kheo, Người đã làm sai, Người đã lầm lẫn, khi Người bỏ qua Thế Tôn, hướng đến người khác để trả lời câu hỏi ấy. Này Tỷ-kheo, Người hãy đi đến Thế Tôn hỏi câu hỏi ấy, và hãy thọ trì những gì Thế Tôn trả lời”.

84. Nay Kevaddha, Tỷ-kheo ấy, như nhà đại lực sĩ đuổi ra cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã đuổi ra, biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Ta. Nay Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, nay Kevaddha, Tỷ-kheo ấy nói với Ta: “Bạch Thế Tôn, bốn đại chúng này, — địa đại... phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?”

85. Nay Kevaddha, được nghe nói vậy, Ta nói với Tỷ-kheo ấy: “Nay Tỷ-kheo, thuở xưa các hải thương khi đi thuyền vượt biển thường đem theo con chim có thể thấy bờ. Khi chiếc thuyền vượt biển quá xa không trông thấy bờ, các nhà hải thương liền thả con chim có thể thấy bờ. Con chim bay về phía Đông, bay về phía Nam, bay về phía Tây, bay về phía Bắc, bay lên Trên, bay về các hướng Trung gian. Nếu con chim thấy bờ xung quanh, con chim liền bay đến bờ ấy. Nếu con chim không thấy bờ xung quanh, con chim bay trở về thuyền”. Cũng vậy, nay Tỷ-kheo, Người đã tìm cho đến Phạm thiên giới mà không gặp được câu trả lời cho câu hỏi ấy, nên nay trở về với Ta. Nay Tỷ-kheo, câu hỏi không nên hỏi như sau: “Bạch Thế Tôn, bốn đại chúng ấy — địa đại, thủy đại, hỏa đại,

phong đại — đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn ?"
Này Tỷ-kheo, câu hỏi phải nói như sau:

"Chỗ nào mà địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, dài ngắn, tế, thô, tịnh, bất tịnh không có chân đứng ? Chỗ nào cả danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn ?" và đây là câu trả lời cho câu hỏi này:

"Thức là không thể thấy, vô biên, biến thông hết thân xứ. Ở đây, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại không có chân đứng.

Ở đây, cũng vậy dài, ngắn, tế, thô, tịnh và bất tịnh.

Ở đây danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn.

Khi thức diệt, ở đây mọi thứ đều diệt tận"".

Thế Tôn thuyết như vậy. Kevaddha, cư sĩ trẻ tuổi hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

KINH LOHICCA

(KINH LÔ-GIÀ)

1. Như vậy tôi nghe. Một thời đức Thế Tôn đang đi du hành tại nước Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, và đến tại Sàlavatikà (một làng có dãy cây tala bao bọc). Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Lohicca ở tại Sàlavatikà, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, ngũ cốc phong phú, vốn là đất đai của vua, sau vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) cấp cho để hưởng một phần lợi tức.

2. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Lohicca khởi lên ác kiến sau đây: “Ồ đời, có vị Sa-môn hay Bà-la-

môn chúng được thiện pháp, sau khi chúng được thiện pháp không nên nói cho người khác biết, vì có ai lại làm giúp cho ai được ? Ví như một người sau khi cắt sợi dây cũ trói buộc, lại tự làm một sợi dây mới khác nữa. Ta nói sự thành tựu là ác pháp, tham pháp vì có ai lại làm giúp cho ai được ?”.

3. Bà-la-môn Lohicca nghe đồn: “Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đang du hành tại nước Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, nay đã đến Sàlavatikà. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: “Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự mình chứng ngộ với thắng trí rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Lành thay, nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy”.

4. Bà-la-môn Lohicca nói với Bhesika, người hót tóc:

— “Này thiện nhân Bhesika, hãy đi đến Sa-môn Gotama thay mặt ta hỏi thăm Sa-môn Gotama có được ít bệnh ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú không: “Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Lohicca hỏi thăm Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú không ?” và nói thêm: “Mong Thế Tôn nhận lời của Bà-la-môn Lohicca sáng mai đến dùng cơm cùng với đại chúng Tỷ-kheo !”

5. — Tôn giả, xin vâng !

Bhesika người hót tóc vâng theo lời của Bà-la-môn Lohicca đến với Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên. Bhesika người hót tóc bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Lohicca hỏi thăm “Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú không ?” và nói thêm: “Mong đức Thế Tôn nhận lời mời của Bà-la-môn Lohicca sáng mai đến dùng cơm với đại chúng Tỷ-kheo”.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

6. Bhesika, người hót tóc, được biết Thế Tôn nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, đi đến Bà-la-môn Lohicca, khi đã đến, liền thưa với Bà-la-môn Lohica:

— Tôn giả, chúng tôi đã thay mặt Tôn giả thưa với Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Lohicca hỏi thăm Thế Tôn Gotama có được ít bệnh, ít nảo, khinh an, khí lực sung mãn không” và nói thêm: “Mong Thế Tôn nhận lời của Bà-la-môn Lohicca sáng mai đến dùng cơm với đại chúng Tỷ-kheo” và Thế Tôn nhận lời.

7. Rồi Bà-la-môn Lohicca sau khi đêm ấy đã mãn, làm sẵn sàng tại nhà các món ăn thượng vị, loại cúng và loại mên rồi nói với Bhesika, người hót tóc:

— Nay thiện nhân Bhesika, hãy đi đến Sa-môn Gotama, khi đã đến, hãy báo giờ cho Sa-môn Gotama: “Bạch Thế Tôn, cơm đã sẵn sàng”.

— Tôn giả, xin vâng !

Bhesika người hót tóc, vâng theo lời của Bà-la-môn Lohicca, đi đến Thế Tôn, khi đã đến, liền đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Bhesika người hót tóc báo thời giờ cho

Sa-môn Gotama: “Bạch Thế Tôn, giò đã đến, cơm đã sẵn sàng”. Khi ấy Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát và cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến Sàlavatikà.

8. Lúc bảy giờ, Bhesika, người hót tóc, đang đi sau lưng Thế Tôn. Rồi Bhesika, người hót tóc bạch Thế Tôn:

— Bà-la-môn Lohicca có khởi lên ác kiến sau đây: “Ở đời có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chúng được thiện pháp, sau khi chúng được thiện pháp, không nên nói cho người khác biết, vì có ai lại làm giúp cho ai được ? Ví như một người, sau khi cắt sợi dây trói buộc lại tự làm một sợi dây mới khác nữa. Ta nói sự thành tựu là ác pháp, tham pháp. Vì có ai lại làm giúp cho ai được” ? Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn có thể giúp Bà-la-môn Lohicca trừ ác kiến ấy !

— Nay Bhesika, việc ấy có thể được. Nay Bhesika, việc ấy có thể được.

9. Lúc bảy giờ, Thế Tôn đến tại cư xá của Bà-la-môn Lohicca, khi đã đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Bà-la-môn Lohicca tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, thỏa

măn với những món thượng vị, loại cứng loại mềm Bà-la-môn Lohicca, sau khi biết Thế Tôn dùng cơm xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Lohicca:

— Này Lohicca, có thật chẳng, Người khởi lên ác kiến như sau: “Ồ đời, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chúng được thiện pháp, sau khi chúng được thiện pháp, không nên nói cho người khác biết, vì có ai lại làm giúp cho ai được ? Ví như một người sau khi cắt sợi dây cũ trói buộc, lại tự làm một sợi dây mới khác nữa. Ta nói sự thành tựu ấy là ác pháp, tham pháp. Vì có ai lại làm giúp cho ai được ?”

— Vâng phải, Tôn giả Gotama !

10. — Này Lohicca, Người nghĩ thế nào ? Có phải Người ở tại Sàlavatikà ?

— Vâng phải, Tôn giả Gotama !

— Này Lohicca, nếu có người nói: “Bà-la-môn Lohicca sống ở Sàlavatikà. Hãy để Bà-la-môn Lohicca hưởng một mình mọi sản phẩm của Sàlavatikà, không cho một ai khác”. Người nói vậy

là người gây chướng ngại cho ai sống tùy thuộc vào Người, có phải không ?

— Tôn giả Gotama, là người gây chướng ngại.

— Này Lohicca, đã là người gây chướng ngại, người ấy có phải là người có từ tâm nghĩ đến lợi ích cho những người kia ?

— Tôn giả Gotama, là người không có từ tâm nghĩ đến lợi ích.

— Đã không có từ tâm nghĩ đến lợi ích, người ấy an trú từ tâm hay an trú hại tâm ?

— Tôn giả Gotama, hại tâm !

— Khi an trú hại tâm, như vậy là chánh kiến hay tà kiến ?

— Tôn giả Gotama, là tà kiến !

— Này Lohicca, Ta nói rằng, một người tà kiến sẽ sanh vào một trong hai ác thú sau đây: địa ngục hay súc sanh.

11. Này Lohicca, Người nghĩ thế nào ? có phải vua Pasenadi Kosala (Ba-tư-nặc Câu-tát-la) ở tại Kasi - Kosala (Ca-thi, Câu-tát-la) không ?

— Tôn giả Gotama, vâng phải !

— Này Lohicca, nếu có người nói: “Vua Pasenadi Kosala sống ở Kasi-Kosala. Hãy để vua Pasenadi Kosala hưởng một mình mọi sản phẩm của Kasi-Kosala, không một ai khác”. Người nói như vậy có phải là người gây chuống ngại cho những ai sống tùy thuộc vào vua Pasenadi Kosala, có phải không ?

— Tôn giả Gotama, là người đã gây chuống ngại.

— Này Lohicca, đã là người gây chuống ngại, người ấy có phải là người có từ tâm nghĩ đến lợi ích cho những người kia hay là người không có từ tâm nghĩ đến lợi ích cho những người kia.

— Tôn giả Gotama, là người không có từ tâm nghĩ đến lợi ích.

— Đã không có từ tâm nghĩ đến lợi ích, người ấy an trú từ tâm hay an trú hại tâm ?

— Tôn giả Gotama, hại tâm !

— Khi an trú hại tâm, như vậy là chánh kiến hay tà kiến ?

— Tôn giả Gotama, là tà kiến !

— Này Lohicca, ta nói rằng, một người tà kiến sẽ sanh vào một trong hai ác thú sau đây: địa ngục hay súc sanh.

12. Này Lohicca, nếu có người nói: “Bà-la-môn Lohicca sống ở Sàlavatikà. Hãy để Bà-la-môn Lohicca hưởng một mình mọi sản phẩm của Sàlavatikà, không cho một ai khác”. Người nói vậy là người gây chuống ngại cho ai tùy thuộc vào Người; đã là người gây chuống ngại, người ấy không có từ tâm nghĩ đến lợi ích, người ấy an trú hại tâm; và đã an trú hại tâm tức thuộc về tà kiến.

13. Đã như vậy, này Lohicca, nếu có người nói: “Ở đời có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chúng được thiện pháp, sau khi chúng được thiện pháp, không nên nói cho người ta biết, vì có ai lại làm giúp cho ai được ? Ví như một người cắt sợi dây cũ trói buộc, lại tự làm một sợi dây mới khác nữa. Ta nói sự thành tựu là ác pháp, tham pháp. Vì có ai lại làm giúp cho ai được ?” Người nói vậy gây chuống ngại cho những thiện nam tử đến với pháp luật do đức Như Lai giảng dạy và chúng được những quả vị thù thắng đặc biệt như Dự lưu, Nhất lai, Bất lai hay A-la-hán quả. Người nói vậy cũng gây chuống ngại

cho những vị đang làm cho thành tựu sự tái sanh lên các cõi trời để được sanh làm chư Thiên. Đã là người gây chuống ngại, người ấy không có từ tâm nghĩ đến lợi ích, người ấy an trú hại tâm; và đã an trú hại tâm tức thuộc về tà kiến. Và này Lohicca, ta nói rằng một người có tà kiến sẽ sanh vào một trong hai ác thú sau đây: địa ngục hay súc sanh.

14. Này Lohicca, nếu có người nói: “Vua Pasenadi Kosala sống ở tại Kasi-Kosala. Hãy để vua Pasenadi Kosala hưởng một một mình mọi sản phẩm của Kasi - Kosala, không cho một ai khác”. Người nói vậy là người gây chuống ngại cho ai sống tùy thuộc vào người. Đã là người gây nguy hiểm, người ấy không tha thiết đến hạnh phúc. Đã không tha thiết đến hạnh phúc, người ấy an trú hại tâm; và an trú hại tâm tức thuộc về tà kiến.

15. Đã như vậy, này Lohicca, nếu có ai nói: “Ồ đời có vị Sa-môn chúng được thiện pháp, sau khi chúng được thiện pháp, không nên nói cho người khác, vì có ai lại làm giúp cho ai được ? Ví như một người cắt sợi dây cũ trói buộc, lại tự làm một sợi dây mới khác nữa. Ta nói sự thành tựu ấy là ác pháp, tham pháp. Vì có ai lại làm giúp cho ai

được ?” Người nói vậy gây chướng ngại cho người thiện nam tử đến với pháp luật do đức Như Lai giảng dạy và chứng được những quả vị thù thắng đặc biệt như Dự lưu, Nhất lai, Bất lai hay A-la-hán quả. Người nói vậy cũng gây nguy hiểm cho những vị đang làm cho thành tựu sự tái sinh lên các cõi trời để được sanh làm chư Thiên. Đã là người gây chướng ngại, người ấy không có từ tâm nghĩ đến lợi ích, người ấy an trú hại tâm; và đã an trú hại tâm tức thuộc về tà kiến”. Và này Lohicca, Ta nói rằng một người có tà kiến sẽ sanh vào một trong hai ác thú sau đây: địa ngục hay súc sinh.

16. Này Lohicca, ở đời có ba vị đạo sư đáng bị chỉ trích và ai chỉ trích đạo sư như vậy, sự chỉ trích của vị này chon chánh, hợp pháp, không lỗi lầm. Thế nào là ba ?

Này Lohicca, ở đời có một vị đạo sư không chứng mục đích của Sa-môn quả mà mọi người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn quả, vị này thuyết pháp cho các đệ tử: “Nhu thế này là lợi ích cho các người ! Nhu thế này là hạnh phúc cho các người !” Những đệ tử này không nghe lời dạy

của vị ấy, không để tai ghi nhận, không trú tâm phát xuất từ hiểu biết và sống trái ngược với giáo pháp của vị bốn sư. Đạo sư như vậy cần phải được khiển trách: “Đại đức không chúng mục đích Sa-môn quả mà Đại đức xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Không chúng được mục đích Sa-môn quả ấy, Đại đức thuyết pháp cho các đệ tử: “Nhu thế này là lợi ích cho các người. Nhu thế này là hạnh phúc cho các người”. Những đệ tử này không nghe lời dạy của Đại đức, không để tai ghi nhận, không trú tâm phát xuất từ hiểu biết và sống trái ngược với giáo pháp của vị bốn sư. Như người tán tỉnh cô gái muốn xa mình, hay ôm hôn cô gái muốn né mặt mình, ta nói cử chỉ ấy là ác pháp, tham pháp vì có ai lại làm giúp cho ai được ?”

Này Lohicca, như vậy là hạng đạo sư thứ nhất đáng bị chỉ trích và ai chỉ trích đạo sư như vậy, sự chỉ trích của vị này chơn chánh, hợp pháp, không lỗi lầm.

17. Lại nữa, này Lohicca, ở đời có vị đạo sư không chúng mục đích của Sa-môn quả mà mọi người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình

hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn quả ấy, vị này thuyết pháp cho các đệ tử: "Nhu thể này là lợi ích cho các người ! Nhu thể này là hạnh phúc cho các người !" Những đệ tử này nghe lời dạy của vị ấy, lòng tai ghi nhận và trú tâm phát xuất từ hiểu biết, nhưng sống trái ngược với giáo pháp của vị bốn sư. Đạo sư như vậy cần phải được khiển trách; Đại đức không chứng được mục đích Sa-môn quả mà Đại đức xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn quả ấy, Đại đức thuyết pháp cho các đệ tử: "Nhu thể này là lợi ích cho các người ! Nhu thể này là hạnh phúc cho các người". Những đệ tử này nghe lời dạy của Đại đức, lòng tai ghi nhận, trú tâm phát xuất từ hiểu biết, nhưng sống trái ngược với giáo pháp của vị bốn sư. Như người bỏ ruộng của mình mà nghĩ đến việc nhổ cỏ cho ruộng của người. Ta nói cử chỉ ấy là ác pháp, tham pháp vì có ai lại làm giúp cho ai được ?" Đây Lohicca, như vậy là hạng đạo sư thứ hai đáng bị chỉ trích và ai chỉ trích đạo sư như vậy, sự chỉ trích của vị này chon chánh, hợp pháp, không sai lầm.

18. Lại nữa, này Lohicca, ở đời có vị đạo sư không chứng được mục đích của Sa-môn quả mà mọi

người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn quả ấy, vị này thuyết pháp cho các đệ tử: "Như thế này là lợi ích cho các người ! Như thế này là hạnh phúc cho các người!" Những đệ tử này không nghe lời dạy của vị ấy, không lắng tai ghi nhận, không trú tâm phát xuất từ hiểu biết, sống trái ngược với giáo pháp của vị bốn sư. Đạo sư như vậy cần phải được khiển trách: "Đại đức không chứng được mục đích Sa-môn quả mà Đại đức xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn quả ấy, Đại đức thuyết pháp cho các đệ tử: "Như thế này là lợi ích cho các người ! Như thế này là hạnh phúc cho các người". Những đệ tử này nghe lời dạy của Đại đức, lắng tai ghi nhận, trú tâm phát xuất từ hiểu biết, sống trái ngược với giáo pháp của vị bốn sư. Như người cắt sợi dây cũ trói buộc, lại tự làm một sợi mới khác né mặt mình, ta nói cử chỉ ấy là ác pháp, tham pháp vì có ai lại làm giúp cho ai được ?"

Này Lohicca, như vậy là hạng đạo sư thứ ba đáng bị chỉ trích và ai chỉ trích đạo sư như vậy, sự chỉ trích của vị này chon chánh, hợp pháp, không lỗi lầm.

19. Khi nghe nói như vậy, Bà-la-môn Lohicca bạch đức Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama, ở đời có vị đạo sư nào không đáng bị chỉ trích ?

— Này Lohicca, ở đời có vị đạo sư không đáng bị chỉ trích.

— Tôn giả Gotama, ở đời, thế nào là đạo sư không đáng bị chỉ trích ?

— Này Lohicca, ở đời, đức Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn... (như kinh Sa-môn Quả, số 40 - 74, với những thay đổi cần thiết).

54. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh, do hân hoan, nên hoan hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an, do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục

sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

55. Nay Lohicca, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột ấy thấm nhuần nước ướt trào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt — cũng vậy này Lohicca, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy trên thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân, không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này Lohicca, đệ tử của vị đạo sư nào chúng được quả vị thù thắng đặc biệt ấy, thời này Lohicca, vị đạo sư không đáng bị chỉ trích. Và ai chỉ trích một vị đạo sư như vậy, sự chỉ trích ấy sẽ không xác thực, không chân chánh, không hợp pháp, và có lỗi lầm.

56. Nay Lohicca, lại nữa, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chúng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm... thiền thứ ba... chúng và trú thiền thứ tư (như kinh Sa-môn Quả, số 77 - 84, với những thay đổi cần thiết).

Này Lohicca, đệ tử của vị đạo sư nào chúng được quả vị thù thắng đặc biệt ấy, thời này Lohicca, vị đạo sư như vậy không đáng bị chỉ trích, và ai chỉ trích một vị đạo sư như vậy, sự chỉ trích ấy sẽ không xác thật, không chân chánh, không hợp pháp, và có lỗi lầm.

62. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thân như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật, “Đây là khổ”... không có đời sống nào khác nữa (như kinh Sa-môn Quả, số 97 - 98).

Này Lohicca, đệ tử của vị đạo sư nào chúng được quả vị thù thắng đặc biệt ấy, này Lohicca, vị đạo sư như vậy không đáng bị chỉ trích, và ai chỉ trích một đạo sư như vậy, sự chỉ trích ấy sẽ không xác thật, không chơn chánh, không hợp pháp, và có lỗi lầm !

78. Khi nghe như vậy, Bà-la-môn Lohicca bạch đức Thế Tôn:

— Như người nắm được tóc của một người sắp sửa rơi vào vực thẳm của địa ngục, nhắc bổng và đặt người ấy trên đất liền, cũng vậy Tôn giả

Gotama đã nắm được tóc khi con sắp sửa rơi vào vực thẳm của địa ngục, nhắc bóng và đặt con trên đất liền. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy Chánh pháp đã được đức Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, nay con xin quy y đức Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong đức Thế Tôn nhận con làm đệ tử từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

KINH TEVIJJA

(KINH TAM MINH)

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn đang du hành ở Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đi đến một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Manasàkata. Tại đây, ở Manasàkata, Thế Tôn trú tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravati (A-trí-la-phạt-đề), phía Bắc làng Manasàkata.

2. Lúc bấy giờ, nhiều Bà-la-môn trú danh, đại phú hào ở tại Manasàkata như Bà-la-môn Canki

(Thương-già), Bà-la-môn Tàrukkha (Đa-lê-xa), Bà-la-môn Pokkharasàti (Phí-già-la-bà-la), Bà-la-môn Jànussoni (Sanh Lậu), Bà-la-môn Todeyya (Đạo-đề-da) và nhiều Bà-la-môn trứ danh, đại phú hào khác.

3. Lúc bấy giờ, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa Vàsettha (Bà-tát-sá) và Bhàradvāja (Bạt-la-đà-phạn-xà) trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng, vừa đi vừa suy nghĩ tư duy.

4. Thanh niên Bà-la-môn Vàsettha nói:

— Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasàti giảng dạy.

5. Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói :

— Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy.

6. Thanh niên Bà-la-môn Vàsettha không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja, và thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja, cũng không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Vàsettha.

7. Khi ấy thanh niên Bà-la-môn Vàsettha nói với thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja:

— Này Bhàradvāja, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay trú ở Manasākata, tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravati, phía Bắc làng Manasākata. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: “Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Này Bhàradvāja, hãy đến Sa-môn Gotama và hỏi Sa-môn Gotama về nghĩa lý này, và Sa-môn Gotama trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

— Tôn giả, xin vâng !

Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja trả lời với thanh niên Bà-la-môn Vàsettha.

8. Lúc bấy giờ hai thanh niên Bà-la-môn Vàsettha và Bhàradvāja đến Thế Tôn, khi đã đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên, khi ngồi xuống

một bên, thanh niên Bà-la-môn Vâsettha bạch Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa hai chúng tôi trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng vừa đi vừa suy nghĩ, tư duy. Tôi nói như vậy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasàti giảng dạy”. Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói như vậy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy”. Tôn giả Gotama, đó là sự tranh biện, đó là sự luận chấp, đó là sự bất đồng ý kiến.

9. — Nay Vâsettha, Người nói như vậy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasàti giảng dạy”. Còn thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói như vậy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy”. Nay Vâsettha, ở nơi

đây tranh biện về vấn đề gì, luận chấp về vấn đề gì và bất đồng ý kiến về vấn đề gì ?

10. — Tôn giả Gotama, về vấn đề chánh đạo và tà đạo. Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác như các vị Bà-la-môn Addhàriyà, các vị Bà-la-môn Tittiriyà, các vị Bà-la-môn Chandokà, các vị Bà-la-môn Chandavà, các vị Bà-la-môn Bràhmacariyà - tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Tôn giả Gotama, như gần làng hay gần thị trấn có nhiều con đường sai khác, nhưng tất cả con đường này đều dẫn đến làng. Cũng vậy, Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác - như các Bà-la-môn Addhàriyà, các vị Bà-la-môn Tittiriyà, các vị Bà-la-môn Chandokà, các vị Bà-la-môn Chandavà, các vị Bà-la-môn Bràhmacariyà. Tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.

— Nay Vasettha, có phải Người nói: “Chúng dẫn đến ?”

— Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: “Chúng dẫn đến”.

— Này Vàsettha, có phải Người nói: “Chúng dẫn đến”.

— Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: “Chúng dẫn đến”.

— Này Vàsettha, có phải Người nói: “Chúng dẫn đến”.

— Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: “Chúng dẫn đến”.

12. — Thế nào Vàsettha ? Có Bà-la-môn nào trong những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà tận mặt đã thấy Phạm thiên ?

— Tôn giả Gotama, không có vị nào.

— Thế nào Vàsettha ? Có tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mặt thấy Phạm thiên ?

— Tôn giả Gotama, không có vị nào.

— Thế nào Vàsettha ? Có Bà-la-môn nào cho đến bảy đời tôn sư và đại tôn sư của những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mặt thấy Phạm thiên ?

— Tôn giả Gotama, không có vị nào.

13. — Thế nào, này Vâsettha. Những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và ngâm giảng như các vị Atthaka (A-sá-ca), Vàmaka (Bà-ma), Vàmadeva (Bà-ma-đê-bà), Angirasa (Uơng-kỳ-la), Bhàradvaja (Bạt-la-đa-phan-xà), Vâsettha (Bà-tất-sá), Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cửu), những vị này có nói: “Chúng tôi biết, chúng tôi thấy chỗ ở Phạm thiên, chỗ đến Phạm thiên, chỗ đi Phạm thiên ?”

— Tôn giả Gotama, không có vị nào.

14. — Này Vâsettha, như vậy Người nói không có một Bà-la-môn nào trong những vị tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên, không có một đại tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên — không có một Bà-la-môn nào cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên, trong những tu sĩ thời

cổ, trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmita, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvāja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: “Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu”. Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: “Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo””.

Này Vàsettha, Ngươi nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý ?

— Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

15. — Nay Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”, thật không thể có sự kiện ấy. Nay Vasettha, ví như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy. Như vậy, nay Vasettha lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, người đầu không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy, giống như lời nói mù quáng. Lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như vậy là lời nói đáng chê cười, là lời nói suông, là lời nói không tương, là lời nói trống rỗng.

16. Nay Vasettha, nhà Người nghĩ thế nào ? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người khác — có thể thấy mặt trăng, mặt trời không, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn ?

— “Thưa vâng, Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người

khác có thể thấy mặt trăng mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn.

17. — Này Vasettha, nhà Người nghĩ thế nào ? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà — như phần đông nhiều người khác thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn, những vị này có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng mặt trời không ? Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo ?

— Tôn giả Gotama, không thể được !

18. — Này Vasettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người khác, thấy mặt trăng, mặt trời trong khi các vị này cầu khẩn tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn, những vị này không có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng mặt trời: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho

những ai thực hành theo". Người cũng nói các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các tôn sư, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói trong những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy — như các vị Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Anigirasa, Bhàradvāja, Vāsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo"". Nay Vāsettha, nhà

Người nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý ?”.

— Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

— Lành thay, này Vàsettha ! Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”. Thật không có sự kiện ấy.

19. Này Vàsettha, như có người nói: “Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này”. Có người hỏi: “Này bạn, cô gái đẹp mà Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà ?” Khi được hỏi, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: “Này bạn, cô gái đẹp Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết tên gì, họ gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung ? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào ? Ở tại làng nào, ấp nào, hay thành phố nào ?” Khi được hỏi vậy, người

ấy trả lời không biết. Có người hỏi: “Này bạn, như vậy có phải Ông đã yêu và đã ái luyến một người Ông không biết, không thấy ?” Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vasettha, Người nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý ?

Vâng phải, Tôn giả Gotama. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia không chánh xác, hợp lý.

20. — Cũng vậy, này Vasettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia các thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, cũng trì tụng và giảng dạy như các vị Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa,

Bhàradvāja Vāsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: “Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu”. Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedā đã nói: “Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: “đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo””. Nay Vāsettha, Người nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedā là không chánh xác, hợp lý ?

— Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedā là không chánh xác, hợp lý.

— Lành thay, Vāsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedā không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”, thật không có sự kiện ấy.

21. Nay Vāsettha, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có

người hỏi: “Này bạn, Ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy Ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam ? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình ?”. Được hỏi vậy, vị ấy trả lời không biết. Có người hỏi: “Này bạn, như vậy có phải Ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà Ông không biết, không thấy ?” Hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vasettha, người nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói người kia không chánh xác, hợp lý ?

— Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

22. — Cũng vậy, này Vasettha. Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được

Phạm thiên. Người cũng nói trong những ấn sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được bình tán và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy — như các vị Atthaka, Vamaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvaja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: “Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu ?” Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: “Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo””. Nay Vàsettha, người nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý ?

— Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chính xác hợp lý.

23. — Lành thay, Vàsettha. Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”. Thật không có sự kiện ấy.

24. Nay Vàsettha, như sông Aciravati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. Người đứng bờ bên này kêu bờ bên kia và nói: “Bờ bên kia, hãy lại đây ! Bờ bên kia, hãy lại đây”. Nay Vàsettha, Người nghĩ thế nào ? Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravati đến bờ bên này không ?

— Tôn giả Gotama, không thể vậy.

25. — Cũng vậy, nay Vàsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, những vị này đã nói: “Chúng tôi cầu khẩn Indra (Nhân-đà-la), chúng tôi cầu khẩn Soma (Tô-ma), chúng tôi cầu khẩn Vanena (Bà-lưu-va), chúng tôi cầu khẩn Isàna

(Y-sa-na), chúng tôi cầu khẩn Pajàpati (Sanh chủ), chúng tôi cầu khẩn Brahmà (Phạm thiên), chúng tôi cầu khẩn Mahiddhi (Ma-hi-đề) chúng tôi cầu khẩn Yama (Dạ-ma). Nay Vàsettha những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà ấy, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn — Vì kêu gọi, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán, sau khi thân hoại mạng chung, những vị ấy sẽ cộng trú với Phạm thiên — Thật không có sự kiện ấy.

26. Nay Vàsettha, như sông Aciravati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tiến đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia, và muốn lội qua bờ bên kia. Người này đứng bên bờ này kêu bờ bên kia và nói: “Bờ bên kia hãy lại đây ! Bờ bên kia hãy lại đây !” Nay Vàsettha, Người nghĩ thế nào ? có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravati đến bờ bên này không ?

— Tôn giả Gotama, không thể vậy.

27. — Cũng vậy, nay Vàsettha, có năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh. Năm pháp này được xem là sợi dây chuyên, sợi dây thắt trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm ? Những sắc pháp do

mắt cảm nhận, khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục, ái lạc; những tiếng do tai cảm nhận... những hương do mũi cảm nhận... những vị do lưỡi cảm nhận... những xúc do thân cảm nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục, ái lạc. Nay Vasettha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thắt trong giới luật của bậc Thánh. Nay Vasettha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, đã tận hưởng năm pháp ấy.

28. Nay Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, tận hưởng chúng, bị trói buộc bởi sự trói buộc của dục lạc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên, thật không có sự kiện ấy.

29. Nay Vasettha, như sông Acivarati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được.

Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lợi qua bờ bên kia. Người này ở bên bờ này trùm đầu và nằm ngủ. Này Vasettha, nhà Người nghĩ thế nào ? Người ấy có thể từ bên này của sông Aciravati đến bờ bên kia không ?

— Tôn giả Gotama, không có thể được.

30. — Cũng vậy, này Vasettha, có năm triền cái được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm ? Dục cái, sân cái, hôn trầm thụ miên cái, trạo hối cái, nghi cái. Này Vasettha, năm triền cái này được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược. Này Vasettha, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đậy, bị trói buộc bởi năm triền cái này. Này Vasettha, thật vậy, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đậy, bị trói buộc bởi năm triền cái, sau khi

thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm thiên
— Thật không thể có sự kiện ấy.

31. Này Vâsettha, Người nghĩ thế nào ? Người có nghe những Bà-la-môn niên cao lập trưởng, tôn sư và đại tôn sư cùng nhau nói chuyện không ? Phạm thiên có dục ái hay không dục ái ?

- Tôn giả Gotama, không có dục ái.
- Có hận tâm hay không hận tâm ?
- Tôn giả Gotama, không có hận tâm.
- Có sân tâm hay không sân tâm ?
- Tôn giả Gotama, không có sân tâm.
- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm ?
- Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.
- Có tự tại hay không có tự tại ?
- Tôn giả Gotama, có tự tại.

32. — Này Vâsettha, Người nghĩ thế nào ? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có dục ái hay không dục ái ?

- Tôn giả Gotama, có dục ái.
- Có hận tâm hay không hận tâm ?
- Tôn giả Gotama, có hận tâm.
- Có sân tâm hay không có sân tâm ?
- Tôn giả Gotama, có sân tâm.

— Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm ?

— Tôn giả Gotama, có nhiễm tâm.

— Có tự tại hay không có tự tại ?

— Tôn giả Gotama, không có tự tại.

33. — Nay Vasettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có tham ái, Phạm thiên không có tham ái. Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có tham ái với Phạm thiên không có tham ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không ?

— Tôn giả Gotama, không thể có được.

34. — Lành thay, Vasettha. Nay Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có dục ái ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. — Thật không thể có sự kiện ấy.

35. Nay Vasettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có sân tâm, Phạm thiên không có sân tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không có tự tại, Phạm thiên có tự tại.

Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, không có tự tại với Phạm thiên có tự tại có thể có một sự cộng hành, cộng trú không ?

— Tôn giả Gotama, không thể có được.

36. — Lành thay, Vâsettha. Nay Vâsettha, những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên — Thật không thể có sự kiện ấy.

Nay Vâsettha, ở đời các Bà-la-môn đều có tinh thông ba tập Vedà, khi các vị này ngồi (với sự tự tín), thật sự đang chìm (trong bùn lầy), và khi đang chìm (trong bùn lầy) phải sống trong thất vọng, lầm tưởng rằng đã đến cảnh giới an lạc hơn. Do vậy đối với những Bà-la-môn tinh thông Vedà sự tinh thông ấy được gọi là bãi sa mạc không có nước, sự tinh thông ấy cũng được gọi là rừng rậm không có đường lối, sự tinh thông ấy cũng được gọi là sự bất hạnh.

37. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Vâsettha bạch Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama, tôi có nghe nói Sa-môn Gotama biết con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

— Này Vàsettha, Người nghĩ thế nào ? Ở đây có người sinh trưởng ở Manasàkata, nhưng chưa bao giờ rời khỏi chỗ này. Có người hỏi con đường đưa đến Manasàkata. Này Vàsettha, đối với người ấy đã sinh trưởng ở Manasàkata, chắc không có gì nghi ngờ hay khó khăn thì phải ?

— Tôn giả Gotama, thật không có gì nghi ngờ hay khó khăn. Vì có sao ? Tôn giả Gotama, người ấy sinh trưởng ở Manasàkata đều biết rõ tất cả con đường đưa đến Manasàkata.

38. — Này Vàsettha, đối với người ấy đã sinh trưởng Manasàkata, còn có thể nghi ngờ và có khó khăn khi hỏi đến con đường đưa đến Manasàkata; nhưng đối với Như Lai thì không có nghi ngờ hay khó khăn gì khi hỏi đến Phạm thiên giới hay con đường đưa đến Phạm thiên giới ! Này Vàsettha, Ta biết đến Phạm thiên, Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới.

39. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Vàsettha bạch Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama, tôi đã nghe: “Sa-môn Gotama giảng dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên”. Lành thanh, nếu Sa-môn Gotama

thuyết dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên ! Mong Tôn giả Gotama tế độ chúng Bà-la môn !

— Này Vasettha, vậy hãy lắng nghe và khéo tác ý kỹ ? Ta sẽ nói.

40. Này Vasettha, nay ở đời đức Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Như Lai sau khi tự mình chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

41. Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sinh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: “Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm

hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình”. Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình !

42. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp, thanh tịnh. Mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, thủ hộ các căn, chánh niệm, tỉnh giác và biết tri túc.

43. Nay Vasettha, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc ?

Ở đây, này Vasettha, Tỷ-kheo từ bỏ sát sinh, tránh xa sát sinh... (như kinh Sa-môn Quả, số 43 - 75) do lạc thọ, tâm được định tĩnh... (như kinh Sa-môn Quả số 75 - 98).

76. Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như

vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

77. Nay Vasettha, như người lực sĩ thối tù và khiến tiếng được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn, cũng vậy này Vasettha, đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai là vị ấy bỏ qua hay bỏ sót mà không biến mãn với tâm giải thoát, câu hữu với từ. Nay Vasettha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

78. Lại nữa, này Vasettha, vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

79. Nay Vasettha, như người lực sĩ thối tù và khiến tiếng được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn, cũng vậy này Vasettha, đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai là vị ấy bỏ qua

hay bỏ sót mà không biến mãn với tâm giải thoát, cùng khởi với xả. Nay Vasettha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

80. Nay Vasettha, Người nghĩ thế nào ? Tỷ-kheo an trú như vậy là có dục ái hay không dục ái ?

- Tôn giả Gotama, không có dục ái.
- Có hận tâm hay không có hận tâm ?
- Tôn giả Gotama, không có hận tâm.
- Có sân tâm hay không có sân tâm ?
- Tôn giả Gotama, không có sân tâm.
- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm ?
- Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.
- Có tự tại hay không có tự tại ?
- Tôn giả Gotama, có tự tại.

81. Nay Vasettha, Người nói Tỷ-kheo không có dục ái, Phạm thiên không có dục ái. Giữa Tỷ-kheo không có dục ái với Phạm thiên không có dục ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không ?

— Tôn giả Gotama, có thể có được.

— Lành thay, Vasettha. Nay Vasettha, Tỷ-kheo sau khi tâm thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật có thể có sự kiện ấy.

Nay Vasettha, Người nói Tỷ-kheo không có

hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... Tỷ-kheo không có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm... Tỷ-kheo có tự tại, Phạm thiên có tự tại. Giữa Tỷ-kheo có tự tại với Phạm thiên có tự tại, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không ?

— Tôn giả Gotama, có thể có được.

— Lành thay, Vâsettha. Nay Vâsettha Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Sự kiện ấy thật có thể có.

82. Khi nghe nói vậy, hai thanh niên Bà-la-môn Vâsettha và Bharadvāja bạch Thế Tôn:

— Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Và nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử; từ này trở đi cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

KINH ĐẠI BỐN

(MAHĀPADĀNASUTTA)

I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại nước Sāvattthi (Xá-vệ), rừng Jeta (Kỳ-đà), vườn ông Anāthapindika (Cấp Cô Độc), trong am thất cây Kareri (Hoa Lâm). Lúc bấy giờ, số đông các Tỷ-kheo đi khát thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp lại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại thuộc về tiền thân được khởi lên: “Đây là tiền thân, đây là tiền thân”.

2. Thế Tôn, với thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá loài người nghe được câu chuyện này giữa các Tỷ-

kheo. Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoa Lâm viên đường. Khi đến xong, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn hỏi các Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì, các người đang ngồi bàn ? Câu chuyện gì đã bị gián đoạn giữa các người ?

Khi được nói vậy, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, chúng con đi khát thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp tại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại về tiền thân được khởi lên: “Đây là tiền thân, đây là tiền thân”. Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang được bàn đến giữa chúng con thời Thế Tôn đến.

3. — Nay các Tỷ-kheo, các người có muốn nghe pháp thoại thuộc về tiền thân không ?

— Bạch Thế Tôn, thật là đúng thời; bạch Thiện Thệ, thật là đúng thời để Thế Tôn giảng pháp thoại thuộc về tiền thân. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

— Vậy này các Tỷ-kheo, các người hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

— Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo này đáp lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

4. — Nay các Tỷ-kheo, chín mươi một kiếp về trước, Thế Tôn Vipassī (Tỳ-bà-thì), bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Nay các Tỷ-kheo, ba mươi một kiếp về trước, Thế Tôn Sikhī (Thì-khí) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Nay các Tỷ-kheo, cũng trong ba mươi một kiếp ấy, Thế Tôn Vessabhū (Tỳ-xá-bà) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Nay các Tỷ-kheo cũng trong hiện kiếp ấy, Thế Tôn Kakusandha (Câu-lâu-tôn) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Nay các Tỷ-kheo, cũng trong hiện kiếp ấy, Thế Tôn Konāgamana (Câu-na-hàm) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Nay các Tỷ-kheo, cũng trong hiện kiếp ấy, Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Nay các Tỷ-kheo, cũng trong hiện kiếp ấy, nay Ta, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

5. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai

cấp Sát-đế-ly. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn. Nay các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.

6. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-ly-nhā). Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamara, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc

A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kas-sapa. Nay các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc danh tánh Gotama (Cù-đàm).

7. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là tám vạn năm. Nay các Tỷ-kheo trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuổi thọ loài người là bảy vạn năm. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là sáu vạn năm. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là bốn vạn năm. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là ba vạn năm. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kas-sapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ của loài người là hai vạn năm. Nay các Tỷ-kheo, nay tuổi thọ của Ta không bao nhiêu, ít oi, tuổi thọ loài người khoảng một trăm năm hay hơn một chút.

8. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giáng ngụ dưới gốc cây pātali (bà-bà-la). Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī

bạc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, giác ngộ dưới gốc cây pundarika (phân-dà-ly). Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhù, bạc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, giác ngộ dưới gốc cây sirisa (thi-lợi-sa). Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bạc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, giác ngộ dưới gốc cây udumbara (ô-tam-bà-la). Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bạc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, giác ngộ dưới gốc cây nigrodha (ni-câu-luật-đa). Nay các Tỷ-kheo, nay Ta là bạc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la).

9. Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bạc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, tên là Khanda (Kiến-trà) và Tissa (Đê-xá). Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Sikhī, bạc A-la-hán, Chánh Đăng Giác tên là Abhibhū (A-tỳ-phù) và Sambhava (Tam-bà-bà). Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vessabhū, bạc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, tên là Sona (Phù-du) và Uttara (Uất-đa-la). Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kakusandha, bạc A-la-hán, Chánh Đăng Giác tên là Vidhūra (Tỳ-lâu) và Sanjīva (Tát-ni). Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của

Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bhiyyosa (Thư-bàn-na) và Uttara (Uất-đa-la). Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Tissa (Đê-xá) và Bhāradvāja (Bà-la-bà). Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Ta là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiên-liên).

10. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội sáu mươi tám triệu Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo.

Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tặc.

Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo.

Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tặc.

Này các tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhū bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội sáu vạn Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tặc.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakkasandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội bốn vạn Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakkasandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tặc.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamanā, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội ba vạn Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamanā, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tặc.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội hai vạn Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc A-la-hán.

Này các Tỷ-kheo, nay trong thời của Ta có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, tất cả đều là bậc Lưu tận.

11. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Khemankara (Nhẫn Hành), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Upasannaka (Tịch Diệt) vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Buddhija (Thiện Giác), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sotthija (An Hòa), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sabbamitta (Thiện Hữu), vị này là vị thị giả đệ

nhất. Nay các Tỷ-kheo, nay Ta có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ānanda (A-nan), vị này là vị thị giả đệ nhất.

12. Nay các Tỷ-kheo, phụ vương của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumā (Bàn-dầu); mẫu hậu tên là Bandhumatī (Bàn-dầu-bà-đề). Kinh thành của Vua Bandhumā tên là Bandhumatī. Nay các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Aruna (Minh Tướng); mẫu hậu tên là Pabhāvatī (Quang Huy); kinh thành của vua Aruṇa tên là Pabhāvatī.

Nay các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Suppatita (Thiện Đẳng); mẫu hậu tên là Yasavati (Xứng Giới); Kinh thành của vua Suppatita tên là Anopama (Vô Dụ).

Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Aggidatta (Tự Đắc); mẫu thân Bà-la-môn tên là Visākhā (Thiện Chi). Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Khema (An Hòa); kinh thành vua Khema tên là Khemavatī (An Hòa).

Này các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Yannadatta (Đạt Đức); mẫu thân Bà-la-môn tên là Uttarā (Thiện Thắng); Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, vua trị vì tên là Sobha (Thanh Tịnh); kinh thành của vua Sobha tên là Sobhavatī (Thanh Tịnh).

Này các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Brahmadata (Phạm Thi) mẫu thân Bà-la-môn tên là Dhanavati (Tài Chủ). Này các Tỷ-kheo lúc bấy giờ vua trị vì tên là Kikī (Hấp Tỳ); kinh thành vua Kikī là Baranasī (Ba-la-nại).

Này các Tỷ-kheo, nay phụ vương của Ta tên là Suddhodana (Tịnh Phạn); mẫu hậu của Ta tên là Māyā (Ma-da); kinh thành tên là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Giảng xong Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh xá.

13. Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu, cuộc đàm thoại sau đây khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy:

— Này các Hiền giả, thật hy hữu thay ! Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay, đại thần lực, đại

oai lực của Như Lai ! Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: “Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy”. Đây các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào ? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: “Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải

thoát là như vậy" ? Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết-bàn đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chúng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này" ?

Như vậy là cuộc đàm thoại đang khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy.

14. Bấy giờ Thế Tôn, vào buổi chiều tối, sau khi xuất định, liền đến Hoa Lâm viên đường, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xong, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, nay các Ngươi ngồi luận bàn vấn đề gì ? Đề tài gì đã được luận bàn giữa các Ngươi ?

Khi được hỏi vậy, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu, cuộc đàm thoại sau đây đã khởi lên giữa chúng con: "Này các Hiền giả, thật hy hữu thay ! Này các Hiền giả thật kỳ diệu thay đại thân lực, đại oai lực của Như Lai ! Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy". Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào ? có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ

đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy" ? Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết-bàn đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này" ?" Bạch Thế Tôn, như vậy là vấn đề bàn luận giữa chúng con, khi Thế Tôn đến.

15. — Nay các Tỷ-kheo, như vậy là pháp giới ấy được khéo chứng đạt bởi Như Lai, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt

sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: “Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy”. Nay các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào ? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chu Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến Tăng hội như sau: “Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như vậy”.

Này các Tỷ-kheo, vậy hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

— Thừa vâng, Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

16. — Nay các Tỷ-kheo, cách đây chín mươi mốt kiếp về trước, Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondañña. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ đến tám vạn năm. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Patali (Ba-ba-la). Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiến-trà) và Tissa (Đế-xá). Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội sáu mươi tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Nay các Tỷ-kheo,

Phụ Vương Thế Tôn Tỳ-bà-thi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumā (Bàn-đầu), mẫu hậu tên là Bandhumatī (Bàn-đầu-bà-đê), kinh thành của Bandhumā tên là Bandhumatī.

17. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy, Bồ-tát Vipassī, sau khi từ giả cảnh giới Đâu-suất thiên, chánh niệm tỉnh giác nhập vào mẫu thai. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi Bồ-tát Vipassī từ giả cảnh giới Đâu-suất thiên, chánh niệm tỉnh giác nhập vào mẫu thai, khi ấy một hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng⁽¹⁾. Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nên tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: “Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây”. Và

(1) Sadevamanussāya. Có chỗ dịch: chư Thiên và loài người.

mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu ấy, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, bốn vị Thiên tử đứng canh gác bốn phương trời và nói: “Không cho một ai, người hay không phải loài người, được hãm hại vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy”.

18. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát giữ giới một cách hôn nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu men, rượu nấu. Pháp nhĩ là như vậy.

19. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, và không vi phạm tiết hạnh với bất kỳ người đàn ông nào dẫu người này có tâm ái nhiễm đối với bà. Pháp nhĩ là gì vậy.

20. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát có được

năm món dục lạc đầy đủ, tận hưởng, trọn hưởng năm món dục lạc ấy. Pháp nhĩ là như vậy.

21. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.

Nay các Tỷ-kheo, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt khéo giũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được khâu qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: “Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt khéo giũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây khâu qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt”. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay. Pháp nhĩ là như vậy.

22. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Sau khi sanh vị Bồ-tát bảy ngày, mẹ vị Bồ-tát mệnh chung và sanh lên cảnh trời Đâu-suất. Pháp nhĩ là như vậy.

23. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác mang bầu thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát mang vị Bồ-tát trong bụng mười tháng trời mới sanh. Pháp nhĩ là như vậy.

24. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác, hoặc ngồi, hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát đứng mà sanh vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy.

25. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, chư Thiên đổ lạy Ngài trước, sau mới đến loài người. Pháp nhĩ là như vậy.

26. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, vị Bồ-tát không đụng đến đất. Có bốn Thiên tử đổ lạy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: “Hoàng hậu hãy hoan

hỷ. Hoàng hậu sanh một bậc vĩ nhân”. Pháp nhĩ là như vậy.

27. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhót nào, không bị nhiễm ô bởi loại mù nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

Nay các Tỷ-kheo, như viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Hòn ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy ? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhót nào, không bị nhiễm ô bởi loại mù nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

28. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng

nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho vị Bồ-tát và cho bà mẹ. Pháp nhĩ là như vậy.

29. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Vị Bồ-tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lông trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: “Ta là bậc tối thượng ở trên đời ! Ta là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa”. Pháp nhĩ là như vậy.

30. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thẳng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thẳng xa oai lực của chư

Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: “Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây”. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu ấy thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

31. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sinh ra, vua Bandhumā được báo tin: “Đại vương đã được sinh một Hoàng tử”. Nay các Tỷ-kheo, khi thấy hoàng tử xong, vua Bandhumā liền cho mời các vị Bà-la-môn đoán tướng và nói: “Này các Hiền giả, hãy xem tướng cho Hoàng tử”. Nay các Tỷ-kheo, khi xem tướng hoàng tử Vipassī xong, các vị Bà-la-môn đoán tướng tâu với vua Bandhumā: “Đại vương hãy hân hoan; Đại vương đã sinh một bậc vĩ nhân ! May mắn thay cho Đại vương, đại hạnh thay cho Đại vương đã được một Hoàng tử như vậy sanh trong gia đình. Tâu Đại vương, Hoàng tử này có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân. Ai có đủ ba mươi hai tướng tốt này sẽ chọn hai con đường này thôi, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, dùng chánh pháp trị nước, bình định

bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là tương quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời”.

32. “Đại vương, ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân là gì mà Hoàng tử nếu đầy đủ những tướng tốt này sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương dùng chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp,

không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời.

“Đại vương, Hoàng tử này có lòng bàn chân bằng phẳng, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.

“Đại vương, dưới hai bàn chân của Hoàng tử này, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tám xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ, tướng này được xem là tướng của bậc Đại nhân.

“Đại vương, Hoàng tử này có gót chân thon dài... (như trước).

“Đại vương, Hoàng tử này có ngón tay, ngón chân dài...

“Đại vương, Hoàng tử này có tay chân mềm mại...

“Đại vương, Hoàng tử này tay chân có màn da lưới...

“Đại vương, Hoàng tử này có mắt cá tròn như con sò...

“Đại vương, Hoàng tử này có ống chân như con dê rừng...

“Đại vương, Hoàng tử này đứng thẳng, không co lưng xuống có thể rời từ đầu gối với hai bàn tay...

“Đại vương, Hoàng tử này có tướng mã âm tàng...

“Đại vương, Hoàng tử này có màu da như đồng, màu sắc như vàng...

“Đại vương, Hoàng tử này có da trơn mượt khiến bụi không thể bám dính vào...

“Đại vương, Hoàng tử này có lông da mọc từ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông...

“Đại vương, Hoàng tử này có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt...

“Đại vương, Hoàng tử này có thân hình cao thẳng...

“Đại vương, Hoàng tử này có bảy chỗ tròn đầy...

“Đại vương, Hoàng tử này có nửa thân trước như con sư tử...

“Đại vương, Hoàng tử này không có lỗm khuyết giữa hai vai...

“Đại vương, Hoàng tử này có thân thể cân đối như cây bàng (nigrodha: ni-câu-luật). Bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân...

“Đại vương, Hoàng tử này có bán thân trên vuông tròn...

“Đại vương, Hoàng tử này có vị giác hết sức sắc bén...

“Đại vương, Hoàng tử này có quai hàm như con sư tử...

“Đại vương, Hoàng tử này có bốn mươi răng...

“Đại vương, Hoàng tử này có răng đều đặn...

“Đại vương, Hoàng tử này có răng không khuyết hở...

“Đại vương, Hoàng tử này có răng cửa (thái xi) trơn láng...

“Đại vương, Hoàng tử này có tướng lưỡi rộng dài...

“Đại vương, Hoàng tử này có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng-tân-già (Karavika)...

“Đại vương, Hoàng tử này có hai mắt màu xanh đậm...

“Đại vương, Hoàng tử này có lông mi con bò cái...

“Đại vương, Hoàng tử này giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ.

“Đại vương, Hoàng tử này có nhục kế trên đầu, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân...

33. “Đại vương, Hoàng tử có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân, với ba mươi hai tướng tốt này, Hoàng tử sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, Hoàng tử sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành sở hữu của Ngài, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu Hoàng tử

từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, Hoàng tử sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời”.

Này các Tỷ-kheo, Vua Bandhumā ra lệnh cúng dường các vị Bà-la-môn đoán tướng ấy, các áo vải mới và làm thỏa mãn mọi sự đòi hỏi ước muốn.

34. Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumā cho nuôi những người vú cho hoàng tử Vipassī. Người cho bú, người lo tắm, người lo bông ăm, người mang trên nách. Này các Tỷ-kheo, một lọng trắng ngày đêm được che trên hoàng tử Vipassī, và lệnh được truyền ra: “Không được để lạnh hay nóng, cỏ, bụi hay sương làm phiền hoàng tử”. Hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm. Này các Tỷ-kheo, cũng như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hay hoa sen trắng được mọi người yêu thích. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm, gần như được ăm từ nách này qua nách người khác.

35. Này các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī được sanh ra, hoàng tử phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, giống như con chim ca-lăng-tần-già sinh trong núi Hy-mã-lạp sơn, giọng chim rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Cũng

vậy này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassì phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn.

36. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassì sanh ra, Thiên nhân hiện ra với Ngài, do nghiệp báo sanh, và nhờ Thiên nhân ấy, Ngài có thể nhìn khắp chung quanh đến một do tuần, ban ngày cũng như ban đêm.

37. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassì sanh ra, Ngài nhìn thẳng sự vật với cặp mắt không nhấp nháy, như hàng chư Thiên ở Tam thập tam thiên. Vì hoàng tử Vipassì nhìn không nhấp nháy, nên nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì được gọi tên là “Vipassì Vipassì”, “Vị đã nhìn thấy”. Nay các Tỷ-kheo, khi vua Bandhumā ngồi xử kiện, vua cho đặt hoàng tử Vipassì ngồi bên nách mình để xử kiện. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì ngồi bên nách vua cha như vậy và chú tâm quan sát phương thức xử kiện đến nỗi tự mình cũng có thể phán đoán xử kiện. Nay các Tỷ-kheo, do hoàng tử Vipassì “có thể quan sát và xử kiện đúng luật pháp” và danh từ “Vipassì Vipassì” càng được dùng để đặt tên cho Ngài.

38. Nay các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumā cho xây dựng ba tòa lầu đài cho hoàng tử Vipassì, một

cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa lạnh, và năm món dục lạc đều được chuẩn bị đầy đủ. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống bốn tháng mưa trong lâu đài dành cho mùa mưa, được hầu hạ mua vui với các nữ nhạc sĩ, và không một lần nào, Ngài bước xuống khỏi lâu.

II

1. — Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: “Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh”. — “Thưa vâng, Hoàng tử”. Nay các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: “Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời”.

Nay các Tỷ-kheo, lúc bảy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

2. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già

nua, lưng còm như nóc nhà, chống gậy, vừa đi vừa run rẩy, khổ não, không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy hoàng tử hỏi người đánh xe: “Này khanh, người đó là ai vậy ? Sao thân người đó không giống các người khác ?” — “Tâu Hoàng tử, người đó là một người được gọi là già vậy”. — “Này khanh, sao người ấy được gọi là một người già ?” — “Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già vì nay người ấy sống không bao lâu nữa”. — “Này khanh, vậy rồi Ta có bị già không, một người chưa qua tuổi già ?” — “Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già !” — “Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung”. — “Thưa vâng, Hoàng tử”.

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: “Sĩ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy !”.

3. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: “Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển ? “Này khanh, Hoàng tử có hoan hỷ không, tại vườn ngự uyển ?”

— “Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ, tại vườn ngự uyển”. — “Này khanh, khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì ?” — “Tâu Đại vương, Hoàng tử trong, khi đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà, chống gậy vừa đi vừa run rẩy, khổ não không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: “Này khanh, người đó là ai vậy ? Sao tóc người đó không giống các người khác ? Sao thân người đó không giống các người khác ?” — “Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là già vậy”. — “Này khanh, sao người ấy được gọi là người già” — “Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già, vì nay người ấy sống không bao lâu nữa” — “Này khanh, vậy rồi Ta có phải bị già không, một người chưa qua tuổi già ?” — “Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, đâu chúng ta chưa qua tuổi già” — “Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung” — “Thưa vâng, Hoàng tử !”. Tâu Đại vương, con vâng lời Hoàng tử Vipassì, cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử trở về cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ. “Sĩ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy”.

4. Nay các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: “Không thể để cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì. Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia ! Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật”.

Nay các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì khỏi phải xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và, nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng đầy đủ sung túc năm món dục lạc.

5. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người đánh xe... (như trước).

6. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, khi đang đi đến vườn ngự uyển, thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe. “Này khanh, người này đã làm gì, mà mắt của nó không giống mắt của những người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác ?” — “Tâu Hoàng tử, đó là một

người được gọi là một người bệnh vậy”. — “Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh ?” — “Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là một người bệnh vì người ấy chưa thoát khỏi căn bệnh của mình”. — “Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh ?” — “Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật”. — “Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung”. — “Thưa vâng, Hoàng tử”.

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: “Sĩ nhục thay, cái gọi là sanh ! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh !”.

7. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: “Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không tại vườn ngự uyển ? Hoàng tử có hoan hỷ không tại vườn ngự uyển ?” — “Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển”. — “Này khanh, khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì ?” — “Tâu Đại

vuông, Hoàng tử trong khi đi đến vườn ngự uyển thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch, bò lét trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, người đó đã làm gì mà mắt của nó không giống mắt của người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác ?" — "Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy". — "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh ?" — "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người bệnh, vì người ấy chưa khỏi căn bệnh của mình !" — "Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh ?" — "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật". — "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi ! Hãy cho đánh xe trở về cung". — "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sĩ nhục thay, cái gọi là sanh ! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh !".

8. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "Không thể để cho Hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì ! Không thể để cho hoàng tử Vipassì

xuất gia ! Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật”. Nay các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà, lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

9. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: “Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh”. — “Thưa vâng, Hoàng tử”.

Nay các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: “Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời”.

Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

10. — Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến vườn ngự uyển, thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau, và đang dựng một đàn hỏa táng. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe: “Này khanh, vì sao đám đông người ấy mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một đàn hỏa táng ?” — “Tâu Hoàng tử, vì có một người vừa mới mệnh chung”. — “Này khanh, vậy người hãy đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung !” — “Thưa vâng, tâu Hoàng tử”.

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe đến người vừa mới mệnh chung. Này các Tỷ-kheo, khi thấy thấy người chết, hoàng tử Vipassì hỏi: “Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết ?” — “Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết vì nay bà mẹ, ông cha, các người bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa; và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác !” — “Này khanh, vậy Ta chưa chết, rồi có bị chết không ? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng, và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt chăng ?” — “Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy

nay chưa chết nhưng rồi sẽ cũng bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Hoàng tử, và Hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác”. — “Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung”. — “Thưa vâng, Hoàng tử”.

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: “Sĩ nhục thay cái gọi là sanh ! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy !”.

11. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: “Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển ? Hoàng tử có hoan hỷ không, tại vườn ngự uyển ?” — “Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển”. — “Này khanh khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì ?” — “Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đang đi đến vườn ngự uyển, thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng. Thấy vậy Hoàng

tử hỏi con: "Này khanh, vì sao dám đông người ấy, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng ?" — "Tâu Hoàng tử, vì có một người mới mệnh chung". — "Này khanh, vậy người hãy đánh xe lại gần người vừa mới mệnh chung." — "Thưa vâng, tâu Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung. Khi thấy thầy chết, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết ?" — "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết, vì nay bà mẹ, ông cha hay những bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa ! Và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác." — "Này khanh, vậy Ta chưa chết rồi có bị chết không ? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng ? Và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác chăng ?" — "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi cũng sẽ bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy hoàng tử, và hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác". — "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự

uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". — "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời hoàng tử Vipassì cho đánh xe trở về cung. Hoàng tử về trong cung đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sĩ nhục thay cái gọi là sanh ! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy !".

12. Nay các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "Không thể để cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì ! Không thể để cho hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

— Nay các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không đúng sự thật. Và nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

13. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn

ngự uyển để xem phong cảnh”. — “Thưa vâng, Hoàng tử”.

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: “Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời”.

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

14. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến ngự uyển thấy một vị xuất gia, đầu trọc, đắp áo cà-sa. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe: “Này khanh, người này đã làm gì, mà đầu người ấy lại khác đầu của những người khác, và áo của người ấy cũng khác áo của những người khác ?” — “Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người xuất gia !” — “Này khanh, sao người ấy được gọi là người xuất gia ?” — “Tâu Hoàng tử, xuất gia nghĩa là khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh !” — “Này khanh,

hãy đánh xe đến gần vị xuất gia”. — “Thưa vâng, Hoàng tử”.

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử Vipassì, đánh xe đến gần người xuất gia. Này các Tỷ-kheo rồi hoàng tử Vipassì hỏi vị xuất gia: “Thưa Hiền giả, Ngài đã làm gì, mà đầu của Ngài không giống những người khác, và áo của Ngài cũng không giống các người khác ?” — “Thưa Hoàng tử, tôi là một người xuất gia !” — “Thưa Hiền giả, thế nào gọi là người xuất gia ?” — “Thưa Hoàng tử, tôi là người được gọi là xuất gia, vì tôi khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh.” — “Thưa Hiền giả, lành thay hạnh xuất gia của Ngài, lành thay khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh”.

15. Này các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì bảo người đánh xe: “Này khanh, hãy lấy xe này và cho đánh xe về cung. Còn Ta ở nơi đây, sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình”. — “Thưa vâng, Hoàng tử”. Người

đánh xe vàng lờn hoàng tử Vipassì lấy xe và đánh xe về cung. Còn hoàng tử Vipassì, chính tại chỗ ấy, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

16. Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, tại kinh đô Bandhumatì có một đại chúng tám vạn bốn ngàn người nghe tin: “Hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình”. Khi nghe tin, các vị ấy suy nghĩ: “Pháp luật như vậy không phải tầm thường, xuất gia như vậy không phải tầm thường, vì hoàng tử Vipassì trong pháp luật ấy đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình”. Nay hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình tại sao chúng ta lại không?”. Nay các Tỷ-kheo, rồi đại chúng tám vạn bốn ngàn người ấy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình dưới sự lãnh đạo của Bồ-tát Vipassì. Rồi Bồ-tát Vipassì cùng với đồ chúng, du hành, đi ngang qua những làng, thị xã và đô thị.

17. Nay các Tỷ-kheo, trong khi yên lặng tịnh cư, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Sao Ta lại sống bị bao

vây bởi đồ chúng này. Tốt hơn là Ta sống một mình, lánh xa đồ chúng này !".

Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Bồ-tát Vipassì sống một mình, lánh xa đồ chúng, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này đi một ngả, Bồ-tát Vipassì đi một ngả.

18. Này các Tỷ-kheo, trong khi yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Thế giới này thật rơi vào cảnh khổ não, phải sanh rồi già, rồi chết, rồi từ bỏ thế giới này để tái sanh thế giới khác. Không một ai biết một con đường giải thoát khỏi sự đau khổ này, thoát khỏi già và chết".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, già chết mới có mặt ? Do duyên gì, già chế sanh ?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do sanh có mặt, nên già, chết có mặt. Do duyên sanh, già chết sanh".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, sanh mới có mặt ? Do duyên gì, sanh phát khởi ?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát

sanh minh kiến sau đây: “Do hữu có mặt nên sanh mới có mặt. Do duyên hữu, nên sanh phát khởi”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Cái gì có mặt, hữu mới có mặt ? Do duyên gì, hữu phát sanh ?” Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do thủ có mặt nên hữu mới có mặt. Do duyên thủ, hữu phát sanh”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Cái gì có mặt, thủ mới có mặt ? Do duyên gì, thủ phát sanh ?” Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do ái có mặt, thủ mới phát sanh”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Cái gì có mặt, ái mới có mặt. Do duyên gì, ái phát sanh ?” Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do thọ có mặt, ái mới có mặt. Do duyên thọ, ái phát sanh”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Cái gì có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên gì, thọ mới phát sanh ?” Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát

sanh minh kiến sau đây: “Do xúc có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên xúc, thọ mới phát sanh”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Cái gì có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên gì xúc mới phát sanh ?” Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do lục nhập có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên lục nhập, xúc mới phát sanh”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, suy nghĩ: “Cái gì có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên gì, lục nhập mới phát sanh ?”. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do danh sắc có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên danh sắc, lục nhập mới phát sanh”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Cái gì có mặt, danh sắc mới có mặt ? Do duyên gì, danh sắc mới phát sanh ?” Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do thức có mặt, danh sắc mới có mặt. Do duyên thức, danh sắc mới phát sanh”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:

“Cái gì có mặt, thức mới có mặt. Do duyên gì, thức mới phát sanh ?” Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do danh sắc có mặt, thức mới có mặt. Do duyên danh sắc, thức mới phát sanh”.

19. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ như sau: “Thức này xoay trở lui lại, từ nơi danh sắc, không vượt khỏi danh sắc. Chỉ như thế này, con người được sanh ra hay trở thành già, hay bị chết, hay từ biệt cõi này, hay sanh lại ở cõi khác, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh; do duyên thức, danh sắc sanh; do duyên danh sắc, lục nhập sanh; do duyên lục nhập, xúc sanh; do duyên xúc, thọ sanh; do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, thủ sanh; do duyên thủ, hữu sanh; do duyên hữu, sanh sanh; do duyên sanh, lão, tử, sầu bi, khổ ưu não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này”.

“Tập khởi, tập khởi”. Nay các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

20. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Do cái gì không có mặt, già chết không có mặt ? Cái gì diệt, già chết diệt ?” Nay các Tỷ-

kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do sanh không có mặt, già chết không có mặt; do sanh diệt, già chết diệt”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Do cái gì không có mặt, sanh không có mặt ? Cái gì diệt, sanh diệt ?”. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do hữu không có mặt, sanh không có mặt; do hữu diệt, sanh diệt”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Do cái gì không có mặt, hữu không có mặt ? Cái gì diệt, hữu diệt ?”. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do thủ không có mặt, hữu không có mặt; do thủ diệt, hữu diệt”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Do cái gì không có mặt, thủ không có mặt ? Cái gì diệt, thủ diệt ?”. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do ái không có mặt, thủ không có mặt; do ái diệt, thủ diệt”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:

“Do cái gì không có mặt, ái không có mặt ? Cái gì diệt, ái diệt ?” Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do thọ không có mặt, ái không có mặt; do thọ diệt, ái diệt”.

Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Do cái gì không có mặt, thọ không có mặt ? Cái gì diệt, thọ diệt ?” Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do xúc không có mặt, thọ không có mặt; do xúc diệt, thọ diệt”.

Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Do cái gì không có mặt, xúc không có mặt ? Cái gì diệt, xúc diệt ?”. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do lục nhập không có mặt, xúc không có mặt; do lục nhập diệt, xúc diệt”.

Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Do cái gì không có mặt, lục nhập không có mặt ? Cái gì diệt, lục nhập diệt”. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do danh sắc không có mặt, lục nhập không có mặt; do danh sắc diệt, lục nhập diệt”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Do cái gì không có mặt, danh sắc không có mặt ? Cái gì diệt danh sắc diệt ?” Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do thức không có mặt, danh sắc không có mặt; do thức diệt, danh sắc diệt”.

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Cái gì không có mặt, thức không có mặt ? Do cái gì diệt, thức diệt ?” Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây; “Do danh sắc không có mặt, thức không có mặt; do danh sắc diệt, thức diệt”.

21. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: “Ôi, Ta đã chứng được con đường đưa đến Bồ-đề, nhờ pháp tu quán. Nghĩa là, do danh sắc diệt, thức diệt, do thức diệt, danh sắc diệt; do danh sắc diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, ưu, bi, khổ, sầu, não diệt. Như vậy, toàn bộ khổ uẩn diệt”.

“Diệt, diệt”. Này các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát

Vipassì, khởi sanh pháp nhân từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

22. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau một thời gian sống quán sự sanh diệt trong năm uẩn: “Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành diệt ! Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức diệt”.

Và đối với Ngài, sau khi sống quán pháp sanh diệt trong năm thủ uẩn, chẳng bao lâu các lậu hoặc được tiêu trừ và Ngài được giải thoát.

III

1. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác liền suy nghĩ: “Nay Ta hãy thuyết pháp”.

Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: “Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ

người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý ida-paccayata paticca samuppàda: Y tánh duyên khởi pháp; thật khó mà thấy được định lý tất cả hạnh là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khó nảo cho Ta!”

2. Nay các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn.

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó thấy pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Nay các Tỷ-kheo, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-

hán, Chánh Đăng Giác, hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp. Khi bấy giờ, một trong các vị Đại Phạm thiên, khi biết được tư tưởng của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, nhờ tư tưởng của mình, liền suy nghĩ: “Than ôi, thế giới sẽ bị tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong, nếu tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp !”

3. Nay các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên ấy, như một nhà lục sĩ đuổi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đuổi thẳng, cũng vậy vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác. Nay các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên đáp thượng y trên một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, chắp tay hướng về Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác và bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp ! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp ! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp. (Nếu được nghe), những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp”.

4. Nay các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Thế

Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói với vị Đại Phạm thiên: "Này Phạm thiên, Ta đã suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ có người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý y tánh duyên khởi pháp; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật mệt mỏi cho Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta". Này Phạm thiên, khi ấy những bài kệ bất khả tư nghĩ, từ trước chưa từng nghe khởi lên nơi Ta:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn ?

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó mà thấy được pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này Phạm thiên, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp.

5. Này các Tỷ-kheo, lần thứ hai vị Đại Phạm thiên ấy... (như trên)...

6. Này các Tỷ-kheo, lần thứ ba, vị Đại Phạm thiên ấy bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: “Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp ! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp ! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp, những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp !”

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác biết được lời khuyên thỉnh của vị Phạm Thiên, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, nhìn đời với Phật nhãn. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nhìn đời với Phật nhãn, thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm. Như trong hồ sen xanh, sen hồng hay sen trắng; có một số hoa sen

xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước; có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước, vươn lên tới mặt nước; có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước làm đắm ướt. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhìn quanh thế giới với Phật nhãn. Ngài thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

7. Rồi vị Đại Phạm thiên, với tâm mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, liền nói lên với Ngài, bài kệ sau đây:

Như con người đứng trên đỉnh núi nhìn quanh dân chúng phía dưới.

Cũng vậy Ngài Sumedha lên lầu chánh pháp, bậc biến nhãn, thoát ly sáu muộn.

Nhìn xuống quần chúng, âu lo sáu muện bị sanh già áp bức.

Hãy đứng lên, bậc anh hùng, bậc chiến thắng ở chiến trường !

Vị trưởng đoàn lũ khách, đáng thoát ly mọi nợ nần !

Thế Tôn hãy đi khắp thế giới hoằng dương chánh pháp.

Có người nhờ được nghe, sẽ thâm hiểu diệu nghĩa !

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trả lời vị Đại Phạm thiên với bài kệ sau đây:

Cửa bất diệt đã được mở rộng,

Hỡi những ai được nghe, hãy từ bỏ tà kiến của mình.

Vì nghĩ đến một mỗi hoài công, này Phạm Thiên.

Ta không muốn giảng Chánh pháp vì diệu cho loài người !

Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên với ý

nghĩ: “Ta đã là người mở đường cho Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuyết pháp”, rồi đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

8. Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: “Ta thuyết pháp cho ai trước tiên ? Ai sẽ mau hiểu chánh pháp này ?”

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: “Nay vương tử Khanda (Kiến-trà) và con vương sư Tissa (Đề-xá) trú ở kinh đô Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đê) là bậc tri thức đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm ô bởi bụi đời. Nay ta hãy thuyết pháp cho vương tử Khanda và con vương sư Tissa trước tiên, hai vị này sẽ sớm thâm hiểu chánh pháp này”.

Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, như một nhà lực sĩ đuổi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đuổi thẳng, biến mất từ cây Bồ-đề, hiện ra tại vườn Lộc Uyển Khenma, kinh đô Bandhumatì.

9. Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác gọi người giữ vườn:

“Này bạn, hãy vào kinh đô Bandhumatì, nhắn với vương tử Khanda và con vương sư Tissa rằng Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì, hiện trú ở Lộc Uyển Khema và muốn gặp hai vị !” — “Thưa vâng, bạch Thế Tôn ”.

Này các Tỷ-kheo, người giữ vườn vâng theo lời dạy của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào kinh đô Bandhumatì và thưa với vương tử Khanda và con vương sư Tissa: “Thưa quý vị, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì và hiện ở Lộc Uyển Khema. Ngài muốn gặp quý vị !”.

10. Này các Tỷ-kheo, Vương tử Khanda và con vương sư Tissa cho thắt những cỗ xe thù thắng, tự mình leo lên một cỗ xe thù thắng rồi cùng với các cỗ xe thù thắng khác, cho xe ra khỏi kinh thành Bandhumatì, đi đến Lộc Uyển Khema, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến trước Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Khi đến nơi, hai vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

11. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố

thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng, và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của hai vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà được chư Phật đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tám vải thuần tịnh không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, vương tử Khanda và con vương sư Tissa, chính tại chỗ ngồi này chúng được Pháp nhãn xa trần ly cấu: “Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt”.

12. Hai vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chúng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bốn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: “Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch

Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới”.

13. Nay các Tỷ-kheo, vương tử Khanda và con vương sư Tissa được xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác giảng dạy hai vị này, khuyến khích làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và hai vị nay nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

14. Nay các Tỷ-kheo, trong khi kinh thành Bandhumatì có đại chúng khoảng tám vạn bốn ngàn vị được nghe: “Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì và ở tại Lộc Uyển Khema. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế

Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác”. Khi nghe vậy, các vị này tự nghĩ: “Chắc chắn, pháp luật này không thể tầm thường, sự xuất gia này không thể tầm thường, vì vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Tại sao chúng ta lại không làm vậy ?”

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng ấy gồm khoảng tám vạn bốn ngàn vị đi ra khỏi kinh thành Bandhumatì đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở. Khi đến nơi, các vị này dành lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

15. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tám vải thuần tịnh, không có

tỳ vết rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị này, chính tại chỗ ngồi này, chúng được pháp nhân xa trần ly cấu: “Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt”.

16. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chúng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bốn Sư, liên bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: “Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật vi diệu thay bạch Thế Tôn, Như người dựng đứng lại, những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới !”

17. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị này được xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng

dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và những vị này, nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

18. Nay các Tỷ-kheo, nay tám vạn bốn ngàn các vị xuất gia từ trước, được nghe: “Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì, ở tại Lộc Uyển Khema và thuyết pháp”. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, đi đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở. Khi đến nơi, các vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

19. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thực, nhu

thuận, thoát ly triển cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh, không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, chính tại chỗ ngồi này, chúng được pháp nhãn xa trần ly cấu: “Phàm pháp gì đã sanh ra rồi cũng phải diệt”.

20. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chúng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bốn Sư, liên bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: “Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới !”

21. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và những vị này nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

22. Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh đô Bandhumatì. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, trong khi yên lặng tịnh cư đã suy nghĩ như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhumatì. Sao Ta lại không khuyến dạy các vị Tỷ-kheo ấy: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay

các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn”.

23. Nay các Tỷ-kheo, một vị Đại Phạm thiên khác, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Như một vị lực sĩ đuổi cánh tay co lại hay co lại cánh tay đã đuổi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bạch Ngài: “Như vậy là phải, bạch Thế Tôn ! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumatì: “Này các Tỷ-kheo hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời,

vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp". Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các vị Tỷ-kheo. Sau sáu năm, các vị này sẽ đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đành lễ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, lưng bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

24. Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào buổi chiều xuất định đứng dậy và nói với các vị Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, trong khi Ta yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, ý nghĩ sau đây khởi lên: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhumatì. Sao Ta lại không khuyến dạy các Tỷ-kheo ấy: "Này các

Tỳ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay các Tỳ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn”

25. Nay các Tỳ-kheo, một Đại Phạm thiên khác với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Ta. Như một vị lực sĩ đuổi cánh tay đã co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mắt Ta. Nay các Tỳ-kheo, vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Ta và bạch với ta: “Như vậy là phải, Bạch Thế Tôn ! Như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ ! Bạch Thế Tôn ! Thế Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỳ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumatì: “Nay các Tỳ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại

chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp, sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các Tỷ-kheo. Sau sáu năm các vị này sẽ đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn¹". Nay các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đánh lễ Ta, lưng bên hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ.

26. Nay các Tỷ-kheo, Ta khuyến dạy các người: "Nay các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe giảng

chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn”.

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, một phần lớn trong ngày ấy đã lên đường đi khắp quốc độ.

27. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ tại Jambudīpa (Diêm-phù-đề) có tám vạn bốn ngàn túc xá. Khi một năm vừa mãn, chư Thiên tuyên bố: “Này Hiền giả, một năm vừa mãn, nay còn lại năm năm. Sau năm năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn !”.

Hai năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: “Này Hiền giả, hai năm vừa mãn, nay còn lại bốn năm. Sau bốn năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn !”.

Ba năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: “Này Hiền giả, ba năm đã mãn, nay còn lại ba năm. Sau ba năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn !”

Bốn năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: “Này Hiền giả, bốn năm đã mãn, nay còn hai năm. Sau hai năm, hãy đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn !”

Năm năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: “Này Hiền giả, năm năm đã mãn, nay còn lại một năm. Sau một năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn !”

Sáu năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: “Này Hiền giả, sáu năm đã mãn. Nay đã đến ngày đi đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn”.

Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy, một số vị với thần lực của mình, một số vị với thần lực của chư Thiên trong ngày ấy đã đi đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn.

28. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giữa chúng Tỷ-kheo, tụng đọc giới bốn này:

“Chư Phật dạy Niết-bàn là đệ nhất.

“Nhẫn nhục, khổ hạnh, kham nhẫn, là đệ nhất.

“Người xuất gia hại người xuất gia khác.

“Hại người khác như vậy không xứng gọi là Sa-môn.

“Mọi điều ác không làm, hướng tâm các thiện nghiệp.

"Giữ tâm trí thanh tịnh, chính lời chư Phật dạy.

"Không chỉ trích, không đánh đập, giữ mình trong giới bốn.

"Ăn uống có tiết độ, ngủ nghỉ riêng một mình.

"Hướng tâm đến cao khiết, chính lời chư Phật dạy".

29. Nay các Tỷ-kheo, một thời ta ở tại Ukkattha (Úc-già-la), trong rừng Subhaga, dưới gốc cây ta-la vương. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Ta an lặng tịnh cư, tư tưởng sau đây khởi lên: "Có một trú xứ, một loại chúng sanh rất dễ đến mà Ta từ trước không đến ở trong một thời gian khá lâu ! Đó là chư Thiên Suddhàvāsa (Tịnh Cư thiên). Vậy nay Ta hãy đến chư Thiên ở Tịnh Cư thiên !"

Nay các Tỷ-kheo, như một lực sĩ đuổi cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã đuổi ra, Ta biến mất ở Ukkattha, trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Ta-la vương và hiện ra trước chư Thiên ở Tịnh Cư thiên. Trong đại chúng chư Thiên ấy một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, danh lễ Ta và đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau:

"Này Hiền giả, nay đã được chín mươi một kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh

Đẳng Giác ra đời. Nay Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh thuộc chủng tánh Sát-đế-ly. Nay Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kon-danna (Câu-ly-nhã). Nay Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pàtali (Ba-ba-la). Nay Hiền giả, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiến-trà) và Tissa (Đề-xá). Nay Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội, một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Nay Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Nay Hiền giả, phụ vương Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Bandhuma, mẫu hậu tên là Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhuma tên là Bandhumatì. Nay Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như

thế này. Nay Hiền giả, chúng con là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này”.

30. Nay các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên (... ..) một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, dành lễ Ta và đứng một bên. Nay các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta: “Nay Hiền giả, trong hiền kiếp này, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời. Nay Hiền giả, Thế Tôn, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, thuộc gia tộc Sát-đế-ly. Nay Hiền giả, Thế Tôn thuộc danh tánh Gotama (Cù-đàm). Nay Hiền giả, Thế Tôn tuổi thọ không bao nhiêu, ít oi, tuổi thọ loài người khoảng một trăm năm hay hơn một chút. Nay Hiền giả, Thế Tôn giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la). Nay Hiền giả, Thế Tôn có hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử tên là Sàriputta và Moggallàna (Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên). Nay Hiền giả, Thế Tôn có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi vị. Nay Hiền giả, Tăng hội này của Thế Tôn gồm toàn những vị đã diệt trừ lậu hoặc. Nay Hiền giả, Thế Tôn có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ànanda (A-nan), vị này là thị giả đệ nhất.

Này Hiền giả, phụ vương của Thế Tôn tên là Sudhodana (Tịnh Phạn), Hoàng hậu là Màyà (Ma-gia), kinh đô là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Này Hiền giả, Thế Tôn xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, chúng tôi là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này”.

31. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà (Vô Phiền thiên) đến chư Thiên Atappà (Vô Nhiệt thiên). Này các Tỷ-kheo, rồi cùng với chư Thiên Avihà và chư Thiên Atappà đến chư Thiên Sudassà (Thiện Kiến thiên). Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà và chư Thiên Sudassà đến chư Thiên Sudassì (Thiện Hiện thiên).

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà, chư Thiên Sudassà và chư Thiên Sudassì đến chư Thiên Akanitthà (Sắc Cứu Kính thiên). Này các Tỷ-kheo, lại trong Đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: “Này Hiền giả, nay đã được chín mươi một

kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác ra đời... (như số 29)".

32. Nay các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên (như trước) một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Nay các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, trong Hiền kiếp này đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác nay ra đời... (như số 30)".

33. Nay các Tỷ-kheo, như vậy Như Lai khéo chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chúng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn này, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Thế Tôn thuyết pháp như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

KINH ĐẠI DUYÊN**(MAHÀNIDÀNASUTTA)****I**

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trụ tại bộ lạc Kuru (Câu-lâu), ở ấp Kuru tên là Kam-massadhamma (Kiếm-ma-sắt-đàm). Tôn giả Ananda (A-nan) đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, dâng lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

— Hy hữu thay, bạch Thế Tôn ! Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn ! Bạch Thế Tôn, giáo pháp Duyên

khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy, và giáo pháp này đối với con hết sức minh bạch rõ ràng.

— Đây Ananda, chớ có nói vậy ! Đây Ananda chớ có nói vậy ! Đây Ananda, giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy. Đây Ananda, chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cò munja và lau sậy babaja (ba-ba-la), không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.

2. Đây Ananda, nếu có ai hỏi: “Già và chết do duyên nào không ?” Hãy đáp: “Có”. Nếu có hỏi: “Già và chết do duyên gì ?” Hãy đáp: “Già và chết do duyên sanh”.

Này Ananda, nếu có ai hỏi: “Sanh có duyên nào không ?” Hãy đáp: “Có”. Nếu có hỏi: “Sanh do duyên gì ?” Hãy đáp: “Sanh do duyên hữu”.

Này Ananda, nếu có ai hỏi: “Hữu có do duyên nào không ?” Hãy đáp: “Có”. Nếu có hỏi: “Hữu do duyên gì ?” Hãy đáp: “Hữu do duyên thủ”.

Này Ananda, nếu có ai hỏi: “Thủ có do duyên nào không ?” Hãy đáp: “Có”. Nếu có hỏi: “Thủ do duyên gì ?” Hãy đáp: “Thủ do duyên ái”.

Này Ananda, nếu có ai hỏi: “Sanh có duyên nào không ?” Hãy đáp: “Có”. Nếu có hỏi: “Sanh do duyên gì ?” Hãy đáp: “Sanh do duyên hữu”.

Này Ananda, nếu có ai hỏi: “Hữu có do duyên nào không ?” Hãy đáp: “Có”. Nếu có hỏi: “Hữu do duyên gì ?” Hãy đáp: “Hữu do duyên thủ”.

Này Ananda, nếu có ai hỏi: “Ái có duyên nào không ?” Hãy đáp: “Có”. Nếu có hỏi: “Ái do duyên gì ?” Hãy đáp: “Ái do duyên thọ”.

Này Ananda, nếu có ai hỏi: “Thọ có do duyên nào không ?” Hãy đáp: “Có”. Nếu có hỏi: “Thọ do duyên gì ?” Hãy đáp: “Thọ do duyên xúc”.

Này Ananda, nếu có ai hỏi: “Xúc có do duyên nào không ?” Hãy đáp: “Có”. Nếu có hỏi: “Xúc do duyên gì ?” Hãy đáp: “Xúc do duyên danh sắc”.

Này Ananda, nếu có ai hỏi: “Danh sắc có duyên nào không ?” Hãy đáp: “Có”. Nếu có hỏi: “Danh sắc do duyên gì ?” Hãy đáp: “Danh sắc do duyên thức”.

Này Ananda, nếu có ai hỏi: “Thức có do duyên nào không ?” Hãy đáp: “Có”. Nếu có hỏi: “Thức do duyên gì ?” Hãy đáp: “Thức do duyên danh sắc”.

3. Nay Ananda, như vậy do duyên danh sắc, thức sanh; do duyên thức, danh sắc sanh; do duyên danh sắc, xúc sanh; do duyên xúc, thọ sanh; do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, thủ sanh; do duyên thủ, hữu sanh; do duyên hữu, sanh sanh; do duyên sanh, lão tử sanh, do duyên lão tử, sầu, bi, khổ, ưu não sanh. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn tập khởi.

4. Trước đã nói: “Do duyên sanh; lão tử sanh”. Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên sanh; lão tử sanh ?” Nay Ananda, nếu sanh không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như chư Thiên hay Thiên giới, Càn-thát-bà hay Càn-thát-bà giới, Dạ-xoa hay Dạ-xoa giới. Quỷ thần hay Quỷ thần giới, loài Người hay Nhân giới, loại bốn chân hay tứ túc giới, loài chim hay điểu giới, loài trùng xà hay trùng xà giới. Nay Ananda, nếu không có sanh cho tất cả, do sanh diệt thời lão tử có thể hiện hữu không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của lão tử, tức là sanh.

5. Trước đã nói: “Do duyên hữu, sanh sanh

ra”. Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên hữu, sanh sanh ra ?” Này Ananda, nếu hữu không có bất cứ loại nào giới nào, bất cứ chỗ nào xứ nào, như dục hữu, sắc hữu hay vô sắc hữu. Nếu không có hữu cho tất cả, do hữu diệt thời sanh có thể hiện hữu không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của sanh, tức là hữu.

6. Trước đã nói: “Do duyên thủ, hữu sanh”. Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu hỏi: “Do duyên thủ, hữu sanh ?” Này Ananda, nếu thủ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ hay ngã chấp thủ. Nếu không có thủ cho tất cả, do thủ diệt thời hữu có thể hiện hữu không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của hữu, tức là thủ.

7. Trước đã nói: “Do duyên ái, thủ sanh”. Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên

ái, thủ sanh”. Nay Ananda, nếu ái không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái hay pháp ái. Nếu không có ái cho tất cả, do ái diệt thời thủ có thể hiện hữu không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thủ, tức là ái.

8. Trước đã nói: “Do duyên thọ, ái sanh”. Nay Ananda, nếu thọ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như nhãn xúc sở sanh thọ, nhĩ xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, thiệt xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, ý xúc sở sanh thọ. Nếu không có thọ cho tất cả, nếu thọ diệt thời ái có thể hiện hữu không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của ái, tức là thọ.

9. Nay Ananda, như vậy do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, tìm cầu sanh; do duyên tìm cầu, lợi sanh; do duyên lợi, quyết định (sở dụng của lợi)

sanh; do duyên quyết định, tham dục sanh; do duyên tham dục, đam trước sanh; do duyên đam trước, chấp thủ sanh; do duyên chấp thủ, hà tiện sanh; do duyên hà tiện, thủ hộ sanh; do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp như chấp trước, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ.

10. Trước đã nói: “Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp, như chấp trước, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ”. Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp, như chấp trước, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ” ? Nay Ananda, nếu thủ hộ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có thủ hộ cho tất cả, nếu thủ hộ diệt thời một số ác, bất thiện pháp như chấp trước, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ có thể hiện hữu được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên

của một số ác, bất thiện pháp như chấp trọng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến ác khẩu, vọng ngữ, tức là thủ hộ.

11. Trước đã nói: “Do duyên hà tiện, thủ hộ sanh”. Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên hà tiện thủ hộ sanh”. Nay Ananda, nếu hà tiện không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có hà tiện, cho tất cả, nếu hà tiện diệt thời thủ hộ có thể hiện hữu không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thủ hộ, tức là hà tiện.

12. Trước đã nói: “Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh”. Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh ?” Nay Ananda, nếu chấp thủ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có chấp thủ cho tất cả, nếu chấp thủ diệt thời hà tiện có thể hiện hữu được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của hà tiện, tức là chấp thủ.

13. Trước đã nói: “Do duyên đam trước, chấp thủ sanh”. Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên đam trước, chấp thủ sanh” ? Nay Ananda, nếu đam trước không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có đam trước cho tất cả, nếu đam trước diệt thời chấp thủ có thể hiện hữu được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của chấp thủ, tức là đam mê.

14. Trước đã nói: “Do duyên tham dục, đam trước sanh”. Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên tham dục, đam trước sanh” ? Nay Ananda, nếu tham dục không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có tham dục cho tất cả, nếu tham dục diệt thời đam trước có thể hiện hữu được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của đam trước, tức là tham dục.

15. Trước đã nói: “Do duyên quyết định, tham dục sanh”. Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên quyết định tham dục sanh” ? Nay Ananda, nếu quyết định không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có quyết định cho tất cả, nếu quyết định diệt thời tham dục có thể hiện hữu được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của tham dục tức là quyết định.

16. Trước đã nói: “Do duyên lợi, quyết định sanh”. Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên lợi quyết định sanh” ? Nay Ananda, nếu lợi không có không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu lợi không có cho tất cả, nếu lợi diệt thời quyết định có thể hiện hữu được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của quyết định, tức là lợi.

17. Trước đã nói: “Do duyên tìm cầu, lợi sanh”. Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói:

“Do duyên tìm cầu, lợi sanh” ? Nay Ananda, nếu tìm cầu không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu tìm cầu không có cho tất cả, nếu tìm cầu diệt thời lợi có thể hiện hữu được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của lợi, tức là tâm cầu.

18. Trước đã nói: “Do duyên ái, tìm cầu sanh”. Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên ái, tâm cầu sanh” ? Nay Ananda, nếu không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu ái không có cho tất cả, nếu ái diệt thời tâm cầu có thể hiện hữu được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của tâm cầu, tức là ái.

Nay Ananda, như vậy hai phương diện (của ái) tuy hai nhưng hòa hợp thành một, nhờ thọ (làm duyên sanh).

19. Trước đã nói: “Do duyên xúc, thọ sanh”.

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên xúc, thọ sanh” ? Này Ananda, nếu xúc không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, nếu xúc không có cho tất cả, nếu xúc diệt thời thọ có thể hiện hữu không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thọ, tức là xúc.

20. Trước đã nói: “Do duyên danh sắc, xúc sanh”. Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên danh sắc, xúc sanh” ? Này Ananda, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao, nhờ đó mà danh thân và sắc thân thi thiết; nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy không có, thời danh mục xúc trong sắc thân có thể hiện hữu được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Này Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy nhờ đó mà sắc thân được thi thiết, nếu những hình, những sắc, những

tướng, những mạo ấy không có, thời hữu đối xúc trong danh thân có thể hiện hữu được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo nhờ đó mà danh thân và sắc thân được thi thiết, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không có, thời danh mục xúc hay hữu đối xúc có thể hiện hữu được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo nhờ đó mà danh sắc được thi thiết, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không có thì xúc có thể hiện hữu được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của xúc, tức là danh sắc.

21. Trước đã nói: “Do duyên thức, danh sắc sanh”. Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên thức, danh sắc sanh” ? Nay Ananda,

nếu thức không đi vào trong bụng của người mẹ, thì danh sắc có thể hình thành trong bụng bà mẹ không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Này Ananda, nếu thức đi vào trong bụng bà mẹ rồi bị tiêu diệt, thì danh sắc có thể hình thành trạng thái này, trạng thái khác không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Này Ananda, nếu thức bị đoạn trừ trong đứa con nít, hoặc là đồng nam hay đồng nữ, thì danh sắc có thể lớn lên, trưởng thành và thành mãn được không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của danh sắc, tức là thức.

22. Trước đã nói: “Do duyên danh sắc, thức sanh”. Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: “Do duyên danh sắc thức sanh” ? Này Ananda, nếu thức không an trú được trong danh sắc, thì trong tương lai, có thể hiện hữu sự hình thành của sanh, lão, tử, khổ, tập không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thức, tức là danh sắc.

— Này Ananda, trong giới hạn con người được sanh, con người được già, con người được chết, con người được diệt, hay con người được tái sanh, trong giới hạn ấy là danh mục đạo, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ đạo, trong giới hạn ấy là thi thiết đạo, trong giới hạn ấy là tuệ giới, trong giới hạn ấy là lưu chuyển luân hồi hiện hữu trạng thái này trạng thái khác nghĩa là danh sắc và thức.

23. Này Ananda, có bao nhiêu lời tuyên bố về ngã ? Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và hạn lượng trong câu: “Ngã của tôi có sắc và hạn lượng”. Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và vô lượng trong câu: “Ngã của tôi có sắc và vô lượng”. Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: “Ngã của tôi không có sắc và có hạn lượng”. Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: “Ngã của tôi không có sắc và vô lượng”.

24. Này Ananda, có người tuyên bố ngã có sắc

và có hạn lượng trong hiện tại, người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: “Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy”. Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, có người tuyên bố ngã có sắc và vô lượng người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: “Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy”. Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, có người tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này tuyên bố hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai... hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: “Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy”. Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi. Nay Ananda, như vậy, là có bấy nhiêu lời tuyên bố về ngã.

25. Nay Ananda, có bao nhiêu lời không tuyên bố về ngã ? Nay Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và có hạn lượng trong câu: “Ngã của tôi có sắc và có hạn lượng”. Nay Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và vô lượng trong câu: “Ngã của tôi có sắc và vô lượng”. Nay Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: “Ngã của tôi không có sắc và có hạn lượng”. Nay Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: “Ngã của tôi không có sắc và vô lượng”.

26. Nay Ananda, có người không tuyên bố ngã có sắc và có hạn lượng, người này không tuyên bố, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: “Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy”. Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, có người không tuyên bố ngã có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố hoặc ngã có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như

thế này: “Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy”. Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này tuyên bố, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: “Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy”. Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã không có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: “Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy”. Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, như vậy là có bấy nhiêu lời không tuyên bố về ngã.

27. Nay Ananda, dưới bao nhiêu hình thức, ngã được quan niệm ? Nay Ananda, ngã được quan niệm như thọ trong câu: “Ngã của tôi là thọ”. Hay trái lại: “Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có có cảm thọ”. Nay Ananda, hoặc ngã được quan niệm như trong câu: “Ngã của tôi không phải là thọ, cũng không phải là không có cảm thọ; ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ”. Như vậy, nay Ananda, ngã được quan niệm.

28. Nay Ananda, ai nói: “ngã của tôi là thọ”. Người ấy cần được trả lời: “Này Hiền giả, có ba loại cảm thọ, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Trong ba loại thọ này, loại nào ông xem là ngã ?”

Này Ananda, khi cảm giác một lạc thọ, chúng ta không cảm giác một khổ thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một lạc thọ thôi. Nay Ananda, khi cảm giác một khổ thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một khổ thọ thôi. Nay Ananda, khi cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một khổ thọ, khi ấy chỉ cảm giác một bất khổ bất lạc thọ thôi.

29. Lại nữa, này Ananda, lạc thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận. Này Ananda, khổ thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận. Này Ananda, bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận. Khi cảm giác một lạc thọ mà nói rằng: “Đó là ngã của tôi”, thời khi lạc thọ ấy diệt mất người ấy cũng nghĩ rằng: “Ngã của tôi cũng diệt”. Khi cảm giác một khổ thọ mà nói rằng: “Đó là ngã của tôi”, thời khi khổ thọ ấy diệt mất người ấy cũng nghĩ rằng: “Ngã của tôi cũng diệt”. Khi cảm giác một bất khổ bất lạc thọ mà nói rằng: “Đó là ngã của tôi”, thời khi bất khổ bất lạc thọ ấy diệt mất, người ấy cũng nghĩ rằng: “Ngã của tôi cũng diệt”.

Vậy những ai nói rằng: “Ngã của tôi là thọ”, người ấy sẽ xem ngã của mình như một cái gì trong hiện tại, cái gì ấy là vô thường, lạc khổ xen lẫn, là pháp sanh diệt. Do vậy, này Ananda, không thể chấp nhận quan niệm “Ngã của tôi là thọ”.

30. Nay Ananda, ai nói như sau: “Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ”, người ấy cần được trả lời: “Này Hiền giả, chỗ nào không có một cảm thọ gì cả, chỗ ấy có thể xem là “Tôi có” được không ?”

— Bạch Thế Tôn, không !

— Do vậy, nay Ananda, không thể chấp nhận quan niệm “Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ”.

31. Nay Ananda, ai nói như sau: “Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ; ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ”, người ấy cần được trả lời: “Này Hiền giả nếu tất cả mọi loại cảm thọ đều đoạn diệt hoàn toàn, khi không còn một loại cảm thọ nào cả, khi thọ đã tận diệt, thời ở tại chỗ ấy, có thể nói: “Tôi là như vậy” chăng ?”

— Bạch Thế Tôn, không !

— Do vậy, nay Ananda, không thể chấp nhận quan niệm “Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ; ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ”.

32. Nay Ananda, khi có một vị Tỷ-kheo không quan niệm ngã là thọ, không quan niệm ngã không phải thọ, không quan niệm: “Ngã của tôi là thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ”, khi ấy vị này sẽ không chấp trước một điều gì ở trên đời, vì không chấp trước nên không sợ hãi; vì không sợ hãi nên hoàn toàn tự mình tịch diệt. Vị ấy biết sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời này không còn đời nào khác nữa.

Nay Ananda, với vị Tỷ-kheo có tâm giải thoát như vậy, nếu có ai nói vị Tỷ-kheo ấy có tà kiến như sau: “Như Lai có tồn tại sau khi chết” thời thật hoàn toàn phi lý. Hoặc có tà kiến như sau: “Như Lai không có tồn tại sau khi chết”, thời thật hoàn toàn phi lý. Hoặc có tà kiến như sau: “Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết”, thời thật hoàn toàn phi lý. Hoặc có tà kiến như sau: “Như Lai không có tồn tại và không không có tồn tại sau khi chết”, thời thật hoàn toàn phi lý. Tại sao vậy? Nay Ananda, ví dầu có bao nhiêu danh mục, bao nhiêu danh mục đạo, dầu có bao nhiêu ngôn ngữ, bao nhiêu ngôn ngữ đạo, dầu có bao nhiêu thi thiết, bao nhiêu thi thiết đạo, dầu có bao nhiêu trí tuệ, bao nhiêu trí tuệ giới, dầu có bao

nhiều luân chuyển, bao nhiêu vận hành, với thắng trí hiểu biết tất cả, vị Tỷ-kheo được giải thoát. Với vị Tỷ-kheo thắng trí giải thoát như vậy mà nói rằng vị Tỷ-kheo ấy không biết, không thấy, thời thật là một sự phi lý.

33. Nay Ananda, có bảy trú xứ của thức và hai xứ. Thế nào là bảy ? Nay Ananda, có những loại hữu tình, thân dị loại và tướng dị loại, như loài Người, một số chư Thiên và một số trong địa ngục. Đó là trú xứ thứ nhất của thức.

Nay Ananda, có những loại hữu tình, thân dị loại nhưng tướng nhất loại, như các vị Phạm Chúng thiên được sanh vào cõi ấy, nhờ sơ Thiên. Đó là trú xứ thứ hai của thức.

Nay Ananda, có những loại hữu tình, thân nhất loại nhưng tướng dị loại, như các vị Quang Âm thiên (Abhassarà). Đó là trú xứ thứ ba của thức.

Nay Ananda, có những loại hữu tình, thân nhất loại và tướng cũng nhất loại, như các vị Biến Tịnh thiên (Subhakinna). Đó là trú xứ thứ tư của thức. Nay Ananda, có những loại hữu tình, vượt ra khỏi tất cả sắc tướng, đoạn trừ tất cả hữu đối tướng, không suy tư đến mọi dị loại tướng, chỉ có

tướng “Hư không là vô biên”, được sanh vào cõi Hư không vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ năm của thức. Nay Ananda, có những loại hữu tình, hoàn toàn vượt ra khỏi Không vô biên xứ, chỉ có tướng “Thức là vô biên”, được sanh vào cõi Thức vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ sáu của thức.

Nay Ananda, có những loại hữu tình, hoàn toàn vượt ra khỏi Thức vô biên xứ, chỉ có tướng “Vô sở hữu”, được sanh vào cõi Vô sở hữu xứ. Đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Hai xứ là Vô tướng hữu tình xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ.

34. Nay Ananda, trong thức trú xứ thứ nhất có thân dị loại và tướng dị loại này, như loài Người, một số chư Thiên và một số hữu tình trong địa ngục. Nay Ananda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

... (như trước)...

— Này Ananda, trong thức trú xứ thứ bảy, hoàn toàn vượt ra khỏi Thức vô biên xứ, chỉ có tướng “Vô sở hữu”, được sanh vào cõi Vô sở hữu xứ. Này Ananda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Này Ananda, với Vô tướng hữu tình xứ này, này Ananda, nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Này Ananda, với Phi tướng phi phi tướng xứ này, này Ananda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Ananda, bởi bảy thức trú xứ và hai xứ này, nếu có vị Tỷ-kheo đã như chơn hiểu được tập khởi, đoạn trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm, xuất ly của chúng, nhờ không còn chấp thủ, vị này được giải thoát. Nay Ananda, vị Tỷ-kheo như vậy được gọi là Tuệ giải thoát.

35. Nay Ananda, có tám giải thoát. Thế nào là tám ?

Tự mình có sắc, thấy các sắc pháp. Đó là giải thoát thứ nhất.

Không biết tự mình có sắc, thấy các sắc ngoài tự thân. Đó là giải thoát thứ hai.

Tâm mạnh hướng đến thanh tịnh. Đó là giải thoát thứ ba.

Hoàn toàn vượt khỏi mọi sắc tướng, đoạn diệt mọi hữu đối tượng, không suy tư đến mọi tướng dị biệt, với tư tưởng: “Hư không là vô biên”, chúng và an trú Hư không vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ tư.

Hoàn toàn vượt khỏi Hư không vô biên xứ, với tư tưởng: “Thức là vô biên”, chúng và an trú Thức vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ năm.

Hoàn toàn vượt khỏi Thức vô biên xứ, với tư tưởng: “Vô sở hữu”, chứng và an trú Vô sở hữu xứ. Đó là giải thoát thứ sáu.

Hoàn toàn vượt khỏi Vô sở hữu xứ, chứng và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là giải thoát thứ bảy.

Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và an trú Diệt thọ tưởng định. Đó là giải thoát thứ tám. Nay Ananda, như vậy là tám giải thoát.

36. Nay Ananda, khi một vị Tỷ-kheo thuận thứ thể nhập tám giải thoát này, có thể nhập và có thể xuất khỏi bất cứ giải thoát nào khi nào mình muốn, chỗ nào mình muốn và dài bao lâu mình muốn — và với các lậu hoặc được đoạn trừ, vị Tỷ-kheo chứng và an trú trong tám giải thoát và tuệ giải thoát, không còn lậu hoặc ngay trong thời hiện tại, tự mình thấu đạt và chứng ngộ. Nay Ananda, không còn có một Câu giải thoát nào khác cao hơn và thù thắng hơn Câu giải thoát này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

(MAHÀPARINIBBĀNASUTTA)

I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakūta (Linh Thú). Lúc bấy giờ, Ajātasattu Vedehiputta (A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi), vua nước Magadha, muốn chinh phục dân Vajjī (Bạt-kỳ). Vua tự nói: “Ta quyết chinh phạt dân Vajjī này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cô dân Vajjī; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī; ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong”.

2. Rồi Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha nói với Bà-la-môn Vassakara (Vũ Xá), đại thần nước Magadha:

— Này Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Ngài, vấn an Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: “Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, vấn an Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, lạc trú”. Và khanh bạch tiếp: “Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân Vajjì, vua tự nói: “Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong”. Thế Tôn trả lời khanh thế nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại ta biết. Các bậc Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng.

— Đại vương, xin vâng !

3. Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha vâng theo lời dạy của Ajatasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ

xe ấy đi ra khỏi Ràjagaha (Vương Xá), đến tại núi Linh Thứu, đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Thế Tôn, khi đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xā giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, vấn an Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân xứ Vajjì. Vua tự nói: “Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cô dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong”.

4. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda đứng quạt sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

— Nay Ananda, Người có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không ?

— Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

— Này Ananda, khi nào dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết không ?

— Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết.

— Này Ananda, khi nào nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết, này Ananda dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thời xưa không ?

— Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa.

— Này Ananda khi nào dân Vajjì, không ban

hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa thời, này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này không ?

— Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này.

— Này Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình không ?

— Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình.

— Này Ananda, khi nào dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình thời, này Ananda, dân Vajjì sẽ

được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không ?

— Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.

— Này Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không ?

— Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

— Nay Ananda, khi nào dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha:

— Nay Bà-la-môn, một thời Ta sống ở Vesàli tại tự miếu Sàrandada, Ta dạy cho dân Vajjì bảy pháp bất thối này. Nay Bà-la-môn, khi nào bảy pháp bất thối được duy trì giữa dân Vajjì, khi nào dân Vajjì được giảng dạy bảy pháp bất thối này, thời Bà-la-môn, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama, nếu dân Vajjì chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thời dân Vajjì nhất định được cường thịnh, không bị suy giảm, huống nữa là đủ cả bảy pháp bất thối. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha không thể đánh bại dân Vajjì ở chiến trận trừ phi dùng ngoại giao hay

kế ly gián. Tôn giả Gotama, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều việc và có nhiều bốn phận.

— Nay Bà-la-môn, Người hãy làm những gì Người nghĩ là hợp thời.

Bà-la-môn Vassakara, vị đại thần nước Magadha hoan hỷ, tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

6. Khi Bà-la-môn Vassakara đi chưa bao lâu, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

— Nay Ananda, hãy đi và tập hợp tại giảng đường tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Ràjagaha (Vương Xá).

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng theo lời dạy Thế Tôn, đi tập hợp tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Vương Xá rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài, đứng một bên và bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Tăng đã tụ họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến

giảng đường, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói với các vị Tỷ-kheo:

— Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Những vị Tỷ-kheo ấy trả lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

— Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc Tăng sự trong niệm đoàn kết, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc Tỷ-kheo thượng tọa, những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lập trường, bậc cha của chúng Tăng, bậc thầy của chúng Tăng và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở, được sống an lạc, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các

vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bát thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

7. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bát thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Những vị Tỷ-kheo đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sự, không hoan hỷ làm thế sự, không đam mê làm thế sự, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê phiếm luận, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghỉ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích quần tụ, không hoan hỷ quần tụ,

không đam mê quần tụ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục vọng, không bị chi phối bởi ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bận bẻ ác dục vọng, không thân tín ác dục vọng, không cộng hành với ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng, giữa sự đạt đáo những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

8. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

— Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo có tín tâm, có tâm, có quý, có nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

9. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Chư Tỷ-kheo đáp ứng. Thế Tôn nói:

— Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

10. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

— Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập vô thường tướng, tu tập vô ngã tướng, tu tập bất tịnh tướng, tu tập nguy hiểm tướng, tu tập xả ly tướng, tu tập vô tham tướng, tu tập diệt tướng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

11. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng sáu pháp bất thối, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

— Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đồng người và vắng người, gìn giữ thân nghiệp từ hòa, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đồng người và vắng người, gìn giữ khẩu nghiệp từ hòa, gìn giữ ý nghiệp từ hòa tại chỗ đồng người và vắng người, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo phân phối không thiên vị, chung thọ hưởng với các bạn giới đức đồng tu, mọi lợi dưỡng chơn chánh, hợp pháp, cho đến những vật thọ lãnh trong bát khát thực, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với các bạn đồng tu, tại chỗ đồng người, và vắng người, trong sự thọ trì những giới luật, đúng với

Sa-môn hạnh, những giới luật không bị gãy vụn, không bị sút mẻ, không bị tỳ vết, không bị uế trước, những giới luật đưa đến giải thoát, được người có trí tán thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới luật hướng đến định tâm, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với các bạn đồng tu, tại chỗ đồng người và vắng người, trong sự thọ trì những tri kiến đúng với Sa-môn hạnh, những thánh tri kiến đưa đến giải thoát, hướng đến sự diệt tận khổ đau cho những ai thiết hành theo, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào sáu pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy sáu pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

12. Trong thời gian Thế Tôn ở Vương Xá tại núi Linh Thứu, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: “Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả

vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu”.

13. Thế Tôn ở Vương Xá cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài gọi tôn giả Ananda:

— Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Ambalatthika.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Ambalatthika.

14. Tại Ambalatthika, Thế Tôn thân trú tại nhà nghỉ mát của vua. Trong thời gian Thế Tôn ở Ambalatthika, tại nhà nghỉ mát của vua, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

— Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

15. Thế Tôn ở Ambalatthika cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài bảo tôn giả Ananda:

— Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nalanda.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nalanda. Tại đây, Thế Tôn trú ở Pāvārikambavana (Ba-ba-lợi-âm-bà-lâm).

16. Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác.

— Này Sàriputta, lời nói của Ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Ngươi thật đã rống tiếng rống con sư tử: “Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác”. Này Sàriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, Ngươi đã biết tâm những Vị này với tâm của Ngươi: “Những Thế Tôn

này ở quá khứ có giới đức như vậy, có thiện định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy” ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Sàriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở tương lai, Ngươi đã biết tâm những vị này với tâm của Ngươi: “Những Thế Tôn này ở tương lai có giới đức như vậy, có thiện định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy” ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Sàriputta, có phải Ngươi biết Ta là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở hiện tại, Ngươi đã biết tâm Ta với tâm của Ngươi: “Thế Tôn có giới đức như vậy, có thiện định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy” ?

— Bạch Thế Tôn, không !

— Nay Sàriputta, như vậy Ngươi không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. Như vậy, này Sàriputta, vì sao Ngươi lại thốt ra những lời đại ngôn, lời nói gan dạ, rống lên tiếng rống con sư

từ: “Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác” ?

17. — Bạch Thế Tôn, con không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. Nhưng con biết truyền thống về chánh pháp. Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại biên cảnh, thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây có một người gác cửa thông minh, biệt tài và nhiều kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Người này trong khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy có thể không thấy các chỗ nối hay khe hở của tường, cho đến chỗ một con mèo có thể lọt ra được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này tất cả đều đi vào hay đi ra bởi cửa này. Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về chánh pháp. Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, tất cả vị Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm

vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác. Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ Năm Triền Cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

18. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Nalanda, rừng Pàvārikamba, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

— Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

19. Thế Tôn ở Nalanda cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi gọi tôn giả Ananda:

— Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pàtaligàma.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Pàtaligàma.

20. Lúc bấy giờ, các cư sĩ ở Pàtaligàma được nghe Thế Tôn đã đến làng Pàtaligàma. Các cư sĩ ở Pàtaligàma đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy đến ở tại nhà nghỉ mát của chúng con”. Thế Tôn im lặng nhận lời.

21. Các cư sĩ ở Pàtaligàma được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đức dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt. Các cư sĩ này đi đến nhà nghỉ mát, rải cát khắp tất cả sân nhà, sắp đặt chỗ ngồi, đặt ghè nước, chuẩn bị dầu đèn rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, tất cả nhà nghỉ mát đã được rải cát, các chỗ ngồi đã được sắp đặt, ghè nước đã đặt sẵn, dầu đèn đã được chuẩn bị. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là phải thời.

22. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến nhà nghỉ mát, sau khi đến liền rửa chân bước vào nhà, ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, bước vào nhà ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường phía Đông, hướng mặt phía Tây, đối diện Thế Tôn.

23. Thế Tôn nói với các cư sĩ ở Pàtaligàma:

— Này các Gia chủ, có năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Thế nào là năm ?

Ở đây, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ bị tiêu hao tiền của rất nhiều vì sống phóng dật. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật bị tiếng dữ đồn xa. Đó là điều nguy hiểm thứ hai cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật khi vào hội chúng nào, hoặc Sát-đế-ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần sợ hãi, bối rối.

Đó là điều nguy hiểm thứ ba cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ chết với tâm hôn rối loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Này các Gia chủ, đó là năm điều nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

24. Này các Gia chủ có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm ?

Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi

ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát-đế-ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bối rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối loạn. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

25. Thế Tôn giảng pháp cho những cư sĩ ở Pátaligàma cho đến khuya, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi bảo các cư sĩ ấy:

— Này các Gia chủ, đêm đã quá khuya, nay các Ngươi hãy làm những gì các Ngươi nghĩ là phải thời.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Các người cư sĩ của Pàtaligàma vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài từ tạ ra về. Thế Tôn, sau khi các cư sĩ ở Pàtaligàma đi không bao lâu, liền trở vào phòng riêng.

26. Lúc bấy giờ Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đang dựng thành trì để ngăn chặn dân Vajji. Một số rất lớn các thiên thần tụ họp hàng ngàn tại các trú địa ở Pàtaligàma. Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá. Tại chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá. Tại chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.

27. Thế Tôn với thiên nhân, thanh tịnh, siêu nhân thấy hàng ngàn các thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pàtaligàma, Thế Tôn thức dậy khi đêm chưa tàn và nói với tôn giả Ananda:

— Này Ananda, ai đang xây dựng thành trì ở Pàtaligàma ?

— Sunidha và Vassakara, bạch Thế Tôn, hai vị đại thần xứ Magadha, đang xây dựng thành trì ở Pàtaligàma để ngăn chặn dân Vajjì.

28. — Nay Ananda, thật giống như đã hỏi ý kiến các vị thiên thần ở cõi trời Ba mươi ba, các đại thần ở Magadha, Sunidha và Vassakara đang xây thành trì ở Pàtaligàma để ngăn chặn dân Vajjì. Nay Ananda ở đây với thiên nhân, thanh tịnh, siêu nhân Ta thấy hàng ngàn thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pàtaligàma. Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị ấy khiến tâm các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá. Chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị ấy khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá. Chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá. Nay Ananda, chỗ nào các vị Ariyans an trú, chỗ nào các nhà thương mãi qua lại, chỗ ấy sẽ thiết lập một thành thị bậc nhất tên gọi là Pàtaliputta, một trung tâm thương mãi. Nhưng nay Ananda, Pàtaliputta sẽ bị ba hiểm nạn về lửa, về nước hay chia rẽ bất hòa.

29. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần nước Magadha, đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong liền nói những lời chào đón hỏi thăm xá giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara bạch Thế Tôn: “Mong Thế Tôn nhận lời mời dùng cơm tại nhà chúng con hôm nay cùng với đại chúng Tỷ-kheo”. Thế Tôn im lặng nhận lời.

30. Hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời liền đi về nhà ở, cho soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cúng và loại mêm, rồi cử người đến tin Thế Tôn: “Tôn giả Gotama, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng”.

Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến trú sở của hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara, sau khi đi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara tự tay mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là thượng thủ, các món ăn thượng vị, loại cúng và loại mêm. Sau khi Thế Tôn dùng cơm xong và cất tay khỏi bình bát, Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha liền lấy chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên.

31. Sau khi Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần thứ Magadha đã ngồi xuống một bên, Thế Tôn đọc bài kệ cảm tạ:

*Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú
xú.*

*Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và người phạm
hạnh.*

Và san sẻ công đức với chư Thiên trú tại chỗ ấy.

Được tôn kính, chúng sẽ tôn kính lại.

Được trọng vọng, chúng sẽ trọng vọng lại.

*Chúng sẽ mến thương người ấy như người mẹ
thương mến con. Và những ai được thiên thần
thân mến luôn luôn được thấy may mắn.*

Sau khi Thế Tôn tán thán Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xú Magadha với bài kệ này, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra về.

32. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xú Magadha đi sau lưng Thế Tôn và nói:

“Hôm nay Sa-môn Gotama đi ra cửa nào cửa ấy sẽ được đặt tên là Gotama; Sa-môn Gotama lội qua sông từ bến nào, bến ấy sẽ được đặt tên là Gotama. Và cửa Sa-môn Gotama đi ra được đặt tên là cửa Gotama”.

33. Rồi Thế Tôn đi đến sông Gangà (sông Hằng). Lúc bấy giờ, sông Gangà tràn ngập nước đến bờ đến nổi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn mau lẹ như người lực sĩ đuổi cánh tay được co lại hay co cánh tay đã đuổi ra, biến mất từ bờ bên này và hiện ra trên bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo.

34. Thế Tôn thấy những người kia, người đang đi tìm thuyền, người đang đi tìm phao, người đang đi cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn hiểu được ý nghĩa của cảnh này, lúc ấy bèn ứng khẩu lời cảm khái:

“Những ai làm cầu vượt biển trùng dương, bỏ lại đất sũng đầm ao, trong khi người phàm phu đang cột bè.

Những người ấy thật là những vị trí tuệ được giải thoát”.

II

1. Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ananda: “Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kotigàma”

— “Xin vâng, bạch Thế Tôn”. Tôn giả Ananda

đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Kotigàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigàma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì ? Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế... Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Nay các Tỷ-kheo khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, thời hữu ái được diệt trừ, sự dặt dắn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.

3. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ lại nói thêm:

— Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.

4. Trong thời gian Thế Tôn ở Kotigàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

— Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Thế Tôn, sau khi ở Kotigàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

— Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nàdikà.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nàdika, tại ngôi nhà gạch (Ginjakàvasatha).

6. Rồi Tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sàlada mệnh chung tại Nàdika đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào ? Tỷ-kheo ni Nandà mệnh chung tại Nàdika đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào ? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung tại Nàdika đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào ? Bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Sujàtā mệnh chung tại Nàdika đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào ? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kakudha mệnh chung tại Nàdika đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào ? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kàlinga... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Nikata... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Katissabha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Tuttha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Santuttha..., Bạch Thế Tôn cư sĩ Bhadda... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Subhadda đã mệnh chung tại Nàdika đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào ?

7. Nay Ananda, Tỷ-kheo Sàtha diệt tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay hiện tại vô lậu tâm giải thoát,

tuệ giải thoát. Nay Ananda, Tỷ-kheo ni Nandà đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Nay Ananda, cư sĩ Sudatta, diệt trừ ba kiết sử làm giảm thiểu tham, sân, si, chúng quả Nhứt lai sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Nay Ananda nữ cư sĩ Sujatà diệt trừ ba kiết sử, chúng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác. Nay Ananda cư sĩ Kakudha đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Nay Ananda, cư sĩ Kalinga... Nay Ananda cư sĩ Nikata... Nay Ananda, cư sĩ Katissabha... Nay Ananda, cư sĩ Tuttha... Nay Ananda, cư sĩ Santuttha... Nay Ananda, cư sĩ Bhadda... Nay Ananda, cư sĩ Subhadda đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Nay Ananda, hơn năm mươi cư sĩ mệnh chung tại Nàdita, đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Nay Ananda, hơn chín mươi tín nam cư sĩ mệnh chung tại Nàdika, diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chúng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận

khổ đau. Nay Ananda, hơn năm trăm cư sĩ, mệnh chung tại Nàdika, diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.

8. Nay Ananda, thật không có gì lạ, vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này thời Ananda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai. Nay Ananda, vì vậy ta sẽ giảng Pháp kính (Gương chánh pháp) để Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: “Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngã quý, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác”.

9. Nay Ananda, Pháp kính ấy là gì mà Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: “Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngã quý, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác”. Nay Ananda, vị Thánh đệ tử có chánh tín đối với đức Phật: “Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh hạnh Túc, Thiện

Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Vị ấy có chánh tín đối với chánh pháp: “Chánh pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, thiết thực, vượt ngoài thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng giải thoát, được kẻ trí tự mình thâm hiểu”. Vị ấy có chánh tín đối với chúng Tăng: “Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân chánh tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trực tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trí tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân tịnh tu hành, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn đáng được nghênh đón, đáng được cúng dường, đáng được chiêm ngưỡng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời, cụ túc giới hạnh, được bậc Thánh mến chuộng, được viên mãn không mây mùn, được vẹn toàn không sút mẻ, không tỳ vết, không ô nhiễm, những giới hạnh đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị ảnh hưởng bởi đời sau. Hướng dẫn đến thiên định”.

Này Ananda, chính Pháp kính này mà Thánh đệ tử sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn sẽ tự tuyên bố về mình như sau: “Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, ngã quý, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự

lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt chánh giác”.

10. Khi Thế Tôn ở Nàdika, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

— Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ... tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

11. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Nàdika cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

— Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Vesàli.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Vesàli. Ở đây, Thế Tôn trú tại vườn Ambapàli.

12. Thế Tôn bảo các vị Tỷ-kheo:

— Này các Tỷ-kheo, các Ngươi phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo an trú chánh niệm ? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với thân, quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời, đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán

pháp, tỉnh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời. Đây các Tỷ-kheo, như vậy gọi là chánh niệm.

13. Đây các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác ? Đây các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo tỉnh giác khi đi tới, đi lui; tỉnh giác khi ngó tới, ngó lui; tỉnh giác khi co tay, duỗi tay; tỉnh giác khi mang áo sanghati (tăng-già-lê) mang bát, mang y, tỉnh giác khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm, tỉnh giác khi đại tiện, tiểu tiện; tỉnh giác khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói, khi im lặng. Đây các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống tỉnh giác. Đây các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Ngươi.

14. Lúc bảy giờ đêm nữ Ambapàli được nghe: “Thế Tôn đã đến Vesàli và ở tại vườn xoài của ta”. Đêm nữ Ambapàli liền cho thắng các cỗ xe thù thắng, tự leo lên một chiếc, cùng với các cỗ xe thù thắng xuất phát ra khỏi Vesàli và đi đến vườn xoài. Nàng cỡi xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên, Thế Tôn thuyết pháp cho đêm nữ Ambapàli đang ngồi một

bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Dâm nữ Ambapàli sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Dâm nữ Ambapàli được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên phải hướng về đức Phật và từ biệt.

15. Các người Licchavi ở Vesàli được nghe: “Thế Tôn đến Vesàli hiện ở vườn Ambapàli”, liền cho thắng các cỗ xe thù thắng leo lên xe rồi xuất phát ra khỏi Vesàli với những cỗ xe ấy. Có những vị Licchavi toàn xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đồ trang sức màu xanh. Có những vị Licchavi toàn vàng, màu sắc vàng, mặc vải màu vàng, mang đồ trang sức màu vàng. Có những vị Licchavi toàn đỏ, màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Có những vị Licchavi toàn trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng.

16. Lúc bấy giờ dân nữ Ambapàli đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe. Các Licchavi nói với dân nữ Ambapàli:

— Này Ambapàli, tại sao nàng lại đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe ?

— Này quý Công tử của tôi, tôi vừa mới mời Thế Tôn cùng chúng Tỷ-kheo ngày mai đến dùng cơm.

— Này Ambapàli, hãy nhường cho chúng ta bữa cơm ấy đổi lấy một trăm ngàn.

— Dầu quý Công tử có cho tôi cả thành Vesàli cùng với các đất phụ thuộc, tôi cũng không nhường bữa cơm quan trọng này.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói:

— Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đã thắng ! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phổng tay trên. Và các vị Licchavi này cùng đi đến vườn Ambapàli.

17. Thế Tôn xa thấy các vị Licchavi liền nói với các Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo, nếu có vị Tỷ-kheo nào chưa thấy các chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên, hãy ngó chúng Licchavi, hãy nhìn chúng Licchavi. Này các Tỷ-kheo chúng Licchavi cũng giống như chúng Tam thập tam thiên”.

18. Các vị Licchavi ấy cỡi xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến, liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho những vị Licchavi đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Các vị Licchavi sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ liền bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

— Này các Licchavi, ngày mai Ta đã nhận lời mời dùng cơm của dân nữ Ambapàli rồi.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói: “Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng ! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phổng tay trên...”

Rồi những vị Licchavi này, hoan hỷ tán thán lời dạy Thế Tôn, từ chỗ ngồi đức dậy, dành lễ Ngài, thân bên hữu hướng về đức Phật và từ biệt.

19. Lúc bảy giờ đêm nữ Ambapàli, đêm vừa tàn canh, liền cho sửa soạn tại vườn của mình các món ăn thượng vị loại cúng và loại mềm và cho báo tin Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng”. Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại túc xá của dân nữ Ambapàli, sau khi đến liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Rồi dân nữ Ambapàli tự tay thân hành mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ, dùng các món ăn thượng vị loại cúng và loại mềm.

Khi Thế Tôn dùng xong, tay đã rời bát, dân nữ Ambapàli lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, dân nữ Ambapàli bạch Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, con xin cúng dường ngôi vườn này cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ”.

Thế Tôn nhận lãnh khu vườn. Thế Tôn thuyết pháp cho dân nữ Ambapàli, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, rồi đứng dậy ra về.

20. Trong thời gian Thế Tôn ở Vesàli, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

— Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

21. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Vesàli cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

— Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Baluvà.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến làng Baluvà. Và Thế Tôn trú tại làng này.

22. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

— Này các Tỷ-kheo hãy an cư trong mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quen thuộc và thân tín. Còn Ta sẽ an cư ở đây, tại làng Baluvà.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Những Tỷ-kheo này vâng đáp Thế Tôn và tìm chỗ an cư mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có

bạn bè quyến thuộc và thân tín. Còn Thế Tôn an cư tại làng Baluvà.

23. Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, rất đau đớn, gần như muốn chết. Nhưng Thế Tôn giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng cơn đau ấy, không một chút ta thán. Thế Tôn tự nghĩ: “Thật không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỷ-kheo. Vậy Ta hãy lấy sức tinh tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống”. Và Thế Tôn với sức tinh tấn, nhiếp phục bệnh ấy duy trì mạng căn.

24. Rồi Thế Tôn lành bệnh. Sau khi lành bệnh không bao lâu, đức Phật rời khỏi tịnh xá và ngôi trên ghế đã soạn sẵn, trong bóng mát của ngôi tịnh xá. Lúc bấy giờ tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn khỏe mạnh. Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn kham nhẫn, bạch Thế Tôn, thấy Thế Tôn bệnh hoạn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt

con mờ mịt không thấy rõ phương hướng, dầu cho, bạch Thế Tôn, con được một chút an ủi rằng, Thế Tôn sẽ không diệt độ, nếu Ngài chưa có lời di giáo lại cho chúng Tỷ-kheo.

25. Nay Ananda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỗi gì nữa ở Ta ! Nay Ananda, Ta đã giảng Chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài (mật giáo và không phải mật giáo), vì này Ananda, đối với các Pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay (còn giữ lại một ít mật giáo chưa giảng dạy). Nay Ananda, những ai nghĩ rằng: “Như Lai là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo”; hay “chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Như Lai” thời này Ananda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo. Nay Ananda, Như Lai không nghĩ rằng: “Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo; hay “chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta”. thời này Ananda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo ? Nay Ananda, Ta nay đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến tám mươi tuổi. Nay Ananda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt, cũng vậy thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ chống đỡ giây chằng. Nay Ananda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một

số cảm thọ, chúng và an trú vô tướng tâm định, chính khi ấy thân Như Lai được thoải mái.

26. Vậy nên, này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác. Này Ananda, thế nào là vị Tỷ-kheo hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này Ananda, ở đời, vị Tỷ-kheo, đối với thân quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời. Này Ananda, như vậy vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này Ananda, những ai sau khi Ta diệt độ, tự

mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, Này Ananda là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

III

1. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về Ngài nói với tôn giả Ananda:

— Này Ananda, hãy lấy tọa cụ. Ta muốn đi đến điện thờ Cápàla, để nghỉ trưa.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

2. Thế Tôn đi đến điện thờ Cápàla, khi đến Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Ananda đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

— Nay Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sàttambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Cápàla.

3. Nay Ananda, những ai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu muốn người ấy có thể sống đến một kiếp hay phân kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, Nay Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phân kiếp còn lại.

4. Nhưng tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn; tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”. Vì tâm tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

5. Lần thứ hai Thế Tôn... lần thứ ba Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

— Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàranada, khả ái thay điện thờ Capala !" Này Ananda, những ai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Nhưng tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm của tôn giả bị Ác ma ám ảnh.

6. Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

— Nay Ananda hãy đi và làm những gì Người nghĩ là phải thời.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn và đi ra.

7. Tôn giả Ananda đi ra chưa bao lâu, Ác ma liền đến chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: “Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên chưa có thể chất vấn và

hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu”.

8. Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn, đã trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu. Như vậy, nay Thế Tôn, hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ !

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: “Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật... khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách,

và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu”. Bạch Thế Tôn, nay những nam cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, đầy đủ Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, và có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: “Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì, Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân

tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp một cách thần diệu”. Bạch Thế Tôn, nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: “Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người”. Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người. Như vậy, nay Thế

Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

9. Khi được nói vậy Thế Tôn nói với Ác ma: “Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ”.

10. Và tại điện thờ Capala, Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thế Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa, thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy, liền thốt câu kệ cảm khái như sau:

*Mạng sống có hạn hay vô hạn,
Tu sĩ từ bỏ, không kéo dài.
Nội tâm chuyên nhất trú thiên định.
Như thoát áo giáp đang mang mặc.*

11. Lúc bấy giờ, tôn giả Ananda suy nghĩ: “Thật là kỳ diệu ! Thật là hy hữu ! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy ?”.

12. Rồi tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu ! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu ! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy ?

13. — Này Ananda, có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động. Thế nào là tám ? Này Ananda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Này Ananda, đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động.

14. Lại nữa này Ananda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, tâm được chế ngự, hay hàng chư Thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vị ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh. Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động.

15. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát ở cõi Tusita (Đâu suất) từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mầu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

16. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát, chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mầu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chấn động.

17. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khi ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động.

18. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chuyển bánh xe Pháp, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

19. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai, chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

20. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai nhập vô dư y Niết-bàn, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động. Này Ananda, do tám nhân này, tám duyên này, khiến đại địa chấn động.

21. Này Ananda, có tám chúng. Thế nào là tám. Chúng Sát-đế-ly, chúng Bà-la-môn, chúng Cư sĩ, chúng Sa-môn, chúng Bốn Thiên vương, chúng Tam thập tam thiên, chúng Ma, chúng Phạm thiên.

22. Này Ananda, Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Sát-đế-ly hơn một trăm lần. Tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện, và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu, dung sắc của chúng Sát-đế-ly như thế nào, dung sắc của Ta cũng như vậy; giọng nói chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng như vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: “Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng ?” Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ với bài pháp thoại, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: “Kẻ biến mất ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng ?”

23. Nay Ananda. Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Bà-la-môn hơn một trăm lần... chúng Cư sĩ... chúng Sa-môn... chúng Bốn Thiên vương... chúng Tam thập tam thiên... chúng Ma... chúng Phạm thiên hơn trăm lần, tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu dung sắc của chúng Phạm thiên như thế nào, dung sắc của Ta cũng vậy; giọng nói của chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: “Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng ?” Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: “Kẻ biến mất đó là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng ?” Nay Ananda, như vậy là tám chúng.

24. Nay Ananda, có tám thắng xứ. Thế nào là tám ?

25. Một vị quán tướng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy”, đó là thắng xứ thứ nhất.

26. Một vị quán tướng nội sắc, thấy các loại

ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy”, đó là thắng xứ thứ hai.

27. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy”, đó là thắng xứ thứ ba.

28. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy”, đó là thắng xứ thứ tư.

29. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh — như bông gai màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh — như lụa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy”, đó là thắng xứ thứ năm.

30. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy

các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng — như bông Kanikàra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng — như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng — như vậy vị này quán tướng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy”, đó là thắng xứ thứ sáu.

31. Một vị quán tướng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ — như bông bandhujivaka màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ — như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. — Như vậy vị này quán tướng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy”, đó là thắng xứ thứ bảy.

32. Một vị quán tướng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng — như sao mai Osadhi

màu trắng, tướng sắc trắng hình sắc trắng, ánh sáng trắng — như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. — Như vậy vị này quán tướng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thẳng chúng, ta biết, ta thấy”, đó là thẳng xứ thứ tám. Nay Ananda như vậy là tám thẳng xứ.

33. Nay Ananda, tám giải thoát. Thế nào là tám ?

Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là sự giải thoát thứ nhất.

Quán tướng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; đó là sự giải thoát thứ hai.

Quán tướng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; đó là sự giải thoát thứ ba.

Vượt khỏi hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ các tướng hữu đối, không tác ý đến những tướng khác biệt, với suy tư “hư không là vô biên”, chúng và trú Không vô biên xứ; đó là sự giải thoát thứ tư.

Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với

suy tư “thức là vô biên”, chúng và trú Thức vô biên xứ; đó là sự giải thoát thứ năm.

Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư “không có vật gì”, chúng và trú Vô sở hữu xứ; đó là sự giải thoát thứ sáu.

Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chúng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ; đó là sự giải thoát thứ bảy.

Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chúng và trú Diệt thọ tướng; đó là sự giải thoát thứ tám.

Này Ananda, như vậy là tám giải thoát.

34. Này Ananda, một thời Ta ở tại Uruvelà, trên bờ sông Nerañjara, dưới gốc cây Ajapàlanigrodha khi Ta mới thành đạo. Này Ananda, lúc bấy giờ Ác ma đến tại chỗ Ta ở, khi đến xong liền đứng một bên. Này Ananda, sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Ta: “Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ”.

35. Này Ananda, khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ

tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu.

Này Ác ma, Ta không diệt độ khi nào phạm hạnh mà Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người.

36. Nay Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Ác ma đến Ta, sau khi đến liền đứng một bên. Nay Ananda, Ác ma đứng một bên nói với Ta như sau:

“Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma , Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu". Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp,

khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta...; khi nào những cư sĩ của Ta...; khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người". Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

37. Khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

"Này Ác ma, hãy an tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay Như Lai sẽ diệt độ".

Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa).

38. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho loài Trời và loài Người.

— Thôi đi, này Ananda, đừng có thỉnh cầu Như Lai nữa. Này Ananda, nay thỉnh cầu Như Lai không còn kịp thời.

39. Lần thứ hai, tôn giả Ananda... Lần thứ ba, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

— Này Ananda, Người có tin sự giác ngộ Thế Tôn không ?

— Bạch Thế Tôn, con có tin !

— Vậy, này Ananda, sao Người lại làm phiền Như Lai đến ba lần.

40. — Bạch Thế Tôn, chính con được tận mắt, đích thân nghe Thế Tôn dạy như sau: “Này Ananda, những ai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thân túc... Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại”.

— Này Ananda, Ngươi có tin tưởng không ?

— Bạch Thế Tôn, con có tin tưởng !

— Này Ananda, như vậy là lỗi của Ngươi, như vậy là khuyết điểm của Ngươi, đã không nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, Ngươi không thỉnh cầu Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”. Này Ananda, nếu Ngươi thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần câu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như lai có thể nhận lời. Này Ananda như vậy là lỗi của Ngươi, như vậy là khuyết điểm của Ngươi.

41. Nay Ananda, một thời Ta ở tại Vương Xá, núi Linh Thú (Gijjha Kuta). Tại đây Ta nói với Ananda: “Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá ! Khả ái thay núi Linh Thú ! Này Ananda, những ai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại”. Dầu vậy, này Ananda, Ngươi không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn. Ngươi không thỉnh cầu Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”. Này Ananda, nếu Ngươi cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Ngươi, như vậy là khuyết điểm của Ngươi”.

42. Nay Ananda, một thời Ta ở thành Vương Xá, tại Nigrodhàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Corapapàta... Ta cũng ở thành Vương Xá, hang Sattapanni trên núi Vebhàra... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại hang đá Kàla, trên núi Isigili... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại khu rừng Sita trong hang đá Sappasondika... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Tapodàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá, Trúc Lâm, hồ Kalandaka... Ta cũng ở thành Vương Xá tại rừng Jivakambavana... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Maddakucchi ở Lộc Uyển.

43. Nay Ananda, tại đây Ta nói: “Nay Ananda, khả ái thay thành Vương Xá, khả ái thay núi Linh Thứu, khả ái thay Nigrodhàràma, khả ái thay Corapapàta, khả ái thay hang Sattapanni trên núi Vebhara, khả ái thay hang đá Kàla trên núi Isigili, khả ái thay hang đá Sappasondika trong rừng Sita, khả ái thay suối nước nóng Tapodàràma, khả ái thay hồ con sóc ở tại Trúc Lâm, khả ái thay rừng Jivakambavana, khả ái thay vườn Nai ở tại Maddakucchi” !

44. Nay Ananda, những ai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững điêu luyện, thiện xảo thời, nếu

người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Nay Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại”. Dầu vậy, nay Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, Người không thỉnh cầu Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”. Nay Ananda, nếu Người câu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần câu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Nay Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người”.

45. Nay Ananda, một thời Ta ở Vesàli tại điện thờ Udena.

Tại đây, nay Ananda, Ta cũng nói. “Nay Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena. Nay Ananda, những ai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn,

thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại”. Dẫu vậy, nay Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Như Lai: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”. Nay Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Nay Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.

46. Nay Ananda, một thời Ta ở thành Vesàli tại điện thờ Gotamaka... ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sattambaka... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Bahuputta... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sàrandada...

47. Nay Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Ta nói với người: “Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattamba, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay đến Cápàla. Nay Ananda, những ai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, Như Lai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Nay Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại”. Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”. Nay Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai; Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Nay Anan-

da, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.

48. Nay Ananda, phải chăng ngay từ ban đầu Ta đã từng tuyên bố rằng mọi vật ưu ái, thân hình đều phải bị thay đổi, trở về hư không, biến dịch ? Nay Ananda, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh khởi, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khởi có sự biến diệt ? Thật không có sự trặng ấy. Nay Ananda, những gì Như Lai đã từ bỏ, dứt khoát, xả ly, phóng xả, khuớc từ, chính là thọ, hành. Như Lai đã nói và nói một cách dứt khoát: “Không lâu, Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ”. Nói rằng Như Lai vì muốn sống mà phản lại lời tuyên bố trên thời thật không có sự trặng ấy.

Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến giảng đường Kùtagàra tại rừng Đại Lâm.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

49. Rồi Thế Tôn cùng tôn giả Ananda đi đến giảng đường Kùtagàra vườn Đại Lâm, khi đi đến, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

— Nay Ananda, hãy đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường này.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đi mời tất cả vị Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

50. Thế Tôn liền đi đến giảng đường và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, nay những pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy cho các Ngươi, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các Ngươi phải khéo học hỏi,

thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người ? Chính là Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh căn, Bốn Thần túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Nay các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các Người phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

51. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các Người. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

*Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao,
Tự biệt các Người, Ta đi một mình.
Tự mình làm sở y cho chính mình,*

*Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ giới luật,
Nhiếp thúc ý chí, bảo hộ tự tâm.
Ai tinh tấn trong pháp và luật này
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.*

IV

1. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khất thực. Sau khi khất thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khất thực trở về, Thế Tôn nhìn Vesàli với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ananda:

— Này Ananda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesàli. Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Bhandagàma.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhandagàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Bhandagàma.

2. Rồi Thế Tôn nói với Tỷ-kheo:

— Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn Pháp mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn ? Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ,

không chúng đạt Thánh Giới mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chúng đạt Thánh Định mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chúng đạt Thánh Tuệ mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chúng đạt Thánh giải thoát mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Nay các Tỷ-kheo, khi Thánh Giới được giác ngộ, được chúng đạt; khi Thánh Định được giác ngộ, được chúng đạt; khi Thánh Tuệ được giác ngộ, được chúng đạt; khi Thánh Giải Thoát được giác ngộ, được chúng đạt, thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch, nay không còn một đời sống nào nữa.

3. Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

*Giới, Định, Tuệ và Giải thoát vô thượng
Gotama danh xưng đã chúng ngộ.
Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng Tỷ-kheo.
Đạo Sư diệt khổ, pháp nhân, tịnh lạc.*

4. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Bhandagàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

— Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Bhandagàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền nói với tôn giả Ananda:

— Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Hatthigam... Ambagama... Jambugama..., hãy đi đến Bhoganagara.

6. — Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Tôi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhoganagara.

7. Tại đây, Thế Tôn ở Bhoganagara tại đền Ananda, Ngài nói với các Tỷ-kheo:

— Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bốn Đại giáo pháp, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

8. — Nay các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: “Này Hiền giả, tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư”. Nay các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Ngươi có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm”. Và nay các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thì các Ngươi có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh”. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ nhất, các Ngươi hãy thọ trì.

9. Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói: “Tại trú xứ kia, có Tăng chúng ở với các vị Thượng tọa, với các Thủ chúng. Tôi tự thân nghe từ miệng Tăng chúng, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư.” Nay các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thời các Ngươi có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm”. Và nay các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các Ngươi có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh”. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ hai, các Ngươi hãy thọ trì.

10. Nay các Tỷ-kheo, có thể có vị Tỷ-kheo nói: “Tại trú xứ kia có nhiều Tỷ-kheo Thượng tọa ở, những vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống,

trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. Tôi tự thân nghe từ miệng những vị Thượng tọa ấy, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư”. Nay các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm”. Và, nay các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thì các Người có thể kết luận: “Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh”. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ ba, các Người hãy thọ trì.

11. Nay các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: “Tại trú xứ kia, có một vị Thượng tọa, vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. Tôi tự thân nghe từ Thượng tọa, tự thân

lãnh thọ; như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư". Nay các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các Ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và nay các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các Ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Nay các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ tư, các Ngươi hãy thọ trì.

Nay các Tỷ-kheo, bốn Đại giáo pháp này, các Ngươi hãy thọ trì.

12. Trong khi Thế Tôn ở tại Bhoganagara, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

— Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn.

Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

13. Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Bhoganagara cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

— Này Ananda, chúng ta sẽ đi đến Pàvā.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Và Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàvā, tại vườn xoài của Cunda, một người thợ sắt.

14. Thợ sắt Cunda nghe: “Nay Thế Tôn đã đến Pàvā và hiện đang ở trong vườn xoài của ta”. Rồi thợ sắt Cunda đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

15. Và thợ sắt Cunda, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến

dùng com với chúng Tỷ-kheo”. Thế Tôn im lặng nhận lời.

16. Thợ sắt Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt.

17. Và thợ sắt Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà các món ăn thượng thi, loại cứng và loại mềm và nhiều thứ Sùkara-maddave (một loại mộc nhĩ), và báo tin cho Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, com đã sẵn sàng”.

18. Và Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ sắt Cunda, khi đến xong liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi. Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

— Này Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Thợ sắt Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm.

19. Rồi Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

— Này Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại. Người hãy đem chôn vào một lỗ. Này Cunda, Ta không thấy một ai ở cõi Trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên, Nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Thợ sắt Cunda vâng theo Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

20. Sau khi dùng cơm của thợ sắt Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh ly huyết, đau đớn gần như đến chết, và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, chịu đựng cơn bệnh.

Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

— Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng loài Thế Tôn.

*Tôi nghe: Sau khi dùng cơm tại nhà thợ
sắt Cunda.*

*Con bệnh khốc liệt bỗng khởi lên, gần như
chết đến nơi.*

Sau khi dùng món ăn loại mộc nhĩ.

Kịch bệnh khởi lên nơi bậc Đạo Sư.

*Điều phục bệnh hoạn, Thế Tôn dạy rằng:
“Ta đi đến thành Kusinàra”.*

21. Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc cây và nói với tôn giả Ananda:

— Này Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, này Ananda.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn và xếp tư áo Sanghàti lại.

22. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với tôn giả Ananda:

— Này Ananda, hãy đem nước cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm

trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

23. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

— Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai tôn giả Ananda bạch Thế tôn:

— Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

24. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

— Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi tôn giả Ananda đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng, không vẩn đục.

25. Tôn giả Ananda tự nghĩ: “Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay thân tức và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục”. Sau khi dùng bát lấy nước, tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

— Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu ! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu. Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước. Xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước!

Và Thế Tôn uống nước.

26. Lúc bấy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallà, đệ tử của ngài Alàra Kàlāma đang đi trên con đường từ Kusinàra đến Pàvā.

Pukkusa, dòng họ Mallà thấy Thế Tôn ngồi

dưới gốc cây, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Pukkusa, dòng họ Mallà, bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, trạng thái trầm tĩnh của một vị xuất gia !

27. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, ngài Alàra Kàlāma đang đi trên đường. Rồi ngài bước xuống đường và ngồi xuống một gốc cây, không xa con đường để nghỉ trưa. Bạch Thế Tôn, lúc ấy có khoảng năm trăm cỗ xe đi ngang qua gần ngài Alàra Kàlāma. Bạch Thế Tôn, có một người đi theo sau lưng đoàn xe ấy, đến chỗ ngài Alàra Kàlāma và nói với ngài: “Tôn giả có thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi qua không ?” — “Này Hiền giả, ta không thấy”. — “Tôn giả có nghe tiếng không ?” — “Này Hiền giả, ta không nghe tiếng”. — “Có phải Tôn giả đang ngủ không ?” — “Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ”. — “Vậy có phải Tôn giả đang thức tỉnh ?” — “Này Hiền giả, ta đang thức tỉnh”. — “Tôn giả đang thức tỉnh nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy tiếng. Bạch Tôn giả, cái áo của Tôn giả cũng bị lấm bụi”. — “Này Hiền giả, phải, áo ta bị lấm bụi”.

Bạch Thế Tôn, người ấy liên tục nghĩ: “Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh của vị xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng”. Sau khi tỏ sự thâm tín đối với ngài Alàra Kàlāma, vị ấy từ biệt.

28. —Này Pukkusa, nhà Người nghĩ thế nào ? Cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn ? Một người trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng. Hay một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy, cũng không nghe tiếng ?

29. — Bạch Thế Tôn, nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến hoặc sáu trăm, hoặc bảy trăm, hoặc tám trăm, hoặc chín trăm, hoặc một ngàn, cho đến trăm ngàn cỗ xe, cũng không thể so sánh được. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn, một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy cũng không nghe tiếng.

30. — Này Pukkusa, một thời, Ta ở Atumà, tại nhà đập lúa. Lúc bấy giờ trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Này Pukkusa, một số đông người từ Atumà đi ra đến tại chỗ hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết...

31. Này Pukkusa, lúc bấy giờ Ta từ nhà đập lúa đi ra và đi qua đi lại ngoài trời, trước cửa nhà đập lúa, Này Pukkusa, có một người từ nơi đám đông ấy đi ra, đến chờ Ta, đánh lễ và đứng một bên. Và Ta nói với người ấy đang đứng một bên:

32. “Này Hiền giả, vì sao có số đông người tụ họp như vậy ?” — Bạch Thế Tôn vừa rồi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Do vậy mà có số đông người ấy tụ họp tại đây. Bạch Thế Tôn, lúc ấy Ngài ở tại chỗ nào ?” — “Này Hiền giả, lúc ấy Ta ở tại đây”. — “Bạch Thế Tôn, Ngài không thấy gì cả sao ?” — “Này Hiền giả, Ta không thấy gì”. — “Bạch Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng gì cả sao ?” — “Này Hiền giả, Ta không nghe tiếng gì”. — “Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang ngủ, phải

không ?” — “Này Hiền giả, không phải Ta đang ngủ”. — “Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang tỉnh thức phải không ?” — “Này Hiền giả, phải”. — “Bạch Thế Tôn, Ngài đang tỉnh thức, nhưng trong khi trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết, nhưng Ngài không thấy, cũng không nghe gì”. — Này Hiền giả, phải như vậy”.

33. Này Pukkusa, người ấy liên tục nghĩ: “Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm lặng của vị xuất gia, khi thức tỉnh, dẫu có mưa tầm tã ào ào, điện quang chói lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết mà không thấy gì, không nghe gì hết”. Sau khi nói lên lòng tin tưởng ở nơi Ta, người ấy đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về phía Ta và từ biệt.

34. Khi được nói vậy, Pukkusa, dòng họ Mallà bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, sự tin tưởng của con đối với ngài Alàra Kàlāma, nay con đem rải rắc trước luồng gió lớn, nay con đem thả trôi vào dòng nước cuốn. Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn ! Hy hữu thay bạch Thế Tôn ! Bạch Thế Tôn, như người dựng

đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

35. Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà nói với một người khác: “Này bạn, hãy đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc”. — “Tôn giả, xin vâng”. Người ấy vâng lời Pukkusa, dòng họ Mallà và đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc.

Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà đem dâng một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc ấy cho Thế Tôn và nói:

— Bạch Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc. Mong Thế Tôn vì thương xót con mà thu nhận cho.

— Này Pukkusa, hãy đắp cho Ta một áo và đắp cho Ananda một áo.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Pukkusa, dòng họ Mallà vâng lời Thế Tôn, đắp một áo cho Ngài và đắp một áo cho tôn giả Ananda.

36. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho Pukkusa, người dòng họ Mallà, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Và Pukkusa, người dòng họ Mallà, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, dâng lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

37. Khi Pukkusa, dòng họ Mallà đi chưa được bao lâu, tôn giả Ananda đem cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc này đặt trên thân Thế Tôn, và khi cặp áo này được đặt trên thân Thế Tôn, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi. Và Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, sự thanh tịnh và sáng chói màu da của Như Lai ! Bạch Thế Tôn, khi con đặt trên thân Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc vàng chói và sẵn sàng để mặc này, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi.

— Thật vậy, này Ananda. Này Ananda, có hai

trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói. Thế nào là hai ? Đây Ananda, trong đêm Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Giác và trong đêm Như Lai sắp diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn dư y sanh tử nữa. Đây Ananda, đó là hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói.

38. Đây Ananda, hôm nay khi canh cuối cùng đã mãn, tại Upavattana ở Kusinàrà, trong rừng Sàla của dòng họ Mallà, giữa hai cây sàla song thọ, Như Lai sẽ diệt độ. Đây Ananda, chúng ta hãy đi đến sông Kakutthà.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn:

*Cặp áo kim sắc này,
Pukkusa mang đến.
Đắp áo kim sắc này,
Da Đạo Sư sáng chói.*

39. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, xuống sông tắm và uống nước rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với đại đức Cundaka:

— Đây Cundaka, hãy xếp áo Sanghàti làm

bốn cho Ta. Nay Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

—Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Đại đức Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo Sanghàti làm bốn.

40. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, suy tư, với ý niệm ngồi dậy lại khi phải thời. Và đại đức Cundaka ngồi phía trước Thế Tôn.

41. *Đức Phật tự đi đến
Con sông Kakutthà.
Con sông chảy trong sáng.
Mát lạnh và thanh tịnh.
Vị Đạo Sư mỗi một
Đi dẫn xuống mé sông.
Như Lai đáng Vô Thượng
Ngự trị ở trên đời
Tắm xong, uống nước xong,
Lội qua bên kia sông.
Bậc Đạo Sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng,*

*Chánh pháp thật vi diệu.
 Rồi bậc Đại Sĩ đến,
 Tại khu vực rừng xoài.
 Cho gọi vị Tỷ-kheo,
 Tên họ Cundaka:
 “Hãy gấp tư áo lại,
 Trải áo cho Ta nằm.
 Nghe dạy, Cundaka
 Lập tức vâng lời dạy,
 Gấp tư và trải áo,
 Một cách thật mau lẹ.
 Bậc Đạo Sư nằm xuống
 Thân mình thật mệt mỏi.
 Tại đây Cundaka,
 Ngồi ngay phía trước mặt.*

42. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

— Này Ananda, rất có thể có người làm cho thợ sắt Cunda hối hận: “Này Hiền giả Cunda, thật không lợi ích gì cho Ngươi, thật là tai hại cho Ngươi, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ngươi cúng dường, và nhập diệt”. Này Ananda, cần phải làm tiêu tan sự hối hận ấy của thợ sắt Cunda: “Này Hiền giả, thật là công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập

diệt. Nay Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: "Có hai sự cúng dường ăn uống đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác ? Thế nào là hai ? Một là bữa ăn trước khi Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hai là bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn di hường sanh tử. Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ; nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp; nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng an lạc; nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng danh tiếng; nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng cõi trời, nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng uy quyền"".

Nay Ananda, cần phải làm cho thọ sát Cunda tiêu tan hối hận.

43. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt lời cảm khái như sau:

*Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,*

*Trừ được tâm hận thù.
 Không chất chứa, chế ngự,
 Kẻ chí thiện từ bỏ.
 Mọi ác hạnh bất thiện,
 Diệt trừ tham, sân, si.
 Tâm giải thoát thanh tịnh.*

V

1. Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

— Này Ananda, chúng ta hãy đi qua bờ bên kia sông Hirannavati, đến ở Kusinàrà — Upavattana — rừng Sàlà của dòng họ Mallà.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến bên kia sông Hirannavati, tại Kusinàrà Upavattana, rừng Sàlà của dòng họ Mallà, khi đi đến nơi liền nói với tôn giả Ananda:

— Này Ananda, hãy trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlà song thọ; này Ananda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, trái chồ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlā song thọ. Và Thế Tôn nằm xuống, về phía hông bên phải, như đang nằm con sư tử, hai chân để lên nhau chánh niệm và giác tỉnh.

2. Lúc bấy giờ, cây sàlā song thọ trở hoa trái mùa, tràn đầy cành lá. Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài. Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài. Bọt trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài, nhạc trời trên hư không trối dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

3. Rồi Như Lai nói với tôn giả Ananda:

— Nay Ananda, các cây sàlā song thọ tự nhiên trở hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Bọt trời chiên đàn từ trên hư không rơi

xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên hư không trổi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

Nhưng, này Ananda, như vậy không phải kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính Như Lai. Này Ananda, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp, thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thượng. Do vậy, này Ananda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ananda, các Ngươi phải học tập như vậy.

4. Lúc bấy giờ, tôn giả Upavàna đứng trước mặt Thế Tôn và quạy Ngài. Thế Tôn liền quở trách tôn giả Upavàna: “Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta.”

Tôn giả Ananda, liền tự suy nghĩ: “Đại đức Upavàna này là thị giả sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: “Này Tỷ-kheo,

hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta". Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta" ?"

5. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

— Đại đức Upavàna này là thị giả, sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta." Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "này Tỷ-kheo hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta" ?

— Này Ananda, rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ananda, cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusinàrà Upavattana, rừng Sàlà thuộc dòng họ Mallà, không có một chỗ nào, nhỏ cho đến dấu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những Thiên thần có uy lực tụ họp. Này Ananda, các vị Thiên thần đang than phiền: "Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai. Thật rất là hy hữu, các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và tối hôm nay, trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay Tỷ-kheo có oai lực này lại

đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng”. Này Ananda, các chư Thiên than phiền như vậy.

6. — Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào ?

— Này Ananda, có hạng chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than, với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: “Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm.”

Này Ananda, có hạng Thiên thân ở trên đất với tâm tư thế tục những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân nằm ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: “Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm”. Có chư Thiên đã diệt trừ ái dục, những vị này bình thản, tỉnh giác chịu đựng, với tâm suy tư: “Các hành là vô thường, làm sao sự kiện có thể khác được ?”

7. — Bạch Thế Tôn, thuở trước các Tỷ-kheo sau khi thọ an cư, từ các địa phương đến chiêm ngưỡng Như Lai, chúng con được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con sẽ không được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện.

8. — Này Ananda, có bốn Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn ?

“Đây là chỗ Như Lai đản sanh”, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

“Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác”, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

“Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng”, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

“Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn”, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, đó là bốn Thánh tích, kẻ thiện

tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Nay Ananda, các thiện tín Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niềm suy tư: “Đây là chỗ Như Lai đản sanh”, “Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, “Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng”, “Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn”.

Này Ananda, và những ai, trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh cõi thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

9. — Bạch Thế Tôn, chúng con phải cư xử với phái nữ như thế nào ?

— Này Ananda, chớ có thấy chúng.

— Bạch Thế Tôn, nếu phải thấy chúng, thời phải như thế nào ?

— Này Ananda, chớ có nói chuyện với chúng.

— Bạch Thế Tôn, nếu phải nói chuyện với chúng, thời phải như thế nào ?

— Này Ananda, phải an trú chánh niệm.

10. — Bạch Thế Tôn, chúng con phải xử sự thân xá-lợi Như Lai như thế nào ?

— Này Ananda, các Người đừng có lo lắng vấn đề cung kính thân xá-lợi của Như Lai. Này Ananda, các Người hãy nỗ lực, hãy tinh tấn hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn, chuyên hướng về tự độ. Này Ananda, có những học giả Sát-đế-ly, những học giả Bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín Như Lai, những vị này sẽ lo cho sự cung kính cúng dường thân xá-lợi của Như Lai.

11. — Bạch Thế Tôn, cần phải xử sự thân Như Lai như thế nào ?

— Này Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào, hãy xử sự thân xá-lợi Như Lai như vậy.

— Bạch Thế Tôn, người ta xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào ?

— Này Ananda, thân của Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vài mối. Sau khi vắn vài mối xong, lại được vắn thêm với vài gai bện. Sau khi vắn vài gai bện, lại vắn thêm với vài mối, và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi thân được đặt vào trong một hòm dầu bằng

sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín. Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân của vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này và tại ngã tư đường, tháp của vị Chuyển luân Thánh vương được xây dựng lên. Nay Ananda, đó là pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương.

Này Ananda, pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân Thế Tôn cũng như vậy. Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp, hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp), thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

12. Nay Ananda, bốn hạng người sau này đáng được xây tháp. Thế nào là bốn ? Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xứng đáng xây tháp. Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp. Đề tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp. Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp ? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến:

“Đây là tháp của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.” Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ sanh lên thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp.

Nay Ananda, vì lý do gì, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp ? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: “Đây là tháp của Thế Tôn Độc Giác Phật”. Do tâm hoan hỷ như vậy khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp.

Nay Ananda, vì lý do gì, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp ? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: “Đây là tháp đệ tử Thanh văn của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.” Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp.

Nay Ananda, vì lý do gì, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp ? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: “Đây là tháp

của vị Pháp vương trị vì đúng pháp.” Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, đó là bốn hạng người xứng đáng xây tháp.

13. Rồi tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: “Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa !”

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, Ananda ở tại đâu ?

— Bạch Thế Tôn, tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: “Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa !”

Thế Tôn liền nói với một Tỷ-kheo:

— Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, nói với Ananda: “Này Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư mọi Hiền giả.”

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Vị Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ tôn giả Ananda, sau khi đến, liền nói với tôn giả: “Này Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả.” — “Thưa vâng, Hiền giả.” Tôn giả Ananda vâng lời vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, danh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

14. Thế Tôn nói với tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

—Thôi vừa rồi, Ananda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than. Này Ananda, Ta đã tuyên bố trước với Người rằng mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Này Ananda làm sao được có sự kiện này: “Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại dùng có bị tiêu diệt ?” Không thể có sự kiện như vậy được. Này Ananda, đã lâu ngày, Người đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng. Này Ananda, Người là người tác thành công đức. Hãy cố gắng tinh tấn lên, Người sẽ chứng bậc Vô lậu, không bao lâu đâu.

15. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những bậc Thế Tôn này đều có những thị giả tối thắng như Ananda của Ta. Nay Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thời vị lai, những bậc Thế Tôn này cũng sẽ có những vị thị giả tối thắng như Ananda của Ta vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ananda là người có trí và hiểu rõ: “Nay đúng thời để các Tỷ-kheo yết kiến Thế Tôn, nay đúng thời để các Tỷ-kheo ni, nay đúng thời để các nam cư sĩ, nay đúng thời để các nữ cư sĩ, nay đúng thời để các vua chúa, để các đại thần, để các ngoại đạo sư, để các đệ tử các ngoại đạo sư yết kiến Thế Tôn !”

16. Nay các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ cựu, hy hữu. Thế nào là bốn ?

Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Tỷ-kheo đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh thời, này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo ni..., chúng

nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ, vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp và nếu Ananda làm thỉnh thời này các Tỷ-kheo, chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, vị Chuyển luân Thánh vương có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu.

Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Sát-đế-ly... chúng Bà-la-môn... chúng gia chủ... chúng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương, chúng sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương và nếu vị Chuyển luân Thánh vương nói chuyện, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài nói chuyện, và nếu vị Chuyển luân Thánh vương làm thỉnh thời chúng Sa-môn ấy sẽ thất vọng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu. Nếu có chúng Tỷ-kheo... chúng Tỷ-kheo ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh, thời này các Tỷ-kheo, chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu như vậy.

17. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé này, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ thuộc này. Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to lớn hơn như Campà (Chiêm-bà), Ràjagaha (Vương Xá), Sàvatthi (Xá-vệ), Sàketa (Sa-kỳ), Kosambi (Kiều-thương-di), Bàrànasi (Ba-la-nại). Thế Tôn hãy diệt độ tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, có đại chúng Sát-đế-ly, có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng gia chủ rất tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường thân xá-lợi Như Lai.

— Này Ananda, chớ có nói như vậy, này Ananda, chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu, đô thị này phụ thuộc.

18. Này Ananda, thuở xưa có vị vua tên là Mahasudassana (Đại Thiện Kiến). Vị này là Chuyển luân vương, trị vì như pháp, là vị pháp vương, thống lãnh bốn thiên hạ, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Này Ananda, đô thị Kusinàrà này là kinh đô của vua Mahasudassana, tên là Kusàvatì (Cầu-xá-bà-đề), phía Đông và phía

Tây rộng đến mười hai do tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do tuần.

Này Ananda, kinh đô Kusàvatì này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, nhân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Này Ananda, cũng như kinh đô Alakamanda của chư thiên rất phồn thịnh, phú cường dân cư đông đúc, Thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú, cũng vậy này Ananda, kinh đô Kusàvatì này cũng rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, nhân chúng sung mãn.

Này Ananda, kinh đô Kusàvatì này, ngày đêm vang dậy chín loại tiếng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ bà, tiếng hát, tiếng xập xỏa, tiếng chuông và tiếng thứ mười là lời kêu gọi: “Hãy uống đi, hãy ăn đi”.

19. Này Ananda, hãy đi vào Kusinàrà và nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “Này các Vàsetthà, đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ”.

— Này Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Này Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Về sau chớ có hối hận: “Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai”.

— Thừa vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đáp y, đem theo y bát và cùng một vị khác làm bạn đồng hành đi vào Kusinàrà.

20. Lúc bấy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công sự. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà. Sau khi đến, tôn giả liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà:

— Nay Vàsetthà, đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ. Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Về sau chớ có hối hận: “Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai”.

21. Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: “Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm”.

Và dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não, đi đến Upavat-tana, khu rừng Sàlà của dòng họ Mallà và đến chỗ tôn giả Ananda.

22. Tôn giả Ananda tự nghĩ: “Nếu ta để dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn từng người một, thời đêm sẽ tàn trước khi Thế Tôn được tất cả dân Mallà đánh lễ. Vậy ta hãy để dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ theo từng gia tộc”:

— Bạch Thế Tôn, gia tộc Mallà này với vợ con, đồ chúng, bạn bè đến cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Và tôn giả Ananda, theo phương tiện này trong canh một, khiến dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn.

23. Lúc bảy giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinàrà. Du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: “Tối nay canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ”.

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ : “Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: “Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu.

Và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta. Ta tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta".

24. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến Upavattana, khu rừng Sàla của dân Mallà, đến tại chỗ tôn giả Ananda và thưa với tôn giả:

— Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: "Nhu Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho tôi được phép yết kiến Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

— Thôi đi, Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

Lần thứ hai, du sĩ ngoại đạo Subhadda... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

— Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: “Nhu Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ”. Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Lần thứ ba, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

— Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

25. Thế Tôn nghe được câu chuyện của tôn giả Ananda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền nói với tôn giả Ananda:

— Thôi Ananda, chớ có ngăn trở Subhadda, Ananda, hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Như Lai. Nhưng gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì Ta trả lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách mau lẹ.

Tôn giả Ananda liền nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

— Nay Hiền giả Subhadda, hãy vào. Thế Tôn đã cho phép Hiền giả.

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

— Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana Kassapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesakambali, Pakadha Kaccàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nàthaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ ?

— Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: “Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ”. Nay Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Người. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

— Thừa vâng, bạch Thế Tôn !

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

27. — Nay Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đấy không có (đệ nhất) Sa-môn, ở đấy cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn. Nay Subhadda trong pháp luật nào có Bát Thánh đạo thời ở đấy có (đệ nhất) Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đấy cũng có đệ tứ Sa-môn. Nay Subhadda, chính trong pháp luật này có Bát Thánh đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Nay Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.

*Này Subhadda, năm hai mươi chín,
Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.
Trải năm mươi năm với thêm một năm
Từ khi xuất gia, này Subhadda,
Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức.*

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn (đệ nhút), cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Nay Subhadda, nếu những Tỷ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.

28. Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

— Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn ! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong con được xuất gia với Thế Tôn. Con xin thọ đại giới.

— Nay Subhadda, ai trước kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp, Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng

ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

29. — Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp và Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các vị Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, cho con thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

Và Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

— Nay Ananda, hãy xuất gia cho Subhadda.

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

30. Du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

— Thật là lợi ích, thưa Tôn giả Ananda, thật là thiện lợi, thưa Tôn giả Ananda, được thọ lễ quán dành làm đệ tử trước mặt bậc Đạo Sư !

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda được xuất gia

được thọ đại giới với Thế Tôn. Thọ đại giới không bao lâu, đại đức Subhadda ở một mình, an tịnh, không phóng dật, tinh tấn, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự giác chứng và an trú. Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa.

Và đại đức Subhadda trở thành một A-la-hán nữa.

Đại đức là vị đệ tử cuối cùng được Thế Tôn thế độ.

VI

1. Lúc bấy giờ. Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

— Nay Ananda, nếu trong các Ngươi có người nghĩ rằng: “Lời nói của bậc Đạo Sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo Sư (giáo chủ)”. Nay Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Nay Ananda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau

khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Ngươi.

2. Này Ananda, nay các vị Tỷ-kheo xưng hô với nhau là Hiền giả. Sau khi Ta diệt độ, chớ có xưng hô như vậy. Này Ananda, vị Tỷ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu, hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả. Vị Tỷ-kheo niên thiếu, hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là Thượng tọa (Bhante) hay Đại đức.

3. Này Ananda, nếu chúng Tăng muốn, sau khi Ta diệt độ có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết.

4. Này Ananda, sau khi Ta diệt độ, hãy hành tội Phạm-dàn (Brahmadanda) đối với Tỷ-kheo Channa.

— Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm-dàn ?

— Này Ananda, Tỷ-kheo Channa muốn nói gì thì nói. Chúng Tỷ-kheo sẽ không nói, sẽ không giảng dạy, sẽ không giáo giới Tỷ-kheo Channa.

5. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

— Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng

Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo, các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: “Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn”.

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy im lặng. Một lần thứ hai, Thế Tôn... Một lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo có nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo, các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: “Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn”.

Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo Sư mà không hỏi, thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau.

Khi được nói vậy, những vị Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

6. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay, bạch Thế

Tôn, thật hy hữu thay ! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp.

— Nay Ananda, Người có tín nhiệm nên nói vậy. Nhưng ở đây, này Ananda, Như Lai biết rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp. Nay Ananda, trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhứt đã chứng được quả Dự lưu, không còn đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác.

7. Và Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

— Nay các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên dạy các Người: “Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật”.

Đó là lời cuối cùng của Như Lai.

8. Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiền. Xuất Sơ thiền, Ngài nhập Nhị thiền. Xuất Nhị thiền, Ngài nhập Tam thiền. Xuất Tam thiền, Ngài nhập Tứ thiền. Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Không vô biên xứ. Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô biên xứ. Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập

định Vô sở hữu xứ. Xuất Vô Sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tướng phi phi tướng xứ. Xuất Phi tướng phi phi tướng xứ, Ngài nhập Diệt thọ tướng định.

Khi ấy tôn giả Ananda nói với tôn giả Anuruddha:

— Thưa Tôn giả, Thế Tôn đã diệt độ.

— Này Hiền giả Ananda, Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài mới nhập Diệt thọ tướng định.

9. Rồi xuất Diệt thọ tướng định. Ngài nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định. Xuất Phi tướng phi phi tướng xứ, Ngài nhập Vô sở hữu xứ định. Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập Thức vô biên xứ định. Xuất thức Vô biên xứ, Ngài nhập Hư không vô biên xứ định. Xuất Hư không vô biên xứ, Ngài nhập định Tứ thiên. Xuất Tứ thiên, Ngài nhập định Tam thiên. Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Nhị thiên. Xuất Nhị thiên, Ngài nhập định Sơ thiên. Xuất Sơ thiên, Ngài nhập định Nhị thiên. Xuất Nhị thiên, Ngài nhập định Tam thiên. Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Tứ thiên. Xuất Tứ thiên, Ngài lập tức diệt độ.

10. Khi Thế Tôn diệt độ, cùng với sự diệt độ,

đại địa chấn động không khiếp, râu tóc dựng ngược, sấm trời vang động.

Khi Thế Tôn diệt độ, Phạm thiên Sahampati, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Chúng sanh ở trên đời,
Từ bỏ thân ngũ uẩn.
Bậc đạo sư cũng vậy,
Đứng Tuyệt luân trên đời.
Bậc Đại hùng Giác ngộ,
Như Lai đã diệt độ.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Thiên chủ Sakka, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt.
Đã sanh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

Khi Thế Tôn diệt độ, tôn giả Anuruddha, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Không phải thở ra vào.
Chính tâm trú chánh định.
Không tham ái tịch tịnh,
Tu sĩ hướng diệt độ.
Chính tâm tịnh bất động,*

*Nhẫn chịu mọi cảm thọ,
 Như đèn sáng bị tắt,
 Tâm giải thoát hoàn toàn.*

Khi Thế Tôn diệt độ, tôn giả Ananda, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Thật kinh khủng bàng hoàng,
 Thật râu tóc dựng ngược
 Khi Bạc Toàn thiện năng,
 Bạc Giác Ngộ nhập diệt.*

Khi Thế Tôn diệt độ, những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: “Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm”. Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, suy tư: “Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy?”

11. Lúc bấy giờ, tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ-kheo:

— Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái

thân tình đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Nay các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: “Nhưng gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch ? Thật không có sự trạng ấy”. Nay các Hiền giả, chính chư Thiên đang trách đó.

— Thừa Tôn giả Anuruddha, Tôn giả đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào ?

— Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: “Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm”.

Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên đất với tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân nằm ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: “Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm”. Còn những chư Thiên diệt trừ ái dục, những vị này chánh niệm tỉnh giác, chịu đựng với tâm suy tư:

“Các hành là vô thường, làm sao có thể khác được ?”

12. Tôn giả Anuruddha và tôn giả Ananda luận bàn về Chánh pháp suốt cả đêm còn lại. Rồi tôn giả Anuruddha nói với tôn giả Ananda:

— Hiền giả Ananda, hãy vào thành Kusinàrà: “Này Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Ngươi nghĩ phải làm”.

— Tôn giả, xin vâng !

Tôn giả Ananda vâng lời tôn giả Anuruddha, buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng một thị giả, vào thành Kusinàrà.

Lúc bảy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công vụ. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đến liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “Này Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Ngươi nghĩ phải làm”.

Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy liền đau đớn sầu muộn, tâm tư khổ não, kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lăn

lộn qua lại: “Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm”.

13. Rồi dân Mallà ở Kusinàrà ra lệnh cho những người làm: “Các Người hãy gom góp hương, tràng hoa và tất cả nhạc khí ở Kusinàrà”.

Rồi dân Kusinàrà đem theo hương, tràng hoa, tất cả nhạc khí và năm trăm cuộn vải đi đến Upavattana, tại rừng Sàlà của dòng họ Mallà, đến tại chỗ thân xá-lợi của Thế Tôn, rồi chúng ở lại cả ngày tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá-lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Mandala.

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “Hôm nay, nếu thiêu thân xá-lợi Thế Tôn thời quá sớm. Ngày mai, chúng ta sẽ làm lễ thiêu thân xá-lợi của Thế Tôn”. Rồi dân Mallà ở Kusinàrà, cả ngày thứ hai, tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá-lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Mandala, ngày thứ cũng như vậy, ngày thứ tư cũng như vậy, ngày thứ năm cũng như vậy. Ngày thứ sáu cũng như vậy.

14. Đến ngày thứ bảy, dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá-lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, nay chúng ta hãy chở thân xá-lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy”.

Lúc bấy giờ tám vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá-lợi Như Lai nhưng khiêng không nổi được. Các vị Mallà ở Kusinàrà bạch Tôn giả Anuruddha:

— Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, tám vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá-lợi Như Lai, nhưng không khiêng nổi được ?

— Nay Vàsetthà, vì ý định của các Người khác, ý định của chư Thiên khác.

15. — Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên là gì ?

— Nay các Vàsetthà, ý định của các Người như sau: “Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá-lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương. Nay chúng ta

hãy chở thân xá-lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy”.

Này các Vasetthà, ý định của chư Thiên như sau: “Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá-lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên, nay chúng ta hãy khiêng thân xá-lợi Thế Tôn về hướng Bắc đến phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, hãy khiêng qua Trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, hãy khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta-bandhana, và chúng ta sẽ thiêu thân Thế Tôn tại chỗ ấy”.

— Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên thế nào, ý định của chúng con cũng vậy.

16. Lúc ấy, khắp cả Kusinàrà cho đến đóng bụi, đóng rác, được rải la liệt lên đến đầu gối toàn hoa Mandaràva. Rồi chư Thiên và các dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá-lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên và loài Người, liền khiêng thân xá-lợi Thế Tôn về hướng Bắc đến phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua

cửa phía Bắc, liền khiêng qua Trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, liền khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta-bandhana và đặt thân xá-lợi của Thế Tôn tại chỗ ấy.

17. Rồi dân Mallà bạch tôn giả Ananda:

— Bạch Tôn giả Ananda, chúng con nay phải xử sự như thế nào đối với thân xá-lợi Như Lai ?

— Nay các Vasetthà, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào, hãy xử sự thân xá-lợi Như Lai như vậy.

— Bạch Tôn giả Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương phải như thế nào ?

— Nay các Vasetthà, thân Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới. Sau khi vắn vải mới, lại được vắn thêm với vải gai bện. Sau khi vắn với vải gai bện, lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi thân được đặt vào trong một hòm dẫu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín. Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân vị Chuyển luân Thánh vương

được đem thiêu trên giàn hỏa này; và tại ngã tư đường, tháp vị Chuyển luân Thánh vương này được xây dựng lên. Nay các Vasetthà, đó là pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương.

Này các Vasetthà, pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân của Thế Tôn cũng như vậy. Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem đến tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, dâng lễ tháp hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp), thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

18. Và các người Mallà ở Kusinàrà sai những người làm công:

— Hãy đem lại tất cả vải gai bện của Mallà.

Rồi những người Mallà ở Kusinàrà vắn tròn thân Thế Tôn với vải mới. Sau khi vắn vải mới xong, lại vắn thêm với vải gai bện. Sau khi vắn với vải gai bện lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi đặt thân Như Lai vào trong một hòm dẫu bằng sắt, đẩy hòm sắt này vào một hòm sắt khác, dựng lên một giàn hỏa gồm mọi loại hương và đặt thân Thế Tôn trên giàn hỏa.

19. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahà Kassapa đang đi giữa đường từ Pàvā đến Kusinàrà với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Rồi tôn giả Mahà Kassapa bước xuống đường và đến ngồi tại một gốc cây.

Lúc bấy giờ có một tà mạng ngoại đạo lấy một hoa Mandàrava ở Kusinàrà và đang đi trên một con đường đến Pàvā.

Tôn giả Mahà Kassapa thấy tà mạng ngoại đạo đi từ đằng xa đến. Thấy vậy, tôn giả liền hỏi tà mạng ngoại đạo ấy:

— Này Hiền giả, Hiền giả có biết bậc Đạo Sư chúng tôi không ?

— Này Hiền giả, tôi có biết. Sa-môn Gotama đã diệt độ cách hôm nay một tuần. Từ chỗ ấy, tôi được hoa Mandàrava này.

Lúc ấy những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhòai dưới đất, lăn lộn qua lại: “Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm”. Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm, tỉnh giác nhần

nại suy tư: “Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy ?”

20. Lúc bấy giờ, Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi đang ngồi trong hội chúng này. Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi nói với những Tỷ-kheo ấy:

— Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu quá rầy với những lời: “Làm như thế này không hợp với các Ngươi. Làm như thế này hợp với các Ngươi”. Nay những gì chúng ta muốn, chúng ta làm, những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm.

Tôn giả Mahà Kassapa nói với các vị Tỷ-kheo:

— Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái thân tình đều phải bị sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Nay các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch ? Thật không có sự trạng ấy.

21. Lúc bảy giờ bốn vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn nhưng châm lửa không cháy.

Các vị Mallà ở Kusinàrà bạch tôn giả Anuruddha:

— Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, bốn vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn, nhưng châm lửa không cháy ?

— Nay các Vàsetthà, ý định của chư Thiên khác.

— Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên như thế nào ?

— Nay các Vàsetthà, ý định của chư Thiên như sau: “Tôn giả Mahà Kassapa nay đang đi giữa đường giữa Pàvā và Kusinàrà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Giàn hỏa Thế Tôn chỉ được đốt cháy khi tôn giả Mahà Kassapa cúi đầu đánh lễ Thế Tôn”.

— Bạch Tôn giả, ý định chư Thiên như thế nào, hãy làm y như vậy.

22. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đến tại đền

Makuta Bandhana của những vị Mallà tại giàn hỏa Thế Tôn, khi đến xong liền choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiễu phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần, cúi đầu ra và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Năm trăm vị Tỷ-kheo ấy choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiễu qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Và khi tôn giả Mahà Kassapa và năm trăm vị Tỷ-kheo đánh lễ xong, thời giàn hỏa Thế Tôn tự bắt lửa cháy.

23. Khi thân Thế Tôn đã cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa các khớp xương, thấy đều cháy sạch không có tro, không có than, chỉ có xương xá-lợi còn lại.

Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều cháy sạch không có tro, không có than, cũng vậy khi thân Thế Tôn cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa khớp xương, tất cả đều cháy sạch không có tro, không có than, chỉ có xương xá-lợi còn lại. Và năm trăm tầng lớp vải gai

bện, cả hai lớp trong nhất và lớp ngoài nhất đều bị cháy thiêu.

Khi thân Thế Tôn bị thiêu cháy xong, một dòng nước từ hư không chảy xuống tưới tất giàn hỏa Thế Tôn, và một giòng nước từ kho nước (hay từ cây sàlā) phun lên tưới tất giàn hỏa Thế Tôn, và các người Mallā ở Kusinàrà dùng nước với mọi loại hương tưới tất giàn hỏa Thế Tôn.

Rồi các người Mallā xứ Kusinàrà đặt xá-lợi Thế Tôn trong giăng đường, dùng cây thương làm hàng rào, dùng cây cung làm bức thành xung quanh và trong bảy ngày tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường với các điệu múa, hát, nhạc, vòng hoa, hương.

24. Vua nước Magadha tên là Ajàtasattu Vedehiputta nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà. Vua liền gọi một sứ giả đến các người Malla ở Kusinàrà: “Thế Tôn là người Sát-đế-ly, ta cũng là người Sát-đế-ly. Ta cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn, ta cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn”.

Những người Licchavī ở Vesālī nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà liền gọi một sứ giả đến

các người Mallà ở Kusinàrà: “Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn”.

Các người Sakyà ở Kapilavatthu nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: “Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn”.

Những người Buli ở Allakappa nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: “Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn.”

Những người Koli ở Rāmagāma nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: “Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn.

Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn”.

Bà-la-môn Vethadìpaka nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: “Thế Tôn là người Sát-đế-ly, tôi là người Bà-la-môn. Tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn”.

Các người Mallà ở Pàvā nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: “Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn”.

25. Khi được nói vậy, các người Mallà ở Kusinàrà liền tuyên bố giữa đại chúng:

— Thế Tôn đã diệt độ tại làng vườn của chúng tôi, chúng tôi sẽ không cho phần xá-lợi nào của Thế Tôn.

Khi được nghe vậy. Bà-la-môn Dona nói với đại chúng:

Tôn giả, hãy nghe lời tôi nói !

*Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn.
Thật không tốt nếu có tranh giành.
Khi chia xá-lợi bậc Thượng nhân.
Chúng ta hãy đoàn kết nhất tâm,
Hoan hỷ chia xá-lợi tám phần
Chúng ta hãy dựng tháp mọi phương,
Đại chúng mười phương tin Pháp nhân...*

— Nay Tôn giả Bà-la-môn, Ngài hãy phân chia xá-lợi ra thành tám phần đồng đều.

— Xin vâng, các Tôn giả.

Bà-la-môn Dona vâng lời hội chúng ấy, phân chia xá-lợi Thế Tôn thành tám phần đồng đều rồi thừa hội chúng:

— Các Tôn giả, hãy cho tôi cái bình dùng để đựng chia xá-lợi này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ cho cái bình.

Và hội chúng ấy tặng bà-la-môn Dona cái bình.

26. Và người Moriyà ở Pippalivana nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàra: “Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn.

Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn”. — “Nay không còn phần xá-lợi Thế Tôn nào. Xá-lợi Thế Tôn đã được phân chia, hãy lấy tro còn lại”. Rồi các vị này lấy các than tro còn lại.

27. Và vua nước Magadha tên là Ajàtasattu, con bà Videhi xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vương Xá và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Licchavi ở Vesàli cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vesàli và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Sakya ở Kapilavatthu cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Kapilavatthu và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Buli ở Allakappa cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Allakappa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Koli ở Ràmagama cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Ràmagama và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Vethadìpaka cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vethadìpa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Mallà ở Pàvà cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Pàvà và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Mallà ở Kusinàrà cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Kusinàrà và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Dona cũng xây dựng tháp trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Moriyà ở Pippalivana cũng xây dựng tháp trên những than tro và tổ chức lễ cúng dường.

Như vậy có tám tháp xá-lợi, tháp thứ chín trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tháp thứ mười trên tro (xá-lợi).

Đó là truyền thống thời xưa như vậy.

28. *Đấng Pháp Nhãn Vô Thượng*

Xá-lợi phân tám phần.

Bảy phần được cúng dường.

Tại Jambudìpa.

Một phần Long vương cúng.

Tại Ràmagàma.

Một rằng Phật được cúng,
Tại cõi Tam Thiên giới,
Một tại Gandhàra,
Một tại Kalinga.
Một rằng, vua Long vương
Tự mình riêng cúng dường.
Quả đất được chói sáng,
Với hào quang xá-lợi,
Với lễ vật cúng dường.
Hạng thượng phẩm, thượng đẳng.
Xá-lợi đáng Pháp Nhãn.
Như vậy được cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cúng kính lễ cúng dường.
Bởi Thiên, Long, Nhơn chủ,
Bởi bậc Tối thượng nhơn.
Các Người hãy chấp tay,
Cung kính lễ cúng dường.
Khó thay sự chiêm ngưỡng
Tôn nhan bậc Như Lai.
Trải nhiều nhiều trăm kiếp,
May lắm được một lần.

HẾT TẬP I

KINH TRƯỜNG BỘ

TẬP I

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. KINH PHẠM VÕNG	11
2. KINH SA-MÔN QUẢ	93
3. KINH AMBATTHA	159
4. KINH SONADANDA	199
5. KINH KUTADANTA	227
6. KINH MAHÀLI	265
7. KINH KASSAPA	281
8. KINH POTTHAPADA	311
9. KINH SUBHA	353
10. KINH KEVADDHA	363
11. KINH LOHICCA	383
12. KINH TEVIJJA	401
13. KINH ĐẠI BỒN	431
14. KINH ĐẠI DUYÊN	511
15. KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN	539

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM**



**KINH TRƯỜNG BỘ
TẬP I**

Chịu trách nhiệm xuất bản
Nguyễn Thanh Xuân

Biên tập
Nguyễn Thị Hà

Ban thực hiện

Thượng tọa	:	Thích Thiện Minh
Đại đức	:	Thích Bửu Chánh
Đại đức	:	Thích Viên Trí
Đại đức	:	Thích Tâm Minh

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Số 4 - Lô 11 - Trần Duy Hưng - Hà Nội.

ĐT : 04. 5566701 - Fax : 04. 5566702

Số lượng in : 500 cuốn, khổ 14x20cm, tại xí nghiệp in
Nguyễn Minh Hoàng, số 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP HCM.
E-mail : xn-inngminhhoang@hcm.vnn.vn. ĐT : 8555812.
Số xuất bản 3-810/XB-QLXB ngày 30/05/2005. In xong và
nộp lưu chiếu quý III năm 2005.

